

GIÁO LÝ THÁNH MẪU

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II



**Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, bvl,
Chuyển dịch**

Nội Dung

Dẫn Nhập.....	5
1- Mẹ Maria là Mẫu Mực cho Sự Thánh Thiện của Giáo Hội....	9
2- Maria Trinh Mẫu thụ thai bởi Quyền Phép Thánh Linh.....	15
3- Mẹ Maria liên kết với Chúa Giêsu trên thập giá.....	21
4- Giáo Hội gia tăng việc hiểu biết về vai trò của Mẹ Maria...	27
5- Cảm Nghiệm Thánh Mẫu của Giáo Hội.....	33
6- Mẹ Maria là mô phạm cho việc kiên trì thâm lặng.....	40
7- Mẹ Maria Cho Thấy Thiên Chúa Tôn Trọng Nữ Giới.....	47
8- Mẹ Maria Chiếu Sáng về Vai Trò của Nữ Giới.....	53
9- Giáo Huấn của Công Đồng về Mẹ Maria.....	59
10- Vị Thế của Mẹ Maria Cao Nhất sau Chúa Kitô.....	66
11- Mối Liên Hệ của Mẹ Maria với Chúa Ba Ngôi.....	71
12- Cuộc Chiến Thắng Tội Lỗi Nhờ Một Người Nữ.....	77
13- Lời Tiên Tri của Isaia được nên trọn nơi việc nhập thể....	82
14- Thiên Chức Làm Mẹ là tặng ân đặc biệt của Chúa.....	88
15- Vai trò bất khả thiếu của nữ giới trong lịch sử cứu độ.....	95
16- Người đàn bà lý tưởng là một kho tàng quý báu.....	101
17- Thiên Chúa hằng trung thành với giao ước của Ngài.....	106
18- Mẹ Maria đáp ứng Thiên Chúa bằng tình yêu phu thê...	113
19- Đức Trinh Nữ Đầy Ôn Thiên Chúa.....	118
20- Mẹ Maria Hoài Thai Vô Nhiễm Tội.....	123
21- Mối thù giữa Maria và Satan chắc chắn phải xảy ra.....	129
22- Ân Sủng Chúa Kitô gìn giữ Mẹ khỏi Nguyên Tội.....	135
23- Ôn Hoài Thai Vô Nhiễm Tội được Đức Piô IX định tín...	140
24- Mẹ Maria không hề vấp phạm một tội lỗi nào.....	145
25- Mẹ Maria tự nguyện cộng tác vào dự án của Chúa.....	151
26- Việc thụ thai trinh nguyên là một sự kiện sinh lý.....	157
27- Đức Mẹ đã có ý định sống trinh nữ.....	164
28- Người Con của Thiên Chúa được hạ sinh bởi Mẹ	170
29- Việc Mẹ chọn lựa tác động đức đồng trinh dâng hiến.....	175

30- Mẹ Maria và Thánh Giuse sống tặng ân đồng trinh.....	181
31- Giáo Hội cho thấy Mẹ là một “Trinh Nữ Trọn Đời”	185
32- Mẹ Maria cố gắng hiển mẫu gương phục vụ cao quý.....	190
33- Mẹ Maria, Tân Evà, tự nguyện tuân phục Thiên Chúa...194	
34- Mẹ viếng thăm là đạo khúc cho sứ vụ của Chúa Giêsu...199	
35- Mẹ Maria chúc tụng Lòng Thương Xót Chúa.....	205
36- Giáng Sinh cho thấy Mẹ gần gũi với Chúa Giêsu.....	209
37- Giáo Hội tuyên bố Mẹ Maria là Mẹ Thiên Chúa.....	214
38- Đức Trinh Nữ là Mẫu Gương của Tình Yêu Trọn Hào.....	220
39- Đức Trinh Nữ hiến dâng Đấng Cứu Chuộc nhân trần	225
40- Vai trò của Mẹ trong sứ vụ cứu độ của Chúa Giêsu.....	230
41- Chúa Giêsu kêu gọi nữ giới dự phần sứ vụ của Người...234	
42- Mẹ Maria hợp tác bằng việc bản thân tuân phục.....	239
43- “Đời sống ẩn dật” của Mẹ là mẫu gương cho các bà mẹ. 245	
44- Chúa Giêsu làm phép lạ theo yêu cầu của Mẹ.....	250
45- Mẹ Maria tích cực trong sứ vụ của Con Mẹ.....	255
46- Vai trò của Mẹ khi Chúa công khai thừa tác vụ.....	260
47- Mẹ Maria liên kết bản thân với Hy Tế của Chúa Giêsu...264	
48- Về vai trò đồng công hợp tác của Mẹ Maria	270
49- Người nói với môn đệ rằng ‘Đó là người mẹ của con’	274
50- Việc tôn sùng Mẹ được căn cứ vào ý muốn Chúa Kitô...279	
51- Mẹ là chứng nhân về tất cả mẫu nhiệm vượt qua.....	284
52- Mẹ Maria cầu xin cho việc tuôn đổ Thần Linh.....	289
53- Mẹ Maria và cái chết của loài người.....	294
54- Giáo Hội tin Mẹ Maria Mộng Triệu.....	299
55- Mẹ là tạo vật đầu tiên hoan hưởng sự sống đời đời.....	304
56- Kitô hữu nhìn lên Nữ Vương Maria.....	309
57- Mối liên hệ giữa Mẹ Maria và Giáo Hội.....	314
58- Mẹ Maria là Kiểu Mẫu và là Mô Phạm của Giáo Hội.....	319
59- Mẹ Maria là Mô Phạm cho vai trò làm mẹ của Giáo Hội..323	
60- Mẹ là Mô Phạm cho thân phận trinh nữ của Giáo Hội...329	
61- Mẹ Maria là Mô Phạm đức tin, đức cậy và đức mến.....	333
62- Mẹ là mô phạm một Giáo Hội tôn thờ và nguyện cầu.....	338
63- Đức Trinh Nữ là Mẹ của Giáo Hội.....	343
64- Mẹ Maria là Mẹ của nhân loại	348

65- Mẹ Maria với Tước Hiệu Trung Gian.....	353
66- Mẹ Maria là Đấng luôn được biệt tôn.....	359
67- Tín hữu tỏ lòng sùng kính của con cái đối với Mẹ	365
68- Giáo Hội khuyến khích tín hữu tôn kính Mẹ Maria.....	370
69- Các kinh nguyện bày tỏ lòng tôn sùng Thánh Mẫu.....	375
70- Vấn đề tôn kính Thánh Mẫu nơi anh chị em ly khai.....	381

Phụ Trương

71- Mẹ Maria Là Mô Phạm của Chúng Ta và Là Vị Dẫn Dắt Chúng Ta trong Đức Tin	387
72- Vai trò làm mẹ của Đức Maria gắn liền với Thần Linh...392	
73- Mẹ Maria, Nữ Tử đầu ái của Chúa Cha.....	398
74- Mẹ Maria cộng tác vào dự án cứu độ của Thiên Chúa.....	403

39 bài đầu được chuyển dịch từ *L'Osservatore Romano Weekly Edition in English*, 35 bài còn lại từ mạng điện toán toàn cầu của Tòa Thánh http://www.vatican.va/holy_father/john_paul_ii/audiences/index.htm

Tuy 74 bài Giáo Lý Thánh Mẫu của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II không phải là một thứ giáo khoa Thánh Mẫu Học, thế nhưng, tất cả sự thật về Mẹ Maria và mầu nhiệm Thánh Mẫu được cất chứa ở nơi đây, bao gồm tất cả mọi liên hệ, về những gì Thiên Chúa đối với Mẹ và Mẹ đối với Chúa, Giáo Hội đối với Mẹ và Mẹ đối với Giáo Hội, cũng như Mẹ đối với chúng ta và chúng ta đối với Mẹ vậy. Chớ gì 74 bài Giáo Lý Thánh Mẫu này trở thành di sản về Thánh Mẫu của vị giáo hoàng «totus tuus» cho những tâm hồn thành thực sùng kính Mẹ Maria!

Dẫn Nhập

Đúng thế, để củng cố đức tin cho con cái của mình, nhất là vào trước Thời Điểm Hồng Ân Năm Thánh 2000, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã khai triển loạt bài giáo lý chủ đề rất sâu xa bao rộng. Ngài đã đi từ lãnh vực nhân loại học siêu nhiên, sang lãnh vực thần học đức tin, đến lãnh vực vũ trụ học siêu việt.

Về lãnh vực nhân loại học siêu nhiên, Đức Thánh Cha đã dùng 5 năm trời (1979-1984) để khai triển đề tài “tình yêu con người theo ý định của Thiên Chúa”. Đề tài này có thể được chia ra làm ba phần, phần nhất được bắt đầu bằng một loạt 23 bài giáo lý về sự hiệp nhất nguyên thủy giữa người nam và người nữ theo sách Khởi Nguyên, vào các ngày thứ tư hằng tuần trong khoảng thời gian từ ngày 5-9-1979 đến ngày 2-4-1980. Sau đó chuyển sang phần hai với 41 bài giáo lý về phúc cho ai có lòng trong sạch theo bài giảng trên núi và thư thánh Phaolô, thời khoảng từ ngày 16-4-1980 đến ngày 6-5-1981. Trước khi sang phần ba, loạt bài giáo lý bị gián đoạn vì sức khỏe của Đức Thánh Cha sau khi ngài bị ám

sát hụt từ ngày 13-5-1981, và đã được xen kẽ bằng 3 bài chia sẻ của ngài, thời khoảng từ ngày 14-10-1981 đến 28-10-1981, liên quan đến việc ngài bị ám sát và lòng thứ tha. Cuối cùng phần ba đã được bắt đầu với 50 bài về thần học hôn nhân và độc thân theo ý nghĩa phục sinh của thân xác, thời khoảng từ ngày 11-11-1981 đến ngày 4-7-1984. Loạt bài giáo lý về tài “tình yêu con người theo ý định của Thiên Chúa” cuối cùng được kết thúc bằng 12 bài, thời khoảng từ ngày 11-7 đến 21-11-1984, về việc ôn lại Thông điệp “Sự Sống Con Người” của Đức Thánh Phaolô VI.

Về lãnh vực thần học đức tin, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã diễn giải toàn bộ giáo lý theo Kinh Tin Kính, trong đó có phần về Thiên Chúa Ba Ngôi, về Giáo Hội và Đức Maria. Riêng phần về Thiên Chúa Ba Ngôi là đối tượng cho 3 năm cuối cùng của riêng thế kỷ 20 và của chung thiên niên thứ hai, Đức Thánh Cha đã hướng dẫn về Chúa Cha với 58 bài, vào các ngày thứ tư hằng tuần trong thời khoảng từ ngày 20-3-1985 đến ngày 20-8-1986, Chúa Con với 99 bài, thời khoảng từ ngày 27-8-1986 tới ngày 19-4-1989, và Chúa Thánh Thần với 80 bài, thời khoảng từ ngày 26-4-1989 đến ngày 3-7-1991. Tuy nhiên, trước khi đi thẳng vào chủ đề Chúa Ba Ngôi, Đức Thánh Cha đã dẫn nhập bộ Giáo Lý Kinh Tin Kính này bằng 8 bài, từ ngày 5-12-1984 đến 13-3-1985, về những chân lý đức tin và luân lý Kitô giáo trong toàn bộ giáo lý.

Về lãnh vực vũ trụ học siêu việt, theo Đức Thánh Cha, vấn đề thật ra đã nằm ngay ở phần kết của kinh Tin Kính, liên quan đến việc phục sinh của thân xác cũng như đến sự sống đời đời. Căn cứ vào đó, cũng có thể nói phần về nhân loại học siêu nhiên đã được nằm ngay ở đầu kinh Tin Kính, liên quan đến việc Thiên Chúa tạo dựng, trong đó có con người, một con người cần phải được tân tạo trong Giáo Hội mà mô phạm tuyệt hảo là Mẹ Maria. Bởi thế, sau loạt bài Giáo Lý về Thiên Chúa Ba Ngôi, Đức Thánh Cha đã bắt đầu bằng loạt bài Giáo Lý về Giáo Hội và về Mẹ Maria. Về Giáo Hội, có 137 bài giáo lý vào các ngày thứ tư hằng tuần kéo dài trong thời khoảng từ ngày 10-7-1991 đến ngày 30-8-1995, và về Mẹ Maria, có 70 bài giáo lý kéo dài trong thời khoảng từ ngày 6-9-1995 tới ngày 12-11-1997. Vừa chấm dứt loạt bài về Mẹ Maria, Đức Thánh Cha đã khéo rẽ ngang sang loạt bài Giáo Lý Hướng Về Năm Thánh 2000, bắt đầu từ thứ tư 19-11-1997.

Sau loạt 70 bài Giáo Lý Thánh Mẫu này, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, trong giai đoạn 3 năm sửa soạn gần (1997-2000), sau giai đoạn 3 năm sửa soạn xa (1994-1997) để long trọng Mừng Đại Năm Thánh 2000, bắt đầu loạt 79 bài về từng ngôi trong Ba Ngôi Thiên Chúa: Năm 1997 dành biệt kính Ngôi Hai là Chúa Giêsu Kitô, ngài hướng dẫn 15 bài về ngôi vị thần linh này, từ ngày 19/11/1997 đến ngày 6/5/1998; Năm 1998 dành biệt kính Ngôi Ba là Thánh Linh,

ngài hướng dẫn 28 bài (16-43) về ngôi vị thần linh này, từ ngày 13/5/1998 đến ngày 9/12/1998; Năm 1999 dành biệt kính Ngôi Cha Thiên Chúa, ngài hướng dẫn 36 bài (44-79) về ngôi vị thần linh này, từ ngày 16/12/1998 đến ngày 5/1/2000. Tuy nhiên, bài kết thúc cho từng ngôi vị thần linh nào, ngài cũng nói về Mẹ Maria liên quan đến ngôi vị ấy. Đó là lý do chúng ta có thêm 3 bài giáo lý về Mẹ Maria trong Mầu Nhiệm Ba Ngôi Thiên Chúa nữa, đó là các bài 15 về Chúa Kitô, bài 43 về Thánh Linh và bài 79 về Chúa Cha.

Chưa hết, khi bắt đầu tiến vào chính Đại Năm Thánh 2000, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II còn một loạt 33 bài về cả Ba Ngôi Thiên Chúa nữa, thế mà ngài lại mở đầu cho loạt bài về 3 Ngôi bằng 2 bài về Mẹ Maria, một vào ngày 5/1 và một vào ngày 12/1/2000. Bài về Mẹ Maria ngày 5/1 là bài vừa kết thúc cho loạt bài giáo lý về Ngôi Cha trong năm 1999 vừa mở màn cho Đại Năm Thánh 2000. Vì tính cách quan trọng của cả 4 bài giáo lý Thánh Mầu liên quan đến từng ngôi vị Thần linh cũng như đến chung ba Ngôi Thiên Chúa như thế, 4 bài này không thể thiếu không cho vào chung với loạt 70 bài Giáo Lý Thánh Mầu, như là phần phụ trợ quan trọng bất khả thiếu để trở thành toàn bộ **74 bài Giáo Lý Thánh Mầu** của vị Giáo Hoàng "totus tuus"!

Daminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL.

Mẹ Maria là Mẫu Mục cho Sự Thánh Thiện của Giáo Hội

Bài 1 – 6/9/1995

1. Sau khi dừng lại ở các buổi giáo lý trước để suy tư sâu xa hơn về căn tính và sứ vụ của Giáo Hội, giờ đây tôi muốn hướng mắt về Đức Trinh Nữ, Mẹ là hiện thực hóa trọn hảo sự thánh thiện của Giáo Hội và là mô phạm của Giáo Hội.

Đó chính là những gì các vị Nghị Phụ của Công Đồng Chung Vaticanô II đã thực hiện, ở chỗ, sau khi giải thích tín lý về thực tại của Dân Chúa trong lịch sử cứu độ, các vị muốn hoàn trọn nó bằng cách trình bày về vai trò của Mẹ Maria nơi công việc cứu độ. Thật vậy, mục đích của chương tám trong Hiến Chế *Ánh Sáng Muôn Dân* của Công Đồng là để nhấn mạnh đến ý nghĩa về giáo hội học nơi tín lý Thánh Mẫu, thế nhưng đồng thời cũng làm sáng tỏ về việc đóng góp được hình ảnh Đức Trinh Nữ này cống hiến giúp cho chúng ta hiểu biết về mầu nhiệm của Giáo Hội.

2. Trước khi giải thích cuộc hành trình Thánh Mẫu này của Công Đồng, tôi muốn có một cái nhìn ý thức về Mẹ Maria như Mẹ được diễn tả trong Sách Tông Vụ, ở vào lúc ban đầu của Giáo Hội. Ngay đầu của cuốn sách Tân Ước này, cuốn sách diễn tả về đời sống của cộng đồng Kitô hữu tiên khởi, và sau khi ghi tên của các Tông Đồ từng vị một (1:13), Thánh Luca nói: “Tất cả các vị đều đồng tâm nhất trí sốt sắng cầu nguyện, cùng với các người phụ nữ và Mẹ Maria, mẹ Chúa Giêsu, và anh em của Người” (1:14).

Con người của Mẹ Maria nổi bật một cách rõ ràng trong bức tranh này; mẹ là con người duy nhất, với các vị Tông Đồ được kể tên. Mẹ tiêu biểu cho một dung mạo của Giáo Hội, khác với và bổ túc cho chiều kích thừa tác hay phẩm trật.

3. Thật vậy, câu của Thánh Luca đề cập tới sự hiện diện của một số phụ nữ, nên cho thấy tầm quan trọng của việc góp phần của nữ giới vào đời sống của Giáo Hội ngay từ ban đầu. Sự hiện diện này gắn liền một cách chặt chẽ với sự kiên trì của cộng đồng này trong việc cầu nguyện và sống hòa hợp với nhau. Những tính chất này hoàn toàn bày tỏ hai khía cạnh của việc nữ giới đóng góp đặc biệt cho đời sống của Giáo Hội. Thích hợp hơn với hoạt động bề ngoài, nam nhân cần đến sự trợ giúp của phụ nữ để

được mang trở lại với những mối liên hệ riêng tư hầu tiến tới mối hiệp nhất của tâm can.

Vai trò của Mẹ Maria có một tầm vóc quan trọng đáng kể

“Diễm phúc hơn các người nữ” (Lk 1:42), Mẹ Maria hoàn trọn một cách xuất sắc sứ vụ nữ giới này. Còn ai hơn Mẹ Maria trong việc có thể khuyến khích tất cả mọi tín hữu kiên trì cầu nguyện đây? Còn ai hơn Mẹ Maria trong việc cố võ sống hòa hợp và yêu thương đây?

Khi nhìn nhận vai trò mục vụ được Chúa Giêsu trao phó cho 11 Vị, những người phụ nữ ở trên Căn Thượng Lầu này, có Mẹ Maria ở giữa họ, đã liên kết với việc nguyện cầu của các vị và đồng thời đã chứng thực cho sự hiện diện của một Giáo Hội của con người, thành phần, cho dù không lãnh nhận sứ vụ ấy, cũng là những phần tử hoàn toàn có đủ lông cánh của một cộng đồng qui tụ lại trong niềm tin tưởng vào Chúa Kitô.

4. Sự hiện diện của Mẹ Maria trong cộng đồng này, một cộng đồng đang đợi chờ trong cầu nguyện trước việc tuôn đổ Thần Linh xuống (cf. Acts 1:14), nhắc nhở về thân phận của Mẹ trong việc Nhập Thể của Con Thiên Chúa bởi hoạt động của Thánh Linh (cf Lk 1:35). Vai trò của vị Trinh Nữ này ở vào giai

đoạn ban đầu ấy và vai trò Mẹ đóng lúc bấy giờ, trong việc tỏ hiện của Giáo Hội vào Lễ Ngũ Tuần, liên kết chặt chẽ với nhau.

Sự hiện diện ở vào những giây phút đầu tiên của đời sống Giáo Hội được đề cao một cách đặc biệt bằng việc so sánh với sự tham dự rất kín đáo của Mẹ trước đó trong thừa tác vụ công khai của Chúa Giêsu. Khi Người Con bắt đầu sứ vụ của mình thì Mẹ Maria ở lại Nazarét, mặc dù việc phân ly này không loại trừ những giao tiếp quan trọng như cuộc giao tiếp ở Cana. Nhất là không ngăn cản Mẹ khởi tham phần vào hy tế Canvê.

Tuy nhiên, nơi cộng đồng tiên khởi này, vai trò của Mẹ Maria có một tầm vóc quan trọng đáng kể. Sau cuộc Thăng Thiên và nơi niềm trông đợi Hiện Xuống, Người Mẹ của Chúa Giêsu đã đích thân hiện diện ở những giai đoạn đầu của một công cuộc được Con Mẹ khởi sự.

5. Sách Tông Vụ nhấn mạnh rằng Mẹ Maria ở trên Căn Thượng Lầu “với anh em của Chúa Giêsu” (Acts 1:14), tức là với họ hàng của Người, như luôn được Giáo Hội dẫn giải. Không phải là một qui tụ gia đình, ở chỗ dưới sự hướng dẫn của Mẹ Maria, gia đình tự nhiên của Chúa Giêsu này đã trở thành một phần trong gia đình thiêng liêng của Chúa Kitô: “Ai thực hiện ý muốn của Thiên Chúa”, Chúa Giêsu

phán, “là anh chị em của Tôi và là mẹ của Tôi” (Mk 3:35).

Cũng trong trường hợp này, Thánh Luca minh nhiên diễn tả Mẹ Maria là “mẹ của Chúa Giêsu” (Acts 1:14), hầu như là ngài muốn nói lên rằng một điều gì đó về sự hiện diện của Người Con đã thắng thiên về trời vẫn còn ở nơi sự hiện diện của người mẹ này. Mẹ đã nhắc nhở các môn đệ về dung nhan của Chúa Giêsu, và là biểu hiệu, qua sự hiện diện của Mẹ trong cộng đồng này, về lòng trung thành của Giáo Hội đối với Đức Kitô là Chúa.

Tước hiệu “Mẹ”, trong bối cảnh này, loan báo một thái độ gần gũi quan tâm của Đức Mẹ tỏ ra nơi đời sống của Giáo Hội. Mẹ Maria mở lòng mình ra đối với Giáo Hội để tỏ cho thấy những kỳ công được thực hiện nơi Mẹ bởi vị Thiên Chúa toàn năng và nhân hậu.

Mẹ Maria là thầy dạy cầu nguyện đối với Kitô hữu

Ngay từ ban đầu, Mẹ Maria đã thi hành vai trò của mình như là “Mẹ của Giáo Hội”: hành động của Mẹ đã gia tăng sự thông cảm giữa các vị Tông Đồ, thành phần được Thánh Luca diễn tả như “đồng tâm nhất trí”, không hề xảy ra tranh luận lắm khi đã xảy ra giữa các vị.

Sau hết, Mẹ Maria đã thể hiện vai trò làm mẹ của mình đối với cộng đồng tín hữu này không những bằng việc cầu nguyện để xin cho Giáo Hội được những tặng ân của Thánh Linh cần thiết cho việc hình thành của Giáo Hội cũng như cho tương lai của Giáo Hội, mà còn bằng việc dạy dỗ các môn đệ của Chúa về mối hiệp thông liên li với Thiên Chúa nữa.

Như thế Mẹ đã trở thành thầy dạy cầu nguyện của dân Kitô giáo, thầy dạy việc gặp gỡ với Thiên Chúa, một yếu tố chính yếu và bất khả thiếu, nhờ đó hoạt động của các vị Chủ Chiên và tín hữu bao giờ cũng mới được bắt đầu nơi Chúa và nội tại được tác động trong Chúa.

6. Từ những nhận định vắn gọn này, có thể rõ ràng thấy được mối liên hệ giữa Mẹ Maria và Giáo Hội là một so sánh hấp dẫn ra sao giữa hai người mẹ. Nó cho thấy sứ vụ từ mẫu của Mẹ Maria và việc dẫn thân của Giáo Hội hằng tìm kiếm căn tính đích thực của mình trong việc chiêm ngưỡng dung nhan của Người Mẹ Thiên Chúa – *Theotókos*.

Maria là Vị Trinh Mẫu thụ thai bởi Quyền Phép Thánh Linh

Bài 2 – 13/9/1995

1. Trong Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân Công Đồng nói rằng “hợp với Chúa Kitô là đầu và hiệp thông với tất cả các thánh nhân của Người, tín hữu trước hết cần phải tỏ ra trân trọng tưởng nhớ ‘đến Mẹ Maria Trinh Nguyên vinh hiển, Người Mẹ của Thiên Chúa chúng ta và Chúa Giêsu Kitô’ (khoản 52). Hiến Chế của Công Đồng đây sử dụng những từ ngữ này theo Sách Lễ Rôma, như thế là muốn nhấn mạnh đến niềm tin tưởng vào vai trò làm Mẹ Thiên Chúa của Mẹ Maria đã hiện hữu nơi tư tưởng của Kitô hữu từ các thế kỷ đầu tiên ra sao.

Trong Giáo Hội sơ sinh, Mẹ Maria được tưởng nhớ đến với danh hiệu “Mẹ của Chúa Giêsu”. Chính Thánh Luca đã gọi Mẹ bằng danh hiệu này trong Sách Tông Vụ, một danh hiệu tương xứng còn hơn cả những gì được nói trong các Phúc Âm: “Người này không phải là con của Maria hay sao?”, thành phần dân cư ở Nazarét tỏ ra ngỡ ngàng theo trình

thuật của Thánh Ký Marcô (6:3); “Maria không phải là mẹ của anh ta hay sao?” là câu hỏi được Thánh Mathêu ghi nhận (13:55).

Vai trò làm mẹ của Mẹ Maria cũng liên quan tới Giáo Hội

2. Trước con mắt của các môn đệ, khi các vị tụ họp lại sau biến cố Thăng Thiên, thì danh xưng “Mẹ của Chúa Giêsu” có một ý nghĩa trọn vẹn. Đối với các vị, Mẹ Maria là một con người độc nhất vô nhị theo thân phận của Mẹ: Mẹ đã nhận được ơn đặc biệt trong việc hạ sinh Đấng Cứu Thế của nhân loại; Mẹ đã sống một thời gian dài bên Người; và trên Canvê Mẹ đã được Đấng Tử Giá kêu gọi để thực thi một “vai trò làm mẹ mới” liên quan tới người môn đệ yêu dấu, và qua người môn đệ này, tới toàn thể Giáo Hội.

Vì những con người này tin vào Chúa Giêsu và theo Người mà “Mẹ Chúa Giêsu” là một danh hiệu của niềm vinh dự và lòng trọng kính, và sẽ vĩnh viễn là thế nơi niềm tin tưởng và đời sống của Giáo Hội. Với danh xưng này, Kitô hữu đặc biệt có ý nói rằng người ta không thể nào nói đến nguồn gốc của Chúa Giêsu mà lại không nhìn nhận vai trò của người nữ đã hạ sinh Người bởi Thần Linh về bản tính nhân loại của Người. Vai trò từ mẫu của Mẹ cũng bao gồm việc hạ sinh và tăng trưởng của Giáo Hội. Khi

nhắc lại vị thế của Mẹ Maria nơi đời sống của Chúa Giêsu, tín hữu mỗi ngày khám phá ra sự hiện diện hiệu năng của Mẹ trong cuộc hành trình thiêng liêng của họ.

3. Từ ban đầu, Giáo Hội đã nhìn nhận vai trò làm mẹ đồng trinh của Mẹ Maria. Như các Phúc Âm về thời thơ ấu giúp chúng ta có thể nắm bắt được là chính những liên tục của Kitô giáo tiên khởi đã thu góp những hồi tưởng của Mẹ Maria lại với nhau về những hoàn cảnh mầu nhiệm nơi việc thụ thai và hạ sinh của Chúa Cứu Thế. Đặc biệt là trình thuật Truyền Tin là những gì đáp ứng lòng ước muốn của các môn đệ trong việc có được kiến thức sâu xa nhất về các biến cố liên quan tới những thuở ban đầu nơi đời sống trần gian của Chúa Kitô. Thực sự Mẹ Maria ở đầu nguồn gốc cho mạc khải về mầu nhiệm của việc thụ thai trinh nguyên do tác động của Thánh Linh.

Sự thật này, sự thật tỏ cho thấy nguồn gốc thần linh của Chúa Giêsu, đã được thấu hiểu tức khắc bởi các Kitô hữu tiên khởi vì ý nghĩa quan trọng của nó và được bao gồm trong những xác quyết chính yếu của đức tin họ. Là con của Thánh Giuse theo luật, Chúa Giêsu thực sự, do việc can thiệp phi thường của Thánh Linh, là người con duy nhất của Mẹ Maria về nhân tính của Người, vì Người được hạ sinh không dính dáng gì tới nam nhân.

Đức đồng trinh của Mẹ Maria bởi thế có được một giá trị độc nhất vô nhị và làm sáng tỏ về mầu nhiệm hạ sinh của Chúa Giêsu cũng như về mầu nhiệm làm con của Người, vì việc sinh hạ trinh nguyên này là dấu cho thấy Chúa Giêsu có chính Thiên Chúa là Cha của Người.

Được nhìn nhận và được công bố bởi đức tin của các vị Giáo Phụ, vai trò làm mẹ trinh nguyên không bao giờ được tách khỏi căn tính của Chúa Giêsu, Thiên Chúa thật và là người thật, vì “được hạ sinh bởi Trinh Nữ Maria”, như chúng ta tuyên xưng trong Kinh Tin Kính Nicene-Constantinopolitan. Mẹ Maria là Trinh Nữ duy nhất cũng đóng vai trò của một Người Mẹ. Việc đồng hiện hữu phi thường này của hai tặng ân này nơi con người của người tỳ nữ thành Nazarét đã khiến Kitô gọi Mẹ Maria một cách giản dị là “Trinh Nữ”, thậm chí khi họ mừng vai trò làm mẹ của Mẹ.

Đức đồng trinh của Mẹ Maria bởi thế đã khơi động nơi cộng đồng Kitô hữu việc truyền bá cuộc sống đồng trinh bao gồm tất cả những ai được Chúa kêu gọi sống như thế. On gọi đặc biệt này, một on gọi đạt tới tột đỉnh của nó nơi gương của Chúa Kitô, là tiêu biểu cho sự phong phú khôn lường về thiêng liêng đối với Giáo Hội ở hết mọi thời đại, một Giáo Hội tìm thấy nơi Mẹ Maria nguồn hứng khởi và mô phạm của mình.

“Mẹ Thiên Chúa” là sự bày tỏ của lòng đạo đức phổ thông

4. Việc khẳng định “Chúa Giêsu được hạ sinh bởi Trinh Nữ Maria” đã bao gồm trong biến cố này một mâu nhiệm siêu việt, một mâu nhiệm có thể được bày tỏ trọn vẹn nhất chỉ ở nơi sự thật về vai trò làm con thần linh của Chúa Giêsu. Sự thật về vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ Maria chặt chẽ liên hệ tới lời phát biểu chính yếu này của đức tin Kitô giáo: Mẹ thực sự là Mẹ của Lời Nhập Thể, Đấng là “Thiên Chúa bởi Thiên Chúa... Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật”.

Tước hiệu “Mẹ Thiên Chúa”, một tước hiệu đã được Thánh Mathêu chứng thực bằng một diễn tả tương đương là “Mẹ của Emmanuel”, Thiên Chúa ở cùng chúng ta (cf. Mt 1:23), được hiển nhiên qui cho Mẹ Maria chỉ sau một cuộc suy nghĩ trải qua khoảng 2 thế kỷ. Chính vào thế kỷ thứ ba những Kitô hữu ở Ai Cập mới bắt đầu kêu cầu Mẹ Maria như là “Theotókos”, Mẹ Thiên Chúa.

Với tước hiệu này, một tước hiệu đã có được một tiếng vang rộng lớn nơi lòng tôn sùng của dân Kitô giáo, Mẹ Maria được thấy đúng với chiều kích làm mẹ của Mẹ: Mẹ là Mẹ của Con Thiên Chúa, Đấng Mẹ đã trinh khiết hạ sinh về nhân tính của Người và đã nuôi dưỡng Người bằng tình mẫu tử, bởi thế góp

phần vào việc tăng trưởng về nhân bản của ngôi vị thần linh, Đấng đến để biến đổi định mệnh của nhân loại.

5. Một cách hết sức ý nghĩa, kinh cổ kính nhất nguyện cầu cùng Mẹ Maria (“Sub tuum praesidium...”, “Chúng con chạy đến với sự chở che của Mẹ...”) chất chứa lời kêu xin: “Theotókos, Mẹ Thiên Chúa”. Danh xưng này không được bắt nguồn từ việc suy tư của các thần học gia, nhưng từ một trực giác của đức tin nơi dân Kitô giáo. Những ai nhìn nhận Chúa Giêsu là Thiên Chúa thì ngó cùng Mẹ Maria như là Mẹ Thiên Chúa và hy vọng xin Mẹ uy quyền trợ giúp trong những cơn thử thách của cuộc đời.

Công Đồng Chung Êphêsô vào năm 431 đã đã định tín vai trò làm mẹ thần linh này, chính thức qui cho Mẹ Maria tước hiệu “Theotókos” liên quan tới một ngôi vị duy nhất của Chúa Kitô là Thiên Chúa thật và là người thật.

Có 3 câu diễn tả được Giáo Hội sử dụng qua các thế kỷ để bày tỏ niềm tin của mình nơi vai trò làm mẹ của Mẹ Maria: “Người Mẹ của Chúa Giêsu”, “Người Mẹ Đồng Trinh” và “Người Mẹ của Thiên Chúa”, như thế, chúng tỏ cho thấy rằng vai trò làm mẹ của Mẹ Maria liên hệ thân mật với mầu nhiệm Nhập Thể. Ba tước hiệu này là những khẳng định của tín

lý, cũng liên quan tới lòng đạo đức phổ thông là những gì giúp xác định chính căn tính của Chúa Kitô.

Mẹ Maria liên kết với Chúa Giêsu trên Thập Giá

Bài 3 – 25/10/1995

1. Khi nói rằng “Trinh Nữ Maria... được nhận biết và tôn kính như là Người Mẹ thực sự của Thiên Chúa và của Đấng Cứu Chuộc” (Lumen Gentium, 53), Công Đồng tỏ ra chú ý tới mối liên kết giữa vai trò làm mẹ của Mẹ Maria và việc Cứu Chuộc.

Sau khi nhận thức được vai trò làm từ mẫu của Mẹ Maria, vị được tôn kính nơi giáo huấn và việc tôn thờ của các thế kỷ đầu như là Người Mẹ đồng trình của Chúa Giêsu Kitô, và vì thế như là Người Mẹ của Thiên Chúa, vào Thời Trung Cổ, lòng đạo đức của Giáo Hội và việc suy tư thần học nêu lên vấn đề Mẹ cộng tác vào công việc của Chúa Cứu Thế.

Việc trì hoãn này được thấy nơi sự kiện là các nỗ lực của những vị Giáo Phụ Hội Thánh cũng như của các Công Đồng Chung ban đầu, đã tập trung vào căn tính của Chúa Kitô là những gì cần gạt qua một bên những khía cạnh khác của tín điều. Sự thật được mạc khải chỉ được tỏ lộ dần dần tất cả mọi phong phú của nó. Qua các thế kỷ, khoa Thánh Mẫu Học bao giờ cũng bắt nguồn từ khoa Kitô Học. Vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ Maria tự nó được Công Đồng Chung Êphêsô đã cố gắng chính yếu là để khẳng định duy nhất tính nơi ngôi vị của Chúa Kitô. Cũng thế, đã có một kiến thức sâu xa hơn về sự hiện diện của Mẹ Maria trong lịch sử cứu độ.

2. Vào cuối thế kỷ thứ hai, Thánh Irenaeus, người môn đệ của Thánh Polycarp, đã cho thấy việc góp phần của Mẹ Maria vào công cuộc cứu độ. Ngài đã hiểu được giá trị của việc Mẹ Maria ưng thuận trong lúc Truyền Tin, khi nhìn nhận một kết quả phúc lợi trên định mệnh của nhân loại ở nơi đức tuân phục và niềm tin tưởng của vị Trinh Nữ Nazarét này đối với sứ điệp của thiên thần là những gì hoàn toàn tương phản với cái bất tuân và hoài nghi của Evà. Thật vậy, như Evà đã gây ra sự chết thế nào thì Mẹ Maria, bằng tiếng “xin vâng” của mình, đã trở nên “một căn nguyên cứu độ” cho chính bản thân Mẹ cũng như cho toàn thể nhân loại (cf. *Adv. Haer.*, III, 22, 4; SC 211, 441). Thế nhưng, điều khẳng định này đã không được các vị Giáo Phụ

khác trong Hội Thánh khai triển một cách nhất trí và hệ thống.

Mẹ Maria trở nên Người Mẹ thiêng liêng của toàn thể nhân loại

Thay vào đó, tín lý này đã được trình bày một cách hệ thống hóa lần đầu tiên vào cuối thế kỷ thứ 10 trong cuốn *Đời Sống của Mẹ Maria* của một đan sĩ Byzantine là John the Geometer. Ở tập sách này Mẹ Maria liên kết với Chúa Kitô trong toàn thể công cuộc Cứu Chuộc, thông phần vào, theo dự án của Thiên Chúa, Thập Giá và khổ đau vì phần rỗi của chúng ta. Mẹ vẫn hiệp nhất với Con Mẹ “ở hết mọi việc làm, thái độ và ước muốn” (cf. *Life of Mary*, Bol. 196, f. 122 v.). Việc liên kết của Mẹ Maria với công cuộc cứu độ của Chúa Giêsu phát xuất từ tình yêu Mẫu Thân của Mẹ, một tình yêu được tác động bởi ân sủng, thứ ân sủng ban cho nó một quyền năng cao cả hơn: tình yêu thoát khỏi đam mê chứng tỏ mình là lòng cảm thương hết sức (cf. *ibid.*, Bol. 196, f. 123 v.).

3. Ở Tây phương, Thánh Bênadô, vị qua đời vào năm 1153, đã hướng về Mẹ Maria và nhận định về việc hiến dâng Chúa Giêsu trong đền thờ như thế này: “Hỡi Trinh Nữ bất khả xâm phạm, hãy hiến dâng Con Mẹ, và dâng hoa trái của lòng Mẹ cho Chúa. Vì việc chúng con giao hòa với tất cả mọi

người, xin Mẹ hãy hiến dâng tế vật thiên đình hài lòng Thiên Chúa” (*Serm. 3 in Purif.*, 2: PL 183, 370).

Một người môn đệ và là bạn của Thánh Bênadô là Arnold ở Chartres, đã đặc biệt làm sáng tỏ về việc Mẹ Maria hiến dâng nơi hy tế Canvê. Ông phân biệt nơi Thập Giá “hai bàn thờ: một ở nơi tấm lòng của Mẹ Maria, và một nơi thân xác của Chúa Kitô. Chúa Kitô đã hy sinh xác thịt của mình, Mẹ Maria đã hy sinh linh hồn của Mẹ”. Mẹ Maria đã hy sinh bản thân mình một cách linh thiêng trong mối hiệp thông sâu xa với Chúa Kitô, và van nài phần rỗi cho thế giới: “Những gì người mẹ yêu cầu thì Người Con chấp nhận và Người Cha ban phát” (cf. *De septem verbis Domini in cruce*, 3: PL 189, 1694).

4. Đồng thời, nơi việc tôn thờ và lòng đạo hạnh của Kitô giáo, việc suy niệm chiêm ngắm về ‘lòng thương xót’ của Mẹ Maria đã khai triển, đạt đến tuyệt đỉnh sâu sắc nơi các hình ảnh Mẹ Sầu Bi. Việc Mẹ Maria thông dự vào thảm kịch Thập Giá làm cho biến cố này có tính chất nhân bản sâu xa hơn và giúp cho tín hữu tiến vào mầu nhiệm này, đó là lòng cảm thương của Mẹ Maria tỏ hiện rõ ràng hơn Cuộc Khổ Nạn của Người Con.

Nhờ tham phần vào việc cứu chuộc của Chúa Kitô mà vai trò làm mẹ thiêng liêng và phổ quát của Mẹ Maria cũng được nhìn nhận. Ở Đông phương, John the Geometer đã nói cùng Mẹ Maria rằng: “Mẹ là

Mẹ của chúng con”. Khi dâng lời tạ ơn Mẹ Maria “về những sầu thương và khổ đau Mẹ đã chịu vì chúng ta, ông đã cho thấy cảm tình từ mẫu và mối quan tâm mẫu thân của Mẹ đối với tất cả những ai được cứu độ” (cf. *Farewell Discourse on the Dormition of Our Most Glorious Lady, Mother of God*, in A. Wenger, *L’Assomption de la Très Sainte Vierge dans la tradition byzantine*, p. 407).

Ở cả Tây phương nữa, tín lý về vai trò làm mẹ thiêng liêng này đã được Thánh Anselm khai triển, vị chủ trương rằng “Mẹ là người mẹ... của việc hòa giải và thành phần được giải hòa, mẹ của việc cứu độ và của thành phần được cứu độ” (cf. *Oratio 52*, 8: *PL 158*, 957 A).

Mẹ Maria không ngừng được tôn kính như là Mẹ của Thiên Chúa, thế nhưng sự kiện Mẹ là Mẹ của chúng ta là những gì cố gắng hiển cho vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ một khía cạnh mới mở ra trong chúng ta con đường tiến đến chỗ hiệp thông sâu xa hơn nữa với Mẹ.

5. Vai trò làm mẹ của Mẹ Maria đối với chúng ta chẳng những bao gồm một mối liên kết về tình cảm: vì các công nghiệp của Mẹ cùng với việc chuyển cầu của Mẹ được Mẹ góp phần một cách hiệu nghiệm vào việc hạ sinh thiêng liêng của chúng ta cũng như vào việc tiến triển đời sống ân sủng trong chúng ta.

Đó là lý do tại sao Mẹ Maria được gọi là “Mẹ ân sủng” Và “Mẹ sự sống”.

Mẹ của Sự Sống mà từ đó mọi người được sự sống

Tước hiệu “Mẹ của sự sống”, một tước hiệu được Thánh Gregory ở Nyssa sử dụng, được giải thích như sau bởi Chân Phước Guerric ở Igny, vị qua đời vào năm 1157: “Mẹ là Mẹ của Sự Sống mà từ đó tất cả mọi người có được sự sống: trong việc tự mình hạ sinh sự sống này, một cách nào đó Mẹ tái sinh tất cả những ai đã sống sự sống ấy. Chỉ có một vị được hạ sinh, còn tất cả chúng ta đều được tái sinh” (*In Assumpt. I, 2: PL 185, 188*).

Một bản văn hồi thế kỷ 13 là *Mariale* đã sử dụng một hình ảnh sống động để ghép cho việc tái sinh này “cảnh quần quại sinh con” ở Canvê, nhờ đó “Mẹ đã trở nên người mẹ thiêng liêng của toàn thể nhân loại”. Thật vậy, “noi cung lòng tinh sạch của mình, bằng lòng xót thương Mẹ đã thụ thai con cái của Giáo Hội” (Q. 29, par.3).

6. Công Đồng Chung Vaticanô II, sau khi nói rằng Mẹ Maria “một cách hoàn toàn chuyên biệt đồng tác vào công cuộc của Chúa Cứu Thế”, đã kết luận rằng: “vì lý do ấy, Mẹ là một người mẹ đối với chúng ta trong lãnh vực ân sủng” (*Lumen Gentium* ,

61), như thế khẳng định việc Giáo Hội nhận thức rằng Mẹ Maria ở bên Con Mẹ như là Người Mẹ thiêng liêng của toàn thể nhân loại.

Mẹ Maria là Mẹ của chúng ta: sự thật an ủi này, được cống hiến cho chúng ta một cách rõ ràng và sâu xa hơn bởi tình yêu và niềm tin của Giáo Hội, đã bảo trì và đang nâng đỡ đời sống thiêng liêng của tất cả chúng ta, và phấn khích chúng ta, ngay cả trong khi đau khổ, hãy tin tưởng và hy vọng.

Giáo Hội Gia Tăng Việc Hiểu Biết về Vai Trò của Mẹ Maria

Bài 4 – 8/11/1995

1. Trong các bài giáo lý trước chúng ta đã thấy làm sao tín lý về vai trò làm mẹ của Đức Maria đã trải qua từ công thức đầu tiên của nó là “Mẹ Chúa Giêsu” sang công thức hoàn toàn và phức tạp hơn là “Mẹ Thiên Chúa”, thậm chí đến chỗ khẳng định về việc tham gia mẫu thân của Mẹ vào việc cứu chuộc nhân loại.

Những khía cạnh khác về tín lý Thánh Mẫu nữa, cần nhiều thế kỷ mới đạt tới việc tuyên tín minh nhiên về những sự thật mạc khải liên quan tới Mẹ Maria. Những thí dụ điển hình về cuộc hành trình đức tin này hướng tới việc khám phá sâu xa hơn vai trò của Mẹ Maria trong lịch sử cứu độ là tín điều Vô Nhiễm và Mông Triệu, được công bố, như chúng ta biết bởi hai vị tiền nhiệm khả kính của tôi, thứ tự là Đầy Tớ Chúa Piô IX vào năm 1854, và Người Tôi Tớ Chúa Piô XII trong Năm Thánh 1950.

Khoa Thánh Mẫu Học là một lãnh vực đặc biệt của việc nghiên cứu thần học, trong đó, lòng yêu mến của dân Kitô giáo đối với Mẹ Maria đã trực giác thấy, thường bằng cách ngưỡng vọng, một số khía cạnh về mầu nhiệm của Đức Trinh Nữ này, kêu gọi các thần học gia và các vị mục tử chú ý tới chúng.

Vai trò của Mẹ của Chúa Giêsu trong lịch sử cứu độ

2. Chúng ta cần phải nhìn nhận rằng, thoạt nhìn thì các Phúc Âm cố gắng hiển ít chi tiết về con người và cuộc đời của Mẹ Maria. Chắc chắn chúng ta đều muốn có đầy đủ chi tiết hơn về Mẹ, những chi tiết giúp chúng ta có thể biết về Người Mẹ của Thiên Chúa này hơn nữa.

Điều mong đợi này vẫn không được thỏa đáng, thậm chí nơi cả các bản văn khác của Tân Ước, những bản văn thiếu vắng việc khai triển tín lý về Mẹ Maria. Thậm chí các bức thư của Thánh Phaolô, những bức thư cố gắng hiến cho chúng ta một suy tư phong phú về Chúa Kitô và công việc của ngài, hạn chế trong việc nói năng phát biểu vào một câu rất quan trọng, đó là câu Thiên Chúa sai Con Mình “hạ sinh bởi người nữ” (Gal 4:4).

Gia đình của Mẹ Maria được nói tới rất ít. Nếu chúng ta trừ đi những trình thuật về thời thơ ấu, thì ở bộ Phúc Âm Nhất Lãm, chúng ta chỉ thấy có hai câu cho thấy về Mẹ Maria: một câu liên quan tới nỗ lực của “anh em Người” hay họ hàng của Người muốn đưa Người về lại Nazarét (cf. Mk 3:2 1; Mt 12:48); và câu kia, khi đáp lại lời hô lên của một phụ nữ về điểm phúc của Mẹ Chúa Giêsu (Lk 11:27).

Tuy nhiên, Thánh Luca, nơi Phúc Âm về thời thơ ấu, ở đoạn Truyền Tin, Thăm Viếng và hạ sinh Chúa Giêsu, hiến dâng Con Trẻ trong đền thờ và tìm được Người giữa các bậc thầy vào năm 12 tuổi, chẳng những cung cấp cho chúng ta một số dữ kiện quan trọng, mà còn trình bày một “Khoa Thánh Mẫu Học tiên khởi” rất hay. Tín liệu của ngài được Thánh Mathêu hoàn tất một cách gián tiếp nơi trình thuật về việc truyền tin cho Thánh Giuse (Mt 1:18-25), thế

nhưng liên quan tới việc trình khiết thụ thai Chúa Giêsu.

Ngoài ra, Phúc Âm Thánh Gioan đào sâu kiến thức của chúng ta về giá trị của vai trò Mẹ Chúa Giêsu thực hiện đối với lịch sử cứu độ, khi phúc âm này ghi nhận sự hiện diện của Mẹ vào lúc mở màn và kết thúc cuộc sống công khai của Chúa Giêsu. Đặc biệt quan trọng là việc hiện diện của Mẹ ở chân cây Thập Giá, khi Mẹ lãnh nhận từ Người Con đang hấp hối của Mẹ trách nhiệm làm mẹ người môn đệ yêu dấu và nơi người môn đệ này là tất cả mọi Kitô hữu (cf. Jn 2:1-12; Jn 19:25-27).

Sau hết, Sách Tông Vụ liệt kê rõ ràng Mẹ Chúa Giêsu trong số các phụ nữ của cộng đồng tiên khởi đang trông chờ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống (cf. Acts 1:14).

Tuy nhiên, qua việc thiếu vắng chứng cứ hơn nữa của Tân Ước cùng với những nguồn lịch sử khả tín, chúng ta không biết gì về đời sống của Mẹ Maria sau biến cố Hiện Xuống hay về ngày tháng và trường hợp qua đời của Mẹ. Chúng ta chỉ có thể cho rằng Mẹ đã tiếp tục sống với Tông Đồ Gioan và Mẹ rất gắn thân vào việc phát triển của cộng đồng Kitô giáo tiên khởi này.

3. Tín liệu thừa thốt hiếm hoi về cuộc sống trần gian của Mẹ Maria được bù đắp bằng sự phong phú về phẩm chất và thần học của nó, những gì được thận trọng làm sáng tỏ bởi các nhà dẫn giải thánh kinh đương thời.

Hơn nữa, chúng ta cần phải nhớ rằng quan điểm của các vị Thánh Ký hoàn toàn có tính cách Kitô học và liên quan tới Mẹ Maria chỉ để hân hoan loan báo về Người Con mà thôi. Như Thánh Ambrôsiô đã nhận định, vị Thánh Ký, trong khi trình bày màu nhiệm Nhập Thể, “đã tin rằng tốt hơn đừng tìm kiếm những chứng từ thêm về đức đồng trinh của Mẹ Maria, để không tỏ ra như thể bênh vực cho Vị Trinh Nữ này hơn là rao giảng về màu nhiệm ấy” (*Exp. in Lucam, 2, 6: PL 15, 1555*).

Chúng ta có thể nhận thấy nơi sự kiện này một ý định đặc biệt của Chúa Thánh Thần, Đấng muốn khơi động trong Giáo Hội một nỗ lực tìm kiếm, trong khi bảo trì tính chất chính yếu của màu nhiệm Chúa Kitô, không bị thu hút vào những chi tiết về đời sống của Mẹ Maria, thế nhưng trên hết nhắm tới chỗ khám phá ra vai trò của Mẹ trong công cuộc cứu độ, đức thánh thiện bản thân của Mẹ và sứ vụ mẫu thân của Mẹ nơi đời sống Kitô hữu.

**Đức tin của thành phần đơn sơ
nhận biết sự thánh thiện của Mẹ Maria**

4. Chúa Thánh Thần hướng dẫn các nỗ lực của Giáo Hội, ủy thác cho Giáo Hội việc mặc lấy những thái độ của Mẹ Maria. Trong trình thuật về việc hạ sinh của Chúa Giêsu, Thánh Luca đã ghi chú việc Mẹ của Người đã giữ tất cả những điều ấy ra sao, “để ngắm nghĩ chúng trong lòng mình” (Lk 2:19), tức là nỗ lực “tập trung lại với nhau” (*symballusa*), vào một nhãn quan sâu xa hơn, tất cả mọi biến cố mà Mẹ đã được đặc ân chứng kiến thấy.

Cũng thế, dân Chúa cũng được thúc giục bởi cùng Vị Thần Linh này trong việc hiểu biết một cách sâu xa tất cả những gì đã được nói về Mẹ Maria, để gia tăng kiến thức về sứ vụ của Mẹ, một sứ vụ gắn liền với mầu nhiệm Chúa Kitô.

Vì khoa Thánh Mẫu Học tiến triển nên đã xuất phát vai trò đặc biệt của dân Kitô giáo. Họ hợp tác, bằng việc khẳng định và chứng từ của đức tin họ, vào tình trạng tiến bộ của tín lý Thánh Mẫu, một thứ tiến bộ bình thường không phải chỉ là việc của các thần học gia, thậm chí công việc của họ là những gì bất khả châm chước trong việc đào sâu và giải thích rõ ràng dữ kiện của đức tin và chính cảm nghiệm Kitô giáo.

Đức tin của thành phần đơn sơ được Chúa Giêsu cảm phục và khen ngợi, Đáng nhận thấy nơi nó một bày tỏ tuyệt vời ân sủng ưu ái của Cha (cf. Mt 11:25;

Lk 10:21). Qua các thế kỷ, nó vẫn tiếp tục loan truyền những sự lạ lùng của lịch sử cứu độ, được giấu ẩn khỏi thành phần thông thái khôn ngoan. Đức tin này, hợp với tính chất giản dị của Vị Trinh Nữ, đã dẫn tới tình trạng tiến bộ nơi việc nhìn nhận sự thánh thiện của bản thân Mẹ và giá trị siêu việt của vai trò làm mẹ của Mẹ.

Mâu nhiệm về Mẹ Maria là những gì thôi thúc hết mọi Kitô hữu, hiệp thông với Giáo Hội, “hãy ngẫm nghĩ trong lòng mình” những gì mạc khải Phúc Âm xác nhận về Mẹ của Chúa Kitô. Theo lập luận của Ca Vịnh Ngợi Khen, theo gương của Mẹ Maria, mỗi bản thân một người sẽ cảm nghiệm được tình yêu thương của Thiên Chúa và khám phá ra một dấu hiệu của sự dịu dàng của Thiên Chúa đối với con người nơi những kỳ công do Ba Ngôi Thánh thực hiện nơi người nữ “đầy ân phúc” này.

Cảm nghiệm Thánh Mẫu của Giáo Hội

Bài 5 – 15/11/1995

1. Sau khi theo dõi, ở những bài giáo lý trước của chúng ta, việc suy tư của cộng đồng Kitô giáo về hình ảnh và vai trò của Đức Trinh Nữ nơi lịch sử

cứu độ được hình thành từ những thời điểm sớm nhất, hôm nay chúng ta hãy dừng lại để suy niệm về cảm nghiệm Thánh Mẫu của Giáo Hội.

Việc tiến triển của tư tưởng Thánh Mẫu Học và lòng tôn sùng đối với Đức Trinh Nữ qua các thế kỷ đã góp phần vào việc cho thấy hơn nữa khía cạnh Thánh Mẫu của Giáo Hội. Dĩ nhiên, Đức Trinh Nữ này hoàn toàn liên hệ với Chúa Kitô, Đấng là nền tảng của đức tin và của cảm nghiệm của Giáo Hội, và Mẹ dẫn đến với Người. Đó là lý do tại sao, tuân phục Chúa Giêsu, Đấng đã giành một vai trò rất đặc biệt cho Mẹ của Người trong công cuộc cứu độ, Kitô hữu đã tỏ ra tôn kính, mến yêu và cầu cùng Mẹ Maria một cách đặc biệt nhất và thiết tha nhất. Họ đã qui về cho Mẹ một vị thế quan trọng nơi đức tin và lòng đạo đức, nhìn nhận Mẹ như là một đường lối đặc biệt đến với Chúa Kitô là Vị Trung Gian tối hậu.

Bởi thế, chiều kích Thánh Mẫu của Giáo Hội là một yếu tố bất khả phủ nhận nơi cảm nghiệm của dân Kitô giáo. Nó được bày tỏ bằng nhiều cách thức nơi đời sống của các tín hữu, chứng tỏ vị thế của Mẹ Maria ở nơi tâm can của họ. Nó không phải là một thứ cảm tình nông nổi mà là một mối liên kết sâu xa và cảm xúc sáng suốt, được xuất phát từ một đức tin thôi thúc thành phần Kitô hữu trong quá khứ cũng như hiện tại có thói quen hướng về Mẹ Maria, tiến

vào một mối hiệp thông thân mật hơn với Chúa Kitô.

2. Sau lời nguyện cầu cổ kính nhất, được hình thành ở Ai Cập bởi các cộng đồng Kitô hữu thời thế kỷ thứ ba, để van nài “Mẹ Thiên Chúa” bảo vệ cho khỏi hiểm nguy, còn có nhiều lời cầu khẩn khác ngỏ cùng Mẹ là vị thành phần lãnh nhận phép rửa coi là quyền năng nhất trong việc Mẹ chuyển cầu với Chúa.

Dân Kitô giáo bày tỏ lòng tôn sùng sâu xa đối với Mẹ Maria

Ngày nay, kinh nguyện phổ thông nhất là Kinh Kính Mừng, một kinh có phần đầu bao gồm những lời từ Phúc Âm (cf. Lk 1:28,42). Các Kitô hữu học biết đọc kinh này từ những năm còn thơ ấu và nhận lãnh nó như là một món quà quý báu cần phải được bảo trì suốt cuộc sống. Cũng kinh nguyện này, lặp lại 10 lần khi đọc Kinh Mân Côi, giúp nhiều tín hữu đi vào việc chiêm niệm nguyện cầu các mầu nhiệm Phúc Âm và đôi khi giữ một khoảng thời gian dài để mật thiết giao tiếp với Mẹ Chúa Giêsu. Từ Thời Trung Cổ, Kinh Kính Mừng đã là một kinh nguyện phổ thông nhất của tất cả mọi tín hữu, thành phần xin Người Mẹ Thánh này của Chúa hướng dẫn và bảo vệ họ trong cuộc hành trình hằng ngày của họ

suốt cuộc đời (cf. Apostolic Exhortation *Mariialis cultus*, nn. 42-55).

Dân Kitô giáo cũng đã bày tỏ tình yêu của mình đối với Mẹ Maria bằng việc gia tăng các thứ bày tỏ lòng tôn sùng của mình: những bài thánh ca, những kinh nguyện và những bài thơ sáng tác, đơn sơ giản dị hay đôi khi hay ho, thấm nhuần bởi cùng một tình mến yêu đối với Mẹ là vị được ban cho con người như là Người Mẹ của Đấng Tử Giá. Một số những thứ này, chẳng hạn như “Bản Thánh Ca Akathist” và Kinh “Lạy Nữ Vương”, đã cho thấy đời sống đức tin sâu xa của tín hữu.

Bổ sung cho lòng tôn sùng Thánh Mẫu là việc sản xuất hết sức phong phú về nghệ thuật ở Đông phương và Tây phương, một việc đã giúp cho toàn thể các thế hệ có thể cảm nhận được vẻ đẹp linh thiêng của Mẹ Maria. Các họa sĩ, điêu khắc gia, nhạc sĩ và thi sĩ đã lưu lại cho chúng ta những tuyệt phẩm, những gì làm sáng tỏ những khía cạnh khác nhau nơi sự cao cả của Đức Trinh Nữ, giúp cống hiến cho chúng ta một kiến thức hơn nữa về ý nghĩa và giá trị của việc Mẹ góp phần quý báu vào công cuộc Cứu Chuộc.

Nơi Mẹ Maria, nghệ thuật Kitô giáo nhìn nhận tầm vóc vẹn toàn của một tân nhân loại hợp với dự án

của Thiên Chúa và vì thế là một dấu hiệu hy vọng cao quý cho toàn thể nhân loại.

3. Sứ điệp này không thể nào không được nắm bắt bởi các Kitô hữu được kêu gọi sống đời đặc biệt tận hiến. Thật thế, Mẹ Maria đặc biệt được tôn kính nơi các dòng tu và hội dòng, nơi những tổ chức và hội đoàn sống đời tận hiến. Nhiều tổ chức, chính yếu nhưng không phải chỉ có nữ giới, mang danh của Mẹ Maria nơi tên gọi của họ. Tuy nhiên, ở trên và vượt trên những bày tỏ bề ngoài này của nó, linh đạo của các gia đình tu trì cũng như của nhiều phong trào trong Giáo Hội, một số trong họ đặc biệt có tính cách Thánh Mẫu, đề cao mối liên kết đặc biệt của họ với Mẹ Maria như là những gì bảo đảm cho một đặc sủng được trọn vẹn và trung thực sống.

Cứ điểm Thánh Mẫu này nơi đời sống của những ai đặc biệt được hồng ân của Thánh Linh cũng đã phát triển chiều kích thần bí, một chiều kích cho thấy Kitô hữu có thể cảm nghiệm được ra sao nơi thẳm cung của tâm hồn họ việc Mẹ Maria chuyển cầu.

Cứ điểm hướng về Mẹ Maria này liên kết chẳng những thành phần Kitô hữu dẫn thân mà còn cả thành phần tín hữu tâm thường và thậm chí cả thành phần 'xa cách', thành phần mà đối với họ nó thường là cái đích đáng duy nhất với đời sống của Giáo Hội. Những cuộc hành hương tới những đền

Thánh Mẫu, những đền thu hút đông đảo tín hữu suốt năm, là một dấu hiệu nơi cảm tình chung của dân Kitô giáo đối với Người Mẹ của Chúa. Một số trong những bức tường thành này của lòng sùng kính Thánh Mẫu là những nơi nổi tiếng như Lộ Đức, Fatima, Loreto, Pompei, Guadalupe và Czestochowa! Những nơi khác chỉ được biết đến ở tầm cấp quốc gia hay địa phương. Ở tất cả các nơi ấy, việc tưởng nhớ về các biến cố liên quan tới việc chạy đến cùng Mẹ Maria là những gì chuyên chở sứ điệp của lòng mẹ từ ái, mở lòng của chúng ta ra cho ân sủng của Thiên Chúa.

Những nơi cầu nguyện Thánh Mẫu này là một chứng từ tuyệt vời cho tình thương của Thiên Chúa, một tình thương vươn tới con người qua việc chuyển cầu của Mẹ Maria. Những phép lạ chữa lành về thể lý, việc cứu chuộc và hoán cải thiêng liêng là dấu hiệu hiển nhiên cho thấy Mẹ Maria đang tiếp tục, cùng với Chúa Kitô và trong Thần Linh, công việc của Mẹ như là một người trợ giúp và như là một người mẹ.

Chiều kích Thánh Mẫu thấm nhập tất cả đời sống của Giáo Hội

4. Các đền Thánh Mẫu thường trở thành trung tâm của việc truyền bá phúc âm hóa. Thật vậy, ngay cả trong Giáo Hội ngày nay, như trong cộng đồng

mong chờ Thánh Thần Hiện Xuống, việc cầu nguyện với Mẹ Maria thúc đẩy nhiều Kitô hữu dẫn thân làm việc tông đồ và phục vụ anh chị em mình. Ở đây tôi đặc biệt nhắc lại tầm ảnh hưởng lớn lao của lòng sùng kính Thánh Mẫu nơi việc thực hành đức bác ái cũng như nơi các hoạt động xót thương. Được phần khích bởi việc hiện diện của Mẹ Maria, các tín hữu thường cảm thấy nhu cầu cần dẫn thân cho người nghèo, người bất hạnh và người bệnh, để trở thành đối với thành phần hèn kém nhất trần gian này dấu hiệu chở che từ mẫu của Đức Trinh Nữ là hình ảnh sống động cho tình thương của Cha.

Có thể rõ ràng thấy được nơi tất cả những điều này chiều kích Thánh Mẫu thấm nhập ra sao toàn thể đời sống của Giáo Hội. Việc loan báo Lời Chúa, phụng vụ, những bày tỏ bác ái và văn hóa khác nhau đều tìm thấy nơi Mẹ Maria cơ hội để thăng hóa và đổi mới.

Dân Chúa, theo sự hướng dẫn của các vị Chủ Chăn mình, được kêu gọi để nhận thức nơi sự kiện này tác động của Thánh Linh là Đấng đã thôi thúc đức tin của Kitô hữu tiếp tục khám phá ra dung nhan của Mẹ Maria. Chính Ngài là Đấng, bằng việc khuyến khích hiểu biết về và yêu mến đối với Mẹ Maria, dẫn tín hữu đến chỗ học nơi Vị Trinh Nữ của bài ca vịnh Ngợi Khen làm thế nào để đọc được những chỉ hiệu của Thiên Chúa trong lịch sử và chiếm được một sự

khôn ngoan làm cho hết mọi người nam nữ trở thành các kiến trúc gia xây dựng một tân nhân loại.

Mẹ Maria là Mô Phạm của Việc Kiên Trì Thầm Lặng

Bài 6 – 22/11/1995

1. Sau khi suy niệm về chiều kích Thánh Mẫu trong đời sống của Giáo Hội, giờ đây chúng ta sẽ làm sáng tỏ kho tàng thiêng liêng vĩ đại được Mẹ Maria thông đạt cho Giáo Hội bằng gương mẫu của Mẹ và bằng việc chuyển cầu của Mẹ.

Trước hết chúng ta muốn dừng lại để vấn tắt suy niệm về một số khía cạnh quan trọng về cá tính của Mẹ Maria, một cá tính cống hiến cho tất cả mọi tín hữu sứ hướng dẫn giá trị trong việc chấp nhận và hoàn thành ơn gọi riêng của họ.

Mẹ Maria đã đi trước chúng ta trên con đường *đức tin*: tin tưởng vào sứ điệp của vị thiên thần, Mẹ là người đầu tiên đón nhận mầu nhiệm Nhập Thể và thực hiện như thế một cách hoàn hảo (cf. *Redemptoris Mater*, n. 13). Cuộc hành trình của Mẹ như là một tín

hữu bắt đầu thậm chí sớm hơn cả vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ và đã phát triển sâu xa hơn suốt cảm nghiệm trần thế của Mẹ. Đức tin của Mẹ là một đức tin gan dạ. Vào lúc Truyền Tin Mẹ đã tin vào những gì bất khả đối với loài người, và ở Cana Mẹ đã tha thiết xin Chúa Giêsu thực hiện phép lạ đầu tiên, thúc đẩy Người tỏ quyền năng thiên sai của Người ra (cf. Jn 2:1-5).

Mẹ Maria dạy Kitô hữu sống đức tin của họ như là một cuộc hành trình gay go và dẫn thân, một cuộc hành trình, ở hết mọi lứa tuổi và cảnh đời, đòi phải can đảm và liên li kiên trì.

Đời sống của Mẹ Maria là một đời sống khiêm hạ và kín đáo

2. Tính chất dễ dạy của Mẹ Maria đối với ý muốn thần linh được liên kết với đức tin của Mẹ. Tin tưởng vào lời Chúa, Mẹ có thể chấp nhận lời của Ngài một cách trọn vẹn trong đời sống của Mẹ, và tỏ ra tiếp thu dự án tối thượng của Thiên Chúa, Mẹ đã chấp nhận tất cả những gì trời cao đòi hỏi nơi Mẹ. Việc hiện diện của Đức Mẹ trong Giáo Hội bởi thế phấn khích Kitô hữu lắng nghe lời Chúa mỗi ngày, hiểu được dự án yêu thương của Ngài nơi các biến cố thường nhật khác nhau, và trung thành hợp tác để làm trọn dự án ấy.

3. Đó là cách thức Mẹ Maria dạy cho cộng đồng tín hữu hãy nhìn đến tương lai bằng việc hoàn toàn phó mình cho Thiên Chúa. Theo kinh nghiệm bản thân của Vị Trinh Nữ này thì *niềm hy vọng* được phong phú bằng những lý do hằng mới mẻ. Từ biến cố Truyền Tin, Mẹ Maria tập trung các niềm trông đợi của YẾN DUYÊN xưa nơi Con Thiên Chúa nhập thể trong cung lòng trinh nguyên của Mẹ. Niềm hy vọng của Mẹ được tăng cường trong những giai đoạn theo nhau cccnơi cuộc sống ẩn dật của Chúa Giêsu ở Nazarét và thừa tác vụ công khai của Người. Đức tin cao cả của Mẹ nơi lời của Chúa Giêsu, Đấng đã loan báo việc Người Sống Lại vào ngày thứ ba, đã ngăn ngừa Mẹ khỏi bị lay chuyển, thậm chí kể cả khi Mẹ phải đối diện với thảm cảnh Thập Giá. Mẹ đã giữ được niềm hy vọng của Mẹ nơi việc hoàn thành công cuộc thiên sai, và kiên trì, sau bóng tối tăm của Ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, trông đợi buổi sáng Phục Sinh.

Trên con đường khó khăn của mình qua giòng lịch sử, giữa “cái rồi” của việc cứu độ được lãnh nhận, và “cái chưa” của việc hoàn thành ơn cứu độ, cộng đồng tín hữu biết rằng họ có thể cậy dựa vào sự trợ giúp của “Người Mẹ của Niềm Hy Vọng”. Sau khi cảm nghiệm cuộc chiến thắng của Chúa Kitô trên quyền lực sự chết, Mẹ thông đạt cho họ một khả năng luôn mới mẻ trong việc đợi chờ tương lai của

Thiên Chúa và phó mình tin tưởng vào những lời hứa của Chúa.

4. Gương của Mẹ Maria giúp cho Giáo Hội có thể cảm nhận hơn nữa giá trị của *sự thâm lặng*. Sự thâm lặng của Mẹ Maria chẳng những điều độ ở lời nói, mà đặc biệt là một khả năng khôn ngoan trong việc tưởng nhớ và ấp ủ bằng một ánh mắt đức tin duy nhất màu nhiệm Lời làm người cùng với các biến cố nơi cuộc sống trần gian của Người.

Chính sự thâm lặng này như là việc chấp nhận Lời Chúa, khả năng suy niệm về màu nhiệm Chúa Kitô ấy, là những gì Mẹ Maria truyền đạt cho tín hữu. Trong một thế giới ồn ào náo động đầy những sứ điệp đủ loại, thì chứng từ của Mẹ giúp chúng ta có thể cảm nhận được một sự thâm lặng thiêng liêng phong phú và nuôi dưỡng tinh thần chiêm niệm.

Mẹ Maria làm chứng cho giá trị của một đời sống *khiêm hạ và ẩn dật*. Hết mọi người thường đòi hỏi, đòi khi yêu sách, để được hoàn toàn nhìn nhận về con người và các phẩm chất của mình. Hết mọi người đều nhậy cảm với việc quý trọng và tôn kính. Các Phúc Âm thường đề cập rằng các vị Tông Đồ tỏ ra tham vọng về những vị thế quan trọng nhất trong vương quốc của Thiên Chúa và các vị tranh cãi với nhau xem ai trong các vị là người cao trọng nhất. Về vấn đề này Chúa Giêsu đã phải dạy cho các vị như

cầu sống khiêm nhường và phục vụ (cf. Mt 18:1-5; 20:20-28; Mk 9:33-37; 10:35-45; Lk 9:46-48; 22:24-27). Trái lại, Mẹ Maria không bao giờ tìm vinh dự hay những thắng lợi về một vị thế đặc biệt; Mẹ luôn nỗ lực hoàn trọn ý muốn của Thiên Chúa, sống một cuộc đời theo dự án cứu độ của Chúa Cha.

Mẹ Maria tỏ ra cho tất cả những ai thường cảm thấy nặng nề bởi một đời sống dường như vô vị cuộc sống giá trị ra sao nếu nó được sống cho tình yêu Chúa Kitô và anh chị em của mình.

5. Ngoài ra, Mẹ Maria làm chứng cho giá trị của một cuộc sống *tin tuyền* và đầy những *dịu dàng* đối với tất cả mọi người. Vẻ đẹp của linh hồn Mẹ, hoàn toàn được hiến dâng cho Chúa, là đối tượng cho dân Kitô giáo ca ngợi. Noi Mẹ Maria, cộng đồng Kitô giáo bao giờ cũng thấy được một người nữ lý tưởng, đầy yêu thương và dịu dàng vì Mẹ sống tin h tuyền trong tâm trí và xác thân.

Trước chủ trương yếm thế của một nền văn hóa hiện đại nào đó, một nền văn hóa thường không công nhận giá trị của đức trong sạch và hạ giá dục tính bằng việc tách nó khỏi phẩm giá của con người và dự án của Thiên Chúa, Trinh Nữ Maria nêu cao chứng từ của một đức tin tuyền chiếu soi lương tri và dẫn đến một tình yêu cao cả hơn đối với tạo vật cũng như đối với Chúa.

6. Hơn thế nữa, đối với Kitô hữu ở mọi thời đại Mẹ Maria trở nên như vị sâu xa *cảm thương* những khổ đau của nhân loại. Nỗi cảm thương này không chỉ ở tại một thứ thông cảm theo cảm xúc, mà được bày tỏ bằng việc trợ giúp hiệu năng và cụ thể khi đương đầu với tình trạng khổ cực về vật chất và luân lý của nhân loại.

Trong việc theo gương Mẹ Maria, Giáo Hội được kêu gọi để có cùng một thái độ đối với tất cả những gì là nghèo hèn và khổ đau của trần gian. Việc quan tâm từ mẫu của Mẹ Chúa tới những giọt châu lệ, những nỗi sầu đau và các sự khốn khó của con người nam nữ thuộc tất cả mọi thời đại cần phải thôi thúc Kitô hữu, nhất là vào lúc rạng đông của tân thiên kỷ đây, gia tăng những dấu hiệu cụ thể và hữu hình của một thứ tình yêu giúp thành phần thấp hèn và đau khổ ngày nay có thể thông phần vào những hứa hẹn và hy vọng về một thế giới mới được xuất phát từ Phục Sinh.

7. Lòng cảm mến của con người và việc tôn sùng đối với Người Mẹ của Chúa Giêsu vượt quá những biên giới hữu hình của Giáo Hội và nuôi dưỡng những cảm thức *hòa giải*. Là một người mẹ, Mẹ Maria muốn thấy mối hiệp nhất của tất cả con cái Mẹ. Sự hiện diện của Mẹ trong Giáo Hội là một lời mời gọi hãy kiên trì sống đồng tâm nhất trí là những gì làm chủ công đồng tiên khởi (cf. Acts 1:14),

và nhờ đó tìm kiếm những đường lối của mỗi hiệp nhất và bình an giữa tất cả mọi con người nam nữ thiện tâm.

Trong việc chuyển cầu cùng Con Mẹ, Mẹ Maria xin ơn hiệp nhất cho toàn thể nhân loại, hướng đến việc xây dựng một nền văn minh yêu thương, chế ngự những khuynh hướng chia rẽ, những cám dỗ trả thù và hận thù, và việc mù quáng bạo động.

Mẹ Maria là nguyên cơ cho niềm vui của chúng ta

8. Nụ cười từ mẫu của Mẹ Maria, được in ấn nơi rất nhiều hình ảnh về Mẹ, bày tỏ một tình trạng đầy ân phúc và an bình đang tìm cách chia sẻ thông ban. Việc thể hiện này về tình trạng than thân về tinh thần của Mẹ góp phần một cách hiệu quả trong việc cống hiến cho Giáo Hội một dung nhan tươi vui.

Khi đón nhận, trong biến cố Truyền Tin, lời mời gọi của thiên thần là “hãy vui lên” (khaire = rejoice: Lk 1:28), Mẹ Maria là con người đầu tiên được thông phần vào niềm vui thiên sai được các tiên tri báo trước cho “người nữ tử Sion” (cf. Is 12:6; Zep 3:14-15; Zec 9:9), và Mẹ truyền nó cho nhân loại ở hết mọi thời đại.

Khi kêu cầu Mẹ như là "causa nostrae laetitiae", dân Kitô giáo tìm thấy nơi Mẹ khả năng để truyền đạt

niềm vui xuất phát từ niềm hy vọng, thậm chí ngay cả giữa những thử thách của đời sống, và để hướng dẫn những ai phó mình cho Mẹ đến niềm vui vô tận.

Mẹ Maria Cho Chúng Ta Thấy Thiên Chúa Tôn Trọng Nữ Giới

Bài 7 – 29/11/1995

1. Những khía cạnh về thần học và thiêng liêng nơi giáo huấn của Giáo Hội về Mẹ Maria, một giáo huấn đã được khai triển dồi dào trong thế kỷ của chúng ta, gần đây đã chiếm được tầm quan trọng nói từ quan điểm xã hội học và mục vụ, cũng để hiểu biết rõ ràng hơn về vai trò của nữ giới trong cộng đồng Kitô hữu cũng như trong xã hội, như chúng ta đã thấy nơi nhiều cuộc can thiệp quan trọng của Huấn Quyền.

Sứ điệp cho nữ giới được ngỏ lời từ các vị Nghị Phụ khi bế mạc Công Đồng Chung Vaticanô II vào ngày 8/12/1965 là những gì quá rõ: “Thế nhưng, giờ đang đến, thực sự là đã đến, khi ơn gọi của nữ giới đang

được chiếm đoạt một cách trọn vẹn, giờ mà nữ giới chiếm được trên thế giới một ảnh hưởng, một thành quả và một quyền lực chưa bao giờ có được cho đến nay” (*Enchiridion Vat.*, 1, 307).

Tôi đã xác nhận những khẳng định này sau đó mấy năm trong Thông điệp *Mulieris dignitatem*: “Phẩm giá và ơn gọi của nữ giới – một chủ đề được con người và Kitô hữu liên li nghĩ đến – đã trở thành nổi bật ngoại thường trong những năm gần đây” (khoản 1).

Vai trò và phẩm giá của nữ giới đã được đặc biệt tranh đấu trong thế kỷ này bởi phong trào nữ giới, một phong trào tìm cách phản ứng, đôi khi bằng những đường lối mãnh liệt, chống lại tất cả những gì trong quá khứ và hiện tại đã gây ngăn trở cho việc trọn vẹn cảm nhận và phát triển nhân cách phụ nữ cũng như việc họ tham gia vào nhiều điều bày tỏ trong đời sống xã hội và chính trị.

Những đòi hỏi này phần lớn là những gì hợp lý và đã góp phần vào việc xây dựng một quan điểm cân bằng hơn về vấn đề nữ giới trong thế giới hiện đại. Giáo Hội, nhất là trong những thời gian gần đây, đã đặc biệt chú trọng tới những đòi hỏi này, được phần khởi bởi sự kiện là hình ảnh của Mẹ Maria, nếu được thấy trong ánh sáng của đời sống của Mẹ ở Phúc Âm, là một đáp ứng hiệu năng cho ước muốn

giải phóng của phụ nữ: Mẹ Maria là con người duy nhất hoàn trọn một cách cao cả nhất dự án yêu thương của Thiên Chúa đối với loài người.

Hết mọi phụ nữ thông phần với phẩm giá cao cả của Mẹ Maria

2. Dự án này đã được bày tỏ trong Cựu Ước, với trình thuật về việc tạo dựng nói tới cặp vợ chồng đầu tiên được dựng nên theo hình ảnh của chính Thiên Chúa: “Vậy Thiên Chúa đã dựng nên con người theo hình ảnh Ngài, theo hình ảnh Thiên Chúa Ngài đã dựng nên họ; Ngài đã dựng nên họ có nam có nữ” (Gen 1:27). Bởi thế, nữ giới, không thua kém gì nam nhân, cũng mang hình ảnh Thiên Chúa nơi bản thân mình. Điều này có nghĩa là vì sự xuất hiện của họ trên mặt đất này như là thành quả của tác động thần linh, họ cũng được cảm nhận: “Thiên Chúa đã thấy hết mọi sự Ngài đã dựng nên, và thấy rằng nó rất là tốt đẹp” (Gen 1:31). Theo quan điểm này, vấn đề khác nhau giữa nam nhân và nữ giới không bao hàm tính chất thấp kém của nữ giới hay không cân bằng của họ, nhưng là một yếu tố mới làm phong phú dự án của Thiên Chúa và là những gì “rất tốt đẹp”.

Tuy nhiên, ý định của Thiên Chúa còn vượt xa ngoài những gì được mạc khải trong Sách Khởi Nguyên. Thật vậy, nơi Mẹ Maria, Thiên Chúa đã dựng nên

một nhân cách nữ giới là những gì hoàn toàn vượt lên trên thân phận bình thường của phụ nữ như nó hiện lên nơi việc tạo dựng nên Evà. Cái tuyệt diệu có một không hai của Mẹ Maria trong thế giới ân sủng và sự trọn lành của Mẹ là hoa trái của tấm lòng nhân ái thần linh đặc biệt, một lòng nhân ái tìm cách nâng hết mọi người, nam giới cũng như nữ nhân, lên tới sự trọn lành về luân lý và thánh thiện là những gì thích đáng với thành phần con cái thừa nhận của Thiên Chúa. Mẹ Maria “có phúc trong nữ giới”; tuy nhiên, hết mọi người nữa thoam phần một cách nào đó vào phẩm giá cao cả của Mẹ nơi dự án thần linh.

3. Tặng ân đặc biệt được ban cho Người Mẹ của Chúa này chẳng những chứng thực cho những gì chúng ta chủ trương rằng Thiên Chúa tỏ ra tôn trọng nữ giới, mà còn nhấn mạnh đến mối quan tâm sâu xa nơi dự án của Thiên Chúa đối với vai trò bất khả thiếu của họ trong lịch sử nhân loại.

Nữ giới cần khám phá ra mối trân trọng thần linh này để càng ý thức hơn bao giờ hết phẩm giá cao cả của mình. Những trường hợp về lịch sử và xã hội gây phản ứng của phong trào nữ giới được đánh dấu bằng sự thiếu cảm nhận giá trị của phụ nữ; thường họ bị loại vào hàng thứ yếu hay thậm chí một vai trò bên lề. Tình trạng này không cho họ có thể thể hiện hoàn toàn tính chất phong phú về sự thông minh và khôn ngoan nơi nữ tính của họ. Thật

vậy, suốt giòng lịch sử, nữ giới không phải là không thường phải chịu đựng cảnh hiểm thấy các khả năng của họ được trân trọng, và đôi khi thậm chí còn bị khinh bỉ và kỳ thị một cách bất chính. Đây là trạng thái của những sự vụ mà bất chấp những đổi thay quan trọng, tiếc thay vẫn tiếp tục thậm chí cho tới ngày nay ở nhiều quốc gia và nhiều nơi trên thế giới.

4. Hình ảnh Mẹ Maria cho thấy rằng Thiên Chúa đã tỏ ra trân trọng nữ giới tới độ bất cứ hình thức kỳ thị nào đều thiếu căn bản về lý thuyết.

Công việc kỳ diệu mà Thiên Chúa đạt được nơi Mẹ Maria là những gì cống hiến cho con người nam nữ khả năng khám phá ra những chiều kích về thân phận của họ là những gì trước đó chưa được nhận thức đầy đủ. Khi nhìn vào Người Mẹ của Chúa này, nữ giới mới có thể hiểu được hơn nữa phẩm giá của họ và tính cách cao cả nơi sứ vụ của mình. Thế nhưng, cả nam nhân nữa, nơi ánh sáng của vị Trinh Mẫu này, sẽ có thể chiếm được một cái nhìn trọn vẹn và quân bằng hơn về phẩm giá của họ, về gia đình và về xã hội.

Việc chuyên tâm lưu ý tới hình ảnh của Mẹ Maria, như Mẹ được trình bày cho chúng ta thấy trong Thánh Kinh như Giáo Hội tin tưởng đọc, là những gì vẫn còn cần hơn nữa đối với sự mất thể diện Mẹ đôi khi nhận lãnh từ một số trào lưu nữ giới. Vị

Trinh Nữ Nazarét, trong một số trường hợp, đã được trình bày như là những gì tiêu biểu của nhân cách nữ giới bị giam nhốt trong một thứ nội trợ hạn hẹp đóng khung.

Mẹ Maria, trái lại, là mô phạm cho việc phát triển trọn vẹn ơn gọi của nữ giới, vì, mặc dù những giới hạn khách quan áp đặt lên thân phận xã hội của Mẹ, Mẹ đã tạo được một ảnh hưởng lớn lao trên định mệnh nhân loại và việc biến đổi xã hội.

Nơi Mẹ Maria tất cả được kêu gọi tin tưởng Chúa

5. Hơn nữa, tín lý về Thánh Mẫu có thể chiếu sáng trên muôn vàn cách thức trong đó sự sống về ân sủng là những gì làm gia tăng vẻ đẹp thiêng liêng của nữ giới. Trước việc khai tác đáng xấu hổ đôi khi làm cho phụ nữ thành một đồ vật phi phẩm giá, nhắm tới cho thỏa mãn những đam mê dê hèn, Mẹ Maria tái khẳng định ý nghĩa cao cả của vẻ đẹp phụ nữ, một tặng ân và là phản ảnh vẻ đẹp của Thiên Chúa.

Thật sự là sự trọn hảo của nữ giới, khi nó hoàn toàn được hiện thực nơi Mẹ Maria, trước hết có thể thấy như là một trường hợp ngoại lệ và bất khả noi gương bắt chước, một mô phạm quá siêu vời để phỏng theo. Thật vậy, sự thánh thiện có một không

ai của Mẹ là vị từ ngay giây phút đầu tiên đã nhận được đặc ân Hoài Thai Vô Nhiễm đôi khi được coi là những gì xa vời vượt tầm với.

Tuy nhiên, chẳng những không phải là những gì kiểm chế trên con đường theo Chúa, sự thánh thiện cao cả của Mẹ Maria, ngược lại, theo dự án của Thiên Chúa, là để phấn khích tất cả mọi Kitô hữu hãy mở lòng trước quyền năng thánh hóa của ân sủng Chúa là Đấng không gì không làm được. Bởi thế, nơi Mẹ Maria tất cả chúng ta được kêu gọi hoàn toàn tin tưởng vào quyền toàn năng thần linh là những gì biến đổi các cõi lòng, hướng dẫn chúng tới chỗ trọn vẹn chấp nhận dự án yêu thương quan phòng của Ngài.

Mẹ Maria Chiếu Sáng về Vai Trò của Nữ Giới

Bài 8 – 6/12/1995

1. Như tôi đã dẫn giải ở các bài giáo lý trước, vai trò được dự án cứu độ thần linh kỳ thác cho Mẹ Maria là những gì chiếu tỏ về ơn gọi của nữ giới

trong đời sống Giáo Hội và xã hội, bằng việc xác định cái khác nhau liên quan tới nam nhân. Mô phạm được Mẹ Maria cho thấy rõ ràng chứng tỏ những gì chuyên biệt cho con người của nữ giới.

Vào những thời gian gần đây, có một số chiều hướng nơi phong trào nữ giới, để thăng tiến việc giải phóng nữ giới, đã tìm cách làm cho nữ giới như nam nhân trong hết mọi sự. Tuy nhiên, ý định thần linh được bộc lộ nơi việc tạo dựng, mặc dù muốn nữ giới tương đương với nam giới về phẩm giá và giá trị. Đồng thời cũng minh nhiên khẳng định tính chất khác biệt của họ và những tính chất đặc biệt của họ. Căn tính của nữ giới không thể nào ở chỗ là một thứ sao bản của nam nhân, vì họ được trang bị bằng những phẩm tính và đặc quyền của mình, những gì cố gắng hiến cho họ tính chất chuyên nhất lúc nào cũng cần phải duy trì và phấn khích.

Những đặc quyền và những đặc tính này của con người nữ giới đạt được tầm vóc trọn vẹn của mình nơi Mẹ Maria. Tâm vóc tròn đầy ân sủng thần linh thực sự là những gì nuôi dưỡng nơi Mẹ tất cả mọi khả năng tự nhiên mô mẫu của người phụ nữ.

“Xin hãy làm cho tôi theo ý của ngài”

Vai trò của Mẹ Maria trong công cuộc cứu độ hoàn toàn lệ thuộc vào vai trò của Chúa Kitô. Nó là một

nhiệm vụ đặc thù, cần phải có để hoàn trọn màu nhiệm Nhập Thể: Vai trò làm mẹ của Đức Maria cần thiết để cống hiến cho thế giới Đấng Cứu Thế của nó, Đấng là Người Con thực sự của Thiên Chúa, nhưng cũng hoàn toàn là một con người.

Tâm quan trọng này của việc nữ giới hợp tác vào việc Chúa Kitô đến được nhấn mạnh bởi việc Thiên Chúa khởi xướng, Đấng, qua một thiên thần, thông đạt dự án cứu độ của mình cho vị Trinh Nữ Nazarét, để trinh nữ này có thể hợp tác một cách ý thức và tự do bằng việc tỏ ra quảng đại đồng ý.

Ở đây, mô phạm cao cả nhất về việc hợp tác của nữ giới trong việc Cứu Chuộc con người – hết mọi người – được hoàn trọn; mô phạm này cho thấy cái cứ điểm siêu việt đối với hết mọi khẳng định về vai trò và phận vụ của nữ giới trong lịch sử.

2. Trong việc thi hành hình thức cao cả này của việc hợp tác, Mẹ Maria cũng chứng tỏ cho thấy kiểu cách trong đó nữ giới cần phải cụ thể bày tỏ sứ vụ của mình.

Đối với sứ điệp của vị thiên thần, Vị Trinh Nữ này không tỏ ra lên mặt đòi hỏi hay tìm thỏa mãn các tham vọng cá nhân. Thánh Luca trình bày cho chúng ta thấy Mẹ chỉ muốn cống hiến việc phục vụ thấp hèn của mình bằng việc hoàn toàn và tin tưởng chấp

nhận dự án cứu độ thần linh. Đó là ý nghĩa của lời Mẹ đáp lại: “Này tôi là nữ tỳ của Chúa; xin hãy làm nơi tôi theo như lời của ngài” (Lk 1:38).

Đây không phải là vấn đề của việc hoàn toàn thụ động chấp nhận, vì việc đồng ý của Mẹ chỉ được bày tỏ sau khi Mẹ đã bày tỏ nỗi khó khăn xuất hiện từ ý hướng muốn giữ mình đồng trình của Mẹ, một ý hướng được tác động bởi ý Mẹ muốn hoàn toàn thuộc về Chúa hơn nữa.

Sau khi nhận được lời giải đáp của vị thiên thần, Mẹ Maria lập tức bày tỏ việc sẵn sàng của Mẹ, giữ thái độ khiêm tốn phục vụ.

Nó là việc phục vụ khiêm tốn giá trị mà rất nhiều người nữ, theo gương của Mẹ Maria, đã cố gắng và tiếp tục cố gắng trong Giáo Hội để phát triển vương quốc của Chúa Kitô.

3. Hình ảnh về Mẹ Maria này nhắc nhở nữ giới hôm nay về giá trị của vai trò làm mẹ. Trong thế giới hiện đại, tầm quan trọng thích đáng và quân bình không phải bao giờ cũng được cố gắng cho cái giá trị ấy. Trong một số trường hợp, đối với nữ giới, nhu cầu làm việc để cung cấp cho các nhu cầu trong gia đình và quan niệm sai lầm về tự do, một quan niệm cho việc chăm sóc con cái như là những gì cản trở tính chất tự lập và cơ hội của nữ giới, đã làm lu

mờ đi ý nghĩa của vai trò làm mẹ để phát triển con người nữ tính. Trái lại, trong một số trường hợp khác, khía cạnh sinh con về thể lý lại trở thành quá quan trọng như thể che khuất đi các cơ hội ý nghĩa khác mà người phụ nữ có được để bày tỏ ơn gọi bẩm sinh làm mẹ của mình.

Nơi Mẹ Maria, chúng ta đã tiến đến chỗ hiểu được ý nghĩa thực sự của vai trò làm mẹ, một vai trò đạt được chiều kích cao cả nhất của nó nơi dự án cứu độ thần linh. Đối với Mẹ, là một người mẹ chẳng những cung cấp cho con người nữ giới của Mẹ, trực tiếp với tặng ân sự sống, tất cả sự phát triển của nó, mà còn cho thấy một đáp ứng của đức tin đối với ơn gọi của nữ giới là những gì có được giá trị đích thực nhất của mình chỉ ở nơi ánh sáng giao ước của Thiên Chúa (cf. *Mulieris dignitatem*, n. 19).

4. Chăm chú nhìn vào Mẹ Maria, chúng ta cũng khám phá thấy nơi Mẹ mô phạm về việc sống đức đồng trinh vì Nước Trời.

Vị Trinh Nữ tuyệt hảo này, trong tâm can của mình, Mẹ đã gia tăng ước muốn sống trong trạng thái này để chiếm được một mức độ thân tình với Thiên Chúa sâu xa hơn nữa.

Đối với thành phần nữ giới được kêu gọi sống đức trong sạch trinh trong, Mẹ Maria cho thấy cái ý

nghĩa cao cả của một ơn gọi rất đặc biệt và nhờ đó thu hút chú ý tới hoa trái thiêng liêng lẫn hững gì nó trở sinh theo dự án thần linh: một cấp trật cao hơn của vai trò làm mẹ, một vai trò làm mẹ theo Thần Linh (cf. *Mulieris dignitatem*, khoản 21).

Những người phụ nữ gieo rắc những hạt giống văn minh yêu thương

Cõi lòng từ mẫu của Mẹ Maria, hướng về tất cả mọi thứ bất hạnh của con người, cũng nhắc nhở nữ giới rằng việc phát triển con người nữ giới cần phải thực hiện việc dẫn thân cho đức bác ái. Vốn nhạy cảm với những thứ giá trị của con tim hơn, nữ giới cho thấy một khả năng cao hơn về việc ctự hiến bản thân mình.

Đối với tất cả mọi người trong thời đại của chúng ta, thành phần cống hiến những mô phạm vị kỷ để xác định con người nữ giới của mình, thì hình ảnh rạng ngời và thánh hảo của Mẹ Chúa cho thấy làm thế nào mà chỉ nhờ hiến mình và quên mình cho người khác mới có thể đạt được tầm vóc thực sự của dự án thần linh cho đời sống của mình.

Vì thế, việc hiện diện của Mẹ Maria phấn khích những cảm thức nhân hậu và đoàn kết nơi những người phụ nữ đối với những trường hợp buồn thảm của con người và gọi lên ước muốn làm vui đi nỗi

đón đau của những ai chịu đựng: thành phần nghèo khổ, thành phần yếu đau và tất cả những ai cần được giúp đỡ.

Nhờ mối liên hệ đặc biệt của mình với Mẹ Maria, trong dòng lịch sử nữ giới thường tiêu biểu cho sự gần gũi của Thiên Chúa với những niềm mong đợi về lòng nhân lành và dịu dàng của một nhân loại đã bị thương tích bởi hận thù và tội lỗi, bằng việc gieo rắc trên thế giới này những hạt giống của một nền văn minh có thể đáp ứng bạo lực bằng tình yêu.

Giáo Huấn của Công Đồng về Mẹ Maria

Bài 9 – 13/12/1995

1- Hôm nay tôi muốn chia sẻ về sự hiện diện đặc biệt của Người Mẹ Giáo Hội ở biến cố quan trọng nhất trong Giáo Hội ở thế kỷ của chúng ta đây; Công Đồng Chung Vaticanô II, được Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII khai mạc vào sáng ngày 11 tháng 10 năm 1962 và Đức Giáo Hoàng Phaolô VI bế mạc vào ngày 8 tháng 12 năm 1965.

Căn cứ vào chỉ hiệu cho thấy thì Công Đồng này thực sự được đánh dấu bằng một giọng điệu Thánh Mẫu. Trong Tông Thư *Celebrandi Concilii Oecumenici*, vị tiền nhiệm khả kính của tôi là Người Tôi Tớ Chúa Gioan XXIII đã huấn dụ cậy nhờ việc chuyển cầu toàn năng của Mẹ Maria, “Mẹ ân sủng và là vị bảo trợ ở trên trời của Công Đồng” (11 April 1961, AAS 53 [1961] 242).

Việc Trình Bày về Mẹ Maria được cho vào bản văn kiện Hiến Chế về Giáo Hội

Sau đó, vào năm 1962, nhân dịp lễ Thanh tẩy của Mẹ Maria, Đức Giáo Hoàng Gioan đã ấn định ngày 11-10 để khai mạc Công Đồng, khi ngài cho biết rằng ngài đã chọn ngày này là để tưởng nhớ đến Công Đồng Êphêso, một Công Đồng mà vào chính ngày ấy đã tuyên bố Mẹ Maria là “Theotokos”, Mẹ của Thiên Chúa (*Motu proprio Concilium*, AAS 54 [1962] 67-68). Tiếp theo, trong diễn từ khai mạc của mình, Vị Giáo Hoàng này đã ký thác chính Công Đồng cho “Đấng Phù Hộ các Giáo Hữu, Đấng Phù Hộ các Giám Mục”, khi ngài van xin sự trợ giúp từ mẫu của Mẹ cho công cuộc của Công Đồng được thành quả tốt đẹp (AAS 54 [1962] 795).

Các vị nghị phụ của Công Đồng cũng minh nhiên hướng tâm tư của mình về Mẹ Maria trong sứ điệp gửi cho thế giới khi khai mạc các khóa họp của Công

Đồng, như sau: “Chúng tôi, thành phần thừa kế các vị Tông Đồ, liên hợp nhau nguyện cầu với Mẹ Maria, Người Mẹ của Chúa Giêsu, làm thành một thân mình tông đồ duy nhất” (*Acta Synodalia I, I, 254*), bởi thế đã liên kết các vị với Giáo Hội sơ khai đang đợi trông Chúa Thánh Thần trong mối hiệp thông với Mẹ Maria (cf. Acts 1:14).

2. Ở khóa họp thứ hai của Công Đồng, việc trình bày về Đức Trinh Nữ Maria được cho vào Hiến Chế về Giáo Hội. Sáng kiến này, mặc dù được Ủy Ban Thần Học đề nghị, cũng đã gây ra các ý kiến khác nhau.

Một số vị, thành phần coi dự định này là những gì không thích đáng để nhấn mạnh đến chính sứ vụ đặc biệt của Người Mẹ Chúa Giêsu trong Giáo Hội, đã chủ trương rằng phải có một văn kiện riêng mới có thể bày tỏ phẩm vị của Mẹ Maria, ưu thế siêu việt của Mẹ, sự thánh thiện phi thường của Mẹ và vai trò đặc thù của Mẹ trong việc Cứu Chuộc được Người Con chiếm đoạt. Ngoài ra, liên quan tới vấn đề Mẹ Maria như ở bên trên Giáo Hội một cách nào đó, các vị sợ rằng quyết định đặt giáo huấn về Mẹ Maria trong việc trình bày về Giáo Hội sẽ không đủ nhấn mạnh đến những đặc ân của Mẹ Maria và sẽ làm suy giảm vai trò của Mẹ tới tầm mức của các phần tử khác trong Giáo Hội (*Acta Synodalia, II, III, 338-342*).

Tuy nhiên, các vị khác đã lên tiếng ủng hộ dự thảo của Ủy Ban Thần Học trong việc cho việc trình bày tín lý về Mẹ Maria và Giáo Hội vào chung một văn kiện duy nhất. Theo các vị, những thực tại này không thể tách biệt tại Công Đồng, một Công Đồng, trong việc nhắm đến chỗ tái nhận thức căn tính và sứ vụ của Dân Chúa, cần phải chứng tỏ cho thấy mối liên kết chặt chẽ của mình với vị là kiểu mẫu và gương mẫu của Giáo Hội ở đức đồng trình và vai trò mẫu thân của Mẹ. Thật vậy, như là một phần tử ưu việt của cộng đồng giáo hội, Đức Trinh Nữ chiếm một vị thế đặc biệt trong tín lý của Giáo Hội. Ngoài ra, bằng việc nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa Mẹ Maria và Giáo Hội, các Kitô hữu thuộc Phong Trào Cải Cách mới có thể hiểu hơn về giáo huấn Thánh Mẫu được Công Đồng này trình bày (*Acta Synodalia*, II, III, 343-345).

Các Nghị Phụ Công Đồng, được tác động cùng một lòng mến yêu đối với Mẹ Maria, như thế, đã có tỏ ra khuynh hướng, tùy theo việc bày tỏ các chủ trương khác nhau về tín lý của mình, mộ mến những khía cạnh khác nhau nơi con người của Mẹ. Một số bày tỏ về Mẹ Maria chính yếu ở nơi mối liên hệ của Mẹ với Chúa Kitô, những vị khác coi Mẹ còn hơn là một phần tử của Giáo Hội.

3. Sau cuộc bàn luận sâu rộng về tín lý tập trung vào phẩm vị của Người Mẹ của Thiên Chúa cũng

như vào sự hiện diện đặc biệt của Mẹ trong đời sống của Giáo Hội, việc trình bày về Mẹ Maria đã được quyết định cho vào trong văn kiện về Giáo Hội (cf. *Acta Synodalia*, II, III, 627).

Lược đồ mới về Đức Trinh Nữ, được soạn thảo để cho vào Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, đã cho thấy sự tiến bộ thực sự về tín lý. Việc nhấn mạnh đến đức tin của Mẹ Maria và mối quan tâm có hệ thống hơn trong việc đặt tín lý Thánh Mẫu trên Thánh Kinh là những gì yếu tố quan trọng và hữu ích cho việc phong phú hóa lòng tôn sùng và quý mến của Kitô hữu đối với Người Mẹ Phúc Đức của Thiên Chúa.

Hơn nữa, qua năm tháng, mối nguy cơ của chiều hướng giảm thiểu được một số vị Nghị Phụ lo sợ xảy ra, đã cho thấy là thiếu cơ sở: sứ vụ và các đặc ân của Mẹ Maria đã được tái khẳng định một cách dồi dào, ở chỗ việc Mẹ cộng tác vào dự án cứu độ thần linh được nhấn mạnh; mối hòa hợp củaviệc hợp tác này với vai trò môi giới đặc thù của Chúa Kitô trở thành hiển nhiên.

Lần đầu tiên Huấn Quyền của công đồng đã cống hiến cho Giáo Hội một văn kiện tín lý về vai trò của Mẹ Maria nơi công cuộc cứu chuộc của Chúa Kitô cũng như trong đời sống của Giáo Hội.

Bởi thế, chúng ta cần phải coi việc quyết chọn của các Giáo Phụ của Công Đồng, việc quyết chọn cho

thấy những gì là tốt đẹp cho công việc về tín lý sau đó, thực sự là một quyết chọn được quan phòng.

4. Trong các khóa họp của Công Đồng, nhiều vị Giáo Phụ muốn phong phú hóa hơn nữa tín lý Thánh Mẫu với những câu phát biểu về vai trò của Mẹ Maria trong công cuộc cứu độ. Bối cảnh đặc biệt của cuộc tranh luận xảy ra về Thánh Mẫu Học của Công Đồng Chung Vaticanô II đã không đáp ứng những ước muốn ấy, cho dù đáng kể và phổ biến, thế nhưng toàn bộ cuộc bàn luận của Công Đồng về Mẹ Maria vẫn giữ được tính chất vững mạnh và quân bình, và chính các đề tài ấy, cho dù không được hoàn toàn xác định, cũng đã được đặc biệt lưu ý đến trong toàn cục diện của việc trình bày.

Một Trình Bày Quân Bình về Tín Lý Thánh Mẫu

Bởi thế, sự lưỡng lự của một số vị Giáo Phụ liên quan tới tước hiệu Nữ Môí Giỏi đã không gây cản trở cho việc Công Đồng sử dụng danh xưng này một lần, cũng không gây cản trở cho việc nói rằng vai trò trung gian của Mẹ Maria ở việc Mẹ tỏ ra ưng thuận với sứ điệp của Thiên Thần về vai trò mẫu thân của Mẹ trong lãnh vực ân sủng (cf. *Lumen gentium*, n. 62). Hơn thế nữa, Công Đồng còn khẳng định việc hợp tác của Mẹ “một cách hoàn toàn đặc biệt” vào công việc phục hồi sự sống siêu nhiên cho các linh

hồn (ibid., n. 61). Sau hết, mặc dù có tránh sử dụng danh xưng “Mẹ Giáo Hội”, bản văn *Ánh Sáng Muôn Dân* vẫn minh nhiên đề cao lòng tôn kính của Giáo Hội đối với Mẹ Maria như là một Người Mẹ yêu dấu nhất.

Tất cả đoạn trình bày này ở chương tám của Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội hiển nhiên cho thấy rằng những thận trọng về từ ngữ đã không ngăn cản được việc trình bày về tín lý căn bản một cách hết sức phong phú và tích cực, một bày tỏ của niềm tin tưởng và lòng mến yêu đối với Mẹ là Đấng Giáo Hội nhìn nhận là Mẫu Thân và Mẫu Gương.

Mặt khác, những quan điểm khác nhau của các vị Giáo Phụ, trong việc các vị bày tỏ trong cuộc tranh luận của công đồng, đã trở thành những gì là quan phòng, vì, theo mối liên hệ hòa hợp của những quan điểm ấy, chúng đã tạo cho niềm tin tưởng và lòng kính mến của dân Kitô giáo có được một trình bày oàn toàn hơn và quân bình hơn về căn tính diệu kỳ của Người Mẹ của Chúa cũng như về vai trò ngoại lệ của Mẹ trong công cuộc Cứu Chuộc.

Vị Thế của Mẹ Maria cao nhất sau Chúa Kitô

Bài 10 – 10/1/1996

1. Theo Hiến Chế Tín Lý Ánh Sáng Muôn Dân, một hiến chế ở chương 8 “đã cẩn thận vạch ra cho thấy cả vai trò của Đức Trinh Nữ trong mầu nhiệm Lời Nhập Thể và Nhiệm Thể, lẫn nhiệm vụ của thành phần được cứu chuộc đối với Người Mẹ của Thiên Chúa ấy, trong buổi giáo lý này, tôi muốn cố gắng hiến một tóm lược căn bản về niềm tin tưởng của Giáo Hội nơi Mẹ Maria, trong khi cùng với Công Đồng tái khẳng định là tôi không có ý “cố gắng hiến toàn vẹn tín lý về Mẹ Maria”, cũng không “giải quyết những vấn đề đang được các thần học gia nghiên cứu chưa hoàn toàn sáng tỏ” (*Lumen gentium*, n. 54).

Trước hết, chủ ý của tôi muốn diễn tả “vai trò của Đức Trinh Nữ nơi mầu nhiệm Lời Nhập Thể và Nhiệm Thể” (ibid.), bằng cách căn cứ vào các dữ kiện trong Thánh Kinh và Tông Truyền, cùng lưu ý tới việc phát triển về tín lý đã diễn tiến trong Giáo Hội cho tới thời đại của chúng ta đây.

Hơn nữa, vì vai trò của Mẹ Maria trong lịch sử cứu độ chặt chẽ liên hệ tới mầu nhiệm của Chúa Kitô và với Giáo Hội, tôi sẽ không quên những điểm qui chiếu thiết yếu này, những điểm qui chiếu, bằng việc cố gắng hiến cho tín lý Thánh Mẫu một bối cảnh thích đáng, giúp chúng ta có thể khám phá ra những phong phú bao rộng và bất tận của nó.

Việc kỹ lưỡng khảo sát mầu nhiệm về Người Mẹ này của Chúa Kitô thực sự là bao rộng và vẫn làm bận tâm nhiều vị Mục Tử và thần học gia qua các thế kỷ. Có một số, theo nỗ lực của mình để vạch ra những khía cạnh chính yếu của khoa Thánh Mẫu Học, đôi khi đã nghiên cứu nó cùng với khoa Kitô học và Giáo Hội học. Tuy nhiên, khi lưu ý tới mối liên hệ của Mẹ với tất cả các mầu nhiệm đức tin, Mẹ Maria xứng đáng có được một cuộc nghiên cứu đặc biệt đề cao con người và vai trò của Mẹ trong lịch sử cứu độ, theo chiều hướng Thánh Kinh và truyền thống của Giáo Hội.

2. Theo các hướng dẫn của Công Đồng thì hình như cũng hữu ích để giải thích một cách đích xác “các nhiệm vụ của thành phần được cứu chuộc đối với Người Mẹ này của Thiên Chúa, vị là Mẹ của Chúa Kitô và là Mẹ của con người, nhất là của những ai tin tưởng” (ibid.)

Thật vậy, phần vụ được dự án cứu độ thần linh ủy thác cho Mẹ Maria đòi hỏi thành phần Kitô hữu chẳng những chấp nhận và chuyên chú mà còn thực hiện những chọn lựa cụ thể để bày tỏ trong cuộc sống của mình các thái độ Phúc Âm của Mẹ là vị đã đi trước Giáo Hội về đức tin và thánh thiện. Bởi vậy Người Mẹ của Chúa Kitô này được định liệu để thi hành một tầm ảnh hưởng đặc biệt nơi đường lối nguyện cầu của các tín hữu. Chính phụng vụ của Giáo Hội nhìn nhận vị thể chuyên nhất của Mẹ nơi việc tôn sùng và đời sống của hết mọi tín hữu.

Cần phải nhấn mạnh là giáo huấn và việc tôn sùng Thánh Mẫu không phải là hoa trái của tính chất cảm tình. Mẫu nhiệm về Mẹ Maria là một sự thật được mạc khải tự áp đặt mình trên lý trí của các tín hữu và đòi hỏi những ai trong Giáo Hội có phận sự học hỏi và giảng dạy một phương pháp suy tư về tín lý một cách vững chắc không thua kém phương pháp được sử dụng ở trong tất cả khoa thần học.

Ngoài ra, chính Chúa Giêsu đã mời gọi những người đương thời của mình đừng để mình bị thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành đối với Mẹ của Người, ở chỗ đặc biệt nhìn nhận nơi Mẹ Maria một con người diễm phúc vì đã nghe lời Chúa và tuân giữ (cf. Lk 11:28). Không phải chỉ có tình cảm mà đặc biệt là ánh sáng của Thần Linh là những gì cần phải hướng dẫn chúng ta trong việc hiểu biết Người Mẹ này của

Chúa Giêsu và việc Mẹ góp phần vào công cuộc cứu độ.

3. Đối với vấn đề cân lường và quân bình cần phải bảo trì nơi cả tín lý Thánh Mẫu và tôn sùng Thánh Mẫu, Công Đồng đã mạnh mẽ kêu gọi các thần học gia và các vị giảng thuyết lời thần linh “hãy cẩn thận giữ mình... khỏi tất cả mọi quá đáng sai lầm” (*Lumen gentium*, n. 67).

Cái quá đáng này xuất phát từ những ai chấp nhận một thái độ quá cỡ, một thái độ tìm cách ghép cho Mẹ Maria một cách có phương pháp những đặc quyền của Chúa Kitô và tất cả mọi đặc sủng của Giáo Hội.

Trái lại, bao giờ cũng phải bảo toàn tín lý Thánh Mẫu cái khác biệt vô cùng hiện hữu giữa nhân vị của Mẹ Maria và ngôi vị thần linh của Chúa Giêsu. Việc qui “cái tối đa” cho Mẹ Maria không thể nào trở thành một qui tắc của khoa Thánh Mẫu học, một khoa học cần phải liên li căn cứ vào chứng từ của Mạc Khải liên quan tới các tặng ân của Thiên Chúa ban cho Vị Trinh Nữ vì sứ vụ cao cả của Mẹ.

Cũng thế, Công Đồng khuyên dụ các thần học gia và các vị giảng thuyết hãy “giữ mình ... cho khỏi thái độ quá giản lược” (*ibid.*), tức là cho khỏi cái nguy cơ của một chiều hướng giảm thiểu hết cỡ những gì có

thể bày tỏ nơi những chủ trương về tín lý, nơi những dẫn giải cũng như nơi những tác động tôn sùng có khuynh hướng giảm thiểu và hầu như phủ nhận tầm quan trọng về Mẹ Maria trong lịch sử cứu độ, nơi đức trinh nguyên của Mẹ và nơi thánh đức của Mẹ.

Bao giờ cũng cần phải tránh những chủ trương thái quá như thể bằng một tấm lòng liên li và chân thành trung tín với chân lý mạc khải như được diễn đạt trong Thánh Kinh cũng như nơi Thánh Truyền.

4. Chính Công Đồng đã cố gắng hiến cho chúng ta một tiêu chuẩn để thấy được tín lý Thánh Mẫu chân thực, đó là Mẹ Maria “chiếm được một vị thế trong Giáo Hội cao nhất sau Chúa Kitô đồng thời cũng gần chúng ta nhất” (*Lumen gentium*, n. 54).

Vị thế *cao nhất*: chúng ta cần phải khám phá ra vị trí cao cả được ban cho Mẹ Maria này trong mầu nhiệm cứu độ. Tuy nhiên, nó là một vấn đề của một ơn gọi hoàn toàn liên hệ với Chúa Kitô.

Vị thế *gần chúng ta nhất*: đời sống của chúng ta được ảnh hưởng sâu xa bởi gương sáng và lời chuyển cầu của Mẹ Maria. Tuy nhiên, chúng ta cần phải tự hỏi mình về nỗ lực của chúng ta để được gần gũi với Mẹ. Toàn thể giáo huấn về lịch sử cứu độ mời gọi chúng ta hãy nhìn vào Vị Trinh Nữ này. Đời sống

khổ hạnh Kitô giáo ở mọi thời đại mời gọi chúng ta hãy nghĩ về Mẹ như là một mô phạm của việc trọn vẹn gắn bó với ý Chúa. Là mô phạm thánh đức tuyệt vời, Mẹ Maria hướng dẫn đường đi nước bước của các tín hữu trong cuộc hành trình về trời của họ.

Nhờ việc Mẹ gắn gũi với các biến cố của lịch sử cuộc đời chúng ta, Mẹ Maria nâng đỡ chúng ta trong những cơn thử thách; Mẹ phấn khích chúng ta trong lúc khó khăn, luôn chỉ cho chúng ta thấy đích điểm của ơn cứu độ đời đời. Bởi thế, vai trò làm Mẫu Thân của Mẹ hằng được thấy sáng tỏ hơn bao giờ hết: Người Mẹ của Người Con Giêsu của mình, Người Mẹ dịu dàng và ân cần đối với mỗi người con chúng ta, thành phần đã được Đấng Cứu Chuộc trao phó cho Mẹ từ trên cây thập tự giá, để chúng ta có thể đón nhận Mẹ như là thành phần con cái của Mẹ trong đức tin.

Mối Liên Hệ của Mẹ Maria với Chúa Ba Ngôi

Bài 11 – 10/1/1996

1. Chương 8 của Hiến Chế *Ánh Sáng Muôn Dân* cho thấy nơi *mẫu nhiệm của Chúa Kitô* một qui chiếu hết sức cần thiết với tín lý Thánh Mẫu. Về vấn đề này, những lời đầu tiên khi Mở Đầu là những gì quan trọng: “Theo lòng nhân hậu cao cả và sự khôn ngoan của mình trong việc muốn thực hiện công cuộc cứu chuộc thế giới, ‘khi đến thời điểm viên trọn, Thiên Chúa đã sai Con mình, sinh bởi một người nữ... để chúng ta được trở thành những đức con thừa nhận’ (Gal 4:4-5)” (Lumen Gentium, n. 52). Người Con này là Đấng Thiên Sai được dân Cựu Ước trông đợi, do Cha sai đến vào một giây phút quyết liệt trong lịch sử đó là “thời điểm viên trọn” (Gal 4:4), một thời điểm trùng hợp với việc hạ sinh của Người trong thế giới của chúng ta bởi một nữ nhân. Mẹ là vị đã sinh hạ Con Thiên Chúa cho nhân loại không bao giờ có thể bị tách lìa khỏi Người là Đấng ở tâm điểm của dự án thần linh diễn tiến trong lịch sử.

Vai trò chính yếu của Chúa Kitô được sáng tỏ trong Giáo Hội là Nhiệm Thể của Người, ở chỗ, nơi Giáo Hội, “tín hữu được liên kết với Chúa Kitô là Đầu và được hiệp thông với tất cả thánh nhân của Người” (cf. *Lumen gentium*, n. 52). Chính Chúa Kitô là Đấng đã lôi kéo tất cả mọi người đến cùng bản thân mình. Vì nơi vai trò mẫu thân của mình, Mẹ Maria liên kết chắc chắn với Con của mình, Mẹ giúp hướng ánh mắt và con tim của các tín hữu về với Người.

Mẹ là đường lối dẫn đến cùng Chúa Kitô: thật vậy, Mẹ là Đấng “vời sứ điệp của vị thiên thần đã lãnh nhận Lời Chúa trong tâm hồn của mình và trong thân xác của mình” (*Lumen gentium*, n. 53) cho chúng ta thấy làm sao để có thể lãnh nhận vào đời sống của chúng ta Người Con đã từ trời xuống, dạy cho chúng ta biết làm cho Chúa Giêsu trở thành tâm điểm và là “luật” tối thượng của đời sống chúng ta.

Một Liên Hệ Đặc Thù giữa Mẹ Maria và Thánh Linh

2. Mẹ Maria cũng giúp chúng ta khám phá ra, tận nguồn mạch của toàn thể công cuộc cứu độ, tác động tối thượng của Cha là Đấng kêu gọi con người trở nên những người con nơi Người Con duy nhất. Khi nhắc lại những lời phát biểu rất tuyệt vời của Bức Thư gửi cho Êphêô: “Thiên Chúa, Đấng giàu lòng thương xót, vì tình yêu cao cả của mình đối với chúng ta, thậm chí ngay cả khi chúng ta đã chết đi bởi những vấp phạm của chúng ta, làm cho chúng ta cùng sống động với Chúa Kitô” (2:4), Công Đồng đóang tặng Thiên Chúa tước hiệu “nhân hậu nhất”: Người Con “được hạ sinh bởi một người nữ” như thế được thấy như là hoa trái từ tình thương của Cha và giúp chúng ta có thể hiểu hơn nữa Người Nữ này là “người mẹ của tình thương”.

Theo cùng một chiều hướng ấy, Công Đồng cũng gọi Thiên Chúa là Đấng “khôn ngoan nhất”, khơi lên một sự chú ý đặc biệt tới mối liên hệ chặt chẽ giữa Mẹ Maria và đức khôn ngoan thần linh, một đức khôn ngoan noi dự án huyền diệu của mình đã muốn vai trò mâu thuẫn của Vị Trinh Nữ.

3. Bản văn của Công Đồng cũng nhắc nhở chúng ta về mối liên hệ đặc thù thắt kết Mẹ Maria với *Thánh Linh*, khi sử dụng những lời của Kinh Tin Kính Nicene-Constantinopolitan là kinh được chúng ta đọc trong phụng vụ Thánh Thể: “Vì loài người chúng tôi và để cứu rỗi chúng tôi Người đã từ trời xuống thế: bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã được hạ sinh bởi Trinh Nữ Maria và đã làm người”.

Trong việc bày tỏ niềm tin bất khả thay đổi ấy của Giáo Hội, Công Đồng nhắc nhở chúng ta rằng việc nhập thể lạ lùng của Người Con đã xảy ra nơi cung lòng của Trinh Nữ Maria bởi quyền lực của Thánh Linh, không cần việc hợp tác của người nam.

Lời Mở Đầu cho chương 8 *Ánh Sáng Muôn Dân*, như thế, cho thấy, nơi phối cảnh Ba Ngôi, một chiều kích thiết yếu của tín lý Thánh Mẫu. Thật vậy, hết mọi sự đều xuất phát từ ý muốn của Cha là Đấng đã sai Con mình vào trần gian, khi tỏ mình ra cho con người và thiết lập Người làm Đầu của Giáo Hội và

là tâm điểm của lịch sử. Đó là một dự án đã được nên trọn bởi việc Nhập Thể, công việc của Thánh Linh, nhưng với việc hợp tác thiết yếu của một người nữ là Trinh Nữ Maria, Đấng bởi thế trở thành một yếu tố toàn vẹn nơi công cuộc truyền đạt Ba Ngôi cho nhân loại.

4. Mỗi liên hệ tam diện của Mẹ Maria với các Ngôi Vị thần linh được khẳng định bằng những lời lẽ xác đáng và bằng việc diễn tả mối liên hệ đặc biệt liên kết Người Mẹ này của Chúa Kitô với Giáo Hội: “Mẹ được ban cho một vai trò và phẩm vị cao cả của Người Mẹ Con Thiên Chúa, và vì thế Mẹ cũng là nữ tử yêu dấu của Cha và là đền thờ của Thánh Linh” (*Lumen gentium*, n. 53).

Phẩm vị nồng yếu của Mẹ Maria là phẩm vị làm “Mẹ của Người Con”, một phẩm vị được bày tỏ nơi tín lý và lòng sùng kính của Kitô giáo với tước hiệu “Mẹ Thiên Chúa”.

Đó là một từ ngữ lạ lùng cho thấy sự khiêm hạ nơi Người Con duy nhất của Thiên Chúa trong việc Người Nhập Thể, và nơi mối liên hệ ấy, thấy được cả đặc ân cao cả nhất được ban cho một tạo vật được kêu gọi để hạ sinh ra Người theo xác thịt.

Là Mẹ của Người Con, Mẹ Maria là “nữ tử yêu dấu của Cha” một cách đặc thù. Mẹ được ban cho những

gì hoàn toàn tương tự một cách đặc biệt giữa vai trò mẫu thân của Mẹ với vai trò làm cha thần linh.

Một lần nữa, hết mọi Kitô hữu là “đền thờ của Thánh Linh”, theo lời diễn tả của Thánh Phaolô (1Cor 6:19). Thế nhưng, chủ trương này có một ý nghĩa ngoại lệ nơi Mẹ Maria: nơi Mẹ, mối liên hệ với Thánh Linh được phong phú hóa bằng một chiều kích hôn nhân. Tôi đã nhắc lại điều này trong Thông Điệp *Redemptoris Mater*: “Thánh Linh đã xuống trên Mẹ và Mẹ đã trở nên vị hôn thê trung tín của Ngài ở lúc Truyền Tin, khi đón nhận Lời của vị Thiên Chúa chân thực...” (n. 26).

Phẩm vị của Mẹ Maria trổi vượt trên hết mọi phẩm vị của mọi tạo vật

5. Mối liên hệ của Mẹ maria với Chúa Ba Ngôi bởi thế ban cho Mẹ một phẩm vị vượt xa phẩm vị của hết mọi tạo vật khác. Công Đồng đã nhắc đến điều này một cách hiển nhiên: vì “tặng ân cao cả này”, Mẹ Maria “vượt trên tất cả các tạo vật” (*Lumen gentium*, n. 53). Tuy nhiên, phẩm vị cao cả nhất này vẫn không cản trở việc Mẹ Maria liên kết với từng người chúng ta. Hiến Chế *Ánh Sáng Muôn Dân* tiếp tục viết: “Thế nhưng, là giòng dõi của Adong, Mẹ đồng thời cũng liên kết với tất cả những ai được cứu độ” và Mẹ “được cứu chuộc, một cách thăng hoa hơn, do công nghiệp của Con Mẹ” (ibid.)

Đến đây chúng ta thấy được ý nghĩa đích thực về những đặc ân của Mẹ Maria và về mối liên hệ đặc biệt của Mẹ với Chúa Ba Ngôi: mục đích của những sự ấy giúp Mẹ có thể cộng tác vào việc cứu độ nhân loại. Sự cao cả khôn lường của Người Mẹ của Chúa Kitô bởi thế vẫn là một tặng ân của tình yêu Thiên Chúa ban cho tất cả nhân loại. Bằng việc loan truyền Mẹ “điểm phúc” (Lk 1:48), các thế hệ chúc tụng “những điều trọng đại” được Đấng Toàn Năng thực hiện nơi Mẹ cho loài người, “vì nhớ lại lòng thương xót của Ngài” (Lk 1:54).

Cuộc Chiến Thắng Tội Lỗi nhờ một Người Nữ

Bài 12 – 24/1/1996

1. Các sách Cựu Ước là những gì diễn tả lịch sử cứu độ, một lịch sử cứu độ chất chứa việc từ từ sửa soạn cho việc Chúa Kitô đến trong thế gian. Những văn kiện đầu tiên, như được đọc trong Giáo Hội và được hiểu theo chiều hướng của một mạc khải sâu xa hơn và trọn vẹn hơn, làm cho hình ảnh về một

người nữ là Mẹ của Đấng Cứu Chuộc dần dần sáng tỏ hơn” (Lumen Gentium, n. 55).

Bằng những lời phát biểu ấy, Công Đồng Chung Vaticanô II nhắc nhở chúng ta hình ảnh về Mẹ Maria dần dần được hình thành ra sao ngay từ ban đầu của lịch sử cứu độ. Mẹ đã được thoáng thấy trong các bản văn Cựu Ước thế nhưng chỉ hoàn toàn hiểu được kchi những đoạn văn ấy “được đọc theo Giáo Hội” và được hiểu theo chiều hướng Tân Ước.

Thánh Linh, bằng việc linh ứng cho các vị tác giả khác nhau, đã hướng Mạc Khải Cựu Ước về Chúa Kitô, Đấng phải đến trong thế gian từ cung lòng của Trinh Nữ Maria.

2. Trong số các trình thuật thánh kinh báo trước về Người Mẹ của Đấng Cứu Thế, Công Đồng đặc biệt trích dẫn những câu cho thấy Thiên Chúa tỏ ra cho thấy dự án cứu độ của Ngài sau cuộc sa ngã của Adong và Evà. Chúa phán cùng con rắn, biểu hiệu cho thần dữ: “Ta sẽ đặt mối thù giữa ngươi và người nữ, và giữa giong dãi ngươi và giong dãi người nữ; Người sẽ đạp nát đầu ngươi và ngươi sẽ rình cắn gót chân của Người” (Gen 3:15). Những câu này, được truyền thống Kitô giáo từ thế kỷ 16 gọi là *Protogospel*, nghĩa là Tin Mừng tiên khởi, giúp chúng ta có thể thấy được ý muốn cứu độ của Thiên Chúa ngay từ đầu của nhân loại. Thật vậy, theo trình thuật

của vị tác giả thánh, phản ứng đầu tiên của Chúa đối với tội lỗi không phải là việc trừng phạt tội lỗi mà cố gắng cho họ niềm hy vọng cứu độ và cho họ chủ động tham phần vào công cuộc cứu chuộc, chứng tỏ cho thấy Ngài rất quảng đại với cả những ai đã xúc phạm đến Ngài.

Những lời lẽ của Tin Mừng tiên khởi này cũng cho thấy số mệnh đặc thù của người nữ, mặc dù chiều theo chước cám dỗ của con rắn trước khi người nam chiều theo, thì theo dự án thần linh, sau đó đã trở nên đồng minh tiên khởi của Thiên Chúa. Evà là kẻ đồng lõa của ma quỷ trong việc cám dỗ con người phạm tội. Ngược lại với tình trạng ấy, Thiên Chúa tuyên bố rằng Ngài sẽ làm cho người nữ trở thành thù địch của ma quỷ.

3. Bởi vậy các nhà dẫn giải Thánh Kinh đồng nhìn nhận rằng đoạn sách Sáng Thế này, theo nguyên bản Do Thái, không qui tác động chống lại con rắn trực tiếp cho người nữ mà là cho giòng dõi của người nữ. Tuy nhiên, đoạn này cũng nhấn mạnh rất nhiều đến vai trò người nữ sẽ đóng trong cuộc chiến đấu chống lại tên cám dỗ: thật vậy, vị chiến thắng con rắn sẽ là giòng dõi của người nữ.

Người nữ này là ai? Đoạn thánh kinh ấy không đề cập tới tên riêng của bà, nhưng cho chúng ta thoáng thấy được một người nữ mới, theo ý muốn của

Thiên Chúa trong việc đền bù lại việc sa ngã của Evà; thật vậy, người nữ mới này được kêu gọi để phục hồi vai trò và phẩm vị của nữ giới, và góp phần vào việc biến đổi thân phận của con người, bằng việc hợp tác vào việc chiến thắng của Thiên Chúa trên Satan nhờ sứ vụ từ mẫu của bà.

4. Theo ý nghĩa của Tân Ước và truyền thống của Giáo Hội, chúng ta biết rằng người nữ mới được Tin Mừng tiên khởi này loan báo là Mẹ Maria, và nơi “giòng dãi” của Mẹ, chúng ta thấy Con Mẹ là Chúa Giêsu, Đấng đã chiến thắng quyền lực của Satan nơi màu nhiệm vượt qua.

Chúng ta cũng nhận thấy rằng nơi Mẹ Maria mối thù do Thiên Chúa gây ra giữa con rắn và người nữ được nên trọn qua hai cách thức. Là đồng minh của Thiên Chúa và là thù địch của Satan, Mẹ hoàn toàn được thoát khỏi việc thống trị của Satan bằng đặc ân Hoài Thai Vô Nhiễm Tội, khi Mẹ được hình thành bởi Thánh Linh trong ân sủng và được bảo trì khỏi hết mọi tù vết của tội lỗi. Ngoài ra, liên kết với việc cứu độ của Con, Mẹ Maria hoàn toàn tham dự vào cuộc chiến chống lại thần dữ.

Bởi vậy, các tước hiệu “Hoài Thai Vô Nhiễm” và “Đồng Công với Chúa Cứu Thế”, được Giáo Hội tin tưởng qui cho Mẹ Maria, để công bố vẻ đẹp thiêng liêng và việc tham dự sâu xa của Mẹ vào công cuộc

Cứu Chuộc tuyệt vời, cho thấy tình trạng đối kháng kéo dài giữa con rắn và Tân Evà này.

5. Các nhà dẫn giải Thánh Kinh và các thần học gia cho rằng ánh sáng của Tân Evà là Mẹ Maria chiếu tỏa từ những trang này của Sách Khởi Nguyên toàn thể công cuộc cứu độ. Nơi đoạn văn ấy, họ thấy được mối liên kết giữa Mẹ Maria và Giáo Hội. Ở đây chúng ta hân hoan nhận thấy rằng chữ “nữ nhân”, được sử dụng theo hình thức giống loại ở đoạn Khởi Nguyên này, là những gì đặc biệt thôi thúc thành phần nữ giới liên kết với Trinh Nữ Nazarét cùng với công việc của Người trong công việc cứu độ, vì họ được kêu gọi tham phần vào cuộc chiến chống lại thần dữ.

Thành phần nữ giới, như Evà, có thể chào thua trước cám dỗ của Satan, nhờ liên kết với Mẹ Maria, lãnh nhận được một sức mạnh siêu việt để chiến đấu kẻ thù, trở thành những liên minh tiên khởi của Thiên Chúa trên con đường cứu độ.

Việc liên minh mẫu nhiệm của Thiên Chúa với người nữ cũng có thể được thấy ở những cách thức khác nhau trong thời đại của chúng ta: nơi việc nguyện cầu riêng tư và sùng kính phụng vụ chuyên cần của nữ giới, nơi việc dạy giáo lý của họ và chứng từ bác ái của họ, nơi nhiều ơn gọi nữ giới sống đời tận hiến tu trì, nơi việc giáo dục đạo nghĩa

trong gia đình v.v. Tất cả những dấu hiệu này là một hoàn trọn rất cụ thể của lời tiên đoán của Tin Mừng tiên khởi. Thật vậy, bằng việc gọi lên một thứ nói rộng cũ “nữ giới” ở bên trong và bên ngoài các giới hạn hữu hình của Giáo Hội, Tin Mừng tiên khởi này cho thấy rằng ơn gọi đặc thù của Mẹ Maria là những gì bất khả phân ly với ơn gọi của nhân loại, và đặc biệt là với ơn gọi của hết mọi người nữ, thành phần đã được vai trò của Mẹ Maria làm sáng tỏ, vị được công bố là liên minh tiên khởi của Thiên Chúa chống lại Satan và sự dữ.

Lời Tiên Tri của Isaia được nên trọn nơi việc nhập thể

Bài 13 – 31/1/1996

1. Khi bàn đến hình ảnh Mẹ Maria trong Cựu Ước, Công Đồng Chung Vaticanô II (ở Hiến Chế *Lumen gentium*, khoản 55) đã đề cập tới đoạn văn nổi tiếng của Tiên Tri Isaia, một đoạn văn đã gây chú ý đặc biệt cho các Kitô hữu thời sơ khai: “Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh một người con trai, và sẽ gọi tên Người là Emmanuel” (Is 7:14).

Trong biến cố thiên thần truyền tin, vị đã kêu gọi Thánh Giuse hãy nhận lấy Maria làm vợ của ngài, “vì Đấng được thụ thai nơi bà là bởi Thánh Linh”, Thánh Mathêu đã cố gắng hiến cho lời tiên tri này một ý nghĩa Kitô học và Thánh Mẫu. Thật vậy, thánh ký viết thêm rằng: “Tất cả những điều này xảy ra là để làm trọn những gì Chúa đã phán qua vị tiên tri: ‘Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai và hạ sinh một người con trai, và tên Người sẽ được gọi là Emmanuel’ (nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta)” (Mt 1:22-23).

2. Theo bản văn Do Thái thì lời tiên tri này không minh tường báo trước cuộc hạ sinh trinh nguyên của Đấng Emmanuel: từ ngữ được sử dụng (*almah*) chỉ có nghĩa là “một phụ nữ trẻ”, không nhất thiết phải là một trinh nữ. Hơn nữa, chúng ta biết rằng truyền thống Do Thái không chủ trương việc trọn đời đồng trinh, cũng như chưa từng diễn tả ý nghĩ về vai trò trinh mẫu.

Chính Chúa sẽ ban cho các người một dấu hiệu

Tuy nhiên, theo truyền thống Hy Lạp, từ ngữ Do Thái ấy được dịch thành “*parthenos*”, “đồng trinh”. Nơi sự kiện này, một sự kiện dường như chỉ là một tính chất chuyên biệt của vấn đề dịch thuật, chúng ta cần phải nhận thấy một hướng chiều huyền nhiệm được Thánh Linh hiến cho những lời của Tiên

Tri Isaiia để sửa soạn cho việc hiểu được việc hạ sinh ngoại thường của Đấng Thiên Sai. Việc chuyển dịch chữ này thành “trinh nữ” được giải thích bởi sự kiện là đoạn văn của Tiên Tri Isaiia sửa soạn một cách hết sức long trọng cho việc loan báo biến cố thụ thai này và trình bày nó như là một dấu hiệu thần linh (Is 7:10-14), khơi lên niềm trông đợi một cuộc thụ thai ngoại thường. Vậy, không có gì là ngoại thường đối với một người phụ nữ trẻ trung thụ thai một người con trai sau khi giao hợp với chồng mình. Tuy nhiên, lời tiên tri này không nói năng gì tới người chồng. Bởi vậy mà vì vấn đề được trình bày như thế đã gợi ý cho việc giải thích như vậy được cố gắng hiển sau đó trong bản Hy Lạp.

3. Theo bối cảnh nguyên thủy thì lời tiên tri Isaiia 7:14 này là đáp ứng thần linh cho việc tiểu đức tin nơi Vua Ahaz, vị, bị đe dọa bởi cuộc xâm chiếm của các quân quốc thuộc các vua lân bang, đã tìm cách cứu mình và vương quốc của mình nơi việc bảo vệ của Assyria. Để khuyên vua hãy đặt niềm tin tưởng của mình nơi duy một mình Thiên Chúa và loại trừ đi việc nhúng tay rùng rợn của Assyrian, tiên tri Isaiia đã thay Chúa kêu gọi vua thực hiện một tác động tin tưởng vào quyền năng của Chúa: “Hãy xin Chúa là Thiên Chúa ngời một dấu hiệu”. Trước sự chối từ của vua, vì ông thích tìm kiếm sự cứu độ nơi việc trợ giúp của loài người, vị tiên tri đã công bố một tiên báo vang lừng: “Vậy hãy nghe đây, hỡi nhà

Đavít! Ngươi làm phiền con người không đủ hay sao mà còn làm phiền đến cả Thiên Chúa của tôi nữa? Bởi thế, chính Chúa sẽ ban cho ngươi một dấu hiệu. Nay đây một trinh nữ sẽ thụ thai và hạ sinh một người con trai, và sẽ gọi tên Người là Emmanuel” (Is 7:13-14).

Việc loan báo dấu hiệu về Emmanuel, “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”, bao gồm lời hứa hẹn việc Thiên Chúa hiện diện trong lịch sử, một lịch sử sẽ đạt được trọn vẹn ý nghĩa của nó nơi mầu nhiệm Nhập Thể của Lời.

4. Trong việc loan báo việc hạ sinh kỳ diệu của Emmanuel, dấu hiệu người nữ thụ thai và hạ sinh cho thấy một ý hướng nào đó trong việc liên kết người mẹ này với số phận của người con – một hoàng tử được ấn định thiết lập một vương quốc lý tưởng, vương quốc “thiên sai” – cũng như cống hiến một thoáng nhìn về một dự án thần linh, một dự án đề cao vai trò của nữ giới.

Thật vậy, dấu hiệu này chẳng những là người con, thế nhưng việc thụ thai ngoại thường sau đó nơi cính việc hạ sinh cho thấy một biến cố tràn đầy hy vọng, một biến cố nhấn mạnh tới vai trò chính yếu của người mẹ.

Lời tiên tri về Emmanuel cũng cần phải được hiểu theo chiều hướng được mở ra trước lời hứa với Đavít, một lời hứa chúng ta đọc thấy trong Quyển Thứ Hai Sách Samuel. Ở đó, tiên tri Nathan hứa với vị vua này hồng ân của Thiên Chúa đối với giòng dõi của vua: “Người sẽ xây dựng một nhà cho danh Ta, và Ta sẽ thiết lập ngôi báu cho vương quốc của Người. Ta sẽ là Cha của Người và Người sẽ là con của Ta” (2Sam 7:13-14).

Thiên Chúa muốn hành sử vai trò thân phụ của mình đối với giòng dõi của vua Đavít, một vai trò sẽ tỏ hiện trọn vẹn đích thực ý nghĩa của nó nơi Tân Ước với Việc Nhập Thể của Con Thiên Chúa trong nhà Đavít (cf. Rm 1:3).

5. Cũng tiên tri Isaia, trong một đoạn rất quen thuộc khác, đã xác định bản chất ngoại thường của việc Emmanuel hạ sinh. Đây là những lời của vị tiên tri: “Một con trẻ đã được sinh ra cho chúng ta, một người con trai đã được ban cho chúng ta; và Người sẽ đảm nhận việc cai trị, và Người sẽ được gọi là ‘Cố Vấn Kỳ Diệu, Thiên Chúa Toàn Năng, Người Cha Vĩnh Cửu, Hoàng Tử Thái Bình’” (9:5). Như thế, lời tiên tri này diễn tả, theo một loạt tên gán cho con trẻ, những phẩm tính nơi vai trò vương giả của Người: khôn ngoan, toàn năng, từ phụ, kiến an.

Người mẹ không còn được đề cập đến ở đây, thế nhưng việc tuyên dương người con, Đấng mang lại cho con người tất cả những gì họ có thể hy vọng nơi vương quốc thiên sai này, cũng được phản ánh nơi người nữ thụ thai và hạ sinh Người.

6. Lời tiên tri nổi tiếng của Mica cũng ám chỉ đến việc hạ sinh của Emmanuel. Vị tiên tri này nói: “Thế nhưng ngươi, ôi Bethlehem Ephrathah, ngươi nhỏ bé trong các chi họ ở Giuđa, từ ngươi sẽ xuất phát cho Ta một vị cai trị Yén Duyên (Israel), vị có nguồn gốc từ xa xưa, từ những ngày cổ thời. Bởi thế, Chúa sẽ bỏ mặc các chi tộc này cho tới khi người nữ quần quai sinh con...” (5:1-2). Những lời này âm vang niềm mong đợi một cuộc hạ sinh đầy những hy vọng thiên sai, một cuộc hạ sinh, một lần nữa, vai trò của người mẹ được nhấn mạnh, người mẹ hiển nhiên được tưởng nhớ và trở nên cao sang nhờ biến cố diệu kỳ mang lại niềm vui và ơn cứu độ.

Lời tiên tri dọn đường mạc khải cho vai trò trinh mẫu

7. Vai trò trinh mẫu của Mẹ Maria được sửa soạn một cách tổng quát hơn bằng lòng quý mến của Thiên Chúa đối với thành phần thấp hèn và thành phần nghèo hèn (cf. *Lumen gentium*, n. 55).

Nhờ thái độ của họ đặt tất cả niềm tin tưởng của mình vào Chúa, họ cho thấy trước ý nghĩa sâu xa về đức đồng trinh của Mẹ Maria. Bằng việc từ bỏ tính chất dồi dào phong phú của vai trò làm mẹ loài người, Mẹ đợi trông từ Thiên Chúa tất cả hoa trái nơi đời sống của Mẹ.

Bởi vậy Cựu Ước không chứa một loan báo chính thức về vai trò trinh mẫu, một vai trò chỉ trọn vẹn được mạc khải nơi Tân Ước. Tuy nhiên, lời tiên tri của Isaia (7:14) đã dọn đường cho việc mạc khải màu nhiệm này và đã được dịch như thế nơi bản dịch Hy Lạp Cựu Ước. Bằng việc trích dẫn lời tiên tri được chuyển dịch ấy, Phúc Âm Thánh Mathêu loan báo việc hoàn toàn nên trọn của nó qua việc thụ thai của Chúa Giêsu trong cung lòng trinh nguyên của Mẹ Maria.

Thiên Chức Làm Mẹ là một tặng ân đặc biệt của Chúa

Bài 14 – 6/3/1996

1. Thiên chúc làm mẹ là một tặng ân của Thiên Chúa. Evà đã kêu lên sau khi sinh ra Cain, người con trai đầu lòng của bà rằng: 'Tôi đã có được một con người nhờ sự giúp đỡ của Chúa!' (Gen 4:1). Bằng những lời ấy, Sách Khởi Nguyên đã cho thấy thiên chúc làm mẹ đầu tiên này trong lịch sử loài người như là một ân ban và là niềm vui xuất phát từ sự thiện hảo tốt lành của Đấng Hóa Công.
2. Việc hạ sinh của Isaac cũng được diễn tả tương tự như thế, ở vào lúc khởi nguyên của thành phần dân được tuyển chọn.

Thiên Chúa đã hứa với Abraham, vị đã không có con cái mà bấy giờ lại luống tuổi, giòng dõi nhiều như sao trời (cf. Gen 15:5). Lời hứa này được vị tổ phụ ấy đón nhận bằng một đức tin cho thấy dự án của Thiên Chúa đối với con người này: 'Ông đã tin tưởng vào Chúa; và Chúa kể việc ông tin tưởng là những gì công chính' (Gen 15:6). Lời hứa này được khẳng định nơi những lời Chúa phán vào dịp Ngài lập giao ước với Abraham: 'Này đây Ta thiết lập giao ước với ngươi, ngươi sẽ là cha của đông đảo các dân nước' (Gen 17:4). Những biến cố phi thường và huyền nhiệm đã nhấn mạnh đến vai trò làm mẹ của bà Sarah như thế nào chính yếu là hoa trái của tình thương Thiên Chúa, Đấng ban sự sống ngoài tất cả niềm mong ước của nhân loại: 'Ta sẽ chúc phúc cho nàng, hơn thế nữa qua nàng Ta sẽ ban cho ngươi

một người con trai; Ta sẽ chúc phúc cho nàng, và nàng sẽ là mẹ của chư dân; các vua chúa sẽ xuất thân từ nàng' (Gen 17:15-16). Vai trò làm mẹ được coi thấy như là một tặng ân quyết liệt của Chúa. Vị tổ phụ này và vợ của ông sẽ được ban cho một tên gọi mới để đánh dấu việc biến đổi không ngờ và lạ lùng Thiên Chúa cần phải thực hiện trong đời sống của họ.

Chúa hài lòng với tặng ân thiên chức làm mẹ

3. Việc viếng thăm của 3 người nhiệm lạ, những nhân vật được các vị Giáo Phụ của Giáo Hội cất nghĩa là tiền thân của Ba Ngôi, đã loan báo cho biết việc hoàn tất lời hứa với Abraham một cách hiển nhiên hơn: 'Chúa đã hiện ra với ông gần những cây sồi ở Mamre, khi ông ngồi ở cửa lều trong một ngày nóng bức. Ông ngước mắt lên nhìn thì này có 3 người đứng trước mặt ông' (Gen 18:1-2). Abraham đặt vấn đề: 'Một con trẻ sẽ được sinh ra cho một con người đã trăm tuổi đời hay sao? Chẳng lẽ Sarah 90 tuổi rồi mà còn có con hay sao?' (Gen 17:17; cf. 18:11-13). Vị khách thần linh đáp rằng: 'Đâu có sự gì là quá khó đối với Chúa chứ? Ta sẽ trở lại vào thời điểm được ấn định, khoảng bằng giờ này năm tới, Sarah sẽ sinh một con trai' (Gen 18:14; cf. Lk 1:37).

Đoạn trình thuật này nhấn mạnh đến hiệu quả của việc viếng thăm thần linh, một cuộc viếng thăm

mang lại hoa trái cho một cuộc phối ngẫu vốn son sẻ cho tới bấy giờ. Tin tưởng vào lời hứa ấy, Abraham đã trở thành một người cha hy vọng bất chấp mọi sự và là ‘người cha trong niềm tin’ vì từ niềm tin tưởng của ông ‘xuất phát’ niềm tin tưởng của thành phần dân được tuyển chọn.

4. Thánh Kinh đã thuật lại những câu chuyện khác về những người phụ nữ được thoát khỏi tình trạng son sẻ và được hoan hỉ nhờ Chúa ban cho tặng ân được làm mẹ. Những trường hợp này thường là những trường hợp của nỗi buồn đau, những trường hợp được Thiên Chúa nhúng tay vào biến thành các cảm nghiệm hân hoan khi Ngài đáp ứng những lời nguyện cầu chân thành của những ai không còn hy vọng gì nữa về phương diện loài người. Chẳng hạn trường hợp ‘Khi Rachel thấy rằng nàng không sinh con cái cho Giacóp, nàng đã ghen tị với người chị của mình; và nàng nói cùng Giacóp rằng ‘Hãy cho em con cái bằng không em chết mất!’ Giacóp tức lên vì Rachel mà nói rằng: ‘Tôi chẳng lẽ là Thiên Chúa, Đấng đã không cho lòng ba sinh hoa kết trái?’ (Gn 30:1-2).

Thế nhưng, đoạn thánh kinh này liên tiếp: ‘Bấy giờ Thiên Chúa đã nhớ tới Rachel và Thiên Chúa đã lắng nghe nàng và mở lòng nàng ra. Nàng đã thụ thai và sinh một người con trai’ (Gn 30:22-23). Người con này là Giuse đóng một vai trò rất quan trọng đối

với Yến Duyên (Israel) vào thời điểm di tản sang Ai Cập.

Trong trình thuật này cũng như ở các trình thuật khác, Thánh Kinh có ý đề cao bản chất lạ lùng của việc Thiên Chúa can thiệp vào các trường hợp đặc biệt như thế, khi nhấn mạnh tới tình trạng ban đầu son sẻ của người đàn bà ấy; tuy nhiên, Thánh Kinh đồng thời cũng giúp cho chúng ta có thể nắm bắt được cái nhưng không vốn có nơi tất cả mọi thiên chức làm mẹ.

5. Chúng ta thấy một tiến trình tương tự nơi trình thuật về Samson. Người vợ của Manoah, người chưa bao giờ có thể sinh sản, đã nghe thấy lời Chúa loan báo từ một thiên thần rằng: 'Này người son sẻ không có con cái; thế nhưng người sẽ thụ thai và sinh một người con trai' (Jgs 13:3). Việc thụ thai này, lạ lùng ngoài lòng mong ước, đã loan báo những sự cao cả Chúa sẽ thực hiện qua Samson.

Trong trường hợp của Hannah, mẹ của Samuel, vai trò đặc biệt của việc cầu nguyện được nhấn mạnh. Hannah đã chịu đựng sự nhục nhã vì son sẻ thế nhưng nàng hoàn toàn tin tưởng mãnh liệt nơi Thiên Chúa, Đấng liên li nguyện cầu để Ngài giúp nàng vượt qua cuộc thử thách ấy. Một ngày kia, tại đền thờ, nàng đã khấn hứa như sau: 'Ôi Chúa các đạo binh, nếu Chúa thực sự nhìn đến nỗi khốn khó của

nữ tỳ Chúa mà nhớ đến con, xin đừng bỏ quên đứa tỳ nữ này của Chúa mà ban cho đứa tỳ nữ này một đứa con trai thì con sẽ dâng nó cho Chúa trọn cuộc đời của nó' (1Sam 1:11).

Lời cầu nguyện của nàng đã được đáp ứng: 'Chúa đã nhớ đến nàng' và 'Hannah đã thụ thai và sinh một người con trai, được nàng đặt tên là Samuel' (1 Sm 1:19-20). Giữ lời hứa, Hannah đã hiến dâng đứa con trai của mình cho Chúa: 'Tôi đã cầu xin cho có đứa con này; và Chúa đã đáp lời tôi cầu xin cùng Ngài. Bởi thế, tôi trả nó về cho Chúa; bao lâu nó sống nó thuộc về Chúa' (1 Sm. 1:27-28). Được Thiên Chúa đã ban cho Hannah và được Hannah đã dâng về cho Chúa, bé Sammuell đã trở thành một mối liên kết hiệp thông sống động giữa Hannah và Thiên Chúa.

Bởi thế, việc Samuel được sinh ra là một cảm nghiệm hân hoan và là một cơ hội tạ ơn. Sách Samuel Quyển Thứ Nhất chứa một bài thánh ca được cho là bài Ca Vịnh Ngợi Khen – Magnificat của Hannah, một bài ca vịnh đường như tiên báo trước bài ca vịnh của Mẹ Maria: 'Tâm hồn tôi hoan hỉ trong Chúa; sức mạnh tôi vươn lên trong Chúa' (1Sam 2:1).

Ơn được làm mẹ Thiên Chúa ban cho Hannah nhờ lời cầu nguyện liên li của nàng đã làm cho nàng tràn

đầy một tấm lòng quảng đại mới. Viễn dăng hiến Samuel là một đáp ứng tri ân cảm tạ của một người mẹ, vì nhận biết nơi con mình là hoa trái của tình thương Thiên Chúa, đã trả tặng ân này về cho Ngài, ký thác người con được nài hết sức mong ước ấy cho Chúa.

Thiên Chúa can thiệp vào những giây phút quan trọng

6. Trong các trình thuật làm mẹ lạ lùng được chúng ta nhắc lại, thật dễ dàng nhận thấy được vị thế quan trọng mà Thánh Kinh gán cho các người mẹ về sứ vụ của những người con trai của họ. Ở trường hợp của Samuel, Hannah đã đóng một vai trò quyết liệt khi quyết định dâng bé cho Chúa. Vai trò quyết liệt tương tự như thế nơi một người mẹ khác là Rebecca, người đã mang lại gia sản cho Giacóp (Gen 27). Việc can thiệp của người làm mẹ ấy, như Thánh Kinh cho thấy, có thể được giải thích như là dấu hiệu được chọn làm dụng cụ cho dự án chủ quyền của Thiên Chúa. Chính Ngài là Đấng đã chọn đứa con út Giacóp này để nó lãnh nhận phúc lành và gia sản của người cha, và vì thế Ngài là mục tử và là vị lãnh đạo dân của Ngài... Chính Ngài là Đấng, bằng việc quyết định tự do và khôn ngoan, đã ấn định và quản trị định mệnh của từng người (Wis 10:10-12).

Sứ điệp của Thánh Kinh liên quan tới vai trò làm mẹ cho thấy những khía cạnh quan trọng và luôn hợp thời: thật vậy, nó làm sáng tỏ chiều kích nhưng không, một chiều kích được đặc biệt hiển nhiên nơi trường hợp của những người nữ son sẻ, sáng tỏ giao ước riêng biệt của Thiên Chúa với người phụ nữ và mối liên hệ đặc biệt giữa định mệnh của người mẹ với định mệnh của người con.

Đồng thời, việc can thiệp của Thiên Chúa, Đấng, vào những thời điểm quan trọng trong lịch sử của dân Ngài, đã khiến cho những người nữ son sẻ thụ thai, sửa soạn cho niềm tin tưởng vào sự can thiệp của Thiên Chúa, Đấng mà vào thời điểm viên trọn, sẽ làm cho một Trinh Nữ sinh hoa kết trái cho Việc Nhập Thể của Con Ngài.

Vai trò bất khả thiếu của nữ giới trong lịch sử cứu độ

Bài 15 – 27/3/1996

1. Cựu Ước nêu lên trước sự thán phục của chúng ta một số phụ nữ đặc biệt, thành phần, được thúc

đẩy bởi Thần Linh Thiên Chúa, tham dự vào những cuộc đối chọi và chiến thắng của YẾN DUYÊN (Israel) hay góp phần vào sự cứu độ của dân này. Sự hiện diện của họ trong lịch sử dân ấy không phải là những gì ngoài lề hay thụ động: họ xuất hiện như là những nhân vật chính yếu thực sự của lịch sử cứu độ. Sau đây là những mẫu gương quan trọng nhất.

Sau khi vượt qua Biển Đỏ, sách thánh nhấn mạnh đến việc khởi động của một người nữ cảm thấy phần chần để làm cho biến cố quan trọng này thành một việc cử hành hân hoan vui vẻ: “Bấy giờ Miriam, nữ tiên tri, người chị em của Aaron đã cầm lấy cái trống; và tất cả nữ giới theo cô cầm trống tiến ra nhảy múa. Và Miriam đã hát cho họ thể này: ‘Hãy hát lên Chúa, vì Ngài đã hiển vinh chiến thắng; chiếm mã với kỵ binh Ngài đã quăng chìm xuống biển’” (Ex 15:20-21).

Việc đề cập đến việc làm này của nữ giới trong bối cảnh của một việc cử hành nhấn mạnh chẳng những đến tầm quan trọng của vai trò nữ giới mà còn đến khả năng đặc biệt của họ trong việc chúc tụng và tạ ơn Thiên Chúa.

**Việc đóng góp tích cực của nữ giới
vào lịch sử cứu độ**

2. Hành động của nữ tiên tri Deborah, ở vào thời điểm của các Quan Phán, thậm chí còn quan trọng hơn nữa. Sau khi truyền lệnh cho viên chỉ huy trưởng quân đội lên đường và qui tụ quân sĩ của viên chỉ huy này lại, bà đã bảo đảm bằng sự hiện diện của bà việc thành công của quân đội Yết Duyên (Israel), tiên đoán rằng một nữ giới khác là Jael sẽ hạ sát viên tướng của kẻ thù họ.

Để cử hành cuộc đại thắng, Deborah cũng hát một bài ca vịnh dài ca ngợi hành động của Jael: “Điểm phúc nhất trong hàng nữ giới là Jael... điểm phúc nhất trong thành phần nữ giới ở lều” (Jgs 5:24). Trong Tân Ước, lời chúc tụng này được âm vang nơi những lời của Bà Isave ngỏ cùng Mẹ Maria vào ngày Thăm Viếng: “Em được điểm phúc trong hàng nữ giới...” (Lk 1:42).

Vai trò quan trọng của nữ giới nơi việc cứu độ dân mình, được đề cao nhờ những nhân vật Deborah và Jael, lại được trình bày một lần nữa nơi câu chuyện của nữ tiên tri khác tên là Huldah, vị sống vào thời Vua Josiah.

Được tư tế Hilkiyah chất vấn, bà đã nói tiên tri loan báo rằng ơn tha thứ sẽ được tỏ cho vua thấy, một con người đang lo sợ con thịnh nộ thần linh. Bởi thế Huldah trở nên một sứ giả của tình thương và an bình (cf. 2 Kgs 22:14-20).

3. Những cuốn Sách Judith và Esther, những cuốn sách có mục đích để lý tưởng hóa việc đóng góp tích cực của người phụ nữ vào lịch sử cứu độ của thành phần dân được tuyển chọn, trình bày cho thấy – trong một bối cảnh có tính chất văn hóa bạo động – hai người nữ đã chiến thắng và mang lại sự cứu độ cho nhân dân Yến Duyen.

Đặc biệt là Cuốn Sách Judith kể về một quân đội đáng sợ được Nebuchadneoãar sai đến khống chế Yến Duyen. Được điều khiển bởi Holofernes, quân đội của kẻ thù sẵn sàng chiếm thành Bethulia, giữa niềm tuyệt vọng của dân cư trong thành, thành phần, vì cảm thấy bất cứ kháng cự nào cũng đều vô dụng, đã yêu cầu những nhà lãnh đạo của mình hãy qui hàng. Thế nhưng, thành phần trưởng lão trong thành, những người, vì thiếu trợ cấp ngay chóng đã tuyên bố sẵn sàng dâng thành Bethulia cho quân thù, đã bị Judith khiến tránh vì thiếu đức tin, khi bà tuyên xưng niềm tin tưởng hoàn toàn của mình vào việc cứu độ xuất phát từ Chúa.

Sau lời nguyện cầu dài dâng lên Thiên Chúa, bà, một biểu hiện cho lòng trung thành với Chúa, của lời nguyện cầu khiêm hạ và của ý hướng giữ mình thanh sạch, đã đến với Holofernes, một viên tướng thù địch đầy kiêu hãnh, ngẫu tượng và phóng đãng. Khi ở một mình với hắn và trước khi lấy đầu hắn, Judith đã nguyện cầu cùng Giavê rằng: “Hôm nay

xin Chúa hãy ban cho con sức mạnh, Ôi Chúa là Thiên Chúa của YẾN DUYÊN” (Jdt 13:&). Sau đó, lấy guom của Holofernes, bà đã cắt thủ cấp của hắn.

Cả ở đây nữa, như trong trường hợp của David với Goliath, Chúa đã sử dụng những gì là yếu hèn để chiến thắng những gì là mạnh mẽ. Tuy nhiên, vào trường hợp này, chính một nữ nhân đã mang lại chiến thắng: Judith, không bị nhụt chí bởi tính hèn nhát và thiếu tin tưởng của thành phần lãnh đạo trong dân, đã tiến đến với Holofernes mà hạ sát hắn, chiếm được lòng tri ân và chúc tụng của Vị Thượng Tế và thành phần trưởng lão ở Giêrusalem. Thành phần trưởng lão đã than lên cùng người nữ đã đánh bại quân thù rằng: “Bà là niềm hân hoan của Giêrusalem, bà là vinh quang cả thể của Yến Duyên, bà là niềm vinh dự cả thể của đất nước chúng tôi! Bà đã thực hiện tất cả điều này một thân một mình; bà đã mang lại thiện hảo lớn lao cho Yến Duyên, và Thiên Chúa rất hài lòng vì nó> Xin Thiên Chúa Toàn Năng muôn đời chúc lành cho bà!” (Jdt 15:9-10).

4. Các biến cố được thuật lại trong Sách Esther đã xảy ra trong một trường hợp khác rất khó khăn đối với người Do Thái. Ở vương của Ba Tư, Haman, viên quan nhiếp chính của vua, ra lệnh tru diệt người Do Thái. Để loại bỏ mối nguy hiểm này, Mardocai, một người Do Thái sống ở thành Susa, hướng về đứa cháu gái Esther của mình, người đang

sống trong cung đình của nhà vua, nơi bà đã chiếm được vị thế hoàng hậu. Ngược lại với luật định, bà đã đến với vua mà không có lệnh triệu hồi của vua, do đó có thể bị án tử, và bà đã đạt được việc cthư hồi lệnh tàn sát dân Do Thái. Haman bị hành quyết, Mordocai lên nắm quyền và dân Do Thái được thoát khỏi mối đe dọa, nhờ đó qua mặt các kẻ thù của mình.

Judith và Esther cả hai đều liều mạng sống của mình để chiếm được việc cứu độ cho dân của mình. Cả hai việc can thiệp này, tuy nhiên, hoàn toàn khác nhau: Esther không sát hại kẻ thù như, nhờ việc đóng vai trò trung gian, can thiệp cho thành phần bị đe dọa bị hủy diệt.

Thánh Linh phác vẽ vai trò của Mẹ Maria trong việc cứu độ loài người

5. Vai trò can thiệp này sau đó được cuốn Sách Samuel quyển Thứ Nhất qui cho một nhân vật nữ giới khác là Abigail, vợ của Nabal. Cả ở đây nữa, nhờ việc can thiệp của bà mà một lần nữa đã chiếm được việc cứu độ. Bà đã đến gặp Đavít, người đã quyết hủy diệt nhà của Nabal, và xin tha thứ cho tội lỗi chồng ba gây ra. Nhờ đó bà đã cứu nhà của chống khỏi bị hủy diệt (1Sam 25).

Như dễ dàng nhận thấy, truyền thống Cựu Ước thường nhấn mạnh đến hành động quyết liệt của nữ giới trong việc cứu độ của YẾN DUYÊN, nhất là nơi những văn bản gần gũi nhất với việc Chúa Kitô đến. Như thế, Thánh Linh, qua các biến cố liên quan tới thành phần nữ giới thuộc Cựu Ước, đã phác tả một cách chính xác hơn nữa những tính chất nơi sứ vụ của Mẹ Maria trong công cuộc cứu độ cho toàn thể nhân loại.

Người đàn bà lý tưởng là một kho tàng quý báu

Bài 16 – 10/4/1996

1- Cựu Ước và truyền thống Giuđa tràn đầy những chứng nhận về tính chất cao quý về luân lý của nữ giới, một tính chất được bộc lộ trước hết nơi thái độ tin tưởng vào Chúa, nơi việc cầu nguyện để được tặng ân làm mẹ và nơi việc van nài Chúa cứu dân YẾN DUYÊN (Israel) khỏi những cuộc tấn công của các kẻ thù. Đôi khi, như trong trường hợp của Judith, phẩm tính này được toàn thể cộng đồng mừng vui, trở thành đối tượng được dân chúng ca ngợi.

Ngoài những gương sáng của các vị nữ anh hùng trong thánh kinh, cũng không thiếu những chứng từ có tính cách tiêu cực của một số người nữ: chẳng hạn như Delilah, một người nữ đã hủy hoại khả năng ngôn sứ của Samson (Jgs 16:4-21), những người phụ nữ ngoại bang đã hướng lòng của vua Solomon trong lúc tuổi già quay lưng lại với Chúa mà tôn thờ các thần khác (1 Kgs 11:1-8), Jezebel là người đã sát hại tất cả “các vị tiên tri của Chúa” (I Kgs 18:13) và đã ra lệnh giết chết Noboth để lấy vườn nho của ông mà trao cho Ahab (I Kgs 21), và vợ của Job là người sỉ nhục ông trong cảnh bất hạnh của ông khiến ông phản đối (Job 2:9).

Trong các trường hợp này, hạnh kiểm của nữ giới là những gì gọi lại hạnh kiểm của Evà. Tuy nhiên, cái nhìn chủ yếu trong Thánh Kinh là cái nhìn được tác động bởi cuốn Phúc Âm Mẫu, một cuốn sách thấy nơi nữ giới là một liên minh của Thiên Chúa.

Hình ảnh nữ giới là quà tặng quý báu của Chúa

2. Thật vậy, nếu các người nữ ngoại bang bị nguyên rủa vì kéo Solomon xa khỏi lòng sùng kính của ông đối với Vị Thiên Chúa chân thật, thì Sách Bà Ruth lại cho chúng ta thấy hình ảnh cao quý nhất về một người phụ nữ ngoại bang, đó là Ruth, người Moabite, một mẫu gương đạo hạnh đối với họ hàng

của mình và một tấm lòng chân thành và quảng đại. Chia sẻ đời sống và đức tin của dân Yến Duyên, cô đã trở thành bà cố nội của Đavít và là tổ tiên của Đấng Thiên Sai. Thánh Mathêu, khi đưa bà vào gia phả của Chúa Giêsu (Mt 1:5), làm cho bà trở thành một dấu hiệu của tính chất đại đồng và là một lời loan báo về tình thương của Thiên Chúa bao gồm toàn thể nhân loại.

Trong số thành phần nữ giới liên quan tới Chúa Giêsu, vị Thánh Ký đầu tiên này cũng nhắc đến Tamar, Rahab và vợ của Uriah, 3 người phụ nữ tội lỗi nhưng không gian ác được liệt kê trong số các vị tổ tiên nữ giới của Đấng Thiên Sai, để cho thấy rằng sự thiện hảo thần linh còn lớn lao cao cả hơn cả tội lỗi. Bằng ân sủng của mình, Thiên Chúa đã làm cho những trường hợp hôn nhân bất thường góp phần vào các dự án cứu độ của Ngài, nhờ đó cũng sửa soạn cho tương lai.

Một tấm gương khiêm tốn hiến thân khác, khác với tấm gương của bà Ruth, được thể hiện nơi người con gái của Jephthah, người con gái đã đồng ý trả giá cho cuộc cha mình chiến thắng dân Ammonites bằng cái chết của cô (Jgs 11:34-40). Khi than van về số kiếp ác nghiệt của mình, cô không tỏ ra phản loạn nhưng hiến mình cho cái chết để hoàn tất lời thề vô tâm của cha mẹ mình trong bối cảnh của những tục

lệ thô sơ vẫn còn thịnh hành bấy giờ (cf. Jer 7:31; Mi 6:6-8).

3. Cho dù văn chương khôn ngoan thường ám chỉ đến những thiếu sót yếu kém của nữ giới, thứ văn chương này cũng nhận thấy nơi họ một kho tàng tiềm tàng: “Ai tìm được một người vợ là tìm được một điều tốt đẹp, và được Chúa ban ân huệ” (Prov 18:22), cuốn Sách Cách Ngôn đã nói như thế, khi bày tỏ niềm cảm nhận được xác tín về hình ảnh của nữ giới, một quà tặng quý báu của Chúa. Ở cuối của cùng cuốn sách này, chân dung của người đàn bà lý tưởng được phác họa. Bà không tiêu biểu cho một mẫu gương bất khả đạt mà là một hình ảnh cụ thể xuất phát từ cảm nghiệm về những người nữ cao giá: “Ai có thể tìm thấy được một người vợ tốt? Nàng quý báu hơn các thứ nữ trang rất nhiều...” (Prov 31:10).

Văn chương khôn ngoan thấy nơi lòng trung thành của nữ giới đối với giao ước thần linh tột đỉnh của các khả năng họ có và là nguồn mạch lớn lao nhất cho việc ngợi khen. Thật vậy, cho dù đôi khi họ cảm thấy chán nản, người phụ nữ cũng trỗi vượt tất cả những gì là mong đợi một khi con tim của họ trung thành với Thiên Chúa: “Duyên dáng là lừa gạt, và mỹ miều là phù du, nhưng một người đàn bà kính sợ Chúa phải được ca tụng” (Prov 31:30).

Người Mẹ đáng kính nhớ

4. Theo chiều hướng ấy, Sách Maccabê, trong câu chuyện của người mẹ sinh ra 7 anh em tử đạo trong cuộc bách hại của vua Antiochus Epiphanes, đã nêu cao cho chúng ta thấy một tấm gương cao quý đáng ca ngợi nhất khi bị thử thách. Sau khi diễn tả cái chết của 7 người anh em, vị tác giả thánh viết thêm: “Người mẹ này đặc biệt đáng ca ngợi và đáng kính nhớ. Mặc dù bà thấy 7 đứa con trai của mình chết trong cùng một ngày, bà vẫn hết sức can trường chịu đựng vì bà tin tưởng vào Chúa. Bà đã phẫn khích từng đứa con bằng ngôn ngữ cha ông. Tràn đầy tinh thần cao cả, lời lẽ của bà tuy là phụ nữ nhưng đã sôi sục chí khí nam nhân”, nhờ đó cho thấy niềm tin tưởng của bà vào cuộc phục sinh sau này: “Chính Đấng Tạo Hoá càn khôn đã nắn đúc nên loài người, và đã sáng tạo nguồn gốc muôn loài. Chính Người do lòng thương xót, cũng sẽ trả lại cho các con hơi thở và sự sống, bởi vì bây giờ các con trọng Luật Lệ của Người hơn bản thân mình.” (2 Me 7:20-23).

Khi thúc đẩy người con trai thứ bảy của mình thà chết còn hơn bất tuân luật thần linh, người mẹ đã bày tỏ đức tin của bà vào công cuộc của Thiên Chúa là Đấng tạo dựng nên tất cả mọi sự từ hư không: “Mẹ van xin con, hỡi con của mẹ, hãy nhìn trời đất và hãy nhìn xem hết mọi sự trong trời đất này mà

nhìn nhận rằng Thiên Chúa đã không tạo thành chúng từ những gì đã hiện hữu. Nhân loại được hiện hữu cũng thế. Con đừng có sợ tên đao phủ này, mà hãy tỏ ra xứng đáng với các anh của con. Hãy chấp nhận cái chết, để khi tới thời điểm xót thương, mẹ sẽ gặp lại con cùng với các anh con” (2 Mc 7:28-29).

Sau đó bà đã hiến mình cho một cái chết đẫm máu, sau khi tâm can chịu cực hình 7 lần, chứng tỏ cho thấy một đức tin kiên trung, một đức cậy vô hạn và lòng can đảm anh dũng.

Nơi những hình ảnh của nữ giới này, những con người bộc phát những kỳ diệu của ân sủng thần linh, chúng ta thoáng thấy được một người nữ cao cả nhất là Mẹ Maria, Mẹ của Chúa Kitô.

Thiên Chúa hằng trung thành với giao ước của Ngài

Bài 17 – 24/4/1996

1. Thánh Kinh thường dùng lời diễn tả “nữ tử Sion” để nói về dân cư của thành Giêrusalem là nơi rất quan trọng về lịch sử và tôn giáo (cf. Mi 4:10-13; Zep 3:14-18; Zec 2:14; 9:9-10).

Việc nhân cách hóa theo nữ tính này giúp dễ dàng việc giải thích có tính chất phu thê nơi mối liên hệ yêu thương giữa Thiên Chúa và dân Yến Duyệt, thường được diễn tả bằng những từ ngữ “đính hôn nhân - betrothed” hay “người vợ - wife”.

Lịch sử cứu độ là câu chuyện tình của Thiên Chúa, thế nhưng thường bao gồm cả tính chất bất trung của con người. Lời của Chúa thường trách móc thành phần dân làm vợ này, thành phần làm đồ vỡ Giao ước hôn nhân được ký kết với Thiên Chúa: “Thật vậy, như một người vợ bất trung lìa bỏ chồng mình, các ngươi cũng bất trung với Ta như vậy, Ôi nhà Yến Duyệt” (Jer 3:20), và kêu gọi con cái Yến Duyệt hãy nài xin cùng người mẹ của chúng rằng: “Hãy van xin cùng người mẹ của các người, hãy van nài – vì bà không phải là vợ của Ta và Ta không phải là chồng của bà” (Hos 2:2).

Tội bất trung làm ô uế dân Yến Duyệt, người vợ của Giavê này là gì? Trước hết là ở việc tôn thờ ngẫu tượng: theo thánh kinh, thì trước con mắt của Chúa, việc thành phần dân tuyển chọn của Ngài chạy theo

các thư ngẫu tượng là những gì tương đương với việc ngoại tình.

2. Tiên tri Hosea khai triển, bằng những hình ảnh mãnh liệt và thảm thiết, đề tài về Giao Ước phu thê giữa Thiên Chúa và dân của Ngài cũng như về việc bất trung của họ: kinh nghiệm cá nhân của ông trở thành một biểu hiệu hùng hồn về nó. Thật vậy, khi con cái của ông được sinh ra, ông được truyền rằng: “Hãy gọi nó tên là Không xót thương được, vì Ta sẽ không thương hại nhà Yến Duyên, thứ tha cho chúng tí nào cả”, rồi “Hãy gọi nó là Không phải dân Ta, vì các người không phải là dân Ta và Ta không phải là Thiên Chúa của các người” (Hos 1:6,9).

Thiên Chúa loan báo một Giao Ước hoàn hảo hơn cho tương lai

Lời trách móc của Chúa và kinh nghiệm thất vọng về việc tôn thờ các thứ ngẫu tượng khiến cho người vợ bất trung này hồi tâm nghĩ lại, và, thống hối, cô ta sẽ nói rằng: “Tôi sẽ lên đường trở về cùng người chồng đầu tiên của tôi, vì nhờ đó tôi mới sống tốt hơn là bây giờ” (Hos 2:7). Thế nhưng, chính Thiên Chúa đã muốn tái lập Giao Ước, và vì thế lời của Ngài trở nên nhung nhớt, xót thương và êm ái dịu dàng: “Này đây, bởi thế, Ta sẽ dụ dỗ nàng mà đưa nàng vào hoang địa rồi thả cùng nàng” (Hos 2:14). Thật thế, hoang địa là nơi Thiên Chúa thiết lập

Giao Ước vĩnh viễn với dân của Ngài sau cuộc giải phóng của họ khỏi tình trạng làm nô lệ.

Qua những hình ảnh yêu thương này, những hình ảnh cho thấy mối liên hệ khó khăn giữa Thiên Chúa và YẾN DUYÊN, vị tiên tri này làm sáng tỏ tình trạng đại thảm họa của tội lỗi, tình trạng bất hạnh của những gì là bất trung cùng với những nỗ lực của tình yêu thần linh trong việc nói với tâm can của con người và mang họ trở về lại với Giao Ước.

3. Bất kể những trục trặc về thời điểm, qua miệng của vị tiên tri này, Thiên Chúa loan báo một Giao Ước trọn hảo hơn cho tương lai: “Vào ngày đó, Chúa phán, người sẽ gọi Ta là ‘người chồng của tôi’ và không còn gọi Ta là ‘thần Baal của tôi’ nữa... Và Ta sẽ đính hôn với người đến muôn đời; Ta sẽ đính hôn người với Ta trong chính trực và trong công lý, trong tình yêu bền vững và trong xót thương. Ta sẽ đính hôn người với Ta trong thủy chung, và người sẽ nhận biết Vị Chúa này” (Hos 2:16, 19-20).

Chúa không bị thất đảm trước nỗi yếu hèn của con người, trái lại, đáp lại những bất trung của con người bằng cách đề ra một mối hiệp nhất vững chắc hơn và thân mật hơn: “Ta sẽ gieo hấn cho Ta nơi mảnh đất này. Và Ta sẽ xót thương đấng Không xót thương được, và Ta sẽ nói cùng đấng Không phải dân

Ta rằng ‘Ngươi là dân của Ta’; và hấn sẽ nói rằng: ‘Ngài là Thiên Chúa của tôi’” (Hos 2:23).

Cùng một nhãn quan về một thứ Giao Ước mới cũng được tiên tri Giêrêmia trình bày cho dân chúng ở chốn lưu đày: “Chúa phán, bấy giờ Ta sẽ là Thiên Chúa của tất cả mọi gia đình của Yến Duyên, và họ sẽ là dân của Ta’. Thế nên Chúa phán: ‘Thành phần dân thoát khỏi guom đao đã thấy được ân sủng trong hoang địa; khi Yến Duyên tìm chỗ nghỉ ngơi, Chúa đã hiện ra với ông từ xa. Ta đã yêu thương ngươi bằng một tình yêu vĩnh cửu; bởi thế Ta đã tiếp tục tỏ lòng trung thành với ngươi. Ta lại xây dựng ngươi và ngươi sẽ được dựng lên, Ôi Yến Duyên trinh trong!’” (Jer 31:1-4).

Bất chấp sự bất trung của dân chúng, tình yêu vĩnh hằng của Thiên Chúa bao giờ cũng sẵn sàng tái thiết giao ước yêu thương và cống hiến một thứ cứu độ vượt trên tất cả những gì ước mong.

4. Tiên tri Êzêkiên và Isaia cũng đề cập tới hình ảnh người đàn bà bất trung được thứ tha này. Qua tiên tri Êzêkiên, Chúa nói với người vợ mình rằng: “Thế nhưng Ta sẽ nhớ lại giao ước của Ta với ngươi trong những ngày ngươi còn trẻ trung, và Ta sẽ thiết lập với ngươi một giao ước vĩnh cửu” (Ez 16:60).

Sách của Tiên Tri Isaia trích một lời đầy êm ái dịu dàng như sau: “Vì Đấng Tạo Dựng của ngươi là chồng của ngươi... Vì trong giây lát Ta ruồng bỏ ngươi, nhưng đầy lòng xót thương Ta sẽ bao che ngươi. Trong cơn thịnh nộ bùng lên trong phút chốc, Ta đã không thèm nhìn ngươi, thế nhưng với tình yêu thương vĩnh cửu Ta sẽ xót thương ngươi, Chúa là Đấng Cứu Chuộc của ngươi phán” (Is 54:5,7-8).

Lời hứa hẹn cho nữ tử Sion là một tình yêu mới mẻ và thủy chung, một niềm hy vọng cao cả thắng vượt tình trạng bị bỏ rơi của người vợ bất trung này: “Hãy nói cùng nữ tử Sion rằng ‘Này đây, việc cứu độ của ngươi đã đến; này đây, phần thưởng của Người đang ở với Ngài, và việc đền bù ở trước Ngài’. Và họ sẽ được gọi là dân Thánh, dân được Cứu Chuộc của Chúa; và ngươi sẽ được gọi là Tim Thấy, một thành không bị ruồng bỏ” (Is 62:11-12).

Mối liên hệ với Thiên Chúa được diễn tả bằng những từ ngữ lý tưởng

Vị tiên tri này giải thích rằng: “Ngươi sẽ không còn được gọi là Bị Bỏ Rơi, và mảnh đất của ngươi sẽ không còn gọi là Bỏ Hoang; nhưng ngươi sẽ được gọi là niềm vui của Ta ở nơi nó, và mảnh đất của ngươi sẽ được gọi là Thành Hôn; vì Chúa hoan hỉ nơi ngươi, và mảnh đất của ngươi sẽ kết duyên. Vì như một nam nhân trẻ trung cưới một trinh nữ thế

nào thì Dấng Xây Dựng người sẽ cưới lấy người như thế; và như chàng rể hoan hỉ về cô dâu thế nào thì Thiên Chúa của người cũng hoan lạc về người như thế” (Is 62:4-5).

Những hình ảnh và thái độ của tình yêu, một tình yêu được Sách Diễm Tình Ca tóm lại trong câu: “Ta là của tình nhân Ta và tình nhân của Ta là của Ta” (6:3). Bởi vậy, mối liên hệ giữa Giavê và dân của Ngài một lần nữa được trình bày ở đây bằng những từ ngữ lý tưởng tuyệt vời.

5. Khi lắng nghe bản văn của các lời tiên tri, Mẹ Maria chắc chắn có ý nghĩ về viễn ảnh ấy, một viễn ảnh đã dưỡng nuôi trong tâm can Mẹ niềm hy vọng về vị thiên sai cứu tinh.

Những lời trách móc ngỏ cùng thành phần dân tộc bất trung chắc chắn đã tác động nơi Mẹ một cuộc dẫn thân nhiệt liệt hơn nữa trong việc trung thành với Giao Ước ấy, ở chỗ tâm thần của Mẹ mở ra trước dự án của một cuộc hiệp thông phu thê vĩnh cửu với Chúa trong ân sủng và tình yêu. Từ Giao Ước mới này xuất hiện ơn cứu độ của toàn thế giới.

Mẹ Maria đáp ứng Thiên Chúa bằng tình yêu phu thê

Bài 18 – 1/5/1996

1. Vào thời điểm Truyền Tin, Mẹ Maria, “người nữ tử Sion hoan hỉ” (*Lumen gentium*, n. 55), được vị thiên thần chào như Mẹ là vị đại diện cho nhân loại, được kêu gọi để tỏ lòng ưng thuận cho việc Nhập Thể của Người Con Thiên Chúa.

Lời đầu tiên vị thiên thần nói cùng Mẹ đó là mời gọi Mẹ hãy hân hoan: *chaire*, tức là “hân hoan”. Tiếng Hy Lạp này đã được chuyển dịch sang Latinh là “*Ave*”, một bày tỏ đơn sơ của lời chào mừng như không hoàn toàn tương đương với những ý hướng của vị sứ giả thần linh cùng với bối cảnh xảy ra cuộc hội ngộ này.

Dĩ nhiên, *chaire* cũng là một hình thức của lời chào thường được các người Hy Lạp sử dụng, thế nhưng những hoàn cảnh đặc biệt nó được sử dụng không liên hệ tới bầu không khí của một cuộc gặp gỡ thường tình. Thật vậy, chúng ta không được quên rằng vị thiên thần biết được một việc loan báo có

một không hai trong lịch sử loài người: bởi thế ở đây không có chuyện gặp gỡ đơn giản tầm thường. Trái lại, nguyên nghĩa của lời phát biểu chaire là “hân hoan” xem ra xứng hợp hơn với trường hợp ngoại thường này.

Như các vị Giáo Phụ Hy Lạp đặc biệt liên li vạch ra, khi trung dẫn một số lời tiên tri khác nhau, lời mời gọi hãy hân hoan rất thích đáng đối với việc loan báo Đấng Thiên Sai tới.

Hãy hoan hỉ vì Chúa đã thực hiện những việc trọng đại

2. Trước hết, chúng ta nghĩ đến Tiên Tri Zephaniah. Đoạn văn về Truyền Tin cho thấy có một cuộc song hành lý thú với lời sấm của ông: “Hãy hát to lên, Ôi nữ tử Sion; hãy la lên, Ôi Yển Duyên! Hãy hân hoan và hớn hờ hết lòng, Ôi nữ tử Giêrusalem!” (Zep 3:14). Có một lời mời gọi vui lên: “Hãy hết lòng hân hoan và hớn hờ!” (câu 14). Sự hiện diện của Chúa được đề cập tới: “Vị Vua của Yển Duyên là Chúa đang ở giữa người” (câu 15). Có lời huấn dụ đừng sợ nữa: “Đừng sợ, Ôi Sion, đừng để cho đôi tay người rã rời” (câu 16). Sau cùng, có cả một lời hứa hẹn về việc can thiệp cứu độ của Thiên Chúa: “Chúa là Thiên Chúa của người ở giữa người, một chiến binh mang lại chiến thắng” (câu 17). Những so sánh thì rất nhiều và thường xuyên là những gì dẫn

người ta tới chỗ nhận thấy Mẹ Maria như là một “nữ tử Sion” mới, vị có đây lý do để hân hoan vì Thiên Chúa đã quyết định hoàn thành dự án cứu độ của Ngài.

Một lời mời gọi hân hoan tương tự, thậm chí ở một bối cảnh khác, xuất phát từ lời của tiên tri Joel: “Đừng sợ, Ôi đất đai; hãy vui tươi và hoan hỉ, vì Chúa đã thực hiện những việc trọng đại!... Ngươi sẽ biết rằng Ta ở giữa Yến Duyên” (Jl 2:21-27).

3. Lời sấm của tiên tri Zechariah cũng quan trọng, lời sấm được trích dẫn liên quan đến việc Chúa Giêsu vào Thành Giêrusalem (Mt 21:5; Jn 12:15). Trong lời sấm này, lý do hân hoan được thấy ở nơi việc đức vua Thiên Sai tới: “Hãy thật là hoan hỉ, Ôi nữ tử Sion! Hãy la to lên, Ôi nữ tử Giêrusalem! Ngày vua của ngươi đang đến với ngươi; Người là vị chiến thắng và vinh thắng, khiêm tốn... và Người sẽ ban hòa bình cho chư dân” (zec 9:9-10).

Sau hết, việc loan báo niềm vui cho tân Sion xuất phát, theo Sách Tiên Tri Isaia, từ nhiều thế hệ của nó, một dấu hiệu của phúc lành thần linh: “Hãy hát ca Ôi kẻ hiếm muộn, người không cưu mang; hãy vang tiếng ca khen và kêu to, ngươi là kẻ chưa từng lâm bồn! Vì con cái của kẻ bị ruồng bỏ sẽ nhiều hơn con cái của người thành hôn, Chúa phán” (Is 54:1).

Có 3 lý do cho lời mời gọi hân hoan, đó là sự hiện diện cứu độ của Thiên Chúa giữa dân của Người, việc xuất hiện của đức vua thiên sai và thành quả phong phú nhưng không được nên trọn nơi Mẹ Maria. Chúng chứng minh ý nghĩa có thai được Truyền Thống qui về lời chào của vị thiên thần. Bằng việc mời Mẹ tỏ ra đồng ý với việc hoàn trọn lời hứa thiên sai và bằng việc loan báo cho Mẹ biết phẩm vị tối cao của việc làm Mẹ Chúa, vị thiên thần không thể không mời gọi Mẹ hãy vui lên. Thật vậy, như Công Đồng Chung Vaticanô II nhắc nhở chúng ta: “Sau một giai đoạn dài chờ đợi, các thời điểm đã được nên trọn nơi Mẹ, vị nữ tử Sion hoan hỉ, và dự án cứu độ mới được thiết lập khi Con Thiên Chúa mặc lấy bản tính loài người ở nơi Mẹ, nhờ đó Người có thể, nơi các mầu nhiệm về xác thịt của mình, giải thoát con người khỏi tội lỗi” (Lumen gentium, n. 55).

4. Trình thuật về Truyền Tin giúp chúng ta có thể nhận thấy nơi Mẹ Maria một tân “nữ tử Sion”, vị được Thiên Chúa kêu gọi hãy sâu xa vui tươi. Nó thể hiện vai trò phi thường của Người là mẹ của Đấng Thiên Sai, thật vậy, như là mẹ của Con Thiên Chúa. Vị Trinh nữ này chấp nhận sứ điệp ấy với tư cách là dân của Đavít, thế nhưng chúng ta có thể nói rằng Mẹ chấp nhận sứ điệp này thay cho tất cả nhân loại, vì Cựu Ước đã nói rộng vai trò của Đấng Thiên Sai thuộc giòng dõi Đavít tới toàn thể chư dân (cf. Ps 2:8; 71 [72]:8). Theo ý hướng thần linh thì việc loan

báo được ngỏ cùng Mẹ hướng tới ơn cứu độ phổ quát.

Mẹ Maria đón nhận niềm vui được các tiên tri báo trước

Để xác nhận viễn ảnh phổ quát này của dự án Thiên Chúa, chúng ta có thể nhắc lại vài đoạn Cựu Ước và Tân Ước là những đoạn so sánh ơn cứu độ với một bữa tiệc linh đình cho tất cả mọi dân tộc trên Núi Sion (cf Is. 25:6f) và là những đoạn loan báo bữa tiệc cuối cùng của vương quốc Thiên Chúa (cf. Mt 22:1-10).

Là “nữ tử Sion”, Mẹ Maria là vị Trinh Nữ của Giao Ước được Thiên Chúa thiết lập với toàn thể nhân loại. Vai trò đại diện của Mẹ Maria trong biến cố này là những gì rõ ràng. Và vấn đề quan trọng ở đây đó là một người nữ thi hành phận vụ ấy.

5. Thực vậy, là một tân “nữ tử Sion”, Mẹ Maria đặc biệt xứng hợp với việc tham phần vào Giao Ước với Thiên Chúa. Xứng đáng hơn bất cứ một phần tử nào trong Dân Tuyển Chọn, Mẹ có thể cống hiến cho Chúa tấm lòng đích thật của một Cô Dâu.

Với Mẹ Maria, “nữ tử Sion”, không phải chỉ thuần là một chủ thể chung mà là một con người đại diện cho nhân loại, và vào lúc Truyền Tin, Mẹ đã đáp ứng dự

án của tình yêu thần linh bằng tình yêu phu thê của Mẹ. Bởi vậy Mẹ đón nhận một cách đặc biệt niềm vui được các lời tiên tri báo trước, một niềm vui đạt tới tột đỉnh của nó ở đây trong việc hoàn trọn dự án của Thiên Chúa.

Đức Trinh Nữ đầy Ôn Thiên Chúa

Bài 19 - 7/5/1996

1- Trong trình thuật Truyền Tin, lời đầu tiên “Hãy vui lên” trong lời chào của vị Thiên Thần là một lời mời gọi hân hoan nhắc lại những lời sấm Cựu Ước được ngỏ cùng “nữ tử Sion”. Chúng ta đã nói đến điều này trong các bài giáo lý trước và cũng cắt nghĩa những lý do về lời mời gọi này: đó là vì sự hiện diện của Thiên Chúa ở giữa dân của Ngài, là việc xuất hiện của đức vua thiên sai và hoa trái của vai trò làm mẹ. Những lý do này được nên trọn nơi Mẹ Maria.

Thiên Thần Ga-Biên, khi nói cùng Vị Trinh Nữ Nazarét sau khi cất tiếng chào, “*chaire - hãy vui lên*”,

gọi Mẹ là *kecharitoméne* – “đầy ân phúc”. Những chữ trong bản Hy Lạp, *chaire* và *kecharitoméne*, có một liên hệ mật thiết với nhau: Mẹ Maria được mời gọi hãy vui lên trước hết là vì Thiên Chúa yêu thương Mẹ và đã làm cho Mẹ đầy ân sủng theo chiều hướng của vai trò thiên mẫu của Mẹ!

Đức tin của Giáo Hội và cảm nghiệm của các vị thánh dạy chúng ta rằng ân sủng là nguồn vui và niềm vui đích thực xuất phát từ Thiên Chúa. Nơi Mẹ Maria, cũng như nơi Kitô hữu, tặng ân thần linh là những gì tạo nên niềm vui sâu xa.

2.- *Kecharitoméne*: từ ngữ được ngỏ cùng Mẹ Maria ấy dường như trở thành một cách thức thích đáng để diễn tả người nữ được tiên định trở nên vị thân mẫu của Chúa Giêsu. Hiến Chế Anh Sáng Muôn Dân - *Lumen Gentium* đã xác đáng nhắc lại điều này khi khẳng định rằng: “Vị Trinh Nữ Nazarét được chào mừng bởi một thiên thần báo tin theo lệnh truyền thần linh là ‘đầy ân phúc’” (số 56).

Sự kiện vị thần sứ ngỏ cùng Mẹ như thế làm gia tăng giá trị của lời chào thiên thần: đó là một thứ biểu lộ dự án cứu độ huyền diệu nơi thân phận của Mẹ Maria. Như tôi đã viết trong Thông Điệp Mẹ Đấng Cứu Chuộc – *Redemptoris Mater*: “‘Tình trạng đầy ân phúc’ cho thấy tất cả những gì là hào phóng

siêu nhiên Mẹ Maria được hưởng nhờ được chọn và được ấn định làm Mẹ của Chúa Kitô” (số 9)

Thiên Chúa làm cho Mẹ Maria đầy ân phúc

“Đầy ân phúc” là danh xưng Mẹ Maria có được trước mắt của Thiên Chúa. Thật vậy, vị thiên thần, theo trình thuật của Thánh Luca, sử dụng lời diễn tả này thậm chí trước khi ngài nói đến tên “Maria”, và vì thế nhấn mạnh đến khía cạnh ưu việt được Chúa nhận thấy nơi con người của Vị Trinh Nữ Nazarét này.

Lời diễn tả “đầy ân phúc” là bản dịch tiếng Hy Lạp *Kecharitoméne*, một thụ động từ. Bởi thế, để có được một sắc thái chính xác hơn về từ ngữ Hy Lạp này, người không chỉ nói “đầy ân phúc” mà là “trở thành đầy ân phúc – *made full of grace*”, hay thậm chí “được đầy ân phúc – *filled with grace*”, cách diễn tả rõ ràng cho thấy rằng đó là một tặng ân do Thiên Chúa ban cho Đức Trinh Nữ này. Từ ngữ ấy, theo thể của một động từ hoàn toàn, làm gia tăng hình ảnh của một ân sủng trọn hảo và bền vững bao hàm mức trọn đầy. Cũng động từ này, theo ý nghĩa của “việc ban ân sủng”, được sử dụng trong Thư gửi Êphêsô để nói đến tình trạng dồi dào ân sủng được Cha ban cho chúng ta nơi Người Con yêu dấu của Ngài (1:6), và là tình trạng ân sủng Mẹ Maria lãnh nhận như là

hoa trái đầu tiên của Ôn Cứu Chuộc (cf. *Redemptoris Mater*, n. 10).

3.- Nơi trường hợp của Mẹ Maria, tác động của Thiên Chúa chắc chắn là những gì lạ lùng. Mẹ Maria không có một đòi hỏi gì về phía con người trong việc nhận lãnh cuộc loan báo Đấng Thiên Sai đến. Mẹ không phải là vị thượng tế, vị đại diện chính thức của đạo Do Thái, thậm chí cũng chẳng phải là một nam nhân, mà là một người nữ trẻ trung không có một thế giá gì trong xã hội thời của Mẹ bấy giờ. Ngoài ra, Mẹ còn là người ở Nazarét, một thôn lành không bao giờ được nói tới trong Cựu Ước. Cái thôn làng này chẳng có một tiếng tăm nào, như câu vấn nạn của Nathanael được ghi nhận trong Phúc Âm Thánh Gioan, cho thấy: “Nazarét đâu có gì hay ho?” (Jn 4:16).

Bản chất phi thường và ưu ái của việc Thiên Chúa can thiệp thậm chí trở nên sáng tỏ hơn khi so sánh với phúc âm của Thánh Luca, một phúc âm thuật lại những gì đã xảy ra cho Zacaria. Vị thế tư tế của Zacaria được nhấn mạnh cũng như đòi sống gương mẫu của ông, làm cho ông và Isave vợ của ông trở thành những mô phạm chính trực của Cựu Ước: họ bước đi “không chệ vào đâu được theo tất cả mọi giới luật và huấn mệnh của Chúa” (Lk 1:6).

Thế nhưng chúng ta không được cho biết gì về nguồn gốc của Mẹ Maria hết: lời diễn tả “thuộc nhà Đavít” (Lk 1:27) thật sự chỉ nói về Thánh Giuse. Thế rồi hành vi cử chỉ của Mẹ Maria cũng không được đề cập tới. Theo cách thức về văn vẻ này, Thánh Luca nhấn mạnh rằng hết mọi sự nơi Mẹ Maria đều xuất phát từ một ân sủng siêu việt. Tất cả những gì được ban cho Mẹ không phải vì công lênh sự nghiệp mà chỉ vì việc Thiên Chúa tự do và nhưng không muốn làm mà thôi.

Tình Thương của Thiên Chúa lên đến tột đỉnh nơi Mẹ Maria

4 Khi làm như thế, vị Thánh ký này dĩ nhiên không có ý hạ thấp giá trị cá nhân nổi bật của Đức Trinh Nữ. Trái lại, thánh nhân muốn trình bày Mẹ Maria như là hoa trái thuần túy của thiện ý Thiên Chúa, ở chỗ Ngài đã chiếm đoạt Mẹ để làm cho Mẹ, theo danh xưng được vị Thiên Thần sử dụng, “đầy ân sủng”. Chính tình trạng dồi dào ân sủng là nền tảng cho sự phong phú thiêng liêng kín ẩn của Mẹ Maria vậy.

Trong Cựu Ước, Giavê bày tỏ tính chất siêu việt phong phú của tình yêu Ngài bằng nhiều cách và nơi nhiều trường hợp. Ở vào lúc bình minh của Tân Ước, tính chất nhưng không của tình thương Thiên Chúa đã đạt tới tột đỉnh nơi Mẹ Maria. Nơi Mẹ, lòng

yêu chuộng của Thiên Chúa, một lòng yêu chuộng được tỏ cho thành phần dân tuyển chọn và đặc biệt cho thành phần khiêm hạ và thành phần nghèo hèn, đã đạt tới tột đỉnh của nó.

Được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và cảm nghiệm của chư thánh, Giáo Hội thôi thúc các tín hữu hãy gắn mắt vào Người Mẹ của Đấng Cứu Chuộc và như Mẹ coi mình được Thiên Chúa yêu thương. Giáo Hội kêu mời họ hãy chia sẻ đức khiêm nhường và nghèo khó của Mẹ, nhờ đó, theo gương của Mẹ và nhờ Mẹ chuyển cầu, họ có thể kiên trì trong ơn sủng của Thiên Chúa, Đấng thánh hóa và biến đổi tâm can.

Mẹ Maria Hoài Thai Vô Nhiễm Nguyên Tội

Bài 20 – 15/5/1996

1. Mẹ Maria, “đầy ân phúc”, đã được Giáo Hội nhìn nhận là “hoàn toàn thánh hảo không hề có một tí vết tội lỗi nào”, “từ giây phút đầu tiên khi được hoài thai được tràn đầy ánh quang rạng ngời của

một sự thánh đức hết sức độc nhất vô nhị” (Lumen Gentium, 56).

Việc công nhận này đòi hỏi một tiến trình dài trong việc suy tư về tín lý, một suy tư cuối cùng đã dẫn tới việc long trọng tuyên bố tín điều Hoàì Thai Vô Nhiễm.

Tước hiệu “*được đầy ân phúc*”, do thiên thần ngỏ cùng Mẹ Maria vào lúc Truyền Tin, ám chỉ hồng ân thần linh đặc biệt đối với một người nữ trẻ ở Nazarét liên quan tới vai trò làm mẹ được loan báo, thế nhưng nó còn cho thấy trực tiếp hơn tác dụng của ân sủng thần linh nơi Mẹ Maria; Mẹ Maria được tràn đầy ân sủng trong nội tâm một cách vĩnh viễn nhờ đó được thánh hóa. Tước hiệu *kecharitoméne* – *đầy ân phúc* này có một ý nghĩa rất phong phú và Thánh Linh đã không bao giờ ngừng làm cho Giáo Hội hiểu biết sâu xa hơn về nó.

Ơn Thánh Hóa làm cho Mẹ Maria trở thành một tạo vật mới

2. Ở bài giáo lý trước, tôi đã vạch ra là nơi lời chào của thiên thần, cách diễn tả “*đầy ân phúc*” trở thành giống như một tên gọi: nó chính là tên của Mẹ Maria trước nhan Thiên Chúa. Theo ứng dụng của tiếng Semitic thì một tên gọi là những gì diễn đạt thực tại của con người và sự vật nó ám chỉ. Bởi thế,

đanh xung “đầy ân phúc” cho thấy chiều kích sâu xa nhất nơi cá thể của người nữ trẻ Nazarét này, một con người được ân sủng hình thành và là đối tượng của hồng ân thần linh, tới độ Mẹ có thể được xác định bởi lòng yêu chuộng đặc biệt này.

Công Đồng nhắc lại rằng các vị Giáo Phụ của Giáo Hội đã ám chỉ đến sự thật này khi các ngài gọi Mẹ Maria là “đấng hoàn toàn thánh hảo”, đồng thời xác nhận rằng Mẹ “thực sự được Thánh Linh hình thành và trở nên như một tạo vật mới” (*Lumen gentium*, n. 56).

Ân sủng, được hiểu theo nghĩa “on thánh hóa” là những gì tạo nên sự thánh thiện cá thể, đã làm phát sinh ra tình trạng tạo vật mới này nơi Mẹ Maria, làm cho Mẹ hoàn toàn am hợp với dự án của Thiên Chúa.

3. Việc suy tư về tín lý bởi thế có thể qui về cho Mẹ Maria một sự thánh thiện trọn hảo là những gì để trọn vẹn cần phải bao gồm cả lúc khởi sự của đời sống Mẹ.

Đức Giám Mục Theoteknos thành Livias ở Palestine, vị sống giữa năm 550 và 650, dường như đã tiến theo chiều hướng của sự tinh tuyền từ ban đầu này. Khi trình bày Mẹ Maria như “thánh hảo và tuyệt mỹ”, “tinh tuyền và vô tì tích”, ngài đã nói đến việc

hạ sinh của Mẹ bằng những lời lẽ sau đây: “Mẹ đã được sinh ra như phẩm thần cherubim, Mẹ được làm nên bởi một thứ đất sét tình tuyền vô nhiễm” (*Panegyric for the feast of the Assumption*, 5-6).

Câu diễn tả cuối cùng này, khi nhắc lại việc tạo dựng nên con người tiên khởi, một con người được hình thành bởi một thứ đất sét không tì ố bởi tội lỗi, đã qui cùng những đặc tính cho việc hạ sinh của Mẹ Maria: gốc tích của vị Trinh Nữ này cũng “tình tuyền và vô nhiễm”, tức là, không có bất cứ một tội lỗi nào. Việc so sánh với phẩm thần cherubim cũng nhấn mạnh đến sự thánh thiện nổi bật là đặc tính nơi đời sống của Mẹ ngay từ khi Mẹ bắt đầu hiện hữu.

Chủ trương của Giám Mục Theoteknos là những gì đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong việc suy tư thần học về mầu nhiệm Người Mẹ của Chúa. Các Giáo Phụ Hy Lạp và Đông Phương đã công nhận sự tinh tuyền nơi Mẹ Maria do ân sủng mà có, một là trước biến cố Nhập Thể (Thánh Gregory Nazianzen, *Oratio* 38, 16), hay vào chính lúc Nhập Thể (Thánh Ephrem, Severian of Gabala, James of Sarug). Giám Mục Theoteknos thành Livias dường như đòi hỏi nơi Mẹ Maria một thứ tinh tuyền tuyệt đối ngay từ ban đầu đời sống của Mẹ. Thật vậy, Mẹ là vị được ấn định trở thành Người Mẹ của Đấng Cứu Thế cần

phải có một thứ thánh hào tròn vẹn, một ban đầu hoàn toàn vô tì tích.

4. Vào thế kỷ thứ 8, Andrew ở Crete là thần học gia đầu tiên thấy được nơi việc hạ sinh của Mẹ Maria một tạo vật mới. Đây là lý lẽ của vị này: “Ngày nay, nhân tính, nơi tất cả nhưng gì là rạng ngời của cái sao sang vô nhiễm của mình, nhận lãnh vẻ đẹp cổ kính của nó. Cái ô nhục của tội lỗi đã làm u tối đi ánh quang và vẻ thu hút của bản tính nhân loại; thế nhưng, Người Mẹ của Đấng Mỹ Lệ đệ nhất được hạ sinh, thì bản tính này lấy lại được nơi bản thân Mẹ đặc ân xưa kia và được hình thành theo một mô mẫu tròn hảo thực sự xứng với Thiên Chúa... Việc đổi mới của bản tính của chúng ta bắt đầu hôm nay đây và cái thế giới già nua, một thế giới lệ thuộc vào việc biến đổi thần linh hoàn toàn, lãnh nhận các hoa trái đầu tiên của cuộc tạo dựng thứ hai” (*Serm. I on the Birth of Mary*).

Thế rồi, lấy lại hình ảnh về thứ đất sét thuở ban đầu, ngài nói: “Thân xác của Vị Trinh Nữ này là mảnh đất được Thiên Chúa canh tác, là những hoa trái đầu tiên nơi mảnh đất của Adong là nơi được Chúa Kitô thần linh hóa, là hình ảnh thực sự như vẻ đẹp trước kia, là đất sét được Vị Nghệ Sĩ thần linh nhào nặn” (*Serm. I on the Dormition of Mary*).

Sự thánh thiện ban đầu của Mẹ Maria là khởi điểm của ơn Cứu Chuộc

Việc hoài thai tinh tuyền và vô nhiễm của Mẹ Maria bởi thể được thấy như là khởi sự của việc tân tạo. Nó là vấn đề của một đặc ân riêng được ban cho người nữ được chọn làm Mẹ của Chúa Kitô, vị mở ra trong thời gian ân sủng sung mãn Thiên Chúa muốn giành cho tất cả nhân loại.

Tín lý này, lại được tiếp tục lần nữa vào thế kỷ thứ tám bởi Thánh Germanus thành Constantinople và Thánh Gioan Damascenô, đã làm sáng tỏ về giá trị nơi thánh đức ban đầu của Mẹ Maria, một thánh đức được trình bày như khởi điểm cho Ơn Cứu Chuộc của thế giới.

Như thế, truyền thống của Giáo Hội đồng hóa và làm sáng tỏ ý nghĩa chân thực của tước hiệu “đầy ân phúc” do thiên thần tặng cho Đức Trinh Nữ. Mẹ Maria đầy ơn thánh hóa và được đầy như vậy từ giây phút đầu tiên của cuộc sống Mẹ. Ân sủng này, theo Thư gửi tín hữu Êphêsô (1:6), được ban xuống trong Chúa Kitô trên tất cả mọi tín hữu. Sự thánh thiện ban đầu của Mẹ Maria là những gì tiêu biểu cho một mô mẫu siêu việt về tặng ân cùng với việc phân phát ân sủng của Chúa Kitô trên thế gian này.

Mối Thù của Mẹ Maria với Satan là những gì chắc chắn phải xảy ra

Bài 21 – 29/5/1996

1- Theo suy tưởng về tín lý của Giáo Hội Đông Phương thì lời diễn tả “đầy ân phúc”, như chúng ta đã thấy ở các bài giáo lý trước, đã được giải thích từ thế kỷ thứ 6 như là một thứ thánh đức đặc thù Mẹ Maria có được suốt cuộc sống của Mẹ. Bởi thế, Mẹ mở màn cho việc tân tạo.

Theo trình thuật Truyền Tin của Thánh Luca, Truyền Thống và Huấn Quyền đã thấy nơi câu được gọi là Phúc Âm tiên khởi (Khởi Nguyên 3:15) này một nguồn thánh kinh về sự thật Mẹ Maria Hoài Thai Vô Nhiễm. Căn cứ vào bản dịch Latinh cổ thì: “Người nữ sẽ đạp nát đầu nguoi”, đoạn dịch này đã gợi hứng cho nhiều hình vẽ Đấng Vô Nhiễm đạp đầu con rắn ở dưới chân mình.

Trong một cơ hội rất sớm chúng ta đã nhắc lại rằng bản dịch này không hợp với bản Do Thái, một bản Do Thái không phải là người nữ mà là giòng dõi

người nữ, miêu duệ của người nữ, vị sẽ đạp nát đầu của con rắn. Bởi thế, bản văn Do Thái này không qui cuộc chiến thắng Satan cho Mẹ Maria mà là cho Người Con của Mẹ. Tuy nhiên, vì quan niệm thánh kinh thiết lập một liên kết sâu xa giữa cha mẹ và con cái, mà hình ảnh Đấng Vô Nhiễm đạp đầu con rắn, không phải bởi quyền năng riêng của Mẹ mà là nhờ ân sủng của Con Mẹ, cũng hợp với ý nghĩa nguyên thủy của đoạn này.

Mẹ Maria được ban cho quyền năng để chống lại ma quỷ

2- Cùng đoạn văn này cũng công bố về mối thù, một bên, giữa người nữ và giòng dõi người nữ, với bên kia là con rắn và giòng dõi của con rắn. Đó là một cuộc hận thù rõ ràng được Thiên Chúa thiết lập, một thứ hận thù có một tầm vóc quan trọng đặc biệt, nếu chúng ta lưu ý tới vấn đề thánh đức của bản thân Vị Trinh Nữ này. Để trở thành một kẻ thù bất khả hóa giải của con rắn và giòng dõi của hắn, Mẹ Maria cần phải được thoát khỏi tất cả mọi quyền năng của tội lỗi, và để được như thế cần phải thoát khỏi ngay từ giây phút đầu tiên trong cuộc hiện hữu của Mẹ.

Theo chiều hướng ấy, Thông Điệp Fulgens corona, được Đức Giáo Hoàng Piô XII ban hành năm 1953 để tưởng niệm một trăm năm việc chân nhận tín điều Hoài Thai Vô Nhiễm, đã lập luận như thế này:

“Nếu vào một lúc nào đó Đức Trinh Nữ Maria không được ân sủng thần linh, vì Mẹ bị ô nhiễm vào lúc hoài thai cái tì tích di truyền của tội lỗi, thì giữa Mẹ và con rấn – ít là trong giai đoạn thời điểm này dù ngắn ngủi đến đâu chẳng nữa – không có vấn đề mỗi thù muôn kiếp được nói đến theo truyền thống sớm nhất cho đến khi định tín việc Hoài Thai Vô Nhiễm này, mà là một thứ nô lệ thực sự (AAS 45 [1953], 579).

Thế nên, mỗi thù chắc chắn phải xảy ra giữa người nữ và ma quỷ đòi Mẹ Maria cần phải được Hoài Thai Vô Nhiễm Tội, tức là hoàn toàn vô tội, ngay từ giây phút đầu tiên của cuộc đời Mẹ. Người Con của Mẹ Maria đã vĩnh viễn chiến thắng Satan và đã cho Mẹ được lãnh nhận ơn ích của cuộc chiến thắng này trước (in advance), bằng việc bảo trì (preserving) Mẹ cho khỏi tội lỗi. Như thế, Người Con đã ban cho Mẹ mình quyền năng chống lại ma quỷ, nhờ đó, nơi mẫu nhiệm Hoài Thai Vô Nhiễm, Người Mẹ đã chiếm được hiệu quả đáng kể nhất trong công cuộc cứu chuộc của Người Con.

3- Bằng việc chú ý tới thánh đức đặc biệt của Mẹ Maria cùng với việc Mẹ được hoàn toàn không bị ảnh hưởng của Satan, danh hiệu “đầy ân phúc” và Phúc Âm Tiên Khởi giúp chúng ta có thể nhận thấy, nơi đặc ân chuyên nhất Chúa ban cho Mẹ Maria, khởi điểm của một tân trật tự là thành quả của mỗi

thân tình với Thiên Chúa, và là hậu quả bao gồm một thứ hận thù sâu xa giữa con rắn và con người.

Đoạn 12 của Sách Khải Huyền, đoạn nói về “người nữ mặc mặt trời” (12:1), thường cũng được trích dẫn như là một chứng từ thánh kinh về việc Hoài Thai Vô Nhiễm. Các nhà chú giải thánh kinh hiện nay đồng ý về việc nhìn thấy nơi người nữ này Cộng Đồng Dân Chúa, đang đón đầu sinh hạ Đấng Thiên Sai phục sinh. Tuy nhiên, cùng với việc dẫn giải chung, đoạn này cho thấy một cá nhân nơi câu ấy: Bà đã sinh hạ một bé trai, Đấng sẽ cai trị tất cả mọi quốc gia bằng roi sắt (12:5). Căn cứ vào chi tiết qui chiếu này về việc sinh hạ con trẻ thì người nữ mặc mặt trời ở một nghĩa nào đó được nhìn nhận đồng hóa với Mẹ Maria, người nữ hạ sinh Đấng Thiên Sai. Cộng đồng người nữ thực sự được diễn tả bằng những đặc tính của người nữ Mẹ của Chúa Giêsu.

Được nhận diện ở vai trò làm mẹ của mình, ở chỗ người nữ này cru mang đứa con và kêu la chuyển bụng sinh con (12:2). Chi tiết này ám chỉ Mẹ của Chúa Giêsu đứng bên Thập Giá (cf Jn 19:25), nơi Mẹ đã thông phần sâu khổ để sinh hạ cộng đồng môn đệ với một tâm hồn bị lưỡi gươm đâm thấu qua (cf. Lk 2:35). Cho dù phải chịu đựng khổ đau, Mẹ cũng “mặc mặt trời – tức là, Mẹ phản ánh ánh quang thần linh – và xuất hiện như là một “điềm lạ vĩ đại” về

mối liên hệ phu thê của Thiên Chúa với dân của Ngài.

Những hình ảnh này, mặc dù không trực tiếp cho thấy đặc ân Hoài Thai Vô Nhiễm, vẫn có thể được giải thích như là một thể hiện của việc Cha chăm sóc yêu thương tỏ ra đối với Mẹ Maria bằng ân sủng Chúa Kitô và bằng ánh quang Thần Linh.

Sau hết, Sách Khải Huyền mời gọi chúng ta nhìn nhận một cách đặc biệt hơn nữa chiều kích giáo hội nơi cá thể của Mẹ Maria: người nữ mặc mặt trời là tiêu biểu cho sự thánh thiện của Giáo Hội, một thánh thiện được hoàn toàn hiện thực nơi Vị Trinh Nữ Thánh nhờ một ân sủng đặc biệt.

4- Những xác nhận thánh kinh này, những xác nhận được Truyền Thống và Huấn Quyền qui chiếu để đặt nền móng cho tín lý về việc Hoài Thai Vô Nhiễm, có vẻ tương khắc với những đoạn thánh kinh khẳng định tính cách phổ quát của tội lỗi.

Cựu Ước nói về việc ô nhiễm tội lỗi tác dụng hết mọi người “sinh bởi nữ giới” (Ps 50/51:7; Job 14:2). Trong Tân Ước, Thánh Phaolô nói rằng, vì hậu quả của tội Adong, “tất cả mọi người đã phạm tội”, và “việc vấp phạm của một người đã khiến cho tất cả mọi người bị án phạt” (Rm 5:12,18). Bởi thế, Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo nhắc lại rằng

nguyên tội “đã ảnh hưởng tới bản tính của con người”, một bản tính “ở trong tình trạng sa ngã”. Vì thế, tội lỗi được truyền “cho toàn thể nhân loại bằng việc truyền sinh, tức là việc truyền đạt một bản tính nhân loại bị mất đi tình trạng thánh thiên và công chính nguyên thủy” (khoản 404). Tuy nhiên, Thánh Phaolô vẫn công nhận một ngoại lệ cho thứ luật phổ quát này: Chúa Kitô, Đấng “không biết đến tội lỗi” (2Cor 5:21), và vì thế mới xảy ra là “ở đâu tội lỗi gia tăng” (Rm 5:20) thì lại làm cho ân sủng càng dồi dào hơn nữa.

Thánh Irênê cho thấy Mẹ Maria là Tân Evà

Những xác nhận ấy không cứ phải dẫn đến chỗ kết luận rằng Mẹ Maria được bao gồm vào thành phần nhân loại tội lỗi. Vai trò song hành, được Thánh Phaolô tiết lộ giữa Adong và Chúa Kitô, được hoàn tất bởi việc song hành giữa Evà và Mẹ Maria: vai trò của người nữ, quan trọng trong thảm kịch tội lỗi, cũng quan trọng như thế nơi việc Cứu Chuộc nhân loại.

Thánh Irênê trình bày Mẹ Maria như một Tân Evà, vị mà nhờ đức tin và việc tuân phục của mình đã bù đắp tình trạng bất tin tưởng và bất tuân phục của Evà. Một vai trò như thế trong công cuộc cứu độ đòi phải được vô tội. Điều này xứng với Chúa Kitô là tân Adong thế nào thì cả ở nơi Mẹ Maria nữa, tân

Evà không biết đến tội lỗi và nhờ đó mới có thể cộng tác vào việc Cứu Chuộc.

Tội lỗi, cái tẩm gội nhân tính như một thác lũ, khựng lại trước Đấng Cứu Chuộc và Vị Cộng Tác trung thành của Người. Chỉ có một khác biệt chính yếu, đó là: Chúa Kitô là Đấng toàn thánh nhờ ân sủng ở nơi nhân tính của Người xuất phát từ ngôi vị thần linh; còn Mẹ Maria là vị toàn thánh nhờ ân sủng nhận được từ các công nghiệp của Đấng Cứu Thế.

Ân Sủng của Chúa Kitô gìn giữ Mẹ Maria khỏi Nguyên Tội

Bài 22 –5/6/1996

1- Tín lý về sự thánh đức trọn hảo của Mẹ Maria ngày từ giây phút đầu tiên Mẹ được hoài thai đã gặp phải một số chống đối ở Tây phương, căn cứ vào những lời của Thánh Phaolô về nguyên tội cũng như về phổ quát tính của tội lỗi, những gì được

Thánh Âu Quốc Tinh mạnh mẽ tiếp sức và giải thích.

Vị đại tiến sĩ của Giáo Hội này chắc chắn là nhận thức được chức phận của Mẹ Maria là Mẹ của một Người Con hoàn thành thánh thiện đòi phải hoàn toàn tinh tuyền và một thánh đức phi thường. Đó là lý do tại sao, trong cuộc tranh luận với Pelagius, ngài đã nhấn mạnh rằng thánh đức của Mẹ Maria là một tặng ân ngoại thường của ân sủng và đã nói theo chiều hướng ấy rằng: “Chúng tôi châm chước cho Đức Trinh Nữ Maria, vị mà, vì tôn vinh Chúa, tôi không thể nào muốn được đề cập tới về vấn đề tội lỗi. Chúng ta không biết hay sao lý do tại sao Mẹ được ban cho một ân sủng cao cả hơn đối với việc toàn thắng trên tội lỗi, Mẹ là vị đáng thụ thai và hạ sinh Đấng hiển nhiên chẳng có tội lỗi gì?” (*De natura et gratia*, n. 42).

Thánh Âu Quốc Tinh đã nhấn mạnh đến tình trạng thánh đức trọn hảo của Mẹ Maria và tình trạng không có bất cứ một tư tội nào nơi Mẹ vì phẩm vị cao cả của Mẹ là Mẹ của Chúa. Tuy nhiên, ngài không hiểu làm thế nào để khẳng định được cái tình trạng hoàn toàn vô tội này ở vào giây phút hoài thai như thế có thể dung hòa với tín lý về tính cách phổ quát của nguyên tội cùng với nhu cầu cần cứu chuộc của toàn thể giòng dõi Adong. Cái kết luận này sau đó đã đạt được bởi một kiến thức thấu suốt hơn bao

giờ hết của đức tin Giáo Hội, trong việc giải thích làm thế nào Mẹ Maria được hưởng ơn cứu chuộc của Chúa Kitô ngay từ lúc Mẹ được hoài thai.

Duns Scotus đã thắng vượt được những chống đối Việc Hoài Thai Vô Nhiễm

2- Vào thế kỷ thứ IX, lễ Mẹ Maria Hoài Thai cũng được đưa vào Tây phương, đầu tiên ở miền Nam Ý quốc, ở Naples, rồi tới Anh quốc.

Khoảng năm 1128, một đan sĩ ở Canterbury là Eadmer, khi viết luận đề đầu tiên về việc Hoài Thai Vô Nhiễm, đã than phiền rằng việc cử hành phụng vụ thích đáng của lễ này, nhất là trong việc làm thỏa đáng những ai “có một tấm chân tình và hết lòng kính mến Thiên Chúa” (*Tract. de conc. B.M.V.*, 1-2), đã bị gạt ra ngoài hay bị dẹp bỏ. Vì muốn phát động lại việc phục hồi lễ này, người đan sĩ đạo hạnh ấy đã phủ nhận những chống đối của Thánh Âu Quốc Tinh về đặc ân Hoài Thai Vô Nhiễm, căn cứ vào tín lý truyền đạt nguyên tội qua việc truyền sinh loài người. Vị tu sĩ này đã thích đáng sử dụng hình ảnh của một cây dẻ “là cây được thụ thai, nuôi dưỡng và hình thành ở bên dưới cái cây mang quả có gai của nó nhưng được cây ấy bảo vệ cho khỏi bị châm chích” (*Tract.* 10). Thậm chí ở bên dưới cái cây mang quả có gai của tác động truyền giống mà tự mình việc truyền giống này cần phải truyền đạt nguyên

tội, thì theo lập luận của Eadmer, Mẹ Maria vẫn được bảo trì cho khỏi hết mọi tì ố bởi ý muốn tỏ tường của Thiên Chúa là Đấng “rõ ràng là có thể làm điều này và muốn làm như thế. Bởi thế, nếu Ngài muốn thì Ngài thực hiện thôi” (ibid).

Bất chấp Eadmer, các đại thần học gia của thế kỷ 13 đã chấp nhận những khó khăn của Thánh Âu Quốc Tinh như là của mình, khi khai triển lập luận như thế này: Việc Cứu Chuộc được Chúa Kitô hoàn thành không trở thành phổ quát nếu tình trạng tội lỗi không phải là những gì chung cho tất cả mọi người. Và nếu Mẹ Maria không vương mắc nguyên tội, Mẹ không thể nào được cứu chuộc. Việc cứu chuộc thật sự ở chỗ giải thoát những ai ở trong tình trạng tội lỗi.

3- Duns Scotus, theo một số thần học gia thời thế kỷ 12, đã tìm thấy cái then chốt để thắng vượt những chống đối này đối với tín lý Hoài Thai Vô Nhiễm của Mẹ Maria. Ngài đã chủ trương rằng Chúa Kitô, vị trung gian tuyệt hảo, đã thi hành tác động trung gian cao cả nhất của mình nơi Mẹ Maria, bằng cách gìn giữ Mẹ khỏi nguyên tội.

Như thế, ngài đã đưa vào thần học quan niệm Cứu Chuộc bằng việc bảo trì, nhờ đó Mẹ Maria đã được cứu chuộc bằng một cách thức thậm chí còn tuyệt

vời hơn nữa: không phải bằng cách được giải phóng khỏi tội lỗi mà bằng việc gìn giữ cho khỏi tội lỗi.

Cái minh thức này của Chân Phước Duns Scotus, vị sau đó được nhìn nhận là “Tiến Sĩ của Đấng Vô Nhiễm”, đã được các thần học gia nông hậu đón nhận, nhất là các tu sĩ Dòng Phanxicô, ngay từ đầu thế kỷ 14. Sau khi được Đức Sixtus IV chấp thuận vào năm 1477 cho Lễ Hoài Thai Vô Nhiễm thì tín lý này càng ngày càng được chấp nhận hơn ở các trường thần học.

Việc tiến triển quan phòng về phụng vụ và tín lý này đã dọn đường cho việc định tín về đặc ân Thánh Mẫu đó bởi Huấn Quyền Tối Thượng. Huấn Quyền Tối Thượng chỉ xảy ra nhiều thế kỷ sau đó, và đã được thôi thúc bởi một minh thức nền tảng về đức tin như thế này: Người Mẹ của Chúa Kitô cần phải hoàn toàn thánh thiện ngay từ giây phút đầu đời của mình.

4- Không ai lại không thấy được rằng việc khẳng định về đặc ân phi thường này được ban cho Mẹ Maria nhấn mạnh rằng tác động cứu chuộc của Chúa Kitô không chỉ giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi mà còn gìn giữ chúng ta khỏi tội lỗi nữa. Chiều kích gìn giữ này, một chiều kích hoàn toàn ở nơi Mẹ Maria, hiện diện nơi việc can thiệp cứu chuộc mà Chúa Kitô, trong việc giải phóng con người khỏi tội lỗi,

cũng ban cho họ ân sủng và sức mạnh để chiến thắng ảnh hưởng của tội lỗi trong đời sống của họ.

Tín điều này làm sáng tỏ những tác dụng của ân sủng

Như thế, tín điều Mẹ Maria Hoài Thai Vô Nhiễm không làm lu mờ mà còn tuyệt vời giúp vào việc làm sáng tỏ những hiệu lực của ơn Chúa Kitô cứu chuộc nơi bản tính của con người nữa.

Kitô hữu nhìn lên Mẹ Maria, vị đầu tiên được Chúa Kitô cứu chuộc và là vị đã được đặc ân không bị lụy thuộc, cho dù một giây lát, quyền lực của sự dữ và tội lỗi, như một mấu thức và hình ảnh toàn vẹn của tình trạng thánh thiện (cf. *Lumen gentium*, n. 65) họ được kêu gọi đạt được trong đời sống của mình nhờ ơn Chúa trợ giúp.

Ơn Hoài Thai Vô Nhiễm Tội được Đức Piô IX định tín

Bài 23 – 12/6/1996

1- Qua các thế kỷ, niềm xác tín rằng Mẹ Maria được gìn giữ khỏi mọi vết vết tội lỗi từ khi Mẹ được hoài thai, nhờ đó Mẹ được gọi là toàn thánh, dần dần có được chỗ đứng trong phụng vụ cũng như trong thần học. Vào đầu thế kỷ 19, việc triển khai này đã dẫn đến việc thỉnh nguyện xin định tín về đặc ân Hoài Thai Vô Nhiễm.

Vào khoảng giữa thế kỷ này, vì có ý định chấp nhận lời yêu cầu này, Đức Giáo Hoàng Piô IX, sau khi tham dò ý kiến của các thần học gia, đã hỏi các vị Giám Mục về cơ hội và khả thể cho một cuộc định tín như thế, như thế ngài triệu tập một thứ “công đồng bằng văn tự”. Kết quả thật đặc biệt, đó là phần lớn đa số trong 604 vị Giám Mục đã tích cực đáp ứng vấn đề được đặt ra.

Sau việc tham vấn rộng lớn ấy, một cuộc tham vấn cho thấy là Vị Tiền Nhiệm đáng kính của tôi quan tâm tới việc bày tỏ đức tin của Giáo Hội nơi việc xác định tín điều này, ngài bắt đầu dọn bản văn một cách cẩn thận tương tự như thế.

**Đức Trinh Nữ
không hề vương mắc một tí vết tội lỗi nào**

Một ủy ban đặc biệt bao gồm các thần học gia được Đức Piô IX thiết lập để xác định vấn đề tín lý mạc khải này đã ủy thác vai trò thiết yếu cho việc thực

hành của giáo hội. Và qui chuẩn này đã ảnh hưởng tới công thức của tín điều, một tín điều thiên về những diễn đạt xuất phát từ kinh nghiệm sống của Giáo Hội, từ đức tin và từ việc thờ phượng của dân Chúa hơn là những xác định theo kinh viện.

Sau hết, vào năm 1854, bằng Sắc Lệnh *Ineffabilis*, Đức Giáo Hoàng Piô IX đã long trọng tuyên bố tín điều Hoài Thai Vô Nhiễm Tội: "... Chúng tôi tuyên bố, loan báo và xác định rằng tín lý chủ trương rằng Đức Trinh Nữ Maria, ngay từ giây phút hoài thai của mình, nhờ ân sủng và đặc ân đặc biệt của Thiên Chúa toàn năng, và nhờ các cộng nghiệp của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Chuộc nhân loại, đã được gìn giữ khỏi hết mọi vết của nguyên tội là một tín lý được Thiên Chúa mạc khải, và vì thế, tất cả mọi tín hữu cần phải mạnh mẽ và vững vàng tin tưởng" (DS 2803).

2- Việc công bố tín điều Hoài Thai Vô Nhiễm là những gì bày tỏ luận cứ thiết yếu về đức tin. Đức Giáo Hoàng Alexander VII, trong Sắc Lệnh *Sollicitudo* năm 1661, đã nói về việc linh hồn của Mẹ Maria được gìn giữ "khi được tạo dựng và nhập vào thân xác" (DS 2017). Tuy nhiên, việc định tín của Đức Giáo Hoàng Piô IX không xét tới tất cả những giải thích về cách thức linh hồn được nhập vào thân xác, nhưng qui về cho con người của Mẹ Maria, ở vào giây phút đầu tiên khi Mẹ được hoài thai, sự

kiện Mẹ được gìn giữ khỏi hết mọi tì vết của nguyên tội.

Việc thoát “khỏi mọi tì vết của nguyên tội” là những gì bao hàm như là một thành quả tích cực việc hoàn toàn thoát khỏi tất cả mọi tội lỗi cùng với việc công bố sự thánh thiên hoàn hảo của Mẹ Maria, một tín lý được việc định tín này sâu xa góp phần. Thật vậy, cái công thức có tính cách tiêu cực này về đặc ân của Mẹ Maria, một đặc ân là thành quả từ các cuộc tranh luận trước đó về nguyên tội xuất phát từ Tây phương, bao giờ cũng cần phải được bổ túc bằng việc bày tỏ sự thánh thiện của Mẹ Maria là những gì được nhấn mạnh tỏ tường hơn nơi truyền thống Đông phương.

Việc định tín của Đức Piô IX chỉ nói tới vấn đề thoát khỏi nguyên tội và không rõ ràng bao gồm vấn đề được thoát khỏi đam mê nhục dục. Tuy nhiên, việc Mẹ Maria được hoàn toàn gìn giữ khỏi hết mọi tì vết của tội lỗi cũng bao gồm cả việc Mẹ được thoát khỏi đam mê nhục dục, một khuynh hướng bại hoại, theo Công Đồng Tridentinô, xuất phát từ tội lỗi và xu hướng về tội lỗi (DS 1515).

3- “Nhờ ân sung và đặc ân đặc biệt của Thiên Chúa toàn năng”, việc gìn giữ khỏi nguyên tội là một hồng ân thần linh nhưng không Mẹ Maria đã lãnh nhận được vào giây phút đầu tiên của cuộc đời Mẹ.

Việc định tín này không nói rằng đặc ân chuyên biệt ấy là những gì đặc thù mà là để cho nó được trụ giác thấy. Tuy nhiên, vấn đề khẳng định tính cách đặc thù này đã được rõ ràng nói đến trong Thông Điệp *Fulgens corona* năm 1953, khi Đức Giáo Hoàng Piô XII nói về “đặc ân rất đặc biệt này không bao giờ được ban cho một người nào khác” (AAS 45 [1953], 580), bởi thế loại trừ cái khả thể, được một số chủ trương thiết nền tảng, về việc qui đặc ân này cho cả Thánh Giuse.

Vị Trinh Mẫu này đã lãnh nhận ân sủng chuyên nhất này khi được thụ thai vô nhiễm “nhờ các công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Chuộc nhân loại”, tức là, nhờ việc cứu chuộc phổ quát của Người.

Bản văn định tín không hiển nhiên bày tỏ cho thấy là Mẹ Maria đã được cứu chuộc, thế nhưng Sắc Lệnh *Ineffabilis* này có chỗ đã nói là “Mẹ được cứu chuộc một cách cao cả nhất”. Đó là một sự thật phi thường: Chúa Kitô là Đấng cứu chuộc của Mẹ Người và đã thực hiện tác động cứu chuộc của mình nơi Mẹ “một cách tuyệt hảo nhất” (*Fulgens corona*, AAS 45 [1953], 581), từ giây phút đầu tiên của cuộc sống Mẹ. Công Đồng Chung Vaticanô II đã công bố rằng Giáo Hội “ca ngợi và đề cao nơi Mẹ Maria hoa trái tuyệt hảo nhất của ơn Cứu Chuộc” (*Sacrosanctum Concilium*, n. 103).

Việc long trọng định tín là việc giúp cho đức tin của Dân Chúa

4- Tín lý được long trọng công bố này được diễn tả là “một tín lý được Thiên Chúa mạc khải”. Đức Giáo Hoàng Piô IX đã thêm rằng nó cần phải được “tất cả mọi tín hữu mạnh mẽ và vững vàng tin tưởng”. Bởi thế, ai không chấp nhận tín lý này, hay chủ trương một ý kiến nghịch lại tín lý ấy, thì “bị lầm lạc đức tin” và “tách mình khỏi mối hiệp nhất Công giáo”.

Trong việc công bố sự thật về tín điều Hoài Thai Vô Nhiễm, Vị Tiên Nhiệm khả kính của tôi ý thức về việc hành sử quyền hạn giảng dạy vô ngộ của mình như là vị Mục Tử phổ quát của Giáo Hội, một tín điều sau đó ít năm đã được Công Đồng Chung Vaticanô I định tín. Như thế, ngài đã thực hành Huấn Quyền vô ngộ của mình như một việc phục vụ cho đức tin của Dân Chúa; và vấn đề ở đây là ngài đã làm như thế bằng việc xác định về đặc ân của Mẹ Maria.

Mẹ Maria không hề vấp phạm một tội lỗi nào

Bài 24 – 19/6/1996

1- Việc xác định tín điều Hoài Thai Vô Nhiễm chỉ trực tiếp liên quan tới giây phút đầu tiên của đời sống Mẹ Maria, từ lúc Mẹ được “gìn giữ khỏi hết mọi vết của nguyên tội”. Như thế Huấn Quyền của giáo hoàng này muốn chỉ xác định sự thật đã từng là chủ đề tranh luận qua các thế kỷ: *vấn đề Mẹ được gìn giữ cho khỏi nguyên tội*, và không quan tâm tới việc xác định sự thánh thiện kéo dài nơi Vị Trinh Mẫu của Chúa.

Sự thật này đã thuộc về ý thức chung của dân Kitô giáo. Nó chứng thực rằng Mẹ Maria, được thoát khỏi nguyên tội, cũng được gìn giữ khỏi tất cả mọi tội mình làm và sự thánh thiện nguyên thủy này đã được ban cho Mẹ để làm tràn đầy cả cuộc đời của Mẹ.

Không một tội lỗi hay bất toàn nào có thể được qui về cho Mẹ Maria

2- Giáo Hội đã liên li coi Mẹ Maria là thánh đức và hoàn toàn thoát khỏi mọi tội lỗi hay bất toàn về luân lý. Công Đồng Chung Tridentinô đã bày tỏ niềm xác tín này, khi xác định rằng không ai “có thể tránh được tất cả mọi tội lỗi, cho dù là những tội nhẹ, suốt cuộc đời của mình, trừ phi họ được ban cho một đặc ân, như Giáo Hội chủ trương liên quan đến Đức Trinh Nữ” (DS 1573). Ngay cả Kitô hữu được biến đổi và canh tân bởi ân sủng cũng không thoát được

khả thể phạm tội. Ân sủng không gìn giữ họ khỏi tất cả mọi tội lỗi suốt cuộc sống của họ, trừ phi, như Công Đồng Chung Tridentinô chủ trương, họ có được một đặc ân cho việc miễn trừ tội lỗi. Và điều này là những gì xảy ra nơi Mẹ Maria.

Công Đồng Chung Tridentinô không muốn xác định đặc ân này mà chỉ nói rằng Giáo Hội mãnh liệt xác nhận nó là “Giáo điều”, tức là Giáo Hội mạnh mẽ tin tưởng như thế. Đó là một quyết định mà, chẳng những không bỏ mặc sự thật này cho niềm tin tưởng đạo hạnh hay ý nghĩ sùng mộ mà còn khẳng định bản chất của nó như là một tín lý vững chắc, rất hiện hữu nơi đức tin của Dân Chúa. Ngoài ra, niềm xác tín này còn được căn cứ vào ân sủng được vị thiên thần qui cho Mẹ Maria vào giây phút Truyền Tin. Khi gọi Mẹ là “đầy ân phúc”, *kecharitoméne*, vị thiên thần này đã nhìn nhận Mẹ là một người nữ được trang sức bằng một sự thiện toàn bèn bi và một tâm mức hoàn toàn thánh thiện, không có một bóng mờ tội lỗi hay bất toàn về luân lý hoặc thiêng liêng.

3- Một số các vị Giáo Phụ của Giáo Hội xưa kia, những vị không tin vào sự thánh thiện toàn hảo của Mẹ, đã qui những bất toàn hay yếu kém về luân lý cho Mẹ. Một số tác giả gần đây cũng đã có cùng chủ trương như vậy. Tuy nhiên, các trích đoạn Phúc Âm đã được trích dẫn để minh chứng cho những ý kiến ấy không có cơ sở tí nào khi qui cho Người Mẹ này

của Đấng Cứu Thế một thứ tội lỗi hay thậm chí một thứ bất toàn về luân lý.

Việc Chúa Giêsu vào lúc 12 tuổi trả lời cho mẹ của Người là “Cha mẹ tìm con làm chi? Cha mẹ không biết rằng Con cần phải ở nhà Cha của Con hay sao?” (Lk 2:49), đôi khi được giải thích như là một lời trách móc kín đáo. Tuy nhiên, đọc kỹ đoạn này mới thấy rằng Chúa Giêsu không trách móc mẹ của Người và Thánh Giuse vì các vị tìm kiếm Người, vì các vị có trách nhiệm chăm sóc cho Người.

Gặp được Chúa Giêsu sau một cuộc tìm kiếm lo âu, Mẹ Maria đã chỉ hỏi Người “tại sao” Người tác hành như thế: “Hỡi Con, tại sao Con lại đối xử với chúng tôi như thế?” (Lk 2:48). Và Chúa Giêsu đã trả lời bằng một “cái tại sao” khác, không tỏ ra bất cứ một trách cứ nào và qui về màu nhiệm vai trò con cái thần linh của Người.

Cả những lời Người nói ở Cana cũng thế: “Hỡi bà, bà với Tôi có can chi đâu? Giờ của Tôi chưa đến” (Jn 2:4), đã được giải thích như là một lời trách móc. Khi thấy tình hình có thể bất lợi gây ra cho cô dâu chủ để bởi tình trạng thiếu rượu, Mẹ Maria nói với Chúa Giêsu một cách chân thành, trao phó tình trạng trực trặc cho Người. Mặc dù ý thức là Đức Kitô chỉ buộc vâng lời ý muốn của Cha thôi, Người đã trả lời cho điều yêu cầu ngấm ngầm của Mẹ. Người trước hết

đáp ứng đức tin của Vị Trinh Nữ và rồi thi hành phép lạ đầu tiên để nhờ đó tỏ vinh quang của Người ra.

4- Sau này, có một số người đã cắt nghĩa một cách tiêu cực cho câu Chúa Giêsu nói vào lúc mở màn cho cuộc đời công khai của người, lúc mà Mẹ Maria và thân quyến của Người xin được gặp Người. Câu trả lời của Chúa Giêsu liên hệ tới chúng ta cho kẻ nói với Người: “Mẹ của Ngài và anh em của Ngài đang đứng ngoài kia mong được gặp Ngài”, Thánh ký Luca cố gắng hiển cho chúng ta cái then chốt giải thích cho trình thuật này, một trình thật cần phải được hiểu theo những bản năng nội tại của Mẹ Maria là những gì hoàn toàn khác với những bản năng của “anh em” Người (cf. Jn 7:5). Chúa Giêsu đã trả lời rằng: “Mẹ của Tôi và anh em của Tôi là những ai nghe lời Thiên Chúa và tuân giữ” (Lk 8:21). Trong trình thuật Truyền Tin, Thánh Luca thật sự đã cho thấy Mẹ Maria là mẫu gương ra sao trong việc lắng nghe lời Chúa một cách chân thành quảng đại. Được hiểu theo chiều hướng như thế thì đoạn này là những gì hết lòng chúc tụng Mẹ Maria, vị đã hoàn hảo làm trọn dự án thần linh nơi đời sống của Mẹ. Mặc dù những lời của Chúa Giêsu ngược lại với nỗ lực của anh em, chúng cũng tuyên dương lòng trung thành của Mẹ Maria đối với ý muốn của Thiên Chúa cùng với tính chất cao cả của vai trò làm mẹ của Mẹ,

vai trò Mẹ đã sống chẳng những về phương diện thể lý mà còn về phương diện thiêng liêng nữa.

Trong việc diễn tả sự chúc tụng gián tiếp này, Chúa Giêsu sử dụng một phương pháp đặc biệt, đó là Người nhấn mạnh đến tính chất cao cả của việc Mẹ Maria tác hành theo chiều hướng của những câu nói tổng quát hơn, và cho thấy một cách rõ ràng hơn tính chất liên kết cùng với sự gần gũi của Vị Trinh Nữ này với nhân loại trên con đường nên thánh khó khăn.

Sau hết, những lời: “Phúc hơn cho những ai nghe lời Chúa mà giữ lấy!” (Lk 11:28), được Chúa Giêsu nói để trả lời cho người phụ nữ đã khen Mẹ Người là có phúc, chẳng những không ngờ vực về sự trọn lành cá nhân của Mẹ Maria, mà còn cho thấy việc Mẹ trung thành hoàn trọn lời Chúa: Giáo Hội đã hiểu chúng như thế, khi đặt câu này vào trong các cuộc cử hành phụng vụ để tôn kính Mẹ Maria. Đoạn Phúc Âm này thực sự cho thấy rằng Người nói câu ấy để tỏ ra rằng cái lý do trên hết cho phúc đức của Mẹ Maria chính là ở chỗ Mẹ sâu xa hiệp nhất với Thiên Chúa cũng như việc Mẹ trọn lành tuân theo lời thần linh.

Mẹ Maria hoàn toàn thuộc về Chúa

5- Đặc ân này được Thiên Chúa ban cho Mẹ là Đấng “toàn thánh” dẫn chúng ta tới chỗ ca ngợi những kỳ công được ân sủng hoàn thành nơi cuộc đời của Mẹ. Nó cũng nhắc nhở chúng ta rằng Mẹ Maria bao giờ cũng thuộc về và hoàn toàn thuộc về Chúa, và không một bất toàn nào đã tác hại tới tình trạng hòa hợp trọn vẹn của Mẹ với Thiên Chúa.

Đời sống trần gian của Mẹ bởi thế được đánh dấu bằng việc gia tăng liên li và cao cả trong đức tin, đức cậy và đức mến. Bởi vậy, đối với các tín hữu, Mẹ Maria là dấu hiệu rạng ngời của Lòng Thương Xót Chúa và là hướng đạo viên vững vàng tới những tháp đỉnh thánh thiện và trọn lành Phúc Âm.

Mẹ Maria tự nguyện cộng tác vào dự án của Thiên Chúa

Bài 25 – 3/7/1996

1- Trong trình thuật Phúc Âm về cuộc Viếng Thăm, Bà Isave, “được đầy Thánh Linh”, đã nghênh đón Mẹ Maria đến nhà của mình và kêu lên rằng: “Em có phúc vì đã tin rằng những gì Chúa phán sẽ được

thực hiện” (Lk 1:45). Cái diễm phúc này, cái diễm phúc đầu tiên được Phúc Âm Thánh Luca thuật lại, cho thấy Mẹ Maria như là một con người, nhờ đức tin của Mẹ, đã đi trước Giáo Hội trong việc hoàn trọn tinh thần của các mối phúc đức.

Việc bà Isave chúc tụng đức tin của Mẹ Maria được tái củng cố bởi việc so sánh với lời loan báo của thiên thần cho ông Zacaria. Việc đọc sơ sài hai lời loan báo này có thể sẽ soi ông Zacaria và Mẹ Maria như đã có những phản ứng tương tự như nhau với sứ điệp thần linh: “Việc ấy thành sự sao được vì tôi không có chồng?” (Lk 1:18,34). Thế nhưng, cái khác biệt sâu xa giữa những thái độ bên trong của hai nhân vật chính trong hai đoạn này có thể được thấy từ chính lời của vị thiên thần, vì đã trách ông Zacaria vì ông không tin, trong khi đó thiên thần lại trả lời ngay cho vấn đề của Mẹ Maria. Không như chồng của bà Isave, Mẹ Maria hoàn toàn tuân phục dự án thần linh và không đặt điều kiện cho việc ưng thuận của Mẹ vào việc ban cho một dấu hiệu hữu hình.

Vị thiên thần, vị cho biết rằng Mẹ trở thành một người mẹ, được Mẹ Maria cho biết ý định muốn sống đồng trình của Mẹ. Tin tưởng rằng việc loan báo này có thể được hoàn thành, Mẹ đặt vấn đề với vị sứ giả thần linh chi nguyên về cách thức hoàn tất công việc đó thôi, để hoàn thành ý Chúa cách tốt

đẹp hơn, ý muốn Mẹ hoàn toàn muốn thuận phục. “Thánh Au Quốc Tinh đã nhận định rằng: “Mẹ tìm cách chứ Mẹ không ngò vức quyền toàn năng của Thiên Chúa” (*Sermo* 291).

Mẹ Maria cần chuyên chú lắng nghe và tinh tuyền tin tưởng

2- Cái bối cảnh mà trong đó xảy ra hai lời loan báo này cũng giúp vào việc đề cao tính chất tuyệt hảo nơi đức tin của Mẹ Maria. Trong trình thuật của Thánh Luca, chúng ta thấy tình hình thuận lợi hơn của ông Zacaria và cái không tương xứng nơi lời đáp ứng của ông. Ông nhận được lời loan báo của thiên thần ở trong đền thờ Giêrusalem, tại bàn thờ trước “nơi cực thánh” (cf. Ex 30:6-8); thiên thần ngỏ lời cùng ông khi ông đang dâng hương, tức là, khi ông đang thi hành nhiệm vụ tư tế của mình, ở một giây phút quan trọng trong đời sống của ông; quyết định thần linh được thông đạt cho ông trong một thị kiến. Những hoàn cảnh đặc biệt này giúp thuận lợi hơn cho tính chất chân thực thần linh nơi sứ điệp này và giúp phấn khích trong việc mau mắn chấp nhận sứ điệp ấy.

Tuy nhiên, việc loan báo cho Mẹ Maria xảy ra ở một bối cảnh đơn sơ thường tình hơn, không có những yếu tố linh thánh nào bên ngoài kèm theo lời loan báo cho ông Zacaria. Thánh Luca không nói chính

xác nơi chốn xảy ra việc Truyền Tin của Chúa: ngài chỉ tường trình rằng Mẹ Maria ở Nazaré, một ngôi làng chẳng có tiếng tăm gì, một nơi chốn dường như không được tiên định cho biến cố ấy. Ngoài ra, Vị Thánh ký này cũng không qui tâm quan trọng bất thường cho giây phút xuất hiện của thiên thần và không diễn tả những hoàn cảnh lịch sử. Trong cuộc gặp gỡ vị thần sứ, người ta chú trọng nguyên vào ý nghĩa lời lẽ của ngài, những lời lẽ đòi Mẹ Maria phải lắng nghe và có một đức tin tinh tuyền.

Điều quan tâm cuối cùng giúp chúng ta cảm nhận được tính chất cao cả của đức tin Mẹ Maria, nhất là so sánh với khuynh hướng, bấy giờ cũng như hiện nay, nhấn mạnh đến các dấu hiệu hữu hình để có thể tin tưởng chấp nhận. Ngược lại, việc đồng ý của Mẹ Maria với ý muốn thần linh được tác động duy bởi tình Mẹ kính mến Thiên Chúa.

3- Mẹ Maria được xin chấp thuận trước một sự thật cao cả hơn rất nhiều so với những gì được loan báo cho ông Zacaria. Việc loan báo cho ông Zacaria được mời gọi tin tưởng vào một cuộc sinh hạ lạ lùng sẽ xảy ra trong một cuộc hôn nhân son sẻ Thiên Chúa muốn cho sinh hoa kết trái: một can thiệp thần linh tương tự như những cuộc can thiệp mang lại lợi ích cho một số người nữ trong Cựu Ước: Sarah (Gn 17:15-21; 18:10-14), Rachel (Gn 30:22), mẹ của Samson (Jgs 13:1-7), Hanna mẹ của Samuel (1 Sm

1:11-20). Nơi những đoạn này, tính chất nhưng không của tặng ân Chúa ban được đặc biệt nhấn mạnh.

Mẹ Maria được kêu gọi để tin tưởng vào vai trò làm mẹ đồng trinh, một vai trò chưa từng được Cứu Ước đề cập tới. Thật vậy, lời tiên tri lừng danh của Isaia: “Này đây một thanh nữ sẽ thụ thai và hạ sinh một con trai và sẽ đặt tên Người là Emmanuel” (7:14), mặc dù không loại trừ một thứ nhãn quan như thế, hoàn toàn được giải thích theo ý nghĩa ấy chỉ sau khi Chúa Kitô sinh ra và theo chiều hướng của mạc khải Phúc Âm.

Mẹ Maria được yêu cầu đồng ý với một sự thật chứ bao giờ thể hiện trước đó. Mẹ chấp nhận nó bằng một tâm hồn đơn sơ nhưng gan dạ. Với câu hỏi “Việc ấy thành sự sao được?”, Mẹ bày tỏ đức tin của Mẹ vào quyền năng thần linh trong việc làm cho tình trạng đồng trinh tương hợp với vai trò làm mẹ ngoại lệ và đặc thù của Mẹ.

Khi trả lời: “Thánh Thần sẽ xuống trên bà, và quyền phép Đấng Tối Cao sẽ bao phủ bà” (Lk 1:35), vị thiên thần củng cố hiến việc Thiên Chúa giải quyết chắc chắn cho vấn đề được Mẹ Maria đặt ra. Tình trạng đồng trinh, tưởng chừng là một ngăn trở, trở thành một bối cảnh cụ thể nhờ đó Thánh Thần hoàn thành nơi Mẹ việc thụ thai Con Thiên Chúa nhập

thể. Lời đáp ứng của vị thiên thần mở đường cho việc cộng tác của Vị Trinh Nữ với Chúa Thánh Thần trong việc sinh hạ Chúa Giêsu.

4- Việc tự nguyện hợp tác của con người được hiện thực nơi việc thi hành dự án thần linh. Bằng việc tin tưởng vào lời Chúa, Mẹ Maria hợp tác vào việc hoàn tất vai trò làm mẹ được loan báo cho Mẹ.

Tác động đức tin của Mẹ Maria nhắc lại đức tin của tổ phụ Abraham

Các vị Giáo Phụ của Hội Thánh thường nhấn mạnh đến khía cạnh này về việc hoài thai trinh nguyên của Chúa Giêsu. Khi dẫn giải Phúc Âm về biến cố Truyền Tin, Thánh Âu Quốc Tinh đặc biệt nói rằng: “Vị thiên thần loan báo, người Trinh Nữ lắng nghe, tin tưởng và thụ thai” (*Sermo 13 in Nat. Dom.*). Chưa hết, “Chúa Kitô được tin tưởng và thụ thai bởi đức tin. Việc đức tin xuất hiện trước nơi tâm can của Mẹ Maria rồi mới tới việc thụ thai trong cung lòng của Người Mẹ này” (*Sermo 293*).

Tác động đức tin của Mẹ Maria là những gì gọi lại đức tin của Abraham, vị ở vào lúc rạng đông của Cựu Ước, đã tin tưởng vào Thiên Chúa, nhờ đó trở thành cha của một đại miếu duệ (cf. Gn 15:6; *Redemptoris Mater*, n. 14). Vào lúc mở màn cho Tân Ước, Mẹ Maria cũng sử dụng một ảnh hưởng quyết

liệt bằng đức tin của mình nơi việc hoàn tất màu nhiệm Nhập Thể là những gì mở đầu và tổng hợp tất cả sứ vụ cứu chuộc của Chúa Giêsu.

Mối liên hệ chặt chẽ giữa đức tin và ơn cứu chuộc, được Chúa Giêsu nhấn mạnh trong đời sống công khai của Người (cf. Mt 5:34; 10:52; etc.), cũng giúp chúng ta hiểu được vai trò nền tảng được đức tin của Mẹ thực hiện và tiếp tục thực hiện trong việc cứu độ nhân loại.

Việc thụ thai trinh nguyên là một sự kiện sinh lý

Bài 26– 10/7/1996

1- Giáo Hội liên li chủ trương rằng đức đồng trinh của Mẹ Maria là một sự thật của đức tin, như Giáo Hội đã lãnh nhận và suy niệm căn cứ vào chứng từ của các Phúc Âm theo Thánh Luca, Thánh Mathêu và cũng có thể cả Thánh Gioan.

Trong đoạn về Truyền Tin, Thánh Ký Luca đã gọi Mẹ Maria là một «trinh nữ», ám chỉ cả ý hướng của

Mẹ muốn giữ mình đồng trình lẫn dự án thần linh hòa hợp với ý hướng này nơi vai trò làm mẹ lạ lùng của Mẹ. Sự khẳng định về việc thụ thai trình nguyên, nhờ tác động của Thánh Linh, loại trừ hết mọi giả thuyết về vấn đề sinh sản đơn tính theo tự nhiên và loại trừ những nỗ lực giải thích trình thuật này của Thánh Luca như là một thứ khai triển về một đề tài Do Thái hoặc như là một thứ rút tĩa lấy từ một câu truyện thần thoại nào đó của dân ngoại.

Cấu trúc của bản văn Thánh Luca (cf. Lk 1:26-38; 2:19, 51) chống lại bất cứ một thứ dẫn giải suy diễn nào. Tính chất mạch lạc của đoạn văn không hỗ trợ một cách hiệu lực cho bất cứ cắt xén về các từ ngữ hay về những diễn đạt xác nhận việc thụ thai trình nguyên do bởi Thánh Linh.

2- Thánh Ký Mathêu, khi tường trình về việc thiên thần loan báo cho Thánh Giuse, đã như Thánh Luca khẳng định rằng việc thụ thai này « là công việc của Thánh Linh » (Mt 1 :20) và loại trừ đi bất cứ liên hệ nào về phu thê.

Ngoài ra, việc Chúa Giêsu được thụ thai một cách trình nguyên được thông đạt cho Thánh Giuse ở vào thời điểm sau đó : đối với ngài, vấn đề không phải là ngài được mời gọi để chấp thuận trước khi Mẹ Maria thụ thai Người Con này, hoa trái của việc Thánh Linh can thiệp một cách siêu nhiên và việc hợp tác chỉ nguyên của người mẹ. Ngài chỉ được

được yêu cầu tự do chấp nhận vai trò của mình làm chồng của Người Trinh Nữ và sứ vụ làm cha đối với con trẻ ấy.

Thánh Mathêu trình bày việc xuất thân trinh nguyên của Chúa Giêsu như là việc hoàn trọn lời tiên tri của Isaia. «'Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai và hạ sinh một người con trai, và Người sẽ được gọi là Emmanuel' (nghĩa là Thiên Chúa ở với chúng ta)» (Mt 1:23; cf. Is 7: 14). Như thế, Thánh Mathêu đã dẫn chúng ta tới chỗ kết luận rằng việc thụ thai trinh nguyên ấy là đối tượng của việc suy tư trong cộng đồng Kitô hữu tiên khởi, một cộng đồng đã hiểu được việc họ tuân hợp với dự án cứu độ thần linh cũng như hiểu được mối liên hệ của cộng đồng này với căn tính của Chúa Giêsu, «vị Thiên Chúa ở cùng chúng ta».

Giáo Hội sơ khai mạnh mẽ tin tưởng vào việc thụ thai trinh nguyên

3- Không như Thánh Luca và Mathêu, Phúc Âm Thánh Marcô không hề đề cập gì tới việc thụ thai và hạ sinh của Chúa Giêsu hết; tuy nhiên, cũng đáng ghi nhận là Thánh Marcô không bao giờ đề cập tới Thánh Giuse là chồng của Mẹ Maria. Chúa Giêsu được dân thành Nazarét gọi là «con của bà Maria», hay ở nơi khác, là «Con Thiên Chúa» một số lần (3:11; 5:7; cf. 1:11; 9:7; 14:61-62; 15:39). Những sự

kiện này hợp với niềm tin tưởng vào mầu nhiệm Người được thụ thai một cách trinh nguyên. Sự thật này, theo một khám phá mới đây về luận giải, hoàn toàn chất chứa nơi câu 13 ở Lời Mở Đầu Phúc Âm Thánh Gioan, một lời mà có một os61 tác giả thế giá xưa kia (chẳng hạn như Thánh Giáo Phụ Irenaeus và vị Giáo Phụ Tertullian) cho thấy, không phải ở thể số nhiều bình thường mà là ở thể số ít: «Kẻ, được sinh ra, không bởi máu huyết hay ý muốn của xác thịt hoặc bởi ý muốn của con người, mà là bởi Thiên Chúa». Câu này, ở thể số ít, làm cho Lời Mở Đầu của Thánh Gioan trở thành một trong những chứng thực chính về việc Chúa Giêsu được thụ thai một cách trinh nguyên, một câu được cho vào bối cảnh về mầu nhiệm Nhập Thể.

Câu khẳng định mâu thuẫn của Thánh Phaolô là «thế nhưng, khi đến thời gian viên trọn thì Thiên Chúa đã sai Con của Ngài đến, được hạ sinh bởi một người nữ... nhờ đó chúng ta được làm dưỡng tử» (Gal 4 :4-5), đã mở đường cho vấn nạn về vai trò làm người này của Người Con ấy, do đó, về việc Người được sinh ra một cách trinh nguyên.

Chứng từ đồng loạt của Phúc Âm chứng tỏ cho thấy đức tin nơi việc thụ thai trinh nguyên của Chúa Giêsu đã được cảm rỗi mạnh mẽ ra sao nơi môi trường khác nhau của Giáo Hội sơ khai. Điều này loại đi bất cứ nền tảng nào được một số dẫn giải gần

đây hiểu là việc thụ thai trinh nguyên ấy không hiểu theo nghĩa thể lý hay sinh lý mà chỉ có tính cách biểu hiệu hay bóng gió: nó có ý nói rằng Chúa Giêsu như là tặng ân của Thiên Chúa ban cho nhân loại. Những người khác cũng có ý nghĩ hơn thế nữa, cho rằng trình thuật về việc thụ thai trinh nguyên chỉ là một thứ *theologoumenon*, tức là một cách thức diễn tả một tín lý thần học, tín lý thần học về vai trò làm con thần linh của Chúa Giêsu, hay chỉ là một phác họa thần thoại về Người.

Như chúng ta thấy, các Phúc Âm chứa việc khẳng định dứt khoát về việc thụ thai trinh nguyên về lãnh vực sinh lý được Thánh Linh thực hiện. Giáo Hội đã chấp nhận chân lý này, bắt đầu bằng ngay những công thức ban đầu về đức tin (cf. *Catechism of the Catholic Church*, n. 496).

4- Đức tin được diễn tả trong các Phúc Âm được xác định một cách liên tục theo truyền thống sau đó. Những công thức về đức tin của những tác giả Kitô giáo đầu tiên đã nêu lên chủ trương về việc thụ thai trinh nguyên này: Aristides, Justin, Irenaeus và Tertullian đều đồng ý với Thánh Ignatius of Antioch, vị đã tuyên bố Chúa Giêsu «thực sự sinh ra bởi một trinh nữ» (*Smyrn.* 1, 2). Những vị tác giả này có ý nói về một cuộc thụ thai trinh nguyên thực sự về lịch sử của Chúa Giêsu và chứ không khẳng định một sự đồng trinh chỉ về luân lý hay là một tặng ân

mơ hồ của ân sủng được bày tỏ nơi việc hạ sinh của con trẻ.

Những định tín đức tin long trọng của các Công Đồng Chung và Huấn Quyền của giáo hoàng, những gì theo sau những công thức đức tin vắn gọn ban đầu, đều hoàn toàn hợp với chân lý này. Công Đồng Chalcedon (451), trong bản tuyên xưng đức tin của mình, đã cẩn thận sử dụng từ ngữ và bằng một nội dung được xác định vô ngộ của mình, khẳng định rằng Chúa Kitô được «sinh ra... theo nhân tính của Người trong những ngày sau hết này, vì chúng ta và phần rỗi của chúng ta, bởi Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa» (DS 301). Cũng thế, Công Đồng Constantinopoli III (681) đã tuyên bố rằng Chúa Giêsu Kitô đã «được sinh hạ... theo nhân tính của Người, bởi Thánh Linh và Trinh Nữ Maria, vị thích đáng và thực sự là Mẹ Thiên Chúa» (DS 555). Các Công Đồng Chung khác (Constantinople II, Lateran IV and Lyons II) đã tuyên bố Mẹ Maria “trinh nguyên”, khi nhấn mạnh đến đức đồng trinh trọn đời của Mẹ (DS 423, 801, 852). Những khẳng định này được tiếp tục với Công Đồng Chung Vaticanô II, một công đồng đề cao sự kiện là Mẹ Maria «nhờ đức tin và tuân phục... đã sinh hạ trên trần gian này chính Người Con của Cha, không bởi ý thức của con người mà là bởi việc bao phủ của Thánh Linh» (*Lumen gentium*, n. 63).

Ngoài những định tín của các công đồng, còn có những khẳng định của Huấn Quyền giáo hoàng liên quan tới tín điều Hoàì Thai Vô Nhiễm của «Đức Trinh Nữ Maria» (DS 2803) và tín điều Mông Triệu của «Người Mẹ của Thiên Chúa Vô Nhiễm Trinh Nguyên» (DS 3903).

Sự thánh thiện và đức đồng trinh của Mẹ Maria liên kết chặt chẽ với nhau

5- Mặc dù các định tín của Huấn Quyền, trừ những định tín của Công Đồng Latêranô năm 649, được Đức Martin I triệu tập, không giải thích về ý nghĩa của chữ “đồng trinh”, thì vẫn rõ ràng là chữ này được sử dụng theo ý nghĩa quen thuộc của nó: tức là việc tự tình kiêng lánh các hành động tình dục và gìn giữ sự toàn vẹn của thân xác. Tuy nhiên, tính chất toàn vẹn về thể lý được coi là những gì thiết yếu đối với sự thật về đức tin nơi việc thụ thai trinh nguyên của Chúa Giêsu (cf. *Catechism of the Catholic Church*, n. 496).

Việc diễn tả Mẹ Maria là “Vô Nhiễm Trinh Nguyên Thánh Hào” đã khiến chúng ta chú ý tới việc liên hệ giữa sự thánh thiện và đức đồng trinh. Mẹ Maria muốn sống một cuộc đời trinh nguyên, vì Mẹ được tác động bởi ý muốn hiến dâng trọn vẹn con tim của mình cho Thiên Chúa.

Việc diễn tả được sử dụng trong lời định tín về tín điều Mông Triệu là “Người Mẹ Thiên Chúa Trinh Nguyên Vô Nhiễm” cũng bao hàm mối liên kết giữa đức đồng trinh của Mẹ với vai trò làm mẹ của Mẹ: hai đặc ân này liên kết với nhau một cách lạ kỳ nơi việc Chúa Giêsu được thụ thai, vị Thiên Chúa thật và là người thật. Bởi thế, đức đồng trinh của Mẹ Maria sâu xa liên kết với vai trò làm mẹ và sự thánh thiện toàn hảo của Mẹ.

Đức Mẹ đã có ý định sống trinh nữ

Bài 27– 24/7/1996

1- Mẹ Maria đặt một câu hỏi với vị thiên thần nói với Mẹ về việc thụ thai và hạ sinh Chúa Giêsu: “Việc này thành sự ra sao vì tôi không biết đến nam nhân” (Lk 1:34). Vấn nạn này có vẻ lạ lùng, ít là khi chúng ta nhớ đến những trình thuật thánh kinh liên quan tới việc loan báo về một cuộc sinh nở phi thường của một người đàn bà. Những trường hợp này liên quan tới những người đàn bà có chồng mà tự nhiên bị hiếm muộn, những người được Thiên Chúa ban cho

tặng ân có một đứa con nhờ cuộc đời phối ngẫu bình thường (1 Sm 1:19-20), để đáp ứng lời cầu nguyện thương đau của họ (cf. Gn 15:2; 30:22-23; 1 Sm. 1:10; Lk 1:13).

Mẹ Maria nhận được sứ điệp của vị thiên thần ở một hoàn cảnh khác hẳn. Mẹ không phải là một phụ nữ đã lập gia đình bị hiếm muộn; bằng một chọn lựa tự nguyện Mẹ có ý định giữ mình sống đồng trinh. Vì thế, ý hướng giữ mình đồng trinh của Mẹ, hoa trái của tình Mẹ kính mến Chúa, trở thành một chương ngại cho vai trò làm mẹ được loan báo cho Mẹ.

Thoạt nghe thì những lời của Mẹ dường như chỉ bày tỏ tình trạng đồng trinh hiện hữu của Mẹ: Mẹ Maria khẳng định rằng Mẹ không “biết” đến nam nhân, tức Mẹ là một trinh nữ. Tuy nhiên, bối cảnh mà trong đó vấn đề được đặt ra “Việc ấy thành sự ra sao?” và sau đó là lời khẳng định “vì tôi không biết đến nam nhân” đã nhấn mạnh đến cả đức đồng trinh hiện hữu của Mẹ Maria và ý hướng muốn sống đời trinh nữ của Mẹ. Lời bày tỏ Mẹ sử dụng, với động từ ở thể hiện tại, cho thấy tính chất vĩnh viễn và liên tục về tình trạng này của Mẹ.

**Mẹ Maria hoàn toàn cộng tác
với ý muốn của Thiên Chúa**

2- Khi đề cập tới sự khó khăn này, Mẹ Maria không chống lại dự án thần linh một chút nào, nhưng bày tỏ ý hướng của Mẹ muốn hoàn toàn thực hiện nó. Hơn nữa, người con gái thành Nazarét này luôn sống hoàn toàn hòa hợp với ý muốn thần linh và đã chọn đời sống đồng trinh để làm hài lòng Chúa. Thật vậy, ý hướng của Mẹ muốn sống đồng trinh đã giúp Mẹ chấp nhận ý muốn của Thiên Chúa “bằng tất cả cái Tôi nhân loại và nữ giới của Mẹ, và việc đáp ứng này của đức tin đã bao gồm cả việc trọn hảo cộng tác với ‘ân sủng của Thiên Chúa có trước và trợ giúp’ lẫn việc trọn hảo cởi mở cho tác động của Thánh Linh” (*Redemptoris Mater*, n. 13).

Đối với một số người thì những lời nói và ý hướng của Mẹ Maria dường như là những gì chưa chắc xảy ra, vì nơi thế giới Do Thái, vấn đề đồng trinh đã không được coi có giá trị hay lý tưởng cần phải được theo đuổi. Những bản văn Cựu Ước giống nhau khẳng định điều này ở một số đoạn và diễn đạt từng được biết đến. Trong Sách Các Quan Án chẳng hạn, người con gái của Jephthah, người, khi đối đầu trước cái chết khi còn trẻ và độc thân, đã than khóc tình trạng đồng trinh của mình, tức là cô than van rằng cô không thể lấy chồng (Jgs 11:38). Hơn nữa, theo lệnh thần linh là “hãy sinh sôi nảy nở” (Gen 1:28), thì vấn đề hôn nhân được coi là ơn gọi tự nhiên của người phụ nữ bao gồm cả niềm vui nỗi buồn kèm theo vai trò làm mẹ.

3- Để hiểu hơn về bối cảnh cho thấy quyết định của Mẹ Maria đã trở nên chín chắn cần phải nhớ rằng ở vào giai đoạn ngay trước khi mở màn cho kỷ nguyên Kitô giáo, một thái độ tích cực nào đó đối với sự đồng trình đã bắt đầu xuất hiện nơi một số thành phần Do Thái. Chẳng hạn như Essenes là vị mà nhiều chứng từ lịch sử quan trọng đã được tìm thấy ở Qumran, đã sống độc thân hay hạn chế việc sử dụng hôn nhân vì đời sống cộng đồng và tìm cách sống thân mật hơn với Thiên Chúa.

Ngoài ra, ở Ai Cập, có một cộng đồng nữ giới có liên hệ với linh đạo của Essene đã sống tiết dục. Những người nữ này, thuộc về một môn phái được Philo of Alexandria gọi là Therapeutate (*De Vita Contemplativa*, 21-90), đã hiến đời mình cho việc chiêm niệm và tìm kiếm sự khôn ngoan.

Dường như Mẹ Maria chưa hề biết đến những nhóm tôn giáo Do Thái này là thành phần thực hành lý tưởng sống độc thân và đồng trình. Thế nhưng, sự kiện Thánh Gioan Tẩy Giả có lẽ đã sống độc thân và trong một cộng đồng với các môn đệ đã được trân trọng là những gì hỗ trợ cho giả thuyết là việc chọn lựa của Mẹ Maria sống đồng trình đã là những gì thuộc về bối cảnh mới mẻ về văn hóa và tôn giáo này.

4- Tuy nhiên, trường hợp ngoại lệ của Trinh Nữ Nazarét này không được dẫn chúng ta tới cái sai lầm của việc thắt kết những ý hướng nội tâm của Mẹ với tâm thức của môi trường Mẹ sống, từ đó loại trừ đi tính chất độc đáo của mầu nhiệm đã xảy ra nơi Mẹ. Đặc biệt là chúng ta không được quên rằng, ngay từ đầu cuộc sống của mình, Mẹ Maria đã lãnh nhận một ân sủng kỳ diệu, được vị thiên thần nhìn nhận vào lúc Truyền Tin. “Đây ân phúc” (Lk 1:28), Mẹ Maria đã trở nên phong phú bằng một sự trọn lành thánh đức, như Giáo Hội giải thích, ở vào chính giây phút đầu tiên của đời sống Mẹ: đặc ân đặc thù Vô Nhiễm Thai đã ảnh hưởng đến toàn bộ phát triển nơi đời sống thiêng liêng của người nữ trẻ thành Nazarét này.

Chúa biến đổi sự nghèo khó của Mẹ Maria thành phong phú

Bởi thế, cần phải chú trọng rằng Mẹ Maria được hướng dẫn tới lý tưởng đồng trinh bởi một thần hứng phi thường của cùng Vị Thánh Linh, Đấng, trong giòng lịch sử của Giáo Hội, đã tác động nhiều nữ giới tiến đến con đường sống đời tận hiến đồng trinh.

Sự hiện diện đặc biệt của ân sủng nơi đời sống của Mẹ Maria dẫn đến kết luận là người nữ trẻ trung này đã hiến mình sống đồng trinh. Đây những tặng

ân phi thường của Chúa từ đầu cuộc sống của mình, Mẹ đã hướng tới một cuộc hiến toàn thân – cả xác lẫn hồn – cho Thiên Chúa, nơi việc hiến dâng bản thân mình như là một trinh nữ.

Ngoài ra, cái thần hứng này của Mẹ về đời sống đồng trinh đã hòa hợp với cái “nghèo khó” trước Thiên Chúa là những gì được Cựu Ước coi trọng. Hoàn toàn dẫn mình theo con đường ấy, Mẹ Maria cũng từ bỏ cả vai trò làm mẹ, một kho tàng riêng của người nữ, rất được cảm mến ở Do Thái. Bởi thế Mẹ “nổi bật trong số thành phần nghèo khó và thấp hèn của Chúa là Đáng được tin tưởng hy vọng hướng về và là nguồn ban ơn cứu độ” (*Lumen gentium*, n. 55). Tuy nhiên, khi dâng mình cho Thiên Chúa như một kẻ nghèo hèn và chỉ nhắm tới việc phong phú thiêng liêng, hoa trái của tình yêu thần linh, ở vào giây phút Truyền Tin, Mẹ Maria khám phá ra rằng Chúa đã biến đổi cái nghèo khó của Mẹ trở nên phong phú: Mẹ sẽ là một Vị Trinh Mẫu của Con Đấng Tối Cao. Sau đó, Mẹ cũng khám phá ra rằng vai trò làm mẹ của mình bao gồm tất cả mọi người là thành phần đến để cứu độ (cf. *Catechism of the Catholic Church*, n. 501).

Người Con hằng hữu của Thiên Chúa cũng được hạ sinh bởi Mẹ Maria

Bài 28– 31/7/1996

1- Trong dự án cứu độ của mình, Thiên Chúa đã muốn Người Con duy nhất của mình được hạ sinh bởi một người nữ. Quyết định thần linh này cần đến một mối liên hệ sâu xa giữa đức đồng trinh của Mẹ Maria và việc Nhập Thể của Ngôi Lời. “Con mắt đức tin có thể khám phá nơi bối cảnh của toàn thể Mạc Khải những lý do huyền nhiệm cho thấy lý do tại sao Thiên Chúa, trong dự án thần linh của mình, đã muốn Người Con của mình được hạ sinh bởi một trinh nữ. Những lý do này chạm đến cả con người của Chúa Kitô lẫn sứ vụ cứu chuộc của Người, cũng như đến việc Mẹ Maria đón nhận sứ vụ ấy thay cho tất cả loài người” (*Catechism of the Catholic Church*, n. 502).

Việc thụ thai trinh nguyên, ngoài vai trò làm cha của loài người, khẳng định rằng người cha duy nhất của Chúa Giêsu là Cha trên trời và việc được hạ sinh trong thời gian của Người Con này phản ánh cuộc

nhiệm sinh hằng hữu của Người, ở chỗ Người Cha sinh ra Con trong đời đời cũng hạ sinh Con làm người trong thời gian.

2- Trình thuật Truyền Tin nhấn mạnh tình trạng của Người là “Con Thiên Chúa”, thành quả của việc Thiên Chúa nhúng tay vào biến cố Người được thụ thai. “Thánh Thần sẽ xuống trên trinh nữ và quyền phép Đấng Tối Cao sẽ bao trùm trinh nữ; bởi thế con trẻ được hạ sinh sẽ được gọi là thánh, là Con Thiên Chúa” (Lk 1:35).

Việc thụ thai đồng trinh là thành quả của việc Mẹ Maria hợp tác

Đấng được hạ sinh bởi Mẹ Maria đã là Con Thiên Chúa vì cuộc hạ sinh vĩnh hằng của Người; việc Người được sinh ra trinh nguyên do Đấng Tối Cao thực hiện, cho thấy rằng Người là Con Thiên Chúa cho dù nơi nhân tính của Người.

Mạc khải về cuộc hạ sinh vĩnh hằng của Người nơi việc Người được hạ sinh trinh nguyên cũng được gọi lên ở những câu trong Lời Mở Đầu Phúc Âm Thánh Gioan, những câu liên kết việc tỏ hiện của Vị Thiên Chúa vô hình với công cuộc của “Người Con duy nhất, Đấng ở trong lòng Cha” (1:18), khi hóa thành nhục thể:

“Rồi Lòi đã hóa thành nhục thể và ở giữa chúng ta, đây ân sủng và chân lý; chúng ta đã được thấy vinh hiển của Người, vinh hiển của Người Con duy nhất đến từ Cha” (Jn 1:14).

Khi thuật lại việc Chúa Giêsu được hạ sinh, Thánh Luca và Mathêu cũng nói về vai trò của Thánh Linh. Thánh Linh không phải là cha của Con Trẻ. Chúa Giêsu là Con của một mình Cha Hằng Hữu (cf Lk 1:32-35), Đấng nhờ Thánh Linh mà hoạt động trên thế giới này và sinh hạ Lòi về bản tính loài người. Thật vậy, ở biến cố Truyền Tin, vị thiên thần gọi Vị Thần Linh này là “quyền phép của Đấng Tối Cao” (Lk 1:35), hợp với Cựu Ước cho thấy Ngài như là quyền lực thần linh hoạt động trong đời sống con người, khiến nó có khả năng thực hiện những việc kỳ diệu. Tỏ mình một cách tột độ nơi màu nhiệm Nhập Thể, quyền lực này, một quyền lực là Tình Yêu trong sự sống Ba Ngôi của Thiên Chúa, có nhiệm vụ cố gắng hiển cho nhân loại Lòi Nhập Thể.

3- Đặc biệt Thánh Linh là ngôi vị truyền đạt những phong phú thần linh cho con người và làm cho con người được thông phần vào sự sống của Thiên Chúa. Ngài, Đấng là mối hiệp nhất giữa Cha và Con trong màu nhiệm Ba Ngôi, liên kết nhân loại với Thiên Chúa bằng việc thực hiện cuộc hạ sinh trinh nguyên của Chúa Giêsu.

Mâu nhiệm Nhập Thể cũng đề cao sự cao cả khôn sánh về vai trò trinh nguyên của Mẹ Maria, ở chỗ, việc Chúa Giêsu được thụ thai là hoa trái của việc Mẹ quảng đại hợp tác với tác động của Vị Thần Linh Tình Yêu, nguồn mạch của tất cả những gì là sinh sản phong phú.

Trong dự án cứu độ thần linh, việc thụ thai trinh nguyên do đó là một thứ loan báo về việc tân tạo, ở chỗ, nhờ hoạt động của Thánh Linh mà Đấng sẽ là tân Adong được hạ sinh nơi Mẹ Maria. Như *Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo* viết: “Chúa Giêsu được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần trong cung dạ của Mẹ Maria Đồng Trinh vì Người là Tân Adong, Đấng khai mở cho một cuộc tân tạo” (số 504).

Tín hữu được ban quyền trở nên con cái của Thiên Chúa

Vai trò làm trinh mẫu của Mẹ Maria chiếu sáng nơi mâu nhiệm tân tạo này. Khi gọi Chúa Kitô là “trưởng tử của Vị Trinh Nữ” (*Ad Haer.*, 3, 16, 4), Thánh Irenaeus nhắc nhở rằng sau Chúa Giêsu còn nhiều người khác cũng được sinh ra bởi Vị Trinh Nữ này, ở chỗ họ lãnh nhận sự sống mới của Chúa Kitô. “Chúa Giêsu là Người Con duy nhất của Mẹ Maria, thế nhưng vai trò làm mẹ thiêng liêng của Mẹ bao gồm tất cả mọi người là thành phần Người thực sự đến cứu độ: Người Con được Mẹ hạ sinh là Đấng

Thiên Chúa đặt là trưởng tử giữa đàn em đồng đúc, tức là, thành phần tín hữu được tái sinh và hình thành bằng việc hợp tác của Mẹ bằng tình yêu của một người mẹ” (*Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo, số 501*).

4- Việc thông truyền sự sống mới này là việc truyền đạt vai trò làm con cái thần linh. Ở đây chúng ta nhớ lại chân trời được Thánh Gioan mở ra trong Lời Mở Đầu Phúc Âm của Người: Đấng được Thiên Chúa hạ sinh ban cho tất cả mọi tín hữu quyền trở nên con cái của Thiên Chúa (x Jn 1:12-13). Việc sinh hạ trình nguyên này giúp nối rộng vai trò thần linh: con người trở thành những đứa con thừa nhận của Thiên Chúa trong Đấng là Con của Đức Trinh Nữ và của Cha.

Chiêm ngưỡng mầu nhiệm về cuộc hạ sinh trình nguyên này, bởi thế, giúp cho chúng ta có thể nhận ra rằng Thiên Chúa đã chọn một Trinh Mẫu cho Con của Ngài để cố gắng hiển tình phụ tử của Ngài cho nhân loại một cách dồi dào phong phú hơn.

Việc chọn lựa của Mẹ Maria tác động đức đồng trinh dâng hiến

Bài 29– 7/8/1996

1- Ý muốn giữ sống đời của một trinh nữ, được hiển nhiên nơi những lời của Mẹ Maria trong giây phút Truyền Tin, theo truyền thống đã được coi là khởi điểm và là khởi động cho đức đồng trinh Kitô giáo trong Giáo Hội.

Thánh Âu Quốc Tinh không thấy nơi quyết định này việc hoàn tất của một chỉ thị thần linh mà là một lời khẩn tự do chọn lựa. Như thế việc chọn lựa này mới có thể cho thấy Mẹ Maria là một mẫu gương cho “các kẻ đồng trinh” suốt giòng lịch sử của Giáo Hội. Mẹ Maria “đã hiến dâng đức đồng trinh của mình cho Thiên Chúa khi Mẹ chưa biết Đấng Mẹ sẽ thụ thai, nhờ đó hình ảnh của đời sống thiên đình trong một thân xác trần gian chết chóc được thực hiện bằng một lời khẩn chứ không phải bằng một chỉ thị, nhờ việc chọn lựa yêu thương chứ không phải bởi nhu cầu phục vụ” (*De Sancta Virg.*, IV, PL 40:398).

Vị Thiên Thần không yêu cầu Mẹ Maria sống đời trinh nữ; chính Mẹ Maria tự ý tỏ ra ý hướng muốn giữ mình đồng trinh của Mẹ. Việc chọn lựa yêu thương dẫn Mẹ đến chỗ hoàn toàn hiến mình cho Chúa bằng một cuộc sống đồng trinh được tỏ hiện nơi sự dấn thân này.

Khi nhấn mạnh đến tính chất tự động nơi quyết định của Mẹ Maria, chúng ta không được quên rằng nguồn mạch của hết mọi ơn gọi đều do Thiên Chúa khởi động. Bằng việc chọn sống đời đồng trinh, người thiếu nữ thành Nazarét đáp ứng một tiếng gọi nội tâm, tức là đáp ứng tác động của Thánh Linh đã soi sáng cho Mẹ biết về ý nghĩa và giá trị của tặng ân đồng trinh nơi bản thân của Mẹ. Không ai có thể chấp nhận tặng ân này mà lại không cảm thấy được kêu gọi hay không lãnh nhận từ Thánh Linh ánh sáng và sức mạnh cần thiết.

Mẹ Maria đã mạnh mẽ quyết định sống đồng trinh

2- Mặc dù Thánh Âu Quốc Tinh sử dụng chữ “khẩn hứa” để tỏ cho những ai ngài gọi là “các trinh nữ thánh” mẫu gương đầu tiên cho bậc sống của họ, Phúc Âm không chứng thực rằng Mẹ Maria đã minh nhiên thực hiện lời khẩn này, một hình thức tận hiến và dâng hiến đời mình cho Thiên Chúa là hình thức

đã từng được thực hiện từ các thế kỷ đầu tiên của Giáo Hội.

Theo Phúc Âm chúng ta thấy rằng Mẹ Maria đã thực hiện một quyết định cá nhân muốn sống đời trinh nữ, dâng hiến tấm lòng của Mẹ cho Chúa. Mẹ muốn trở thành một hôn thê trung thành của Ngài, hoàn trọn ơn gọi của Mẹ như một “nữ tử Sion”. Tuy nhiên, bởi quyết định của mình, Mẹ trở nên mẫu thức cho tất cả những ai trong Giáo Hội muốn chọn việc dâng thân phục vụ Chúa bằng một tấm lòng không chia sẻ nơi đức đồng trinh.

Không có một cuốn Phúc Âm nào hay bất cứ một bản văn Tân Ước nào nói với chúng ta về thời điểm Mẹ Maria đã quyết định sống đời trinh nữ. Tuy nhiên, câu Mẹ hỏi vị thiên thần vào lúc Truyền Tin đã thật hiển nhiên cho thấy rằng Mẹ đã thực hiện một quyết định rất mạnh mẽ. Mẹ Maria không ngần ngại bày tỏ lòng ước mong của Mẹ muốn giữ đức đồng trinh này của mình ngay cả trước vai trò làm mẹ được bày tỏ với Mẹ, cho thấy rằng ý nguyện của Mẹ đã chín mùi từ lâu.

Thật vậy, việc Mẹ Maria chọn sống trinh nguyên không được thực hiện trước một viễn ảnh không thể biết được về việc trở nên Mẹ của Thiên Chúa, thế nhưng đã được phát triển trong ý thức của Mẹ trước biến cố Truyền Tin. Chúng ta có thể cho rằng

khuyñh hướng này bao giờ cũng hiện hữu trong lòng của Mẹ: ân sủng đã sửa soạn cho Mẹ trở thành một trinh mẫu chắc chắn đã tác dụng đến toàn thể cuộc phát triển về con người của Mẹ, trong khi đó Thánh Linh không thôi tác động nơi Mẹ, từ những năm ấu thơ nhất của Mẹ, ước muốn được hoàn toàn nên một với Thiên Chúa.

3- Những việc kỳ diệu ngày nay vẫn được Thiên Chúa thực hiện trong tâm hồn và đời sống của rất nhiều giới trẻ trước hết đã được hiện thực nơi linh hồn của Mẹ Maria. Ngay cả trong thế giới của chúng ta đây, một thế giới bị phân tâm rất nhiều bởi những thứ thu hút của một nền văn hóa thường nông nổi hời hợt và hưởng thụ, vẫn có nhiều thanh thiếu niên chấp nhận lời mời gọi xuất phát từ gương của Mẹ Maria để tận hiến tuổi trẻ của mình cho Chúa cũng như cho việc phục vụ anh chị em của mình.

Quyết định này là sự chọn lựa những giá trị cao cả hơn, hơn là việc từ bỏ những giá trị về nhân bản. Về vấn đề này, trong Tông Huấn *Marialis Cultus* của mình, vị tiền nhiệm khả kính Phaolô VI nhấn mạnh là bất cứ ai nhìn vào chứng từ của Phúc Âm với một tâm trí cởi mở “sẽ cảm nhận rằng việc chọn lựa của Mẹ Maria về tình trạng đồng trinh... không phải là một thứ loại trừ bất cứ những giá trị của bậc sống hôn nhân mà là một chọn lựa can đảm được Mẹ

thực hiện để tận hiến bản thân mình trọn vẹn cho tình yêu của Thiên Chúa” (số 37) ra sao.

Tóm lại, việc chọn sống đời đồng trinh được tác động bởi lòng gắn bó trọn vẹn với Chúa Kitô. Điều này đặc biệt hiển nhiên nơi Mẹ Maria. Mặc dù trước biến cố Truyền Tin, Mẹ không nhận thức về nó, nhưng Thánh Linh đã tác động Mẹ việc tận hiến trinh nguyên liên quan đến Chúa Kitô: Mẹ vẫn là một trinh nữ để tiếp nhận Đấng Thiên Sai và là Đấng Cứu Thế bằng tất cả con người của Mẹ. Đức đồng trinh đã bắt đầu nơi Mẹ Maria như thế cho thấy chiều kích tập trung vào Chúa Kitô của nó, thiết yếu cho cả đức đồng trinh được thực hành trong Giáo Hội, một đức đồng trinh mô phỏng theo gương mẫu cao cả nơi Người Mẹ của Chúa Kitô. Nếu đức đồng trinh nơi bản thân của Mẹ, được liên kết với vai trò làm mẹ thần linh, vẫn là một sự kiện phi thường, thì nó củng cố hiển ánh sáng và ý nghĩa cho hết mọi tặng ân trinh nguyên.

**Đức đồng trinh tận hiến là nguồn mạch
của việc sinh hoa kết trái thiêng liêng**

4- Biết bao nhiêu là nữ nhân trẻ trung trong lịch sử Giáo Hội, khi chiêm ngưỡng thấy tính chất cao cả và mỹ lệ nơi tâm hồn trinh nguyên của Mẹ Chúa Kitô, đã cảm thấy phấn khởi trong việc quảng đại đáp ứng tiếng gọi của Thiên Chúa bằng cách theo đuổi lý

tưởng sống đồng trình! “Như tôi đã nhắc đến trong Thông Điệp *Redemptoris Mater* – Mẹ Đấng Cứu Chuộc, “Chính đức đồng trình này, theo gương của Vị Trinh Nữ Nazarét, là nguồn mạch của sự phong phú thiêng liêng đặc biệt: nó là nguồn mạch của vai trò làm mẹ trong Thánh Linh” (số 43).

Đòi sống trình nguyên của Mẹ Maria đã tác động nơi toàn thể dân Kitô hữu niềm trân trọng tặng ân đồng trình và niềm ước muốn là nó cần phải gia tăng trong Giáo Hội như là một dấu hiệu thượng quyền của Thiên Chúa trên tất cả mọi thực tại và như là một thứ ngưỡng vọng tiên báo về một đời sống mai hậu. Cùng nhau, chúng ta hãy cảm tạ Chúa cho những ai ngày nay vẫn còn quảng đại hiến đời mình sống đồng trình để phụng sự vương quốc của Thiên Chúa.

Đồng thời, trong khi ở các miền khác nhau được phúc âm hóa lâu đời chủ nghĩa khoái lạc và chủ nghĩa hưởng thụ dường như trở thành những rào cản cho nhiều giới trẻ trong việc theo đuổi đời sống tận hiến, chúng ta cần phải gia tăng nguyện xin Thiên Chúa, nhờ lời chuyển cầu của Mẹ Maria, cho một cuộc triển nở mới về ơn gọi tu trì. Nhờ đó, dung nhan của Người Mẹ Chúa Kitô, được phản ánh nơi nhiều trinh nữ đang nỗ lực theo Vị Thày thần linh, sẽ tiếp tục trở thành dấu hiệu cho tình thương và lòng âu yếm của Thiên Chúa đối với nhân loại.

Mẹ Maria và Thánh Giuse sống tặg ân đồng trính

Bài 30 – 21/8/1996

1. Khi cho thấy Mẹ Maria như là một “trính nữ”, Phúc Âm Thánh Luca đã thêm rằng Mẹ “đã đính hôn với một người tên là Giuse, thuộc nhà Đavít” (1:27). Hai chi tiết đợc ghi nhận này thoạt thấy như thể mâu thuẫn đốỉ nghịch nhau.

Cần phải lưu ý là tiếng Hy Lạp đợc sử dụng trong đoạn này không cho thấy tình trạng của một người đàn bà đã thành hôn và vì thế ở trong bậc vợ chồng, mà là tình trạng đính hôn. Tuy nhiên, không giống như những gì xảy ra ở các nền văn hóa tân tiến, tục lệ của người Do Thái xưa về việc đính hôn đã cấp cho một hợp đồng và bình thường thì đã có một giá trị dứt khoát: nó thực sự đưa thành phần đính hôn vào đời sống hôn nhân, cho dù hôn nhân đợc hoàn tất chỉ khi nào người con trai đem người con gái về nhà mình.

Bởi vậy, vào thời điểm Truyền Tin, Mẹ Maria đã ở trong tình trạng của một người đính hôn. Chúng ta có thể ngẫm nghĩ rằng tại sao Mẹ đã chấp nhận đính hôn, vì Mẹ đã có ý suốt đời sống trinh nguyên. Thánh Luca đã biết được cái khó khăn này, thế nhưng ngài chỉ ghi lại tình trạng này mà không cố gắng thêm bất cứ một giải thích nào hết. Sự kiện Vị Thánh Ký này, trong khi nhấn mạnh đến ý hướng của Mẹ Maria muốn sống đồng trinh, đồng thời cũng cho thấy Mẹ như là vị hôn thê của Thánh Giuse, là một dấu hiệu cho tính chất đáng tin cậy về lịch sử của hai chi tiết ghi nhận ấy.

Thánh Giuse được kêu gọi để hợp tác vào dự án cứu độ

2- Có thể nghĩ rằng vào lúc đính hôn của mình giữa Thánh Giuse và Mẹ Maria đã có được một sự cảm thông về dự án sống đồng trinh. Hơn nữa, Thánh Linh là Đấng đã tác động Mẹ Maria chọn sống đồng trinh liên quan đến mầu nhiệm Nhập Thể và là Đấng muốn Mẹ sống trong một hoàn cảnh gia đình hợp với việc tăng trưởng của Con Trẻ, rất có thể đã làm cho cả Thánh Giuse cũng thấm nhiễm lý tưởng sống đồng trinh nữa.

Vị thiên thần của Chúa đã xuất hiện trong một giấc chiêm bao mà nói cùng ông rằng: “Hỡi Giuse, con Đavít, đừng sợ nhận Maria làm vợ của mình, vì việc

thụ thai xảy ra nơi cô ấy là do bởi Thánh Linh” (Mt 1:20). Bởi thế ngài đã được xác định là ngài được kêu gọi để sống đời sống hôn nhân của mình một cách hoàn toàn đặc biệt. Bằng việc hiệp thông trình trong với người phụ nữ được chọn sinh hạ Chúa Giêsu, Thiên Chúa kêu gọi ngài hợp tác trong việc thi hành dự án cứu độ.

Kiểu mẫu hôn nhân được Thánh Linh dẫn đưa Mẹ Maria và Thánh Giuse chỉ có thể hiểu được theo bối cảnh của dự án cứu độ cũng như của một thứ linh đạo cao cả. Việc hiện thực hóa một cách cụ thể mẫu nhiệm Nhập Thể cần thiết cho một cuộc hạ sinh đồng trình là những gì đề cao vai trò con cái thần linh, đồng thời, đối với một gia đình, là những gì có thể một cuộc phát triển bình thường cho con người của Con Trẻ.

Chính ở việc các vị góp phần vào mẫu nhiệm Nhập Thể của Ngôi Lời mà Thánh Giuse và Mẹ Maria đã lãnh nhận ân sủng sống một lúc vừa theo đặc sủng đồng trình vừa tặng ân phối ngẫu. Mối hiệp thông yêu thương trình tráng giữa Mẹ Maria và Thánh Giuse, mặc dù là một trường hợp đặc biệt liên hệ tới viện hiện thực một cách cụ thể mẫu nhiệm Nhập Thể, dầu sao cũng là một cuộc hôn nhân thực sự (cf. Apostolic Exhortation *Redemptoris custos*, n. 7).

Vấn đề khó khăn trong việc chấp nhận mầu nhiệm cao cả về mối hiệp thông phối ngẫu của các vị đã khiến cho một số người, từ thế kỷ thứ hai, nghĩ về Thánh Giuse như là một kẻ lường tuổi và coi ngài như vị bảo hộ của Mẹ Maria hơn là người chồng của Mẹ. Trái lại, có trường hợp cho rằng ngài không phải là một người đàn ông lão thành vào lúc ấy mà là sự trọn lành nội tâm của ngài, hoa trái của ân sủng, đã thúc đẩy ngài sống mối liên hệ phu thê với Mẹ Maria với một cảm tình trinh trắng.

Đức Lêo XIII đã ký thác toàn thể Giáo Hội cho Thánh Giuse bao bọc chở che.

3- Việc Thánh Giuse hợp tác vào mầu nhiệm Nhập Thể cũng bao gồm việc thực hành vai trò làm cha của Chúa Giêsu. Vị thiên thần đã công nhận nhiệm vụ này của ngài khi hiện ra với ngài trong giấc chiêm bao và mời gọi ngài hãy đặt tên cho Con Trẻ: “Cô ấy sẽ sinh hạ một người con trai, và người sẽ đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì Người sẽ cứu dân của Người khỏi tội lỗi” (Mt 1:21).

Cho dù loại trừ việc sinh sản về thể lý, vai trò làm cha của Thánh Giuse vẫn là một cái gì thực sự chứ không phải là bề ngoài. Khi phân biệt giữa người cha và một người sinh hạ, có một chuyển khảo cổ về đức đồng trinh của Mẹ Maria - the *De Margarita* (thế kỷ thứ 4) – nói rằng “những quyết tâm được Vị

Trinh Nữ và Thánh Giuse nắm giữ với tư cách là chồng và là vợ đã làm cho ngài có thể được gọi theo danh xưng (cha) này; tuy nhiên, là một người cha không sinh hạ”. Bởi thế, Thánh Giuse đã thi hành vai trò làm cha của Chúa Giêsu, thực thi quyền bính là đối tượng Đấng Cứu Thế đã tỏ ra tuơng nguyện “tuần phục” (Lk 2:51), góp phần vào việc nuôi nấng và chỉ dẫn Người hành nghề thợ mộc.

Thành phần Kitô hữu luôn nhìn nhận Thánh Giuse như là một vị đã sống mối hiệp thông thân mật với Mẹ Maria và Chúa Giêsu cũng kết luận rằng cả nơi cái chết ngài cũng hoan hưởng sự hiện diện mến thương an ủi của các vị. Từ truyền thống liên li Kitô giáo này, ở nhiều nơi đã phát triển lòng tôn sùng đặc biệt đối với Thánh Gia là gia đình có Thánh Giuse là Vị Bảo Quản Đấng Cứu Chuộc. Như hết mọi người đều biết, Đức Giáo Hoàng Lêô XIII đã ký thác toàn thể Giáo Hội cho việc chăm sóc chở che bao bọc của ngài.

Giáo Hội cho thấy Mẹ Maria là một “Trinh Nữ Trọn Đời”

Bài 31 – 28/8/1996

1- Giáo Hội luôn luôn tuyên xưng niềm tin của mình vào đức trinh nguyên trọn đời của Mẹ Maria. Các bản văn cổ xưa nhất, khi đề cập đến việc Chúa Giêsu được thụ thai, đã gọi Mẹ Maria một cách đơn sơ là “trinh nữ”, với hàm ý rằng tính chất này là một sự kiện tồn tại suốt cả cuộc đời của Mẹ.

Các Kitô hữu sơ khai đã bày tỏ niềm xác tín tin tưởng này bằng từ ngữ Hy Lạp *aeiparthenos* – ‘trinh nguyên’ – một từ ngữ được tạo nên để diễn tả con người của Mẹ Maria một cách đặc thù và nổi bật, cũng như để diễn tả bằng một chữ duy nhất niềm tin tưởng của Giáo Hội vào đức trinh nguyên trọn đời của Mẹ. Chúng ta thấy nó được sử dụng trong bản tuyên xưng đức tin thứ hai được Thánh Epiphanius biên soạn năm 374 liên quan tới Mâu Nhiệm Nhập Thể, đó là Con Thiên Chúa “đã nhập thể, tức là Người được Mẹ Maria là đức trinh nữ trọn đời hạ sinh một cách trọn hảo bởi Thánh Linh” (*Ancoratus*, 119,5; DS 44).

Lời diễn tả “trinh nguyên” được tiếp tục bởi Công Đồng Constantinople thứ hai (năm 553), một công đồng khẳng định rằng: Lời Chúa, “nhập thể bởi Người Mẹ của Thiên Chúa thánh thiện và hiển vinh và là Mẹ Maria *trinh nguyên*, được hạ sinh bởi Mẹ” (DS 422). Tín lý này được củng cố bởi hai Công Đồng Chung khác, đó là Công Đồng Lateranô IV (năm 1215) và Công Đồng Lyons II (1274) (DS 852),

cũng như bởi bản văn định tín tín điều Mông Triệu (năm 1950) (DS 3903) trong đó đức đồng trinh trọn đời của Mẹ Maria được coi như là một trong những lý do tại sao Mẹ được đưa về trời hiển vinh cả xác lẫn hồn.

Mẹ Maria đồng trinh trước khi, trong khi và sau khi sinh hạ

2- Bằng một công thức vắn gọn, theo truyền thống, Giáo Hội cho thấy Mẹ Maria “đồng trinh *trước khi, trong khi và sau khi* sinh hạ”, khẳng định rằng Mẹ mãi mãi là một trinh nữ ở cả 3 thời điểm này.

Trong 3 thời điểm này, việc khẳng định đức đồng trinh của Mẹ “trước khi sinh hạ” chắc chắn là thời điểm quan trọng nhất, vì nó liên hệ tới việc Chúa Giêsu được thụ thai và trực tiếp đụng chạm tới chính mầu nhiệm Nhập Thể. Từ ban đầu thì nó vẫn hằng liên li được Giáo Hội tin tưởng như thế.

Đức đồng trinh của Mẹ “trong khi và sau khi sinh con”, mặc dù được hàm chứa nơi danh xưng đồng trinh đã được qui cho Mẹ Maria ngay từ những ngày đầu tiên của Giáo Hội, đã trở thành đối tượng cho việc nghiên cứu sâu xa về tín lý, vì có một số bắt đầu công khai tỏ ra nghi ngờ. Thánh Giáo Hoàng Hormisdas giải thích rằng “Con Thiên Chúa đã trở thành Con của loài người, được sinh ra trong thời

gian theo cách thức của con người, sinh ra từ lòng mẹ của mình (cf Lk 2:23), và nhờ quyền năng của Thiên Chúa, không tác hại tới đức đồng trinh mẹ của Người” (DS 368). Tín lý này được Công Đồng Chung Vaticanô II khẳng định, dạy rằng người Con đầu lòng của Mẹ Maria “không làm giảm thiểu tính chất trọn vẹn đồng trinh của Mẹ mình nhưng thánh hóa nó” (*Lumen gentium*, n. 57). Về vấn đề Mẹ đồng trinh sau khi sinh con, trước hết cần phải nhận định rằng không có lý do nào để nghĩ rằng ý muốn giữ mình đồng trinh được Mẹ Maria bày tỏ vào lúc Truyền Tin (cf Lk 1:34) sau đó bị thay đổi. Ngoài ra, ý nghĩa trực tiếp của những chữ “Thưa bà, này là con của bà!”, “Này là mẹ của con” (Jn 19:26) được Chúa Giêsu từ trên cây thập giá ngỏ cùng Mẹ Maria cũng như cùng người môn đệ đặc biệt của Người cũng bao hàm việc Mẹ Maria chẳng có một người con nào khác nữa.

Những ai chối bỏ đức đồng trinh sau khi sinh con của Mẹ đã nghĩ rằng họ khám phá ra được một lập luận thuyết phục nơi chữ “trường tử” được qui cho Chúa Giêsu trong Phúc Âm (Lk 2:7), hầu như thể chữ này chất chứa sự kiện là Mẹ Maria đã sinh hạ những đứa con khác sau Chúa Giêsu. Thế nhưng, chữ “trường tử” theo nghĩa đen tức là “một đứa con chưa có đứa nào trước nó”, và tự mình, nó không liên hệ gì tới sự hiện hữu của những đứa con khác. Hơn nữa, vì Thánh Ký này nhấn mạnh đặc tính này

của Con Trẻ, vì có một số điều bắt buộc theo luật Do Thái liên quan tới việc sinh hạ của đứa con trai đầu lòng này, không đáng gì tới việc người mẹ sinh hạ những đứa con khác. Bởi thế hết mọi người con trai duy nhất đều phải tuân theo những qui định này vì nó “đầu tiên được sinh ra” (cf Lk 2:23).

**Một vài cấp độ về mối liên hệ
được bao hàm bởi chữ “anh em”**

3- Theo một số người, thì đức đồng trinh của Mẹ Maria sau khi sinh con bị chối bỏ bởi các bản văn Phúc Âm ghi nhận về sự hiện diện của 4 “người anh em của Chúa Giêsu” là Giacôbê, Giuse, Simon và Giuđa (Mt 13:55-56; Mk 6:3), cũng như của một vài người chị em.

Cần phải nhớ rằng không có một từ ngữ đặc biệt nào nơi tiếng Do Thái và Aramaic diễn tả chữ “anh chị em họ”, và những chữ “anh em” và “chị em” bởi thế có một ý nghĩa rất bao rộng bao gồm một số mức độ về mối liên hệ. Thật vậy, cụm từ “những người anh em của Chúa Giêsu” nói đến “con cái” của một Maria là môn đệ của Chúa Giêsu (cf Mt 27:56), và là người được diễn tả gây chú ý là “Maria khác” (Mt 28:1). “Họ có liên hệ gần gũi với Chúa Giêsu theo diễn tả của Cựu Ước” (*Catechism of the Catholic Church*, n. 500).

Bởi thế, Rất Thánh Maria là “vị trinh nữ trọn đời”. Đặc ân của Mẹ là thành quả từ vai trò thiên mẫu của Mẹ, một đặc ân hoàn toàn thánh hiến Mẹ cho sứ vụ cứu chuộc của Chúa Kitô.

Mẹ Maria cống hiến mẫu gương phục vụ cao quý

Bài 32 – 4/9/1996

1- Những lời nói của Mẹ Maria ở biển cố Truyền Tin “Này tôi là nữ tỳ của Chúa; xin hãy thực hiện nơi tôi theo như lời ngài truyền” (Lk 1:38), cho thấy một thái độ đặc biệt của lòng đạo hạnh nơi người Do Thái. Ở đâu Cựu Ước, Moisen, khi đáp ứng tiếng Chúa gọi, tuyên bố mình là đầy tớ của Ngài (cf Ex 4:10; 14:31). Khi đến thời Tân Ước, Mẹ Maria cũng đáp ứng Thiên Chúa bằng một tác động tự nguyện thuận phục và ý thức phó thác cho ý muốn của Ngài, cho thấy tính chất hoàn toàn sẵn sàng của Mẹ trong việc làm “nữ tỳ của Chúa”.

Trong Cựu Ước, tính chất “tôi tớ” của Thiên Chúa liên hệ tới tất cả những ai được kêu gọi thi hành một sứ vụ cho thành phần Dân Tuyển Chọn, như Abraham (Gn 26:24), Isaac (Gn 24:14) Jacob (Ex 32:13; Ez 37:25), Joshua (Jos 24:29), David (2 Sam 7, 8, etc.). Các vị tiên tri và các vị tư tế, những vị được ủy thác cho công việc hình thành dân chúng trong vấn đề trung thành phục vụ Chúa, cũng là những người tôi tớ. Sách Tiên Tri Isaia tôn tụng, ở tính chất chân thành của “Người Tôi Tớ khổ đau”, một mẫu gương trung thành đối với Thiên Chúa với niềm hy vọng cứu chuộc được tội lỗi của nhiều người (cf Is 42:53). Một số phụ nữ cũng nêu gương mẫu trung thành, như Nữ Hoàng Esther, người nữ mà trước khi chuyển cầu cho việc cứu độ của người Do Thái, dâng lên Thiên Chúa một lời nguyện cầu, xưng mình nhiều lần là “tôi tớ của Ngài” (Est 4:17).

Tiếng “xin vâng” của Mẹ Maria bày tỏ việc hoàn toàn tuân phục

2- Mẹ Maria, “đầy ơn phúc”, khi tuyên bố mình là “nữ tỳ của Chúa”, có ý định hiến thân mình một cách trọn hảo để hoàn tất việc phục vụ được Thiên Chúa mong đợi nơi toàn thể dân của Ngài. Những lời: “Này tôi là nữ tỳ của Chúa”, tiên báo Đấng sẽ nói về mình rằng: “Con Người không đến để được phục vụ mà là phục vụ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người” (Mk 10:45: cf. Mt 20:28).

Như thế Thánh Linh đã thực hiện một thứ hòa hợp nơi những yếu tố sâu xa giữa Người Mẹ và Người Con, những gì sẽ giúp cho Mẹ Maria có thể chấp nhận một cách trọn vẹn vai trò làm mẹ đối với Chúa Giêsu, khi Mẹ hỗ trợ Người trong sứ vụ làm Tôi Tớ của Người. Trong đời sống của Chúa Giêsu, ý muốn phục vụ là những gì liên li và lạ lùng, ở chỗ, là Con Thiên Chúa, Người có quyền đòi phải đui7ợc phục vụ. Ghép cho Người danh xưng “Con Người”, vị mà theo Sách Tiên Tri Daniel, “tất cả mọi dân tộc, quốc gia và ngôn ngữ phải phục vụ” (7:14), thì Người có thể cho mình có quyền làm chủ trên những kẻ khác. Trái lại, đối lại với tâm thức của thời ấy, một tâm thức được bày tỏ nơi tham vọng của các môn đệ trong việc chiếm chỗ nhất (cf. Mk 9:34) cũng như nơi việc tông đồ Phêrô kháng cự trong biến cố rửa chân (cf Jn 13:6), Chúa Giêsu không muốn được phục vụ mà là mong muốn phục vụ cho tới độ hoàn toàn hiến mạng sống mình cho công cuộc cứu chuộc.

3- Hơn nữa, Mẹ Maria, mặc dù biết được phẩm vị cao cả được ban cho mình vào lúc thiên thần truyền tin, đã bộc phát tuyên xưng mình là “nữ tỳ của Chúa”. Trong việc dẫn thân phục vụ này Mẹ cũng bao gồm cả ý hướng phục vụ tha nhân của mình nữa, như mối liên kết giữa những đoạn Truyền Tin và Thăm Viếng cho thấy, đó là, được thiên thần cho biết về việc thụ thai của bà chị Isave, Mẹ Maria đã “vội vã” lên đường (Lk 1:39) đến Giuđêa, bằng tất cả

tấm lòng sẵn sàng giúp đỡ người chị em họ của mình trong việc sửa soạn sinh nở. Như thế, Mẹ cống hiến cho Kitô hữu ở tất cả mọi thời đại một mẫu gương phục vụ cao cả.

Những lời: “Hãy thực hiện nơi tôi theo như lời của ngài” (Lk 1:38), cho thấy nơi Mẹ là vị đã tuyên bố mình là nữ tỳ của Chúa, một đức tuân phục trọn vẹn cho ý muốn của Thiên Chúa.

Lối mong mỏi *genito*, “xin hãy thực hiện”, được Thánh Luca sử dụng, chẳng những cho thấy sự chấp thuận mà còn trung thành tuân theo dự án thần linh này nữa, biến nó thành với tất cả những gì mình có.

Bằng việc tuân hợp với ý muốn của Thiên Chúa, Mẹ Maria ứng trước thái độ của Chúa Kitô

4- Bằng việc tuân hợp với ý muốn của Thiên Chúa, Mẹ Maria ứng trước và đồng hóa với thái độ của Chúa Kitô là Đấng, theo Thư gửi Giáo Đoàn Do Thái, khi đến thế gian, đã nói: “Hy sinh và các lễ vật thì Chúa chẳng ưng, nhưng Ngài đã dọn cho tôi một thân xác... Bởi thế mà tôi xin thưa... ‘Ôi Thiên Chúa, này tôi đến để làm theo ý muốn của Chúa’” (Heb 10:5-7; Ps 40 [39]: 7-9).

Sự đơn thành dễ dãi của Mẹ Maria cũng loan báo và là tiền thân những gì được Chúa Giêsu thể hiện

trong cuộc sống công khai của Người cho đến Đồi Canvê. Chúa Kitô nói rằng: “Lương thực của Thầy là làm theo ý của Đấng đã sai Thầy, và hoàn tất công việc của Ngài” (Jn 4:34). Theo chiều hướng ấy, Mẹ Maria làm cho ý muốn của Chúa Cha trở thành nguyên tắc tác động cho cả cuộc sống của Mẹ, khi tìm kiếm nơi ý muốn này sức mạnh cần thiết để hoàn thành sứ vụ được ủy thác cho Mẹ.

Nếu ở vào giây phút Truyền Tin, Mẹ Maria chưa biết được cái hy sinh đánh dấu sứ vụ của Chúa Kitô, thì lời tiên tri của Ông Simêon sẽ giúp cho Mẹ có thể thoáng thấy được số phận thảm thương của Con mình (cf. Lk 3:34-35). Vị Trinh Nữ này sẽ được liên kết với Người bằng một sự chia sẻ sâu xa. Bằng việc hoàn toàn tuân phục ý muốn của Thiên Chúa, Mẹ Maria sẵn sàng sống tất cả những gì tình yêu thần linh có thể ấn định cho cuộc đời của Mẹ, thậm chí chấp nhận cả “lưỡi gươm” xuyên thấu linh hồn của Mẹ.

Mẹ Maria, một Tân Evà, tự nguyện tuân phục Thiên Chúa

Bài 33 – 18/9/1996

1- Khi dẫn giải về đoạn Truyền Tin, Công Đồng Chung Vaticanô II đặc biệt nhấn mạnh đến giá trị của việc Mẹ Maria ưng thuận với những lời của vị sứ giả thần linh. Không giống như những gì xảy ra ở các trình thuật thánh kinh tương tự, sự ưng thuận này được vị thiên thần hiển nhiên đợi chờ: “Vị Cha của tình thương muốn rằng Việc Nhập Thể cần phải được dẫn nhập bằng sự ưng thuận về phần của người mẹ được tiên định, nhờ đó, như người đàn bà đã thông phần vào việc gây ra chết chóc thế nào, cũng người đàn bà cần phải góp phần vào sự sống như thế” (*Lumen gentium*, n. 56).

Hiển Chế Ánh Sáng muôn dân nhắc lại cái tương phản giữa tác hành của Evà và tác hành của Mẹ Maria, được Thánh Irenaeus diễn tả: “Như người đàn bà trước – tức là Evà – bị dụ dỗ bởi những lời lẽ của một thiên thần khiến bà quay lưng lại với Thiên Chúa bằng cách bất tuân phục lời của Ngài thế nào, thì người đàn bà sau – là Mẹ Maria – đã lãnh nhận tin mừng từ vị thiên thần loan báo một cách để hạ sinh Thiên Chúa khi tuân theo lời của Ngài; và như người nữ trước đã bị dụ dỗ đến chỗ bất tuân Thiên Chúa thế nào thì người nữ sau chấp thuận vâng phục Thiên Chúa an như thế, do đó Trinh Nữ Maria đã trở thành vị biện hộ bào chữa cho Evà trinh trong. Và như nhân loại bị chi phối bởi chết chóc gây ra bởi một trinh nữ thế nào thì nó đã được giải thoát bởi một Trinh Nữ như thế; việc bất tuân phục của một

trình nữ, bởi thế, được quân bình lại bởi việc tuân phục của một Trinh Nữ..." (*Adv. Haer.*, V, 19, 1).

Mẹ Maria đã cộng tác bằng việc tự do tin tưởng và tuân phục

2- Trong việc thốt lên tiếng "xin vâng" trọn vẹn với dự án thần linh, Mẹ Maria hoàn toàn tự do trước Thiên Chúa. Đồng thời Mẹ cũng cảm thấy bản thân mình có trách nhiệm với nhân loại nữa, một nhân loại có tương lai đã được gắn liền với việc trả lời của Mẹ.

Thiên Chúa đặt định mệnh của toàn thể nhân loại nơi bàn tay của một người nữ trẻ trung. Tiếng "xin vâng" của Mẹ Maria là tiền đề cho việc hoàn thành dự án được Thiên Chúa vì yêu thương đã sửa soạn cho việc cứu độ thế giới.

Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo đã vắn tắt và thật sự tóm tắt cái giá trị quyết liệt của sự tự do ưng thuận này của Mẹ Maria đối với dự án cứu độ của Thiên Chúa cho toàn thể nhân loại. "Trinh Nữ Maria 'đã cộng tác vào việc cứu độ nhân loại bằng lòng tin tưởng và tuân phục tự do'. Mẹ đã thân thưa lời xin vâng của mình 'nhân danh toàn thể bản tính nhân loại'. Nhờ việc tuân phục của mình, Mẹ đã trở nên một Tân Evà, mẹ của sinh linh" (số 511).

3- Bằng tác hành của mình, Mẹ Maria nhắc nhở mỗi một người chúng ta về trách nhiệm nghiêm trọng của chúng ta trong việc chấp nhận dự án của Thiên Chúa giành cho cuộc đời của chúng ta. Trong việc hoàn toàn tuân theo ý muốn cứu độ của Thiên Chúa được bày tỏ nơi các lời của vị thiên thần, Mẹ trở nên một mô phạm cho những ai được Chúa tuyên bố là diễm phúc, vì họ “nghe lời Chúa mà giữ lấy” (Lk 11:28). Chúa Giêsu, khi trả lời cho người đàn bà giữa đám đông khen tặng Mẹ mình diễm phúc, đã cho biết lý do đích thực cho niềm hạnh phúc của Mẹ Maria đó là việc Mẹ gắn bó với ý muốn của Thiên Chúa, một sự gắn bó đã dẫn Mẹ đến chỗ chấp nhận vai trò làm Mẹ Thiên Chúa.

Trong Thông Điệp *Mẹ Đấng Cứu Chuộc – Redemptoris Mater*, tôi đã vạch ra rằng vai trò làm mẹ thiêng liêng mới được Chúa Giêsu nói tới chính yếu liên quan đến Mẹ. Thật vậy, “Không phải hay sao Mẹ Maria là người đầu tiên trong số ‘những ai nghe lời Thiên Chúa mà giữ lấy?’ Bởi thế, không phải hay sao niềm hạnh phúc được Chúa Giêsu nói đến khi trả lời cho người đàn bà giữa đám đông không liên quan tới Mẹ hay sao?” (số 20). Thế nên, ở một nghĩa nào đó, Mẹ Maria được tuyên bố là người môn đệ đầu tiên của Con Mẹ (cf. *ibid.*), và bằng gương của mình, Mẹ kêu gọi tất cả mọi tín hữu hãy quảng đại đáp ứng ân sủng của Chúa.

4- Công Đồng Chung Vaticanô II cắt nghĩa việc hoàn toàn hiến thân của Mẹ Maria cho con người và công cuộc của Chúa Kitô: “Mẹ đã trọn vẹn hiến thân mình, như một nữ tỳ của Chúa, cho con người và công cuộc của Con Mẹ, theo Người và với Người, trong việc phục vụ mầu nhiệm cứu chuộc, bằng ân sủng của Thiên Chúa toàn năng” (*Lumen gentium*, n. 56).

Đối với Mẹ Maria, việc hiến thân cho con người và công cuộc của Chúa Giêsu nghĩa là hiệp nhất sâu xa với Con của Mẹ, là dẫn thân từ mẫu trong việc nuôi dưỡng việc tăng trưởng về nhân loại của Người và hợp tác với công cuộc cứu độ của Người.

Mẹ Maria đã trở thành căn nguyên cứu độ cho toàn thể nhân loại - Mary became cause of salvation for all humanity

Mẹ Maria thực hiện khía cạnh cuối cùng là “theo Người” trong việc hiến thân mình cho Chúa Giêsu, tức như một điều kiện phụ trợ là hoa trái của ân sủng. Tuy nhiên, điều này quả thực là một việc hợp tác, vì nó được hiện thực “với Người” và, mở màn vào lúc Truyền Tin, nó bao gồm việc chủ động tham phần vào công cuộc cứu chuộc. Công Đồng Chung Vaticanô nhận định rằng: “Thế nên, các vị Nghị Phụ đã có lý để thấy rằng Mẹ Maria không phải chỉ thụ động được Thiên Chúa bao gồm, mà là tự do hợp

tác vào công cuộc cứu độ nhân loại bằng đức tin và sự tuân phục. Vì, như Thánh Irenaeus nói, Mẹ 'vì vâng phục, đã trở nên căn nguyên cứu độ cho chính mình cũng như cho toàn thể nhân loại (*Adv. Haer.* III, 22, 4)' (ibid.).

Mẹ Maria, được liên kết với cuộc chiến thắng của Chúa Kitô trên tội lỗi gây ra bởi những vị cha mẹ tiên khởi của chúng ta, trở thành thực sự là "người mẹ của sinh linh" (ibid.). Vai trò làm mẹ của Mẹ, khi tự do chấp nhận vâng phục dự án thần linh, trở nên như một nguồn mạch sự sống cho toàn thể nhân loại vậy.

Cuộc Viếng Thăm của Mẹ Maria là đạo khúc cho sứ vụ của Chúa Giêsu

Bài 34 –2/10/1996

1- Trong đoạn về việc Thăm Viếng, Thánh Luca cho thấy ân sủng của Việc Nhập Thể, sau khi tràn đầy Mẹ Maria, đã mang ơn cứu độ và niềm vui tới cho nhà của bà Elizabét ra sao. Đấng Cứu Thế của nhân loại, được cưu mang trong cung dạ của Người Mẹ

này, tuôn đổ Thánh Linh khi tỏ mình ran gay từ ban đầu của việc Người đến thế gian.

Khi diễn tả việc lên đường của Mẹ Maria đi Giuđêa, Vị Thánh Ký này đã sử dụng động từ “anístemi”, nghĩa là “chỗi dậy”, “là “bắt đầu di chuyển”. Nếu lưu ý tới động từ này được các Phúc Âm sử dụng để nói đến Cuộc Phục Sinh của Chúa Giêsu (Mk 8:31; 9:9,31; Lk 24:7, 46) hay những hành động về thể lý bao hàm một nỗ lực thiêng liêng (Lk 5:27-28; 15:18,20), chúng ta có thể nghĩ rằng Thánh Luca muốn nhấn mạnh bằng việc diễn tả như thế lòng nhiệt thành mãnh liệt đã khiến cho Mẹ Maria, theo ơn linh ứng của Thánh Linh, ban cho thế giới Đấng Cứu Tinh của nó.

Cuộc hội ngộ với Bà Elizabeth là một biến cố cứu độ vui mừng

2- Đoạn văn Phúc Âm này cũng trình thuật rằng Mẹ Maria “vội vã” lên đường (x Lk 1:39). Ngay cả lời ghi nhận “tiến vào một miền đồi núi” (Lk 1:39), theo chiều hướng của Thánh Luca, xuất hiện không phải chỉ thuần về việc diễn tả về địa hình mà còn hơn thế nữa, vì nó gọi lên vị sứ giả tin mừng trong Sách Tiên Tri Isaia: “Đẹp thay những bước chân trên các núi đồi của người mang tin vui, vị loan truyền an bình, vị loan tin hạnh phúc, vị công bố ơn cứu độ, vị nói

cùng Sion rằng: “Thiên Chúa của người đang hiển trị” (Is 52:7)

Như Thánh Phaolô, vị công nhận việc hoàn trọn lời tiên tri này ở việc rao giảng Phúc Âm (Rm 10:15), Thánh Luca dường như cũng mời gọi chúng ta hãy coi Mẹ Maria như là “vị truyền bá phúc âm” tiên khởi, vị truyền đạt “tin mừng”, theo gương các cuộc hành trình truyền giáo của Người Con thần linh của Mẹ.

Sau hết, hướng đi trong cuộc hành trình của Đức Trinh Nữ cũng có một ý nghĩa đặc biệt, ở chỗ, nó từ Galilêa đến Giuđêa, như cuộc hành trình truyền giáo của Chúa Giêsu (cf 9:51).

Thật vậy, cuộc viếng thăm Bà Elizabeth của Mẹ Maria mang tính chất của một biến cố cứu độ hân hoan từ khi mở đầu cho vai trò làm mẹ của Mẹ trong công cuộc cứu chuộc của Con Mẹ, Mẹ trở nên mô phạm cho những ai trong Giáo Hội lên đường mang ánh sáng và niềm vui của Chúa Kitô cho dân chúng ở mọi đời và khắp mọi nơi.

3- Cuộc hội ngộ với bà Elizabeth có tính chất của một biến cố cứu độ hân hoan vượt lên trên những cảm tình tự nhiên bột phát của liên hệ gia đình. Nơi mà tình trạng lung túng ngượng ngập gây ra bởi sự kém tin tưởng được thể hiện qua sự kiện bị câm của

ông Zacaria thì Mẹ Maria làm bùng lên niềm vui mang lại từ đức tin nhanh nhẹn và sẵn sàng của Mẹ: “Mẹ đã tiến vào nhà của ông Zacharia và chào bà Elizabeth” (Lk 1:40).

Thánh Luca thuật lại rằng “khi bà Elizabeth nghe thấy lời chào của Mẹ Maria thì con trẻ nhảy lên trong lòng bà” (Lk 1:41). Lời chào của Mẹ Maria đã khiến cho người con trai của bà Elizabeth nhảy lên vui sướng: việc Chúa Giêsu tiến vào nhà của bà Elizabeth, qua việc làm của Mẹ Maria, đã mang lại cho vị tiên tri thai nhi niềm hân hoan đã được Cựu Ước báo trước như là một dấu hiệu cho việc hiện diện của Đấng Thiên Sai.

Nhờ lời chào của Mẹ Maria, niềm hân hoan của Đấng Thiên Sai đã lan sang cả bà Elizabeth nữa, để rồi “đầy Thánh Linh... bà đã kêu lớn tiếng rằng: ‘Em là người diễm phúc trong thành phần nữ giới và hoa trái trong lòng của em thì phúc đức’” (Lk 1:41-42).

Nhờ một thứ ánh sáng cao hơn, bà đã hiểu được tính chất cao cả của Mẹ Maria: còn hơn cả Jael và Judith, những người nữ là tiền thân của Mẹ trong Cựu Ước, Mẹ là người diễm phúc trong thành phần nữ giới vì hoa trái của lòng Mẹ là Đức Giêsu, Đấng Thiên sai.

4- Việc kêu lên của bà Elizabeth, được thực hiện “bằng tiếng kêu vang”, chứng tỏ cho thấy một lòng nhiệt thành đạo giáo thực sự, một thứ nhiệt thành tiếp tục được vang vọng trên môi miệng của các tín hữu ở lời kinh “Kính Mừng Maria”, như bài ca chúc tụng của Giáo Hội về các việc làm cao cả được Đấng Tối Cao thực hiện nơi Người Mẹ của Con mình.

Trong việc công bố Mẹ “điềm phúc trong thành phần nữ giới”, bà Elizabeth cho thấy đức tin của Mẹ Maria là lý do cho tình trạng điềm phúc này của Mẹ: “Và phúc cho em vì em đã tin rằng những gì Chúa đã nói với em sẽ được thực hiện” (Lk 1:45). Sự trong đại và niềm vui của Mẹ Maria xuất phát từ sự kiện Mẹ là người tin tưởng.

Trước sự tuyệt hảo của Mẹ Maria, bà Elizabeth cũng hiểu được niềm hãnh diện của mình trước việc thăm viếng của Mẹ: “Và làm sao tôi lại được hân hạnh Mẹ của Chúa tôi đến cùng tôi?” (Lk 1:43). Bằng lời diễn tả “Chúa của tôi” này, bà Elizabeth nhìn nhận phẩm vị vương giả thật ra là thiên sai nơi Người Con của Mẹ Maria. Trong Cựu Ước, lời diễn tả này thật sự được sử dụng để nói về vua chúa (cf. I Kgs 1:13,20,21 etc.) và cũng nói về Đức Vua Thiên Sai nữa (Ps I 10: 1). Vị thiên thần đã nói về Chúa Giêsu rằng: “Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngôi báu Đavít cha ông của Người” (Lk 1:32). “Đầy Thánh Linh”, bà Elizabeth có cùng một minh thức

ấy. Sau này, việc tôn vinh vượt qua của Chúa Kitô sẽ tỏ ra cho thấy cái ý nghĩa chất chứa danh xưng này, tức là một ý nghĩa siêu việt (cf. Jn 20:28; Acts 2:34-36)

Mẹ Maria hiện diện nơi tất cả công cuộc cứu độ thần linh

Qua lời than lên ngợi khen của mình, bà Elizabeth mời gọi chúng ta hãy cảm nhận tất cả những gì mang lại từ việc hiện diện của Mẹ Maria như là một tặng ân cho đời sống của hết mọi tín hữu.

Trong cuộc Thăm Viếng này, Vị Trinh Nữ mang Chúa Kitô đến cho người mẹ của Vị Tẩy Giả, một Đức Kitô tuôn đổ Thánh Linh. Vai trò môi giới này cũng được sáng tỏ nơi chính những lời của bà Elizabeth: “Vì này đây, khi tôi vừa nghe tiếng chào của em thì con trẻ trong lòng tôi hân hoan nhảy mừng” (Lk 1:44). Nhờ tặng ân Thánh Linh, việc hiện diện của Mẹ Maria trở nên như là một dạo khúc cho việc Hiện Xuống, trở thành một việc cộng tác, được khởi đầu nơi việc Nhập Thể, là để thể hiện trong toàn bộ công cuộc cứu độ thần linh.

Mẹ Maria chúc tụng Lòng Thương Xót Chúa

Bài 35 – 6/11/1996

1- Được hứng khởi bởi truyền thống Cựu Ước, bằng bài ca *Magnificat* – *Ngợi Khen*, Mẹ Maria chúc tụng các kỳ công Thiên Chúa đã làm nơi Mẹ. Bài ca này là việc Mẹ Maria đáp ứng màu nhiệm Truyền Tin, ở chỗ, thiên thần đã mời gọi Mẹ hân hoan và giờ đây Mẹ bày tỏ niềm hoan hỉ của tâm linh Mẹ trong Thiên Chúa là Đấng Cứu Độ của Mẹ. Niềm vui của Mẹ xuất phát từ cảm nghiệm riêng tư về việc Thiên Chúa từ ái nhìn đến Mẹ là một tạo vật nghèo hèn không có một tiếng tăm nào về lịch sử.

Tiếng *Magnificat*, bản Latinh về một tiếng Hy Lạp có cùng một cùng nghĩa, chúc tụng sự vĩ đại của Thiên Chúa, Đấng mạc khải toàn năng của Ngài ra qua sứ điệp của vị thiên thần, vượt trên những niềm mong đợi và hy vọng của dân Giao Ước, và thậm chí vượt lên trên những khát vọng cao quý nhất của linh hồn con người.

Đấng toàn năng đã làm cho tôi những sự trọng đại

Trước sự hiện diện của Vị Chúa toàn năng và nhân hậu, Mẹ Maria bày tỏ cảm quan thấp hèn của mình rằng: “Linh hồn tôi chúc tụng Chúa và thần trí tôi hân hoan trong Thiên Chúa Đấng Cứu Độ tôi, vì Ngài đã trông đến phận thấp hèn nữ tỳ Ngài” (Lk 1:47-48). Tiếng Hy Lạp "tapeínosis" có lẽ được vay mượn từ bài ca của bà Hannah, mẹ của Samuel. Nó nhắc lại “nỗi nhục nhã” và “khốn khổ” của một người đàn bà hiếm muộn (cf. 1 Sam 1: 11), người tò lộ nỗi đớn đau của mình cho Chúa. Cùng một điển tả như thế, Mẹ Maria cho thấy tình trạng bần cùng của Mẹ và việc Mẹ nhận thức về việc nhỏ mọn trước nhan Thiên Chúa, Đấng tự ý nhìn đến Mẹ là một người con gái thường hèn ở Nazaret và đã mời gọi Mẹ làm Mẹ của Đấng Thiên Sai.

2- Những lời “vậy từ nay muôn đời sẽ khen tôi diễm phúc” (Lk 1:48) xuất phát từ sự kiện là bà Elizabeth là người đầu tiên công bố Mẹ Maria “diễm phúc” (Lk 1:45). Bài ca này còn dám tiên đoán rằng việc công bố ấy sẽ được kéo dài và gia tăng luôn mãi. Đồng thời nó chứng thực cho việc biệt tôn đối với Người Mẹ của Chúa Giêsu là vị đã hiện diện nơi cộng đồng Kitô hữu ngay từ thế kỷ đầu tiên. Ca vịnh *Magnificat* là hoa trái đầu tiên của các hình thức tôn sùng khác nhau, được truyền từ thế hệ này đến

thế hệ kia, những thế hệ đã được Giáo Hội bày tỏ tình yêu mến của mình đối với Vị Trinh Nữ Nazarét này.

3- “Vì Đấng toàn năng đã làm cho tôi những sự trọng đại và danh Ngài là thánh. Ngài thương đến những ai kính sợ Người từ đời nọ đến đời kia” (Lk 1:49-50).

Đâu là “những điều trọng đại” Đấng Toàn Năng đã thực hiện nơi Mẹ Maria? Lời diễn tả này lập lại theo Cựu Ước để ám chỉ việc giải thoát dân Yếu Duyên khỏi Ai Cập hay Babylon. Trong ca vịnh Magnificat, nó ám chỉ đến biến cố thụ thai tinh tuyền màu nhiệm của Chúa Giêsu, một biến cố xảy ra ở Nazarét sau khi thiên thần loan báo.

Trong ca vịnh Magnificat, một bài ca thật sự có tính cách thần học vì nó cho thấy cảm nghiệm của Mẹ Maria về việc Thiên Chúa nhìn đến Mẹ, Thiên Chúa chẳng những là *Đấng Toàn Năng* không gì là bất khả, như lời sứ thần Gabiêl tuyên bố (x LK 1:37), mà còn là *Đấng Nhân Hậu*, tỏ ra êm ái và trung thành với hết mọi con người.

4- “Ngài đã rat ay uy quyền, đánh tan người kiêu ngạo với những ý nghĩ kiêu căng của họ; Ngài đã hạ người uy quyền xuống khỏi tòa cao và đã nâng người hèn mọn lên; Ngài đã cho kẻ đói khó no đầy

ân phúc và để người giàu có trở về tay không” (Lk 1:51-53).

Nhờ đọc rộng hiểu nhiều về lịch sử, Mẹ Maria dẫn chúng ta tới chỗ khám phá ra những tiêu chuẩn nơi hành động nhiệm mầu của Thiên Chúa. Khi lật đổ những phán đoán của thế gian, Ngài ra tay trợ giúp thành phần nghèo khổ và thấp hèn, ratay triệt hạ thành phần giàu có và uy quyền, và bằng đường lối lạ lùng của mình, Ngài cho họ đầy thiện hảo thành phần khiêm hạ ký thác đời sống của mình cho Ngài (cf. *Redemptoris Mater*, n. 37).

Trong khi những lời của bài ca này cho chúng ta thấy Mẹ Maria như là một mẫu gương cụ thể và cao quý, chúng cũng giúp cho chúng ta hiểu rằng chính tấm lòng khiêm hạ là những gì thu hút lòng nhân lành của Thiên Chúa.

Thiên Chúa hoàn trọn nơi Mẹ Maria một cách dồi dào phong phú

5- Sau hết, bài ca này tôn tụng việc Thiên Chúa hoàn trọn những lời hứa của Ngài và lòng trung thành của Ngài với thành phần dân tuyển chọn: “Ngài đã cứu giúp YẾN DUYÊN TÔI TỚ CỦA NGÀI, bởi nhớ lại lòng Ngài xót thương, như NGÀI phán với tổ phụ của chúng ta, với Abraham và dòng dõi của ông đến muôn đời” (Lk 1:54-55).

Đầy những tặng ân thần linh, Mẹ Maria không chỉ lưu ý đến trường hợp riêng của mình, mà còn nhận thấy được rằng những tặng ân ấy xuất phát từ tình thương của Thiên Chúa đối với tất cả dân của Ngài ra sao nữa. Nơi Mẹ, Thiên Chúa hoạn trọn những lời hứa của mình bằng một lòng trung thành và quảng đại bao la.

Được hứng khởi bởi Cựu Ước và bởi linh đạo của nữ tử Sion, ca vịnh Magnificat vượt lên trên các bản văn tiên tri nó bắt nguồn, cho thấy nơi Mẹ là một con người “đầy ân phúc”, mở màn cho việc can thiệp thần linh vượt trên những niềm hy vọng thiên sai của dân Yếu Duyên: đó là màu nhiệm Nhập Thể thánh của Ngôi Lời.

Giáng Sinh cho thấy Mẹ Maria gần gũi với Chúa Giêsu

Bài 36 –20/11/1996

1- Trong câu chuyện về việc Chúa Giêsu được hạ sinh, Thánh ký Luca trình thuật lại một vài sự kiện giúp chúng ta hiểu hơn về ý nghĩa của biến cố này.

Trước hết ngài đề cập tới vấn đề làm sổ đinh theo lệnh của Hoàng Đế Ceasar Augustus, một lệnh truyền buộc Thánh Giuse “thuộc nhà và giòng dõi Đavít” và Maria là vợ của mình phải đi “về thành Đavít được gọi là Bêlem” (Lk 2:4).

Khi cho chúng ta biết về hoàn cảnh diễn ra cuộc hành trình và hạ sinh ấy, vị Thánh ký trình bày cho chúng ta thấy một tình trạng khó khăn và nghèo khổ, một tình trạng khiến chúng ta thoáng thấy được một vài đặc tính căn bản về vương quốc thiên sai: một vương quốc không vinh vang hay thế lực trần thế, một vương quốc thuộc về Đấng, trong đời sống công khai, sẽ nói về bản thân mình rằng: “Con Người không có chỗ dựa đâu” (Lk 9:58).

2- Trình thuật của Thánh Luca chất chứa một ít ghi nhận dường như không quan trọng, những ghi nhận nhắm tới việc làm khơi lên nơi độc giả một sự hiểu biết hơn về mầu nhiệm Giáng Sinh cùng với những cảm thức của vị đã hạ sinh Người Con Thiên Chúa.

Việc diễn tả về cuộc hạ sinh này, được thuật lại một cách sơ sài, cho thấy Mẹ Maria như chuyên chú tham phần vào những gì đang xảy ra nơi Mẹ: “Bà sinh hạ người con trai đầu lòng của mình và bọc Người trong khăn rồi đặt Người trong một máng cỏ...” (Lk 2:7). Hành động của Vị Trinh Nữ này là thành quả của việc Mẹ hoàn toàn sẵn sàng hợp tác

với dự án của Thiên Chúa, một sự sẵn sàng chấp nhận đã được Mẹ bày tỏ vào lúc Truyền Tin: “xin hãy thực hiện nơi tôi theo như lời của ngài” (Lk 1:38).

Mẹ Maria thông phần vào sứ vụ cứu chuộc của Con

Mẹ Maria trải qua việc sinh hạ người con trong một hoàn cảnh cực kỳ bần cùng nghèo khổ: Mẹ không thể cống hiến cho Người Con Thiên Chúa thậm chí những gì được các bà mẹ thường cống hiến cho một hài nhi mới sinh; trái lại, Mẹ đã phải đặt Người nằm “trong một máng cỏ”, một cái nôi bần cùng hoàn toàn ngược lại với phẩm vị của “Con Đấng Tối Cao”.

3- Phúc Âm ghi nhận rằng “không có chỗ nào cho các vị trong quán trọ” (Lk 2:7). Câu này, nhắc lại đoạn Mở Đầu của Thánh Gioan: “Dân riêng của Người không tiếp nhận Người” (Jn 1:11), thực sự là tiên báo về nhiều chối từ Chúa Giêsu sẽ gặp phải trong cuộc đời công khai của Người. Cụm từ “vì các vị” là cụm từ liên kết Người Con với Người Mẹ trong việc ruồng bỏ này, và cho thấy Mẹ Maria đã liên kết ra sao với thân mệnh của Con mình trong việc chịu khổ đau và thông phần vào sứ vụ cứu chuộc của Người.

Bị “dân riêng của mình” phủ nhận, Chúa Giêsu được tiếp nhận bởi các mục đồng là thành phần mộc mạc chẳng có tiếng tăm gì nhưng lại được Thiên Chúa chọn làm thành phần đầu tiên đón nhận tin mừng về cuộc giáng sinh của Đấng Cứu Thế. Sứ điệp được Thiên Thần loan báo cho họ là một lời mời gọi hãy vui lên: “Này đây tôi báo cho các người một tin rất vui mừng cũng là tin cho toàn dân” (Lk 2:10), kèm theo lời yêu cầu là chế ngự sợ hãi: “Đừng sợ”.

Thật vậy, như đối với Mẹ Maria ở vào lúc Truyền Tin thế nào thì cũng xảy ra cho cả họ nữa tin vui Chúa Giêsu hạ sinh cho thấy dấu hiệu cao cả của ý muốn Thiên Chúa đối với con người. Nơi vị Cứu Chuộc thần linh, được chiêm ngưỡng trong cảnh khó nghèo ở hang đá Bêlem, chúng ta có thể thấy một lời mời gọi tin tưởng tiến đến với Đấng là niềm hy vọng của nhân loại.

Bài ca của thiên thần là “Vinh danh Chúa Cả trên trời, bình an dưới thế cho người Chúa thương!” cũng có thể được chuyển dịch là cho “người thiện tâm” (Lk 2:14), cho thành phần mục đồng thấy những gì được Mẹ Maria diễn tả trong ca vịnh *Magnificat*: việc Chúa Giêsu được hạ sinh là dấu hiệu cho thấy tình yêu nhân hậu của Thiên Chúa, một tình yêu đặc biệt được tỏ cho thành phần nghèo khổ và khiêm hạ.

4- Các mục đồng đã nhiệt liệt và mau mắn đáp ứng lời mời gọi của vị thiên thần: “Nào chúng ta hãy đến Bêlem để xem điều ấy xảy ra được Chúa tỏ cho chúng ta biết” (Lk 2:15).

Họ không luống công tìm kiếm: “Và họ... đã thấy Mẹ Maria và Thánh Giuse, cùng hài nhi” (Lk 2:16). Đối với họ, như Công Đồng Chung Vaticanô II nhắc nhở, “Người Mẹ của Thiên Chúa hân hoan tỏ cho thấy Người Con đầu lòng của mình” (*Lumen gentium*, n. 57). Đó là giây phút quyết liệt trong cuộc đời của họ.

Mẹ Maria ngẫm nghĩ trong lòng những biến cố ấy

Ước muốn bộc phát của thành phần mục đồng trong việc tỏ ra cho thấy những gì “đã nói với họ về con trẻ này” (Lk 2:17), sau khi được cảm nghiệm tuyệt vời về cuộc gặp gỡ Người Mẹ và Con Mẹ, gọi lên cho thành phần truyền bá phúc âm hóa ở mọi thời đại tầm quan trọng, thậm chí, nhu cầu cần thiết về một mối liên hệ thiêng liêng sâu xa với Mẹ Maria, để nhờ đó nhận biết Chúa Giêsu hơn nữa và trở thành những kẻ hân hoan loan báo Phúc Âm cứu độ của Người.

Về những biến cố đặc biệt này, Thánh Luca nói với chúng ta rằng Mẹ Maria “đã lưu giữ tất cả những sự

ấy mà ngẫm nghĩ trong lòng mình” (Lk 2:19). Trong khi các mục đồng trải qua từ sợ hãi đến lạ lùng và chực tụng, thì Vị Trinh Nữ này, với đức tin của mình, đã sống động hóa ký ức về các biến cố liên quan đến Con của Mẹ, và sâu xa hóa kiến thức của Mẹ về những biến cố ấy bằng cách suy niệm trong lòng của mình, tức là trong thẳm cung của bản thân Mẹ. Nhờ đó, Mẹ gợi ý cho người mẹ khác là Giáo Hội cũng cần phải duy trì tặng ân và sứ vụ chiêm ngắm và suy tư về thần học, để hiểu biết hơn trong việc chấp nhận mầu nhiệm cứu độ, trong việc hiểu mầu nhiệm này một cách thấu đáo hơn và trong việc loan báo mầu nhiệm ấy bằng một nỗ lực mới mẻ cho dân chúng thuộc hết mọi thời đại.

Giáo Hội tuyên bố Mẹ Maria là Mẹ Thiên Chúa

Bài 37 –27/11/1996

1- Việc chiêm ngưỡng mầu nhiệm giáng sinh của Đấng Cứu Thế đã dẫn dân Kitô hữu đến chỗ chẳng những kêu cầu Đức Trinh Nữ như Mẹ của Chúa Giêsu mà còn nhìn nhận Mẹ như là Mẹ Thiên Chúa.

Chân lý này đã được khẳng định và coi như thuộc về di sản đức tin của Giáo Hội từ những thế kỷ đầu của kỷ nguyên Kitô giáo, cho đến khi nó được long trọng tuyên bố ở Công Đồng Chung Êphêsô năm 431.

Trong cộng đồng Kitô hữu tiên khởi, khi mà các môn đệ nhận thức hơn về vai trò Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa thì vấn đề Mẹ Maria là *Theotókos*, là Mẹ Thiên Chúa càng sáng tỏ hơn. Đây là một tước hiệu không xuất hiện một cách rõ ràng trong các bản Phúc Âm, thế nhưng, nơi các bản phúc âm ấy, cụm từ “Mẹ của Chúa Giêsu” đã được đề cập đến và đã khẳng định rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa (Jn 20:28; cf. 5:18; 10:30, 33). Dù sao Mẹ Maria cũng được cho thấy như là Mẹ của Emmanuel nghĩa là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta” (cf. Mt 1:22-23).

Ở ngay thế kỷ thứ 3, như suy diễn từ một chứng từ văn tự cổ, thì Kitô hữu ở Ai Cập đã dâng lời kinh nguyện này lên Mẹ Maria: “Chúng con chạy đến cùng sự cầu bầu của Mẹ, Ôi Mẹ Thiên Chúa thánh hảo: đừng chế chối những lời thỉnh nguyện của chúng con trong lúc khấn thiết của chúng con, nhưng xin hãy giải cứu chúng con khỏi mọi sự dữ, Ôi Đức Trinh Nữ hiển vinh và diễm phúc” (from the *Liturgy of the Hours*). Lời diễn tả *Theotíkos* này xuất hiện một cách tỏ tường lần đầu tiên nơi chứng từ cổ này.

Theo thần thoại của dân ngoại thì hay xảy ra là có một nữ thần được cho thấy như là mẹ của một vị thần nào đó. Chẳng hạn, vị thần siêu việt Zeus đã có nữ thần Rhea là mẹ của mình. Bối cảnh này có lẽ đã giúp cho Kitô hữu sử dụng tước hiệu "Theotĩkos ", "Mẹ Thiên Chúa" cho Mẹ của Chúa Giêsu. Tuy nhiên cần phải lưu ý là tước hiệu này không hiện hữu mà là được Kitô hữu đặt ra để diễn tả một niềm tin không liên quan gì tới khoa thần thoại học ngoại giáo, một niềm tin tưởng vào việc thụ thai trinh nguyên nơi cung lòng của Mẹ Maria Đấng mãi là Lối hằng hữu của Thiên Chúa.

Công Đồng Chung Êphêsô đã tuyên bố Mẹ Maria là Mẹ Thiên Chúa.

2- Vào thế kỷ thứ tư, từ ngữ *Theotĩkos* thường được sử dụng ở Đông và Tây. Việc tôn sùng và thần học càng ngày càng đề cập đến từ ngữ ấy, một từ ngữ bấy giờ đã trở thành gia sản đức tin của Giáo Hội.

Bởi thế người ta có thể hiểu được cái phong trào chống đối mạnh mẽ xuất hiện vào thế kỷ thứ 5 khi Nestoriô tỏ ra ngờ vực về tính chất đúng đắn của tước hiệu "Mẹ Thiên Chúa". Thật vậy, khi có khuynh hướng chủ trương rằng Mẹ Maria chỉ là mẹ của con người Giêsu, ông đã cho rằng "Mẹ của Chúa Kitô" là lời bày tỏ chính xác duy nhất về tín lý. Nestoriô đã đi đến chỗ sai lạc này là bởi vì ông khó

chấp nhận mối hiệp nhất về ngôi vị của Chúa Kitô cũng như vì ông giải thích sai lệch về sự phân biệt giữa hai bản tính – thần tính và nhân tính – hiện hữu nơi Người.

Vào năm 431, Công Đồng Êphêsô đã lên án luận điệu của ông, và để khẳng định việc tồn tại của thần tính và nhân tính nơi một ngôi vị duy nhất của Người Con này, đã công bố Mẹ Maria là Mẹ Thiên Chúa.

3- Giờ đây, những khó khăn và những chống đối mà Nestôriô khơi lên cố gắng cho chúng ta cơ hội để thực hiện một số phản tỉnh hữu dụng đối với việc hiểu biết và giải thích một cách đúng đắn tước hiệu này. Lời diễn tả *Theotíkos*, theo nghĩa đen là “người đã sinh ra Thiên Chúa”, thoát tiên có thể là những gì lạ lùng; thật vậy, vấn đề được đặt ra là làm thế nào để một con người tạo vật lại có thể hạ sinh Thiên Chúa được chứ. Câu trả lời theo đức tin của Giáo Hội đã rõ ràng đó là: vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ Maria chỉ ám chỉ tới việc hạ sinh về lãnh vực nhân loại của Người Con Thiên Chúa, chứ không liên quan gì tới việc hạ sinh thần linh của Người. Người Con này của Thiên Chúa từ đời đời được hạ sinh bởi Thiên Chúa Cha, và đồng bản thể với Ngài. Dĩ nhiên, Mẹ Maria không hề dính dáng tới việc hạ sinh đời đời này. Tuy nhiên, Người Con này của Thiên Chúa đã mặc lấy nhân tính của chúng ta 2000

năm trước và đã được thụ thai cùng hạ sinh bởi Mẹ Maria.

Trong việc công bố Mẹ Maria là “Mẹ Thiên Chúa”, bởi thế, Giáo Hội có ý xác nhận rằng Mẹ là “Mẹ của Lời Nhập Thể”, Đấng là Thiên Chúa”. Vai trò làm mẹ của mẹ, thế nên, không bao gồm cả 3 Ngôi, mà chỉ liên quan tới Ngôi Hai, là Người Con, Đấng, khi nhập thể, đã mặc lấy nhân tính từ Mẹ.

Vai trò làm mẹ là một mối liên hệ giữa người với người: một người mẹ không phải chỉ là mẹ của thân xác hay của một tạo vật về thể lý được sinh ra bởi cung lòng của bà, thế nhưng là mẹ của con người bà sinh ra. Bởi thế, theo bản tính nhân loại của mình, khi sinh hạ con người của Đức Giêsu, Đấng là một ngôi vị thần linh, thì Mẹ Maria là Mẹ Thiên Chúa.

Việc Đức Trinh Nữ ưng thuận trước Việc Nhập Thể

4- Trong việc tuyên bố Mẹ Maria là “Mẹ Thiên Chúa”, trong chỉ một câu duy nhất, Giáo Hội tuyên xưng niềm tin của mình liên quan tới cả Người Con lẫn Người Mẹ. Mối hiệp nhất này đã được thấy ở Công Đồng Chung Êphêsô; khi định tín vai trò thần linh của Mẹ Maria, các vị Nghị Phụ có ý nhấn mạnh đến niềm tin của các vị nơi thần tính của Chúa Kitô. Bất chấp những chống đối xưa và mới đây về tính

cách thích đáng của việc nhận biết Mẹ Maria với tước hiệu này, Kitô hữu ở hết mọi thời đại, khi giải thích đúng đắn ý nghĩa về vai trò làm mẹ này, đã làm cho nó thành một phát biểu hồng phúc của những gì họ tin tưởng vào thần tính của Chúa Kitô cũng như của lòng họ mến yêu giành cho Đức Trinh Nữ.

Một đảng Giáo Hội nhìn nhận *Theotīkos* như những gì bảo đảm cho thực tại về Nhập Thể, vì, như Thánh Âu Quốc Tinh nói, “nếu Người Mẹ này là những gì hư cấu, thì xác thịt cũng là những gì hư cấu... và là vết xẹo của Phục Sinh” (*Tract. in Ev. Ioannis*, 8, 6-7). Mặt khác, Giáo Hội cũng ngỡ ngàng chiêm ngắm và trân trọng cử hành những điều cao cả đại thể Mẹ Maria nhận được bởi Đấng đã muốn trở thành Con của Mẹ. Lời diễn tả “Mẹ Thiên Chúa” liên quan tới Lời Thiên Chúa, Đấng trong việc Nhập Thể đã mặc lấy tình trạng thấp hèn của thân phận con người để nâng con người lên làm con cái thần linh. Thế nhưng, nơi ý nghĩa của phẩm vị cao trọng được ban cho Vị Trinh Nữ Nazarét này, tước hiệu ấy cũng công bố cả tính chất cao cả của giới nữ và ơn gọi cao cả của họ. Thật vậy, Thiên Chúa đối xử với Mẹ Maria như là một con người tự do và hữu trách và không thực hiện việc Nhập Thể của Con Ngài cho tới sau khi Ngài có được sự đồng ý của Mẹ.

Theo gương của các Kitô hữu Ai Cập xưa kia, chớ gì tín hữu ký thác mình cho Mẹ, vị vì là Mẹ Thiên Chúa, có thể chiếm được từ Người Con thần linh của mình ơn giải thoát khỏi sự dữ và ơn cứu độ đời đời.

Đức Trinh Nữ là Mẫu Gương của Tình Yêu Trọn Hào

Bài 38 – 4/12/1996

1- Cho dù xảy ra bởi công việc của Thánh Linh và của một Trinh Mẫu, việc hạ sinh của Chúa Giêsu, như tất cả mọi con người khác, cũng đã trải qua những giai đoạn thụ thai, cưu mang và sinh ra. Ngoài ra, vai trò làm mẹ của Mẹ Maria không bị giới hạn vào tiến trình hạ sinh về sinh lý, thế nhưng, như xảy ra cho hết mọi người mẹ khác, Mẹ cũng góp phần thiết yếu vào việc tăng trưởng và phát triển của Con Mẹ.

Một người mẹ không phải chỉ là một người đàn bà sinh ra một đứa con mà còn là một người mẹ dưỡng dục người con này; thật vậy, chúng ta có thể nói

rằng, theo dự án của Thiên Chúa, công việc giáo dục là một nối dài tự nhiên của việc sản sinh.

Mẹ Maria là Theotókos, chẳng những vì Mẹ đã thụ thai và hạ sinh Con Thiên Chúa mà còn vì Mẹ hoàn thành việc tăng trưởng nơi Người nữa.

Mẹ Maria đặc biệt xứng hợp với việc làm thầy dạy

2- Chúng ta có thể nghĩ rằng, vì Chúa Giêsu sở hữu nơi bản thân mình trọn vẹn thần tính, Người không cần đến các vị dạy bảo. Thế nhưng, màu nhiệm Nhập Thể cho chúng ta thấy rằng Con Thiên Chúa đã đến thế gian nơi thân phận con người giống như chúng ta trong tất cả mọi sự ngoại trừ tội lỗi (cf. Heb 4:15). Như xảy ra cho hết mọi người, việc tăng trưởng của Chúa Giêsu, từ ấu nhi tới trưởng thành (cf Lk 2:40), cũng cần đến việc giáo dục của cha mẹ Người. Phúc Âm Thánh Luca, đặc biệt chú trọng đến giai đoạn trẻ nhỏ, nói rằng Chúa Giêsu đã vâng lời Thánh Giuse và Mẹ Maria ở Nazarét (cf Lk 2:51). Sự lệ thuộc này cho chúng ta thấy rằng Chúa Giêsu đã lãnh nhận, đã cởi mở với việc giáo huấn của mẹ Người và Thánh Giuse, những vị cũng thực thi công việc của mình trước tính chất đơn sơ dễ dạy được Người liên li tỏ ra.

3- Các tặng ân đặc biệt được Thiên Chúa tuôn đổ xuống trên Mẹ Maria đã làm cho Mẹ đặc biệt xứng hợp với công việc làm mẹ và làm thầy dạy. Trong các trường hợp cụ thể của cuộc sống hằng ngày, Chúa Giêsu có thể tìm thấy nơi Mẹ một mô phạm để noi theo bắt chước và một mẫu gương về tình yêu thiện hảo đối với Thiên Chúa cũng như đối với anh chị em của Người.

Cùng với sự hiện diện từ mẫu của Mẹ Maria, Chúa Giêsu còn có thể cậy dựa vào hình ảnh của một người cha là Thánh Giuse, một con người công chính (cf Mt 1:19), vị đã cung cấp sự cân bằng cần thiết trong việc giáo dục. Thực thi vai trò làm cha của mình, Thánh Giuse đã hợp tác với người vợ của mình trong việc làm cho ngôi nhà ở Nazarét trở thành một môi trường thuận lợi cho việc tăng trưởng và trưởng thành bản thân của Đấng Cứu Chuộc nhân trần. Bằng việc sau này hướng dẫn Người thực hiện công việc tay chân hành nghề thợ mộc, Thánh Giuse đã giúp cho Chúa Giêsu có thể dẫn thân mình vào thế giới lao công và đời sống xã hội.

4- Một ít yếu tố được Phúc Âm công hiến không cho phép chúng ta biết được và hoàn toàn cảm nhận thấy những cách thức Mẹ Maria giảng dạy Người Con thần linh của mình. Chắc hẳn, cùng với Thánh Giuse, Mẹ đã chỉ cho Chúa Giêsu biết các lễ nghi và

những qui định Moisen, biết cầu nguyện cùng Vị Thiên Chúa của Giao Ước bằng cách sử dụng các bài Thánh Vịnh, biết đến lịch sử của dân Yếu Duyên được tập trung vào Cuộc Xuất Ai Cập. Từ Mẹ và từ Thánh Giuse, Chúa Giêsu đã biết đến tham dự hội đường và thực hiện cuộc hành hương hằng năm lên Giêrusalem mừng Lễ Vượt Qua.

Căn cứ vào thành quả của nó, chúng ta có thể thực sự kết luận rằng việc dạy dỗ của Mẹ Maria là những gì sâu xa và táchiệu, và đã thấy được một mảnh đất rất phì nhiêu nơi tâm lý con người của Chúa Giêsu.

Mẹ Maria và Thánh Giuse là mô phạm cho tất cả mọi cha mẹ

5- Công việc giáo dục của Mẹ Maria liên quan đến một người con chuyên biệt ấy cho thấy một vào đặc tính khi so sánh với vai trò của những người mẹ khác. Mẹ chỉ cố gắng hiển những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển những giá trị tiềm tàng và thiết yếu cho việc tăng trưởng, đã sẵn có nơi Người Con. Chẳng hạn, tình trạng vắng bóng bất cứ hình thức nào của tội lỗi nơi Chúa Giêsu đòi hỏi một hướng dẫn liên li tích cực từ Mẹ Maria, vị đã loại trừ tất cả mọi hình thức rầy rà sửa trị. Hơn thế nữa. Mặc dù chính Mẹ của Người đã hướng dẫn Chúa Giêsu về văn hóa và truyền thống của dân Yếu Duyên, chính Người, từ khi tìm lại Người trong Đền Thờ, Đấng tỏ

ra hoàn toàn nhận thức về việc làm Con Thiên Chúa, Đấng được sai đến để loan truyền sự thật trên thế giới và hoàn toàn theo ý muốn của Cha. Từ việc cặm thù dạy của Con mình, Mẹ Maria như thế đã trở nên người môn đệ khiêm hạ của Vị Sư Phụ thần linh là Đấng được Mẹ hạ sinh.

Tâm quan trọng của việc vị Trinh Mẫu này làm còn đó, từ thời ấu thơ cho tới khi trưởng thành, Mẹ đã giúp cho Chúa Giêsu Con Mẹ tăng trưởng “về khôn ngoan và hình hài, và về ơn nghĩa trước mặt Thiên Chúa và loài người” (Lk 2:52), cũng như để sửa soạn cho sứ vụ của Người.

Mẹ Maria và Thánh Giuse do đó có thể được thấy như là những mô phạm cho tất cả mọi nhà giáo dục. Các vị nâng đỡ họ trong những lúc khó khăn lớn lao gia đình gặp phải ngày nay, và tỏ cho họ thấy được con đường dẫn đến chỗ huấn luyện con cái mình một cách xác đáng và công hiệu.

Kinh nghiệm giáo dục của các vị là một qui chiếu vững chắc bảo đảm cho thành phần cha mẹ Kitô giáo là những người được kêu gọi, trong những điều kiện phức tạp và khó khăn hơn bao giờ hết này, trong việc dẫn thân phục vụ việc phát triển toàn vẹn bản thân của con cái họ, nhờ đó chúng sống một đời sống xứng với con người và hợp với dự án của Thiên Chúa.

Đức Trinh Nữ hiến dâng Đấng Cứu Thế của toàn thể nhân loại

Bài 39 – 11/12/1996

1- Trong đoạn Dâng Chúa Giêsu trong đền thờ, Thánh Luca nhấn mạnh đến thân mệnh thiên sai của Chúa Giêsu. Mục đích trực tiếp cho cuộc hành trình của Thánh Gia từ Bêlem lên Giêrusalem theo bản văn của Thánh Luca đó là để chu toàn lề luật: “Và khi đến thời gian thanh tẩy của mình theo luật Moisen, các vị đã mang Người lên Giêrusalem để dâng Người cho Chúa (như được viết trong luật của Chúa là ‘kết mọi con trai đầu lòng đều được kêu gọi thánh hiến cho Chúa’), và hiến dâng một hy lễ theo những gì luật Chúa định là ‘một cặp chim gáy hay hai con chim con’” (Lk 2:22-24).

Bằng hành động này, Mẹ Maria và Thánh Giuse cho thấy ý định của mình trong việc trung thành tuân theo ý muốn của Thiên Chúa, loại trừ tất cả mọi thứ ân huệ. Việc các vị lên đền thờ Giêrusalem có ý nghĩa của một cuộc thánh hiến cho Thiên Chúa ở nơi Ngài hiện diện.

Vì nghèo nàn mà buộc phải hiến dâng một cặp chim gáy hay con bò cừu, Mẹ Maria đã thực sự hiến dâng

Con Chiên đích thực là Đấng sẽ cứu chuộc nhân loại, do đó Mẹ tham dự vào những gì được tiên báo trong những thứ hiến dâng theo nghi thức của luật cũ.

Ông Simêon được Thánh Thần linh ứng

2- Trong khi lễ luật chỉ đòi buộc phải thanh tẩy người mẹ sau khi sinh nở mà thôi, Thánh Luca lại nói về “thời gian thanh tẩy của họ” (2:22), thì có lẽ ngài muốn nói chung đến những qui định liên quan đến cả người mẹ lẫn Người Con trai đầu lòng.

Chữ “thanh tẩy” này có thể khiến chúng ta ngỡ ngàng, vì nó ám chỉ đến một Người Mẹ, nhờ ân sủng đặc biệt, đã được ơn vô nhiễm ngay từ giây phút đầu tiên trong cuộc đời của mình, cũng như cho Người Con hoàn toàn thánh hảo. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng đó không phải là vấn đề thanh tẩy lương tâm khỏi vết của tội lỗi, mà chỉ là việc thanh tẩy thu nhận lại về nghi thức, theo ý nghĩ của thời ấy, những gì có thể bị tác hại bởi nguyên sự kiện sinh nở mà không dính dáng chi tới bất cứ một hình thức lỗi lầm nào.

Vị Thánh Ký sử dụng trường hợp này để nhấn mạnh đến cái liên hệ đặc biệt giữa Chúa Giêsu là “trưởng tử” (Lk 2:7,23) và sự thánh thiện của Thiên Chúa, cũng như đến tinh thần của việc hiến dâng

khiêm hạ đã tác động Mẹ Maria và Thánh Giuse” (cf Lk 2:24). Thật vậy, “cặp chim gáy hay con bò câu” (Levi 12:8) là phân hiến dâng của kẻ nghèo.

3- Trong đền thờ, Thánh Giuse và Mẹ Maria gặp gỡ Ông Simêon là “người công chính và đạo hạnh, mong chờ niềm an ủi của dân Israel” (Lk 2:25).

Trình thuật này của Thánh Luca không hề đả động gì tới quá khứ của ông hay về việc phục vụ của ông trong đền thờ; trình thuật này nói về một con người rất đạo đức đang nuôi dưỡng niềm ước mong trong lòng và đang trông chờ Đấng Thiên Sai là niềm an ủi của dân Israel. Thật vậy, “Thánh Linh ở trên ông” và “ông đã được cho biết rằng... ông không chết trước khi thấy Đức Kitô của Chúa” (Lk 2:25-26). Ông Simêon mời gọi chúng ta hãy nhìn vào hành động thương xót này của Thiên Chúa, Đấng tuôn đổ Thần Linh trên kẻ trung tín của mình để hoàn trọn dự án yêu thương huyền diệu của Ngài.

Ông Simêon, một con người cởi mở trước hành động của Thiên Chúa, “được nThần Linh tácđộng” (Lk 2:27), đã vào đền thờ là nơi ông gặp gỡ Chúa Giêsu, Thánh Giuse và Mẹ Maria. Âm Con Trẻ trên đôi cánh tay của mình, ông chúc tụng Thiên Chúa mà nói: “Lạy Chúa, giờ đây xin cho tôi tớ của Chúa ra đi bình an như lời của Ngài” (Lk 2:29).

Ông Simêon sử dụng một câu Cựu Ước để diễn tả niềm vui ông cảm nghiệm được trong cuộc gặp gỡ Đấng Thiên Sai và cảm thấy rằng mục đích cuộc đời của ông đã được nên trọn; bởi thế ông có thể xin Đấng Tối Cao cho ông ra đi bằng an về thế giới bên kia.

Thánh Giuse và Mẹ Maria hiến dâng Đấng Cứu Thế của toàn thể nhân loại

Trong đoạn về việc Hiến Dâng này, chúng ta có thể thoáng thấy việc đáp ứng niềm hy vọng của Dân Israel nơi Đấng Thiên Sai. Chúng ta cũng có thể thấy nơi đoạn này một dấu hiệu tiên tri về cuộc hội ngộ của con người với Chúa Kitô. Thánh Linh là Đấng khả dĩ hóa cuộc hội ngộ này bằng việc làm bùng lên trong tâm can con người ước muốn về cuộc gặp gỡ cứu độ ấy cũng như bằng việc thực hiện cuộc gặp gỡ này.

Chúng ta cũng không thể bỏ qua vai trò của Mẹ Maria là vị cống hiến Con Trẻ cho Ông Simêon lão thành thánh đức này. Theo ý muốn thần linh thì chính Người Mẹ này là vị cống hiến Chúa Giêsu cho nhân loại.

4- Trong việc tỏ tương lai của Chúa Cứu Thế, Ông Simêon ám chỉ về lời tiên tri liên quan tới “Người Tôi Tớ” được sai đến dân tuyển chọn và đến với các

quốc gia. Chúa đã nói cùng Người rằng: “Ta đã nắm lấy tay con và gìn giữ con; Ta đã cống hiến con *như một thứ giao ước với dân này, một thứ ánh sáng cho chư dân*” (Is 42:6). Chưa hết: “Nếu con cần phải là tôi tớ của Ta để làm vuron lên các chi tộc Giacóp và phục hồi thành phần kiên trì của Israel thì quả là quá nhỏ nhoi; Ta sẽ cống hiến con như một thứ ánh sáng cho chư dân, để ơn cứu độ của Ta vuron đến tận cùng trái đất” (Is 49:6).

Trong bài ca vịnh của mình, Ông Simêon đã lập lại nhĩn giới ấy và nhấn mạnh đến tính cách toàn cầu phổ quát của sứ vụ Chúa Giêsu: “Vĩ mắt tôi đã thấy ơn cứu độ của Ngài được Ngài sửa soạn trước mặt của tất cả mọi dân tộc, *thấy một thứ ánh sáng tỏ cho các Dân Ngoại, và cho vinh quang của dân Israel của Ngài*” (Lk 2:30-32).

Làm sao chúng ta lại không cảm thấy diệu kỳ trước những lời này chứ? “Và cha mẹ của Người cảm thấy lạ lùng về những gì nói tới Người” (Lk 2:33). Thế nhưng, cảm nghiệm này đã giúp cho Thánh Giuse và Mẹ Maria hiểu rõ hơn nữa tầm quan trọng nơi hành động hiến dâng của các vị, ở chỗ, trong đền thờ Giêrusalem, các vị đã hiến dâng Đấng, là vinh hiển của dân Người, đồng thời cũng là ơn cứu độ cho toàn thể nhân loại.

Vai trò của Mẹ Maria trong sứ vụ cứu độ của Chúa Giêsu

Bài 40 – 18/12/1996

1- Sau khi nhận biết nơi Chúa Giêsu “một thứ ánh sáng soi chiếu các Dân Ngoại” (Lk 2:32), Ông Simeon đã loan báo cho Mẹ Maria biết về cuộc đại thử thách của Đấng Thiên Sai và cho Mẹ thấy việc Mẹ tham phần vào thân mệnh đau thương ấy.

Việc đề cập đến hy tế cứu độ, không được nói đến ở Biển Cỗ Truyền Tin, đã cho thấy nơi lời tiên tri của Ông Simeon hầu như là một “thứ Truyền Tin thứ hai” (*Redemptoris Mater*, n. 16), một cuộc truyền tin sẽ dẫn Vị Trinh Nữ này đến chỗ hiểu biết hơn về mầu nhiệm Con của Mẹ.

Ông Simêon, vì mà cho tới lúc bấy giờ đã ngỏ lời cùng tất cả những ai hiện diện, chúc lành đặc biệt cho Thánh Giuse và Mẹ Maria, giờ đây nói tiên tri cho riêng một mình Vị Trinh Nữ rằng Mẹ sẽ thông phần với định mệnh Con của Mẹ. Được linh ứng bởi Thánh Thần, ông loan báo cùng Mẹ rằng: “Này đây, con trẻ này sẽ nên có sa ngã và chỗi dậy cho nhiều

người trong dân Israel, và là dấu hiệu chống đối (và một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn của cô), để tư tưởng của nhiều cõi lòng được tỏ hiện” (Lk 2:34-35)

2- Những lời này báo trước một tương lai đau khổ cho Đấng Thiên Sai. Thật vậy, Người là “dấu hiệu đối chọi” được ấn định để đối đầu với sự chống đối dữ dội nơi thành phần đương thời của Người. Thế nhưng, cùng với nỗi khổ đau của Chúa Kitô, Ông Simêon cho thấy viễn ảnh về tâm can của Mẹ Maria bị một lưỡi gươm đâm thấu, nhờ đó liên kết Người Mẹ này với thân mệnh đau thương của Con bà.

Như thế, trong khi vị lão thành đáng kính thấy trước cái thù hận gia tăng mà Đấng Thiên sai phải đương đầu thì ông nhấn mạnh đến cái âm vang nơi tâm can của Người Mẹ này. Cái đốn đau của người mẹ sẽ lên đến tột đỉnh nơi Cuộc Khổ Nạn, khi Mẹ sẽ liên kết với Con Mẹ trong hy tế cứu chuộc của Người.

Theo một ám chỉ về những bài ca đầu tiên về Người Tôi Tớ Chúa (cf. Is 42:6; 49:6), được trích lại ở Phúc Âm Thánh Luca 2:32, những lời của Ông Simêon nhắc nhở chúng ta về lời tiên tri của Người Tôi Tớ Đau Thương (Is 52:13; 53:12), Vị, “bị đả thương vì những vấp phạm của chúng ta” (Is 53:5), “làm cho Người thành một lễ dâng đến bù tội lỗi” (Is 53:10), bằng hy tế bản thân và thiêng liêng vượt xa những thứ hy lễ cổ xưa theo nghi thức. Ở đây chúng ta có

thể ghi nhận lời tiên tri của Ông Simêon giúp chúng ta ra sao trong cái thoáng nhìn về nỗi khổ tương lai của Mẹ Maria một thứ tương tư đặc biệt với tương lai đau thương của “Người Tôi Tớ” này.

3- Mẹ Maria và Thánh Giuse cảm thấy bàng hoàng khi nghe thấy Ông Simêon tuyên bố Chúa Giêsu như là “ánh sáng soi chiếu cho các Dân Ngoại” (Lk 2:32). Phần mình, đối với lời tiên tri về lưỡi gươm sẽ đâm thấu qua lòng mình, Mẹ Maria đã không nói một lời nào. Cùng với Thánh Giuse, Mẹ âm thầm chấp nhận những lời huyền nhiệm ấy, những lời tiên đoán về một cuộc thử thách đau thương sâu đậm và mang lại cho việc Hiến Dâng Chúa Giêsu trong đền thờ ý nghĩa đích thực nhất của việc này.

Thật vậy, theo dự án thần linh thì hy lễ được hiến dâng bấy giờ “theo luật Chúa qui định là ‘một cặp chim gáy hay hai bồ câu non’” (Lk 2:24), đã là tiền thân cho hy tế của Chúa Giêsu, vì “Tôi hiền lành và khiêm nhượng trong lòng” (Mt 11:29); nơi hy tế ấy “việc hiến dâng” đích thực sẽ được thực hiện (cf Lk 2:22), một cuộc hiến dâng sẽ chứng kiến thấy Người Mẹ liên kết với Con Mẹ trong công cuộc Cứu Chuộc.

4- Lời tiên tri của Ông Simêon được tiếp nối bằng cuộc gặp gỡ nữ tiên tri Anna: “Bà tạ ơn Thiên Chúa, và nói về Người cho tất cả những ai đang ntrông đợi sự cứu chuộc của Giêrusalem” (Lk 2:38). Đức tin và

sự khôn ngoan ngôn sứ của người nữ lão thành nuôi lòng mong đợi Đấng Thiên Sai bằng “việc tôn thờ cùng với chay tịnh và nguyện cầu ngày đêm” (Lk 2:37), cố gắng hiến cho Thánh Gia một phần khích nũa trong việc đặt niềm hy vọng của các ngài vào Vị Thiên Chúa của Israel. Vào giây phút đặc biệt ấy, hành vi cử chỉ của Bà Anna đối với Mẹ Maria và Thánh Giuse trở nên như là một dấu hiệu từ Chúa, như là một sứ điệp về một đức tin khôn sáng và việc kiên trì phục vụ.

Bắt đầu với lời tiên tri của Ông Simêon, Mẹ Maria liên kết mạnh mẽ và mầu nhiệm đời sống của mình với sứ vụ đau thương của Chúa Kitô, ở chỗ, Mẹ đã trở thành đồng nghiệp trung thành của Con Mẹ cho việc cứu độ nhân loại.

Chúa Giêsu kêu gọi nữ giới tham phần vào sứ vụ của Người

Bài 41 – 8/1/1997

1- Những lời của vị lão thành Simeon, báo tin cho Mẹ Maria về việc Mẹ thông phần vào sứ vụ cứu độ của Đấng Thiên Sai, đã làm sáng tỏ vai trò của nữ giới trong mầu nhiệm Cứu Chuộc.

Thật vậy, Mẹ Maria không phải chỉ là một con người cá thể mà còn là “nữ tử Sion”, là một nữ giới mới đứng bên Đấng Cứu Thế để chia sẻ Cuộc Khổ Nạn của Người và để hạ sinh trong Thần Linh con cái Thiên Chúa. Thực tại này được diễn tả bằng bức hình phổ thông có “7 lưỡi gươm” đâm vào trái tim của Mẹ Maria: hình ảnh này nhấn mạnh đến mối liên hệ sâu xa giữa người mẹ, vị được đồng hóa với nữ tử Sion và với Giáo Hội, với thân phận sầu thương của Lời Nhập Thể.

Dâng lại Con của mình, Đấng Mẹ vừa lãnh nhận từ Thiên Chúa, để thánh hiến Người cho sứ vụ cứu độ của Người, Mẹ Maria đồng thời cũng hiến thân mình cho sứ vụ ấy nữa. Đó là một tác động thông phần nội tâm chẳng những là hoa trái của cảm xúc từ mẫu tự nhiên mà nhất là bày tỏ sự ưng thuận của vị tân nữ giới này với sứ vụ cứu chuộc của Chúa Kitô.

2- Noi những lời của mình, Ông Simeon cho biết mục đích của việc Chúa Giêsu hiến tế cũng như nỗi

khổ đau của Mẹ Maria đó là “đề tư tưởng của nhiều tâm can được bộc lộ” (Lk 2:35).

Chúa Giêsu, “một dấu hiệu chống đối” (Lk 2:34), Đấng bao gồm cả người mẹ của mình trong cuộc khổ đau của mình, sẽ dẫn con người nam nữ biết đứng về phía Người, mời gọi họ thực hiện một quyết định vững chắc. Thật vậy, Người “được đặt lên cho nhiều người Israel sa ngã và chỗi dậy” (Lk 2:34).

Như thế, Mẹ Maria được liên kết với Con của Người Con thần linh của Mẹ trong cái “tương phản” này liên quan đến công việc cứu độ. Chắc chắn là có một thứ nguy cơ tàn rụi cho những ai loại trừ Chúa Kitô, nhưng hoa trái kỳ diệu của ơn Cứu Chuộc mang lại phục sinh cho nhiều người. Việc loan báo này tự nó đã làm bùng lên niềm hy vọng cao cả nơi tâm can của những ai lãnh nhận hoa trái của cuộc hy sinh này.

Hướng Đức Trinh Nữ chú trọng tới những viễn tượng này của việc cứu độ trước việc dâng hiến theo nghi thức, Ông Simeon dường như gợi ý cho Mẹ Maria rằng việc Mẹ thi hành tác động ấy như là một việc góp phần vào giá cứu chuộc của nhân loại vậy. Thật vậy, ông không nói với Thánh Giuse hay về Thánh Giuse: những lời của ông được ngỏ cùng Mẹ Maria, vị ông liên kết với số phận của Con Mẹ.

3- Cái ưu tiên về ngày tháng của hành động Mẹ Maria không làm lu mờ đi tính chất chính yếu của Chúa Giêsu. Trong việc diễn tả vai trò của Mẹ Maria nơi công cuộc cứu độ, Công Đồng Chung Vaticanô II đã nhắc lại rằng Mẹ “đã hoàn toàn hiến thân mình... cho con người và công cuộc của Con Mẹ, *theo Người và với Người*, để phục vụ mầu nhiệm Cứu Chuộc” (*Lumen gentium*, n. 56).

Nơi việc hiến dâng Chúa Giêsu trong đền thờ, Mẹ Maria phục vụ mầu nhiệm Cứu Chuộc theo Chúa Kitô và với Chúa Kitô: thật vậy, Người đóng vai trò chính yếu trong việc cứu độ và cần phải được chuộc bằng một việc hiến dâng theo nghi thức. Mẹ Maria liên kết với hy tế của Con Mẹ bằng lưỡi gươm sẽ đâm vào tâm hồn của Mẹ.

4- Tính cách chính yếu của Chúa Kitô không loại trừ nhưng hỗ trợ và cần đến vai trò thích hợp bất khả thay thế của nữ giới. Bằng việc bao gồm mẹ của mình trong hy tế của riêng mình, Chúa Kitô muốn cho thấy những cội rễ sâu xa của nó cũng như muốn cho chúng ta thấy trước một thứ hiến dâng tư tế của thập giá.

Ý hướng thần linh trong việc cần đến vấn đề tham gia đặc biệt của nữ giới trong công cuộc Cứu Chuộc có thể được thấy ở sự kiện lời tiên tri của Ông

Simeon ngộ cùng một mình Mẹ Maria, cho dù Thánh Giuse cũng tham dự vào nghi thức hiến dâng này.

Đoạn cuối của trình thuật hiến dâng Chúa Giêsu trong đền thờ dường như cũng xác định ý nghĩa và giá trị của sự hiện diện nữ giới trong công cuộc cứu độ. Việc gặp gỡ một phụ nữ là Bà Anna, đưa đến chỗ kết thúc những giây phút đặc biệt này, khi mà Cựu Ước thực sự được trao cho Tân Ước.

Như Ông Simêon, người nữ này không có vị thế nào đặc biệt trong thành phần dân tuyển chọn, thế nhưng đời sống của bà dường như có một giá trị cao quý trước nhan Thiên Chúa. Thánh Luca gọi bà là một “nữ tiên tri”, có lẽ vì nhiều người đã tham vấn với bà bởi tặng ân nhận thức của bà và đời sống thánh hảo bà đã sống theo tác động của Thần Linh Chúa.

Bà Anna đã lão thành, 84 tuổi, và đã từng là một góa phụ lâu năm. Hoàn toàn hiến thân cho Thiên Chúa, “bà không bao giờ rời đền thờ, phụng sự Chúa ngày đêm bằng chay tịnh và nguyện cầu” (cf. Lk 2:37). Bà đại diện cho những ai, sống thiết tha với lòng mong đợi Đấng Thiên Sai, có thể hết sức hoan hỉ chấp nhận việc hoàn tất lời hứa. Vị Thánh ký đề cập là “lên đền thờ vào chính giờ ấy, bà đã dâng lời cảm tạ Thiên Chúa” (2:38).

Vì liên li ở trong đền thờ mà bà có thể, dễ dàng hơn Ông Simeon, gặp gỡ Chúa Giêsu ở lúc cuối một cuộc đời dẫn thân cho Chúa và trở nên phong phú nhờ lắng nghe Lời Chúa và nguyện cầu.

Vào lúc rạng đông của Việc Cứu Chuộc, chúng ta có thể thoáng thấy nơi nữ tiên tri Anna tất cả nữ giới, thành phần, bằng sự thánh thiện của đời sống và lòng mong đợi nguyện cầu, sẵn sàng chấp nhận sự hiện diện của Chúa Kitô và chúc tụng Thiên Chúa mọi ngày vì những kỳ diệu được tình thương vĩnh hằng của Ngài thực hiện.

5- Được chọn để gặp gỡ Con Trẻ, Ông Simeon và Bà Anna đã có được một cảm nghiệm sâu xa của việc chia sẻ niềm vui nơi sự hiện diện của Chúa Giêsu cùng với Mẹ Maria và Thánh Giuse rồi lan truyền niềm vui ấy ra ở nơi họ sống. Đặc biệt là Bà Anna cho thấy lòng nhiệt thành tuyệt vời khi nói về Chúa Giêsu, nhờ đó làm chứng về niềm tin tưởng chân thành và lớn lao của bà. Đức tin này sửa soạn cho người khác chấp nhận Đấng Thiên Sai nơi cuộc sống của họ.

Lời diễn tả của Thánh Luca: “Bà... đã nói về Người với tất cả những ai đang trông đợi sự cứu chuộc của Giêrusalem” (2:38), dường như gán cho bà như là một thứ biểu hiệu của nữ giới, thành phần, dẫn thân

truyền bá Phúc Âm, sẽ làm dậy lên và nuôi dưỡng niềm nhy vọng cứu độ.

Mẹ Maria hợp tác bằng việc bản thân tuân phục

Bài 42 – 15/1/1997

1- Thánh ký Luca diễn tả cuộc hành hương của trẻ Giêsu lên đền thờ ở Giêrusalem như là giai đoạn cuối cùng về trình thật thời thơ ấu của Người, trước khi Vị Gioan Tẩy Giả bắt đầu rao giảng. Đó là một cơ hội bình thường cho thấy những năm dài của cuộc đời Người ẩn dật ở Nazarét.

Vào dịp này, theo cá tính mãnh liệt của mình, Chúa Giêsu tỏ ra rằng Người ý thức được sứ vụ của Người, cống hiến cho việc “tiến vào” lần thứ hai “nhà của Cha” Người ý nghĩa của việc Người toàn hiến bản thân mình cho Thiên Chúa là những gì đã được ghi dấu nơi việc Người được hiến dâng trong đền thờ này.

Đoạn này dường như tương phản với điều ghi nhận của Thánh Luca là Chúa Giêsu đã tuân nphục Thánh Giuse và Mẹ Maria (cf 2:51). Thế nhưng, nếu nhìn kỹ hơn, ở đây Người dường như, một cách ý thức và hầu như tự ý đặt mình một thứ tương phản với tình trạng làm con bình thường của mình, gây ra một cuộc tách biệt quyết liệt khỏi Mẹ Maria và Thánh Giuse. Theo nguyên tắc hành xử của mình, Chúa Giêsu nói rằng Người chỉ thuộc về Cha và không đề cập tới những liên hệ với gia đình trần gian của Người. Hành vi cử chỉ của Chúa Giêsu xem ra hết sức là bất thường.

2- Qua tình tiết này, Chúa Giêsu giúp Mẹ của Người sửa soạn cho mầu nhiệm Cứu Chuộc. Trong 3 ngàythảm thiết ấy, khi Người Con này lánh mặt khỏi ở lại trong đền thờ thì Mẹ Maria và Thánh Giuse cảm nghiệm thấy như là một thứ tiên báo về tam nhật Khổ Nạn, Tử Thương và Phục Sinh của Người.

Việc để cho Mẹ của mình và Thánh Giuse lên đường trở về Galilêa mà không nói cho các vị biết ý định muốn ở lại Giêrusalem, Chúa Giêsu đã đưa các vị vào mầu nhiệm của một cuộc đau thương dẫn tới niềm vui, hướng đến những gì Người sẽ hoàn thành sau này với các môn đệ của Người qua việc loan báo về Cuộc Khổ Nạn của Người.

Theo trình thuật của Thánh Luca, trong cuộc hành trình trở về Nazarét Mẹ Maria và Thánh Giuse, sau một ngày đàng, đã cảm thấy lo âu và buồn khổ về số phận của Con Trẻ Giêsu. Các vị tìm kiếm Người mà không thấy trong số họ hàng thân thuộc. Khi trở lại Giêrusalem và thấy Người trong đền thờ, các vị đã tỏ ra ngỡ ngàng khi thấy Người “ngồi giữa các bậc thày, lắng nghe họ và đặt vấn đề với họ” (Lk 2:46). Hành vi của Người hầu như bất thường hơn bao giờ hết. Đối với cha mẹ của Người thì chắc chắn là khi tìm thấy Người vào ngày thứ ba thì khám phá ra một chiều kích khác nơi con người và sứ vụ của Người.

Người đã đóng vai trò thày dạy, như sau này Người thực hiện vai trò đó trong cuộc đời công khai của Người, bằng việc nói lên những lời lẽ đáng ca tụng: “Và tất cả những ai đã nghe Người đều bàng hoàng sửng sốt trước việc hiểu biết của Người cùng những vấn nạn của Người” (2:47). Khi tỏ ra cho thấy một thứ khôn ngoan làm ngỡ người nghe, Người bắt đầu thực hành một thứ nghệ thuật đối thoại sẽ trở thành đặc tính cho sứ vụ cứu độ của Người.

Mẹ của Người đã hỏi Người rằng: “Con ơi, tại sao con lại đối xử với cha mẹ như vậy? Nay cha con và mẹ đã lo âu tìm kiếm con” (Lk 2:48). Ở đây chúng ta có thể thấy được một âm vang của những “cái tại sao” được rất nhiều bà mẹ đặt ra về nỗi đau khổ họ

phải chịu do con cái của họ gây ra cho họ, cùng với những câu hỏi nảy lên trong lòng của hết mọi con người nam nữ trong những lúc thử thách.

3- Câu trả lời của Chúa Giêsu, qua hình thức của một câu hỏi, là những gì rất quan trọng: “Cha mẹ tìm kiếm con làm chi chứ? Cha mẹ không biết rằng con cần phải ở lại nhà của Cha con hay sao?” (Lk 2:49).

Bằng câu đáp lại này, Người đã tỏ ra cho Mẹ Maria và Thánh Giuse thấy mẫu nhiệm về con người của Người một cách bất ngờ, kêu gọi các vị hãy vượt ra ngoài những dáng vẻ bề ngoài và mở ra trước mắt các vị những chân trời mới về tương lai của Người.

Trong câu Người trả lời cho Người Mẹ sầu thương của mình, Người Con này đã cho thấy ngay lý do tại sao Người đã hành động như thế. Mẹ Maria nói: “Cha của con”, nghĩa là Thánh Giuse; Chúa Giêsu trả lời: “Cha của Con”, nghĩa là Cha trên trời.

Khi qui chiếu về nguồn gốc thần linh của mình, Người không muốn nói gì hơn là nói rằng đền thờ, nhà của Cha Người, là “nơi” đương nhiên cho sự hiện diện của Cha, nên Người cần phải quan tâm đến tất cả những gì liên quan đến Cha Người và dự án của Ngài. Người muốn nhấn mạnh rằng ý muốn

Cha của Người là chuẩn định diuỵ nhất cho việc tuân phục của Người.

Việc đề cập tới vấn đề toàn hiến bản thân mình cho dự án của Thiên Chúa này được nhấn mạnh trong đoạn văn Phúc Âm ấy nơi những lời: “Con cần phải ở”, những lời sau này sẽ xuất hiện trong việc Người báo trước về Cuộc Khổ Nạn của Người (cf Mk 8:31).

Bởi vậy mà cha mẹ của Người đã được yêu cầu để cho Người lên đường thi hành sứ vụ của Người ở bất cứ chỗ nào ý của Cha Người muốn dẫn Người đến.

4- Vị Thánh ký nhận định: “Và các vị không hiểu lời Người đã nói với các vị” (Lk 2:50). Mẹ Maria và Thánh Giuse không thấy được cái ý nghĩa nơi câu trả lời của Người, hay cách thức (bề ngoài như là một thứ phủ nhận) Người phản ứng trước mối quan tâm của cha mẹ của Người. Bằng thái độ như thế, Chúa Giêsu có ý cho thấy những chiều kích bí nhiệm nơi mối thân tình của Người với Cha của Người, những chiều kích được Mẹ trực giác thấy mà không biết làm thế nào để liên kết chúng với cuộc thử thách Mẹ đang trải qua.

Những lời của Thánh Luca dạy chúng ta về cách thức sống của Mẹ Maria trong vụ việc thật sự là bất thường này một cách sâu xa nơi bản thân của Mẹ.

Mẹ “đã giữ tất cả những điều ấy trong lòng mình” (Lk 2:51). Người Mẹ này của Chúa Giêsu liên kết các biến cố này với mầu nhiệm Con Mẹ, một mầu nhiệm đã được tỏ ra cho Mẹ ở biến cố Truyền Tin, và suy niệm các biến cố ấy trong tâm tình âm thầm chiêm ngưỡng, cống hiến việc cộng tác của Mẹ vào tinh thần của tiếng “xin vâng” mới mẻ.

Như thế, cái nối kết đầu tiên này được đúc thành một chuỗi các biến cố sẽ dần dần dẫn Mẹ Maria vượt ra ngoài vai trò tự nhiên xuất phát từ vai trò làm mẹ của Mẹ, để Mẹ đặt mình vào việc phục vụ cho sứ vụ của Người Con thần linh.

Ở đền thờ Giêrusalem, nơi dạo khúc cho sứ vụ cứu độ này của mình, Chúa Giêsu liên kết Mẹ của mình với Người; Mẹ không còn thuần túy là một Vị đã hạ sinh Người, mà còn là Người Nữ, nhờ việc tuân phục của Mẹ đối với dự án của Cha, có thể cộng tác vào mầu nhiệm Cứu Chuộc.

Bởi vậy, việc giữ lấy trong lòng mình một biến cố quá sâu xa về ý nghĩa, Mẹ Maria đạt đến một chiều kích mới về việc Mẹ hợp tác của mình vào việc cứu độ.

“Đời sống ẩn dật” của Mẹ Maria là mẫu gương cho các bà mẹ

Bài 43 – 29/1/1997

1- Các Phúc Âm công hiến rất ít tín liệu về những năm tháng Thánh Gia sống ở Nazarét. Thánh Mathêu kể cho chúng ta biết về quyết định của thánh Giuse, sau khi từ Ai Cập về, nhận Nazarét làm nơi cư trú vĩnh viễn cho Thánh Gia (cf 2:22-23), thế rồi không cho biết thêm gì nữa ngoài chi tiết Thánh Giuse là một người thợ mộc (cf 13:55). Về phần mình, Thánh Luca hai lần nhắc đến việc trở về Nazarét của Thánh Gia (cf 2:39,51) và công hiến hai chi tiết vắn gọn về các năm tháng của Chúa Giêsu thời thiếu thơ, trước và sau tình tiết cuộc hành trình lên Giêrusalem: “Con trẻ tăng trưởng khỏe mạnh, đầy những khôn ngoan; và ơn nghĩa Chúa ở với Người” (2:40), và “Chúa Giêsu gia tăng khôn ngoan, tuổi tác và ơn nghĩa trước Thiên Chúa và loài người” (2:52).

Khi thuật lại những nhận định ngắn ngủi ấy, Thánh Luca có lẽ muốn nói đến những hồi niệm của Mẹ Maria về một giai đoạn sâu xa thân mật với Con của

Mẹ. Mối hiệp nhất giữa Chúa Giêsu và vị “đầy ân phúc” vượt ra ngoài những gì bình thường hiện hữu giữa người mẹ và người con, vì nó được bắt nguồn từ một thân phận siêu nhiên đặc biệt và được củng cố bởi sự tuân hợp đặc biệt của cả hai với ý muốn thần linh.

Bởi thế chúng ta có thể kết luận rằng bầu không khí tĩnh lặng và an bình trong ngôi nhà Nazarét và việc các Đấng tìm cách hoàn trọn dự án của Thiên Chúa là những gì đã cống hiến chiều sâu phi thường và đặc thù nơi mối hiệp nhất của người mẹ và người con.

2- Việc Mẹ Maria ý thức rằng Mẹ đang thi hành một công việc được Thiên Chúa ủy thác cho Mẹ đã cống hiến một ý nghĩa cao cả hơn cho cuộc sống hằng ngày của Mẹ. Những công việc thường hèn của cuộc sống hằng ngày mang một thứ giá trị đặc biệt trong con mắt của Mẹ, vì Mẹ đã thi hành chúng như là việc phục vụ cho sứ vụ của Con Mẹ.

Gương mẫu của Mẹ Maria là những gì chiếu rọi và phấn khích kinh nghiệm của rất nhiều người nữ thi hành các việc làm hằng ngày của mình hoàn toàn ở nhà. Đó là vấn đề của một thứ nỗ lực khiêm hạ, ẩn kín, đơn điệu, và thường không được cảm nhận. Tuy nhiên, những năm tháng dài Mẹ Maria sống ở ngôi nhà Nazarét cho thấy khả năng lớn lao cao cả

của tình yêu đích thực và do đó cũng của cả ơn cứu độ. Thật vậy, cái giản dị nơi đời sống của rất nhiều người vợ, được coi như là một sứ vụ phụng vụ và yêu thương, có một giá trị phi thường trước mắt Chúa.

Người ta có thể dám nói rằng đối với Mẹ Maria thì đời sống ở Nazaret không bị chi phối bởi cái đơn điệu tẻ nhạt. Trong sự giao tiếp của mình với Chúa Giêsu tăng trưởng, Mẹ đã cố gắng đi sâu vào màu nhiệm của Con Mẹ nhờ chiêm ngưỡng và tôn thờ. Thánh Luca nói rằng: Mẹ Maria đã giữ tất cả những sự ấy mà suy niệm trong lòng Mẹ” (Lk 2:19; cf. 2:51).

“Tất cả những điều ấy”: chúng là những biến cố mà Mẹ vừa là tham dự viên vừa là khách bàng quan, mở đầu là biến cố Truyền Tin; thế nhưng, trên hết, chính là đời sống của Con Mẹ. Hằng ngày của việc sống thân mật với Người là lời mời gọi nhận biết Người hơn, khám phá ra một cách sâu xa hơn ý nghĩa của việc Người hiện diện và màu nhiệm về bản thân của người.

3- Có người nghĩ rằng việc Mẹ Maria tin tưởng là điều dễ dàng, khi Mẹ sống hằng ngày giao tiếp với Chúa Giêsu. Tuy nhiên, về vấn đề này, chúng ta cần phải nhớ rằng các khía cạnh đặc thù về con người của Con Mẹ thường được dấu ẩn; cho dù cách thức tác hành của Người là những gì mô phạm đáng noi

gương bắt chước nhưng Người đã sống một đời sống giống như đời sống của những người cùng trang lứa.

Trong 30 năm sống ở Nazarét, Chúa Giêsu đã không tỏ ra những tính chất siêu nhiên của mình và không hề làm phép lạ. Ở những lần biểu lộ phi thường đầu tiên của bản thân mình, những biểu lộ liên hệ với lúc ban đầu cho việc Người rao giảng, thì họ hàng thân thuộc của Người (thành phần được gọi là “anh em” trong Phúc Âm) – như được dẫn giải – cảm thấy có trách nhiệm mang Người về nhà, vì họ cảm thấy hành động của Người bất bình thường (cf Mk 3:21).

Trong bầu không khí xứng đáng và chuyên chăm làm việc ở Nazarét, Mẹ Maria đã cố tìm hiểu các công cuộc của Đấng Quan Phòng nơi sứ vụ của Con Mẹ. Một chủ đề để Mẹ của Người đặc biệt suy niệm về vấn đề này chắc chắn là câu phát biểu của Chúa Giêsu trong đền thờ Giêrusalem khi Người lên 12 tuổi: “Cha mẹ không biết rằng Con cần phải ở nơi nhà của Cha Con hay sao?” (Lk 2:49). Khi suy niệm về câu nói ấy, Mẹ Maria có thể hiểu biết hơn cái ý nghĩa của vai trò làm con thần linh của Chúa Giêsu và vai trò làm mẹ của mình, khi Mẹ đã nỗ lực nhận thức thấy nơi cách hành xử của Con Mẹ những dấu vết cho thấy Người giống với Đấng được Người gọi là “Cha của Con”.

4- Mối hiệp thông về đời sống với Chúa Giêsu ở ngôi nhà Nazarét đã đưa Mẹ Maria chẳng những thắng tiến “trong cuộc hành trình đức tin của Mẹ” (Lumen Gentium, số 58), mà còn trong niềm hy vọng nữa. Nhân đức này, được vun trồng và bảo trì bằng việc Mẹ tưởng nhớ đến biến cố Truyền Tin và những lời của ông Simêon, một nhân đức bao trùm tất cả cuộc sống của Mẹ, nhưng được thực hành đặc biệt là trong 30 năm thanh lặng và ẩn khuất ở Nazarét.

Ở nhà, Đức Trinh Nữ cảm nghiệm được niềm hy vọng ở hình thức cao cả nhất của nó; Mẹ biết rằng Mẹ sẽ không bị thất vọng nếu Mẹ không biết đến những thời điểm hay những đường lối Thiên Chúa sẽ hoàn thành lời hứa của Ngài. Trong bóng đêm của đức tin cũng như trong sự thiếu vắng của những dấu hiệu đặc biệt loan báo lúc khởi đầu công cuộc thiên sai của Con Mẹ, Mẹ vẫn hy vọng không cần đến chứng cứ nào trong việc đợi chờ việc hoàn thành lời hứa của Thiên Chúa.

Là một môi trường để tăng trưởng đức tin và đức cậy, ngôi nhà Nazarét trở thành một nơi chốn cho chúng tử cao quý của đức ái. NTình yêu mà Chúa Kitô muốn tuôn đổ xuống trên thế giới này được thấp lên và bùng cháy trước hết nơi tâm hồn của Mẹ của Người: chính ở ngôi nhà này mà việc loan báo Phúc Âm về tình yêu thần linh đã được sửa soạn.

Nhìn vào Nazarét, khi chiêm ngưỡng màu nhiệm nơi cuộc đời ẩn dật của Chúa Giêsu và Đức Trinh Nữ, chúngta được mời gọi suy nghĩ về màu nhiệm của cuộc sống chúng ta – như Thánh Phaolô nhắc nhở – “được dấu ẩn với Chúa Kitô trong Thiên Chúa” (Col 3:3).

Nó thường là một đời sống dường như thường hèn và mờ mịt trước mắt thế gian, thế nhưng nó lại là cuộc đời, theo gương của Mẹ Maria, có thể tỏ ra cho thấy những tiềm năng không ngờ của ơn cứu độ, chiếu tỏa tình yêu và bình an của Chúa Kitô.

Chúa Giêsu làm phép lạ theo yêu cầu của Mẹ

Bài 44 - 26/2/1997

1- Trong đoạn về tiệc cưới ở Cana, Thánh Gioan cho thấy việc can thiệp đầu tiên của Mẹ Maria vào đời sống công khai của Chúa Giêsu và nhấn mạnh đến việc hợp tác của Mẹ trong sứ vụ của Con Mẹ.

Mở đầu trình thuật này, Vị Thánh ký nói cho chúng ta biết rằng “Mẹ của Chúa Giêsu ở đó” (Gioan 2:1), như thế cho rằng việc hiện diện của Mẹ là lý do để cặp vợ chồng này mời cả Chúa Giêsu và các môn đệ của Người nữa (cf. *Redemptoris Mater*, n. 21), nên ngài còn thêm rằng “Chúa Giêsu cũng được mời dự đám cưới cùng với các môn đệ của Người” (Gioan 2:2). Bằng những ý tứ ấy, Thánh Gioan dường như muốn nói rằng ở tiệc cưới Cana, cũng như ở biển cố trọng yếu Nhập Thể, thì chính Mẹ Maria là vị giới thiệu Đấng Cứu Thế.

Ý nghĩa và vai trò về sự hiện diện của Đức Trinh Nữ trở thành hiển nhiên khi xảy ra tình trạng hết rượu. Là một người nội trợ lành nghề và khéo léo, Mẹ thấy ngay tình hình và lập tức can thiệp để không làm mất vui của ai, nhất là để giúp cho cặp vợ chồng mới gặp phải khó khăn.

Đến với Chúa Giêsu bằng những lời lẽ: “Họ hết rượu rồi” (Gioan 2:3), Mẹ Maria bày tỏ cùng Người mối quan tâm của Mẹ về tình hình ấy, mong Người giải quyết cho. Đúng hơn, theo một số nhà chú giải thánh kinh, Mẹ của Người mong thấy một dấu lạ, vì Chúa Giêsu không có rượu bên mình.

2- Việc quyết định của Mẹ Maria, vị có thể tìm được rượu cần thiết ở một nơi nào đó, cho thấy đức tin can trường của mình, vì cho đến lúc bấy giờ Chúa

Giêsu chưa làm một phép lạ nào, cả ở Nazarét hay trong đời sống công khai của Người.

Ở Cana, Đức Trinh Nữ một lần nữa cho thấy việc Mẹ hoàn toàn thuận lợi cho Thiên Chúa. Noi Biển Cốt Truyền Tin Mẹ đã góp phần vào phép lạ thụ thai trinh nguyên bằng lòng tin tưởng vào Chúa Giêsu trước khi được thấy Người; ở đây, lòng tin tưởng của Mẹ vào quyền năng chưa được tỏ hiện của Chúa Giêsu khiến Người thực hiện “dấu lạ” đầu tiên của Người, việc biến nước lã thành rượu.

Như thế, về niềm tin, Mẹ đi trước các môn đệ, thành phần, như Thánh Gioan nói, sẽ tin sau phép lạ ấy: Chúa Giêsu “đã tỏ vinh quang của Người; và các môn đệ của Người đã tin vào Người” (Gioan 2:11). Vậy, Mẹ Maria đã kiên cường đức tin của các vị bằng việc có được dấu lạ ấy.

3- Câu Chúa Giêsu trả lời cho Mẹ Maria “Này bà, bà và tôi có can chi đâu? Giờ của tôi chưa đến” (Gioan 2:4), như diễn tả một chối từ, như thể thử thách đức tin của Mẹ Người.

Theo một lời dẫn giải thì từ lúc bắt đầu sứ vụ của mình, Chúa Giêsu dường như đặt lại vấn đề về mối liên hệ tự nhiên của người con được Mẹ của Người căn cứ. Câu này, theo kiểu nói địa phương, cố ý nhấn mạnh đến khoảng cách giữa con người với

nhau, bằng cách loại trừ đi một mối hiệp thông về sự sống. Khoảng cách này không loại trừ lòng tôn kính và cảm mến; chữ “bà” được Người ngỏ cùng Mẹ của Người được sử dụng với một giọng điệu sẽ được tái diễn trong các cuộc đối thoại với người đàn bà Canaan (xem Mathêu 15:28), với người phụ nữ Samaritanô (xem Gioan 4:21), với người đàn bà ngoại tình (xem Gioan 8:10) và với Maria Mai Đệ Liên (xem Gioan 20:13), trong những bối cảnh cho thấy mối liên hệ tích cực của Chúa Giêsu với thành phần nữ nhân giao tiếp với Người.

Bằng câu phát biểu “Này bà, bà và tôi đâu có liên can chi?”, Chúa Giêsu có ý đặt việc hợp tác của Mẹ Maria vào tầm mức cứu độ, một việc cứu độ nhờ bao gồm cả đức tin và đức cậy của Mẹ, cần Mẹ phải vượt ra ngoài vai trò làm mẹ tự nhiên của Mẹ.

4- Quan trọng hơn nữa đó là lý do Chúa Giêsu nêu lên là “Giờ của tôi chưa tới” (Gioan 2:4).

Một số học giả đã nghiên cứu đoạn sách thánh này, theo lời dẫn giải của Thánh Âu Quốc Tinh, đồng hóa cái “giờ” này với biến cố Khổ Nạn. Trái lại, đối với những học giả khác, nó nói tới phép lạ đầu tiên cho thấy quyền năng thiên sai của vị tiên tri ở Nazaret. Tuy nhiên, có những học giả khác chủ trương rằng câu nói này có tính cách nghi vấn và nối dài vấn đề trước đó: “Bà có can chi với tôi đâu? Giờ của tôi đã

đến rồi hay sao?” Chúa Giêsu muốn Mẹ Maria hiểu rằng từ nay trở đi Người không còn lệ thuộc vào Mẹ, mà Người cần phải khởi động để thực hiện công việc của Cha Người. Bởi thế Mẹ Maria đã thành thật không nài nỉ Người mà tiến đến với thành phần phục vụ, bảo họ hãy nghe theo lời của Người.

Dầu sao lòng tin tưởng của Mẹ đã được tưởng thưởng. Chúa Giêsu, Đấng Mẹ đã hoàn toàn để Người tự do tác hành, thực hiện phép lạ, khi nhận thấy lòng can đảm và chân thành của Mẹ Người: “Chúa Giêsu đã nói cùng họ rằng ‘Hãy đổ đầy nước các chum’. Và họ đã đổ nước đầy đến miệng” (Gioan 2:7). Như thế việc tuân phục của họ cũng giúp vào việc có được vô khối rượu uống.

Lời Mẹ Maria yêu cầu: “Hãy làm những gì Người bảo”, vẫn giữ nguyên giá trị của mình đối với thành phần Kitô hữu ở mọi thời đại và được nhắm đến chỗ tái tấu cái hiệu quả tuyệt vời của nó nơi cuộc sống của hết mọi người. Đó là một lời kêu gọi hãy dứt khoát tin tưởng, nhất là khi người ta không hiểu ý nghĩa hay thiện ích của những gì Chúa Kitô mong muốn.

Như trong trình thuật về người phụ nữ Canaan (xem Mathêu 15:24-26), việc từ chối ra mặt của Chúa Giêsu đã đề cao đức tin của người đàn bà này thế

nào thì những lời Con của Mẹ nói “giờ của tôi chưa đến”, cùng với việc thực hiện phép lạ đầu tiên ấy, cũng cho thấy đức tin cao cả của Người Mẹ này và quyền năng của lời Mẹ nguyện cầu.

Đoạn về tiệc cưới ở Cana thúc giục chúng ta trở nên can trường trong đức tin và cảm nghiệm trong đời sống của chúng ta sự thật của những lời Phúc Âm: “Hãy xin sẽ được” (Mathêu 7:7; Luca 11:9).

Mẹ Maria tích cực trong sứ vụ của Con Mẹ

Bài 45 - 5/3/1997

1- Khi diễn tả sự hiện diện của Mẹ Maria trong cuộc đời công khai của Chúa Giêsu, Công Đồng Chung Vaticanô II nhắc lại việc Mẹ can dự ở Cana khi xảy ra phép lạ đầu tiên: “Ở tiệc cưới Cana, vì cảm thương, bằng lời chuyển cầu của mình, Mẹ đã mở màn cho các phép lạ của Chúa Giêsu Thiên Sai” (cf. Jn 2:1-11)” ([*Lumen gentium*](#), n. 58).

Theo Thánh ký Gioan, Công Đồng này cũng cho thấy vai trò thầm kín và hiệu nghiệm của Mẹ, khi

Mẹ dùng lời nói để thuyết phục Con Mẹ thi hành “dấu lạ tiên khởi” của Người. Mặc dù ảnh hưởng của Mẹ âm thầm và từ mẫu, thì sự hiện diện của Mẹ là những gì quan trọng.

Việc khởi động của Đức Trinh Nữ này lại càng lạ lùng nếu người ta lưu ý tới vị thế thấp kém của nữ giới trong xã hội Do Thái. Thật vậy, ở Cana, Chúa Giêsu chẳng những nhìn nhận phẩm giá và vai trò của nữ giới mà còn, bằng việc đón nhận việc can thiệp của Mẹ mình, Người cố hiến cho Mẹ cơ hội tham dự vào công cuộc thiên sai của Người. Từ ngữ “Bà” được Chúa Giêsu ngỏ cùng Mẹ Maria (cf Jn 2:24) không tương phản với ý hướng của Người. Thật vậy, nó không có giọng điệu tiêu cực, và Chúa Giêsu sẽ sử dụng nó một lần nữa khi Người ngỏ cùng Mẹ của Người ở dưới chân thập tự giá (cf Jn 19:25). Theo một số dẫn giải gia thì tước hiệu “Bà” cho thấy Mẹ Maria là Tân Evà, người mẹ về đức tin của tất cả mọi tín hữu.

Trong văn kiện đã được trích dẫn, Công Đồng sử dụng lời diễn tả “vì cảm thương” như để hiểu rằng Mẹ Maria được tác động bởi tâm can xót thương của Mẹ. Cảm nhận được tình trạng cuối cùng bị trục trặc của đôi tân hôn và khách khứa gây ra bởi thiếu rượu, Đức Trinh Nữ đã cảm thương gợi ý cho Chúa Giêsu để Người ra tay can thiệp bằng quyền lực thiên sai của Người.

Đối với một số người thì điều yêu cầu của Mẹ Maria tỏ ra quá đáng, vì nó hạ giá sự khởi đầu các phép lạ của Đấng Thiên Sai thành một tác động mồi mẩn của con cái. Chính Chúa Giêsu đã giải quyết cái khó khăn này, ở chỗ, khi đồng ý với yêu cầu của Mẹ mình, Người chứng tỏ cho thấy cái dồi dào sung mãn của Chúa khi đáp ứng các mong đợi của nhân loại, cũng tỏ ra những gì tình yêu của một người mẹ có thể làm.

2- Câu diễn tả “khai mở sự các phép lạ của Người” được Công Đồng lấy từ bài Phúc Âm của Thánh Gioan khiến chúng ta chú ý. Chữ Hy Lạp *arche*, chuyển dịch là “khởi sự”, được Thánh Gioan sử dụng trong Lời Mở Đầu cho Phúc Âm của mình: “Từ ban đầu đã có Lời” (1:1). Cái trùng hợp ý nghĩa này cho thấy một sự song hành giữa chính những khởi nguyên về vinh hiển của Chúa Kitô trong cõi vĩnh hằng cũng như nơi việc tỏ mình đầu tiên của vinh quang ấy nơi sự vụ trần gian.

Khi nhấn mạnh đến việc khởi động của Mẹ Maria nơi phép lạ đầu tiên này rồi sau đó nhắc lại việc hiện diện của Mẹ trên Đồi Canvê dưới chân Thập Giá, Vị Thánh ký giúp chúng ta hiểu việc hợp tác của Mẹ Maria nói rộng ra sao tới toàn thể công cuộc của Chúa Kitô. Lời yêu cầu của Đức Trinh Nữ được đặt vào trong dự án cứu độ thần linh.

Trong “dấu lạ” đầu tiên được Chúa Giêsu thực hiện này, các vị Giáo Phụ của Giáo Hội đã thoáng thấy một chiều kích tiêu biểu quan trọng, khi thấy việc biến đổi nước lã thành rượu như là một lời loan báo về việc chuyển từ Cựu Ước sang Tân Ước. Ở Cana, chính thứ nước ở trong các chum, được dùng để thanh tẩy của người Do Thái cũng như cho việc hoàn tất những qui định pháp lý (cf. Mk 7:1-15), thứ nước trở thành thứ rượu mới của lễ cưới, một biểu hiệu cho mối hiệp nhất vĩnh viễn giữa Thiên Chúa và nhân loại.

3. Bối cảnh của một tiệc cưới, được Chúa Giêsu chọn thực hiện phép lạ đầu tiên của mình, ám chỉ đến biểu hiệu cưới hỏi thường được sử dụng trong Cựu Ước để nói về giao ước giữa Thiên Chúa và Dân Ngài (cf. Hos 2:21; Jer 2:1-8; Ps 44; etc.), và ở trong Tân Ước để biểu hiệu cho mối hiệp nhất của Chúa Kitô với Giáo Hội (cf. Jn 3:28-30; Eph 5:25-32; Rv 21:1-2, etc.).

Sự hiện diện của Chúa Giêsu ở Cana cũng là một dấu hiệu cho dự án thần linh của Thiên Chúa đối với hôn nhân. Theo chiều hướng này thì tình trạng thiếu rượu có thể được giải thích như là một ám chỉ đến tình trạng thiếu yêu thương thường bất hạnh đe dọa mối hiệp nhất hôn nhân. Mẹ Maria xin Chúa Giêsu can thiệp cho tất cả mọi đôi phối ngẫu, thành phần chỉ có thể thoát khỏi những thứ nguy hiểm của

sự bất trung, hiểu lầm và chia rẽ bằng một tình yêu dựa vào Thiên Chúa. Ân sủng của bí tích này củng cố hiến cho đôi phối ngẫu thứ sức mạnh thượng thặng của tình yêu thương, một tình yêu có thể kiên cường việc dẫn thân trung thành của họ ngay cả giữa những hoàn cảnh khó khăn.

Theo giải thích của các tác giả Kitô hữu thì phép lạ ở Cana cũng có một ý nghĩa sâu xa về Thánh Thể. Khi thực hiện phép lạ này gần thời điểm Lễ Vượt Qua của Người Do Thái (cf Jn 2:13), Chúa Giêsu, như Người đã hóa bánh ra nhiều (cf Jn 6:4), cho thấy ý hướng của Người muốn sửa soạn một bữa tiệc vượt qua thực sự là Thánh Thể. Ước muốn của Người ở tiệc cưới Cana dường như được nhấn mạnh hơn nữa bởi có rượu là những gì ám chỉ máu Tân Ước cũng như bởi bối cảnh của một bữa tiệc.

Như thế, sau khi trở thành lý do cho sự hiện diện của Chúa Giêsu ở việc cử hành này, Mẹ Maria đạt được phép lạ của thứ rượu mới tiêu biểu cho Thánh Thể, dấu hiệu cao cả cho sự hiện diện của Người Con phục sinh Mẹ giữa các môn đệ.

4- Ở cuối trình thuật về phép lạ đầu tiên của Chúa Giêsu, một phép lạ xảy ra nhờ đức tin vững mạnh của Mẹ Chúa đối với Người Con thần linh của Mẹ, Thánh ký Gioan đã kết thúc: “và các môn đệ đã tin vào Người” (2:11). Ở Cana, Mẹ Maria bắt đầu cuộc

hành trình đức tin của Giáo Hội, đi trước các môn đệ và hướng dẫn việc chú trọng của những người tôi tớ vào Chúa Kitô. Việc Mẹ kiên trì chuyển cầu cũng phần khích những ai có những lúc trải qua cảm nghiệm về “sự thình lạng của Thiên Chúa”. Họ cần phải hy vọng hơn bao giờ hết, luôn tin tưởng vào lòng lành Chúa.

Vai trò của Mẹ Maria khi Chúa Giêsu công khai thi hành thừa tác vụ của Người

Bài 46 - 12/3/1997

1- Sau khi nhắc lại việc can thiệp của Mẹ Maria ở tiệc cưới Cana, Công Đồng Chung Vaticanô II đã nhấn mạnh đến việc Mẹ tham dự vào đời sống công khai của Chúa Giêsu: “Trong cuộc rao giảng của Con mình, Mẹ đã lãnh nhận những lời mà nhờ đó, khi ca tụng một vương quốc vượt lên trên những quan tâm và liên hệ về huyết nhục, Người đã tuyên bố rằng phúc cho những ai đã nghe và tuân giữ lời Thiên Chúa” (cf. Mk 3:35 par.; Lk 11: 27-28) như Mẹ đã

trung thành thực hiện (cf. Lk 2:19, 51)” (*Lumen gentium*, n. 58).

Việc bắt đầu sứ vụ của Chúa Giêsu cũng có nghĩa là việc tách xa khỏi Mẹ của Người, Vì không luôn theo Con của mình hành trình trên các nẻo đường Palestine. Chúa Giêsu đã cố ý muốn tách khỏi Mẹ của mình cũng như khỏi tình cảm gia đình, như có thể được hàm chứa nơi các điều kiện Người truyền cho các môn đệ của mình để theo Người và dẫn thân loan truyền vương quốc của Thiên Chúa.

Tuy nhiên, đôi khi Mẹ Maria đã nghe con Mẹ giảng dạy. Chúng ta có thể cho rằng Mẹ đã hiện diện ở hội đường Nazaret khi Chúa Giêsu, sau khi đọc lời tiên tri của Isaia, nhận định về bài đọc và áp dụng nó cho chính bản thân Người (cf. Lk 4:18-30). Mẹ đã phải chịu đựng ra sao trong trường hợp ấy, trường hợp mà sau khi chia sẻ cái ngõ ngàng chung về “những lời lẽ từ ái phát từ từ miệng của Người” (Lk 4:22), Mẹ nhận thấy cái hận thù thô bạo của đồng hương của mình muốn tống Chúa Giêsu ra khỏi hội đường và thậm chí còn cố gắng sát hại Người nữa! Thảm kịch vào lúc bấy giờ là những gì hiển nhiên qua những lời của Thánh ký Luca sau đây: “Họ vùng dậy tống Người ra khỏi thành phố, và dẫn Người đến bờ của một ngọn đồi ở bên dưới thành phố này để có thể đẩy Người đâm đầu xuống. Thế nhưng Người đã qua giữa họ mà đi” (4:29-30).

Sau biến cố này, khi nhận thấy có thể sẽ xảy ra những cuộc thử thách khác, Mẹ Maria đã kiên cường và sâu xa hôn việc Mẹ hoàn toàn tuân phục ý muốn của Thiên Chúa, dâng n lên Ngài nỗi khổ đau của mình như là một người mẹ cùng với nỗi cô đơn của Mẹ.

2- Theo các Phúc Âm thì Mẹ Maria đã có cơ hội để nghe Con Mẹ ở các trường hợp khác nữa. Trước hết là ở Carphanaum, nơi Chúa Giêsu đến sau tiệc cưới Cana, “với mẹ của Người và anh em của Người cùng các môn đệ của Người” (Jn 2:12). Hơn nữa, vì Lễ Vượt Qua mà có lẽ Mẹ có thể theo Người lên đền thờ ở Giêrusalem là nơi Chúa Giêsu đã gọi là nhà của Cha Người và Người đã cảm thấy nung nấu lòng nhiệt thành (cf. Jn 2:16-17). Đến trễ trong đám đông không thể tiến đến với Chúa Giêsu được, Mẹ nghe thấy Người trả lời cho những ai nói với Người rằng Mẹ và thân quyến của họ đã đến: “Mẹ của Tôi và anh em của Tôi là những ai nghe lời Thiên Chúa và thực hành lời ấy” (Lk 8:21).

Với những lời ấy, Chúa Kitô, mặc dầu tương đối hóa những mối liên hệ gia đình, đang ngỏ lời ca tụng hết sức Mẹ của Người bằng việc khẳng định một mối liên hệ cao cả hơn nữa với Mẹ. Thật vậy, trong việc lắng nghe Con của mình, Mẹ chấp nhận tất cả những lời của Người và trung thành thực hành những lời của Người.

Chúng ta có thể tưởng tượng rằng, mặc dù Mẹ không theo Chúa Giêsu trong cuộc hành trình truyền giáo, Mẹ cũng được cho biết về các hoạt động tông đồ của Con mình, khi nhận được một cách ưu ái và hớn hỏ các tin tức về việc Người giảng dạy từ môi miệng của những ai đã gặp gỡ Người.

Việc tách ly không có nghĩa là xa mặt cách lòng, cũng không có nghĩa là làm cản trở việc Người Mẹ này theo dõi Con mình bằng tinh thần, cản trở việc giữ và suy niệm giáo huấn của Người như Mẹ đã thực hiện trong thời gian Chúa Giêsu sống ẩn dật ở Nazarét. Thật vậy, đức tin của Mẹ đã giúp Mẹ có thể nắm bắt được ý nghĩa những lời Chúa Giêsu nói trước các môn đệ của Người và hơn các môn đệ của Người, những vị thường không hiểu giáo huấn của Người, nhất là những gì liên quan tới cuộc Khổ Nạn tương lai của Người (cf. Mt 16:21-23; Mk 9:32; Lk 9:45).

3- Theo dõi những biến cố nơi cuộc đời của Con mình, Mẹ Maria thông phần vào thâm kịch của Người về cảm nghiệm bị loại trừ bởi một số trong thành phần dân tuyển chọn. Việc loại trừ này đầu tiên đã diễn ra trong chuyến Người viếng thăm Nazarét và càng ngày càng trở nên hiển nhiên hơn nơi các lời nói và thái độ của những vị lãnh đạo trong dân.

Bởi thế Đức Trinh Nữ thường biết được những chỉ trích, nhục mạ và đe dọa nhắm vào Chúa Giêsu. Cả ở Nazarét nữa, Mẹ thường bị trục trặc bởi thành phần họ hàng thân quen không tin tưởng, thành phần tìm cách thử thách Chúa Giêsu (cf Jn 7:2-5) hay ngăn chặn sứ vụ của Người (Mk 3:21).

Nhờ nỗi khổ đau ấy, được chịu đựng một cách rất xứng đáng và kín đáo, Mẹ Maria cùng Con Mẹ hành trình “lên Giêrusalem”, và càng gắn bó với Người trong đức tin, đức cậy và đức mến, Mẹ cộng tác vào ơn cứu độ.

4- Vậy Đức Trinh Nữ đã trở thành một mẫu gương cho những ai chấp nhận những lời của Chúa Kitô. Tin tưởng vào sứ điệp thần linh từ biến cố Truyền Tin và hoàn toàn ủng hộ Con Người của Con, Mẹ dạy chúng ta hãy tin tưởng lắng nghe Đấng Cứu Thế này, hãy khám phá nơi Người Lời thần linh, Đấng biến đổi và canh tân đời sống của chúng ta. Kinh nghiệm của Mẹ cũng phần khích chúng ta chấp nhận những thử thách và khổ đau xuất phát từ lòng trung thành với Chúa Kitô, gắn mắt của chúng ta vào như hạnh phúc được Chúa Giêsu hứa ban cho những ai lắng nghe Người và giữ lời của Người.

Mẹ Maria Liên Kết Bản Thân với Hy Tế của Chúa Giêsu

Bài 47 - 2/4/1997

1.- Regina caeli laetare, alleluia! (Hãy vui lên, hỡi Nữ Vương Thiên Đàng hãy vui mừng!)

Giáo Hội đã xướng lên như thế trong Mùa Phục Sinh đây, kêu gọi tín hữu hãy dự phần vào niềm vui thiêng liêng của Mẹ Maria, Mẹ Đấng Cứu Chuộc. Niềm hân hoan của Đức Trinh Nữ trong việc Phục Sinh của Chúa Kitô còn cao cả hơn nữa, nếu người ta xét đến việc Mẹ sâu xa tham dự vào cả cuộc sống của Chúa Giêsu.

Trong việc chấp nhận bằng tất cả tấm lòng cởi mở trước những lời của Thiên Thần Gabiêl, vị truyền tin cho Mẹ rằng Mẹ sẽ trở nên Mẹ Đấng Thiên Sai, Mẹ Maria đã bắt đầu tham dự vào thảm kịch Cứu Chuộc. Việc Mẹ gắn liền với hy tế Con của Mẹ, được Simêon tiết lộ cho biết ở việc Mẹ dâng Con Mẹ trong Đền Thờ, tiếp tục chẳng những trong đoạn Phúc Âm

trình thuật về việc lạc mất rồi tìm thấy thiếu nhi Giêsu 12 tuổi, mà còn suốt cả cuộc đời sống công khai của Người nữa.

Tuy nhiên, việc Đức Trinh Nữ liên kết với sứ vụ của Chúa Kitô chỉ đạt đến tột đỉnh của mình ở Giêrusalem, vào lúc Khổ Nạn và Tử Giá của Chúa Kitô mà thôi. Như Phúc Âm Thứ Bốn chứng thực, Mẹ cũng đã có mặt ở Thành Thánh vào lúc có thể là thời gian cử hành lễ Vượt Qua của người Do Thái.

2.- Công Đồng đã nhấn mạnh đến khía cạnh sâu xa của việc Đức Trinh Nữ hiện diện ở đời Canvê, khi nhắc nhở rằng: “Mẹ kiên trì một cách trung thành trong việc hiệp nhất với Con Mẹ cho đến chân cây Thập Giá” (Lumen Gentium, 58), và vạch ra cho thấy là cuộc hiệp nhất này “nơi công cuộc cứu độ được bộc lộ từ lúc Chúa Kitô hoài thai cho đến khi chết đi” (cùng nguồn vừa trích dẫn, 57).

Với ánh mắt được soi chiếu bằng ánh quang Phục Sinh, chúng ta hãy lặng thinh để suy niệm về việc Người Mẹ tham dự vào Cuộc Khổ Nạn cứu chuộc của Con mình, một cuộc khổ nạn được hoàn tất bằng việc Mẹ thông phần vào cuộc khổ đau của Người. Một lần nữa chúng ta hãy trở lại, nhưng giờ đây theo quan điểm của biến cố Phục Sinh, với cây Thập Giá là nơi Người Mẹ này đã chịu đựng “cùng với Người Con duy nhất của mình con khổ đau

thống thiết của Người, bằng việc liên kết bản thân Mẹ với hy tế của Người trong lòng của Mẹ, và bằng việc sẵn lòng đồng ý với việc sát tế của hy vật được Mẹ sinh ra đó” (cùng nguồn vừa dẫn, 58).

Bằng những lời này, Công Đồng nhắc nhở chúng ta về “lòng thương cảm của Mẹ Maria”; tất cả những gì Chúa Giêsu phải chịu đựng nơi thân xác và linh hồn của Người đều dội lại nơi trái tim Mẹ, vì Mẹ sẵn lòng thông phần vào hy tế cứu chuộc của Con Mẹ và liên kết nỗi đau khổ mẫu thân của Mẹ với lễ dâng tư tế của Người.

Bản văn của Công Đồng còn nhấn mạnh rằng việc ưng thuận của Mẹ cho việc Chúa Giêsu sát tế không phải là một việc chấp nhận một cách thụ động, mà là một tác động yêu thương đích thực, một tác động Mẹ thực hiện để hiến dâng Con Mẹ như là một “hy vật” đền bù tội lỗi của tất cả nhân loại.

Sau hết, Hiến Chế Lumen Gentium đã liên kết Đức Trinh Nữ với Chúa Kitô, Đấng đóng vai trò chính yếu trong việc Cứu Chuộc, bằng cách cho thấy rằng trong việc gắn bó bản thân mình “với hy tế của Người”, Mẹ đã đóng vai trò phụ trợ cho Người Con thần linh của Mẹ.

3.- Ở Phúc Âm Thứ Bốn, Thánh Gioan viết rằng “đứng bên Thập Giá của Chúa Giêsu có Mẹ của

Người, cùng người chị em của Mẹ Người là Maria vợ Clêôpha, và Maria Mai-Đệ-Liên” (19:25). Sử dụng động từ “đứng”, theo nghĩa đen có nghĩa là “ở trên đôi bàn chân”, là “thẳng đứng”, có lẽ vị Thánh Ký này muốn cho thấy tư cách và sức mạnh được tỏ ra nơi nỗi buồn khổ của Mẹ Maria và của hai người nữ kia.

Việc Đức Trinh Nữ “thẳng đứng” dưới chân Thập Giá đã nhắc lại việc Mẹ không ngừng trung thành và can đảm phi thường khi đối diện với khổ đau. Nơi những biến cố thảm thương ở đồi Canvê, Mẹ Maria vẫn vững tin, một đức tin kiên cường qua những biến cố của đời Mẹ, nhất là trong cuộc đời công khai của Chúa Giêsu. Công Đồng nhắc lại rằng “Đức Trinh Nữ tiến tới trong cuộc hành trình đức tin của Mẹ và trung thành bảo trì việc Mẹ hiệp nhất với Con Mẹ cho đến chân cây Thập Giá” (Lumen Gentium, 58).

Chia sẻ với những cảm xúc sâu xa nhất của Người, Mẹ đã phản ngược lại những xỉ nhục ngạo mạn nhắm vào Đấng Thiên Sai bị đóng đinh, bằng sự chịu đựng và bằng một tấm lòng thứ tha, liên kết mình với lời Người nguyện cầu cùng Cha: “Xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm” (Lk 23:34). Trong việc thông phần vào cảm thức phó mình cho ý muốn của Chúa Cha, qua lời cuối cùng Chúa Giêsu bày tỏ trên Thập Giá: “Lạy Cha, Con xin phó

thần trí Con trong tay Cha” (Lk 23:46), Mẹ cũng đã, như Công Đồng ghi nhận, tỏ ra lòng mến yêu ưng thuận của mình “về việc sát tế của hy vật được sinh ra bởi Mẹ ấy” (Lumen Gentium, 58).

4.- Lời “xin vâng” hết mình của Mẹ Maria này đã chiếu tỏa niềm hy vọng tin tưởng nơi một tương lai huyền nhiệm, một tương lai được bắt đầu với cái chết của Người Con tử giá của Mẹ. Những lời Chúa Giêsu dạy các môn đệ trong cuộc hành trình lên Giêrusalem là “Con Người phải chịu nhiều khổ đau, bị các kỳ lão, trưởng tế và luật sĩ loại trừ, rồi bị giết chết, rồi sau ba ngày Người sẽ sống lại” đã vang vọng nơi trái tim Mẹ vào giờ khắc thảm thiết trên đồi Canvê, khi khơi lên niềm mong đợi và hướng vọng Phục Sinh.

Niềm hy vọng của Mẹ Maria dưới chân Thập Giá chất chứa một thứ ánh sáng mạnh hơn thứ bóng tối cai trị nơi nhiều cõi lòng, ở chỗ, trong việc Hy Tế cứu chuộc được thực hiện, niềm hy vọng của Giáo Hội cũng như của nhân loại đã được phát sinh nơi Mẹ Maria.

Vai trò đồng công hợp tác của Mẹ Maria

Bài 48 - 9/4/1997

1. Qua các thế kỷ, Giáo Hội đã suy tư về vai trò hợp tác của Mẹ Maria trong công cuộc cứu độ, bằng cách sâu xa phân tích việc Mẹ liên kết với hy tế cứu chuộc của Chúa Kitô. Thánh Âu Quốc Tinh đã tặng cho Đức Trinh Nữ này tước hiệu 'vị đồng công' vào Việc Cứu Chuộc (cf. *De Sancta Virginitate*, 6; PL 40, 399), một tước hiệu nhấn mạnh đến tác động Mẹ liên kết nhưng phụ thuộc vào Chúa Kitô Đấng Cứu Thế.

Việc suy tư đã được tiến triển theo những chiều hướng ấy, nhất là từ thế kỷ 15. Có một số cảm thấy lo sợ trước ý muốn như đặt Mẹ Maria lên ngang hàng với Chúa Kitô. Thật sự giáo huấn của Giáo Hội đã rõ ràng phân biệt giữa Người Mẹ và Người Con trong công cuộc cứu độ, khi giải thích về việc phụ trợ của Mẹ Maria như là một vị đồng hợp tác với Đấng Cứu Chuộc duy nhất.

Ngoài ra, khi Thánh Phaolô nói: 'Vì chúng ta là những người đồng tác hành của Thiên Chúa' (1Cor 3:9), thánh nhân chủ trương con người thực sự có

trách nhiệm hợp tác với Thiên Chúa. Việc hợp tác của các tín hữu, một thứ hợp tác hiển nhiên không hề bao gồm tính cách ngang hàng với Ngài, được thể hiện nơi việc loan báo Phúc Âm cũng như nơi việc họ góp phần của mình để làm cho Phúc Âm đi sâu vào lòng người.

2. Tuy nhiên, áp dụng vào trường hợp của Mẹ Maria, chữ ‘vị đồng hợp tác’ có một ý nghĩa đặc biệt. Việc Kitô hữu hợp tác vào việc cứu độ xảy ra sau biến cố Canvê, một biến cố có những hoa trái họ cần phải nỗ lực để lan truyền bằng việc nguyện cầu và hy sinh. Trái lại, Mẹ Maria, đã hợp tác trong chính biến cố này và bằng vai trò làm mẹ; bởi thế, vai trò hợp tác của Mẹ bao gồm toàn thể công cuộc cứu độ của Chúa Kitô. Một mình Mẹ được liên kết như thế với một hy tế cứu chuộc chiếm đoạt ơn cứu độ cho tất cả nhân loại. Hiệp nhất với Chúa Kitô và phụ thuộc vào Người, Mẹ đã cộng tác để chiếm đoạt ơn cứu độ cho toàn thể loài người.

Vai trò của Đức Trinh Nữ này với tư cách là vị đồng hợp tác được bắt nguồn từ vai trò làm mẹ thần linh. Bằng việc hạ sinh Đấng được tiền định mang lại ơn cứu chuộc cho con người, bằng việc dưỡng nuôi Người, dâng Người trong đền thờ và chịu khổ với Người khi Người chết đi trên cây Thập Giá, ‘Mẹ đã hợp tác một cách hết sức đặc biệt... vào công cuộc của Đấng Cứu Thế’ (Lumen Gentium, 61). Việc

Thiên Chúa kêu gọi cộng tác vào công cuộc cứu độ liên quan đến hết mọi người, nhưng việc tham phần của Mẹ Chúa Cứu Thế vào Việc Cứu Chuộc nhân loại là một sự kiện đặc thù không thể tái diễn.

Cho dù thân phận của Mẹ có chuyên biệt như thế, Mẹ Maria cũng là một người lãnh nhận ơn cứu độ. Mẹ là người đầu tiên được cứu độ, được Chúa Kitô cứu chuộc 'một cách cao vời nhất' nơi việc Hoài Thai Vô Nhiễm Tội của Mẹ (cf. Bull *Ineffabilis Deus*, in Pius IX, *Acta*, 1, 605) và được tràn đầy tặng ân Thánh Linh.

3. Chủ trương này giờ đây dẫn tới vấn đề đầu là ý nghĩa của việc Mẹ Maria đặc biệt hợp tác vào dự án cứu độ? Vấn đề này cần phải được tìm thấy nơi ý hướng đặc biệt của Thiên Chúa đối với Người Mẹ của Đấng Cứu Chuộc, vị mà, vào hai dịp trọng đại, một ở Caba và một dưới chân Thập Giá, Chúa Giêsu đã gọi là 'Bà' (cf. Jn 2:4;19:26). Chúa cũng muốn đặt vị Tân Evà này bên cạnh Tân Adong trong Việc Cứu Chuộc. Nhị vị cha mẹ tiên khởi của chúng ta đã chọn con đường tội lỗi với tư cách là một cặp thế nào thì một đôi mới là Con Thiên Chúa và việc hợp tác của Mẹ Người, cũng tái thiết nhân loại trở về với phẩm vị nguyên thủy của họ.

Như thế, Mẹ Maria, Tân Evà, trở nên một hình ảnh toàn hảo của Giáo Hội. Theo dự án thần linh, ở dưới

chân Thập Giá, Mẹ đại diện cho nhân loại được cứu chuộc, một nhân loại, trong việc cần được cứu độ, đã có thể thực hiện việc góp phần vào sự tỏ bày công cuộc cứu độ này.

4. Công Đồng Vaticanô II đã ý thức được tín lý này và xác nhận nó, khi nhấn mạnh rằng việc góp phần của Đức Trinh Nữ chẳng những vào việc hạ sinh của Đấng Cứu Chuộc, mà còn vào đời sống của Nhiệm Thể Người qua các thế kỷ cho tới ‘cánh chung’: Nơi Giáo Hội, Mẹ Maria ‘đã cộng tác’ (cf. *Lumen gentium*, n. 63) và ‘đang cộng tác’ (cùng nguồn, 53) vào công cuộc cứu độ. Khi diễn tả màu nhiệm Truyền Tin, Công Đồng đã nói rằng Vị Trinh Nữ Nazarét, ‘bằng việc tận tuyệt thân và không bị trở ngại bởi tội lỗi đối với ý muốn của Thiên Chúa, đã hoàn toàn hiến mình, như một tỳ nữ của Chúa, cho bản thân Con Mẹ và công cuộc của Con Mẹ, phụ thuộc vào Người và cùng với Người, phục vụ màu nhiệm Cứu Chuộc theo ân sủng của Thiên Chúa Toàn Năng’ (cùng nguồn, 56).

Ngoài ra, Công Đồng Chung Vaticanô II còn cho thấy Mẹ Maria chẳng những như là ‘Người Mẹ của Đấng Cứu Chuộc thần linh’, mà còn aaaaalà ‘một hợp tác viên quảng đại cách chuyên biệt’, vị ‘đã cộng tác bằng việc tuân phục của mình, bằng đức tin, đức cậy và đức mến nồng cháy vào cộng việc của Chúa Cứu Thế’. Công Đồng này cũng nhắc lại

rằng hoa trái cao quý của việc hợp tác này là vai trò mẹ hoàn vũ của Mẹ: 'Đó là lý do Mẹ là mẹ đối với chúng ta trong lãnh vực ân sủng' (cùng nguồn, 61).

Bởi thế, chúng ta có thể hướng về Đức Trinh Nữ, tin tưởng kêu cầu Mẹ trợ giúp với ý thức về vai trò đặc thù của Mẹ được Thiên Chúa ủy thác cho, vai trò cộng tác vào việc Cứu Chuộc, một vai trò Mẹ đã thi hành suốt cuộc đời của Mẹ và đặc biệt là ở dưới chân Thập Giá.

Người nói với môn đệ rằng 'Đó là người mẹ của con'

Bài 49 - 23/4/1997

1- Sau khi nhắc lại sự hiện diện của Mẹ Maria và các phụ nữ khát ở nơi thập giá Chúa, Thánh Gioan thuật lại rằng: "Khi Chúa Giêsu thấy mẹ của mình, và người môn đệ Người yêu gần đó thì Người nói cùng mẹ của Người: 'Hỡi bà, đó là con của bà!'. Đoạn Người nói cùng người môn đệ ấy rằng: 'Mẹ của con đó!'" (Jn 19:26-27).

Những lời đặc biệt cảm kích này là một “cảnh mạc khải”: chúng cho thấy những cảm thức sâu xa của Chúa Kitô đang hấp hối và chất chứa một kho tàng lớn lao về ý nghĩa đối với đức tin cùng linh đạo Kitô giáo. Ở vào lúc kết thúc cuộc đời trần thế của mình, khi Người ngỏ lời cùng Mẹ của Người và người môn đệ Người yêu, Đấng Thiên Sai tử giá thiết lập một mối liên hệ yêu thương mới giữa Mẹ Maria và Kitô hữu.

Có những lúc được cắt nghĩa như thế không còn lời diễn tả nào hơn về lòng ái mộ con cái của Chúa Giêsu đối với Mẹ của mình, vị Người trao phó tương lai cho người môn đệ yêu dấu này của Người, những lời vượt trên thứ nhu cầu bất ngờ trong việc giải quyết vấn đề gia đình. Thật vậy, việc cẩn thận cứu xét đoạn văn này, được củng cố bởi việc dẫn giải từ nhiều vị Giáo Phụ cũng như từ ý kiến chung trong giáo hội, giúp cho chúng ta thấy, nơi việc trao phó có tính cách lưỡng diện của Chúa Giêsu, một trong những biến cố quan trọng nhất để hiểu được vai trò của Đức Trinh Nữ trong công cuộc cứu độ.

Những lời của Chúa Giêsu đang hấp hối bấy giờ thực sự cho thấy rằng ý hướng trước hết của Người không phải là trao phó Mẹ của Người cho Thánh Gioan, mà là trao phó người môn đệ ấy cho Mẹ Maria và ban cho Mẹ một vai trò thân mẫu mới. Hơn nữa, chữ “bà”, một chữ cũng đã được Chúa

Giêsu sử dụng ở tiệc cưới Cana, đưa Mẹ Maria đến một chiều kích hiện hữu mới với tư cách là một Người Mẹ, là những gì cho thấy những lời của Đấng Cứu Thế ấy không phải là hoa trái của một thứ cảm thức đơn sơ nơi cảm tình của con cái mà nhắm đến chỗ đặt chúng ở một tầm mức cao hơn ra sao.

2- Mặc dù cái chết của Chúa Giêsu đã gây cho Mẹ sâu xa buồn đau, tự nó cũng không thay đổi cách sống bình thường của Mẹ: thật vậy, khi rời bỏ Nazarét để bắt đầu cuộc đời công khai, Chúa Giêsu đã để cho Mẹ của Người sống một mình. Ngoài ra, sự hiện diện dưới chân Thập Giá của họ hàng Mẹ là Maria Clopas, khiến chúng ta có thể cho rằng Đức Trinh Nữ vẫn còn giữ mối liên hệ tốt đẹp với gia đình và thân thuộc của Mẹ, nhờ họ mà Mẹ có thể được tiếp đón sau cái chết của Con Mẹ.

Thế nhưng, những lời của Chúa Giêsu có một ý nghĩa đích thực nhất của chúng nơi bối cảnh sứ vụ cứu độ của Người. Khi nói vào lúc hy hiến cứu chuộc, chúng chất chứa một giá trị cao quý nhất chính ở nơi bối cảnh cao cả này. Đúng thế, sau những lời của Chúa Giêsu ngỏ cùng Mẹ của Người thì Vị Thánh ký đã thêm một mệnh đề quan trọng: “Chúa Giêsu biết rằng mọi sự đã hoàn tất...” (Jn 19:28), như thế ngài muốn nhấn mạnh rằng Người đã hoàn tất hy tế của mình bằng việc trao phó Mẹ của Người cho Thánh Gioan, và nơi ngài cho toàn

thể nhân loại, thành phần Mẹ trở nên Mẹ của họ trong việc cứu độ.

3- Thực tại xảy ra bởi những lời của Chúa Giêsu, tức vai trò thân mẫu mới của Mẹ Maria liên quan tới người môn đệ này, là dấu hiệu hơn nữa của một tình yêu thương cao cả khiến Chúa Giêsu hiến mạng sống mình cho tất cả mọi dân tộc. Trên Đồi Canvê, tình yêu này được thể hiện nơi việc ban tặng một người mẹ, Mẹ của Người, Vì bởi thế cũng trở nên mẹ của chúng ta nữa.

Chúng ta cần phải nhớ rằng, theo truyền thống, chính Thánh Gioan, người môn đệ được Đức Trinh Nữ thực sự nhìn nhận như là người con của Mẹ; thế nhưng đặc ân này được Kitô hữu giải thích từ ban đầu như là dấu hiệu của một giọng dõi thiêng liêng liên quan tới toàn thể nhân loại.

Vai trò làm mẹ phổ quát của Mẹ Maria, Người đàn "Bà" ở tiệc cưới Cana và trên Đồi Canvê, gọi lại Evà là "mẹ của mọi sinh linh" (Gen 3:20). Tuy nhiên, trong khi Evà đã làm cho tội lỗi lọt vào thế gian, thì tân Evà là Mẹ Maria lại hợp tác trong biến cố cứu độ. Như thế, nơi Đức Trinh Nữ, hình ảnh "người đàn bà" đã được phục hồi và vai trò làm mẹ của Mẹ thực hiện công việc lan truyền sự sống mới trong Chúa Kitô giữa loài người.

Đối với sự vụ này, Người Mẹ ấy được yêu cầu thực hiện một hy sinh rất đau thương trong việc chấp nhận cái chết của Người Con duy nhất của mình. Những lời Chúa Giêsu nói: “Này bà, đó là con của bà!” khiến cho Mẹ cảm thấy được mỗi liên hệ mẫu thân mới là mỗi liên hệ cần phải được nói rộng và vươn dài mỗi liên hệ trước đó. “Tiếng vang” của Mẹ về dự án này, bởi thế, là một sự đồng thuận với hiến tể của Chúa Kitô mà Mẹ quảng đại chấp nhận bằng việc tuân hợp ý muốn thần linh. Ngay cả trong dự án của Thiên Chúa, vai trò làm thân mẫu của Mẹ Maria cũng đã được ấn định ngay từ đầu trong việc bao gồm toàn thể nhân loại, chỉ ở trên Đồi Canvê, nhờ hiến tể của Chúa Kitô, mà chiều kích phổ quát mới được tỏ hiện.

Những lời Chúa Giêsu phán: “Này là con của bà!” tác dụng những gì chúng bày tỏ, khi làm cho Mẹ Maria trở nên mẹ của Thánh Gioan cũng như của tất cả các môn đệ được ấn định lãnh nhận tặng ân này của ân sủng thần linh.

4- Trên Thập Giá, Chúa Giêsu không tuyên bố một cách chính thức vai trò thân mẫu phổ quát của Mẹ Maria, thế nhưng đã thiết lập một mỗi liên hệ mẫu thân cụ thể giữa Mẹ và người môn đệ yêu dấu. Trong việc chọn lựa của Chúa này, chúng ta có thể thấy mỗi quan tâm của Người đó là vai trò thân mẫu này không được giải thích một cách mơ hồ, mà cần

phải hướng tới mối liên hệ riêng tư mật thiết với từng Kitô hữu.

Chớ gì mỗi người chúng ta, chính nhờ thực tại cụ thể của vai trò thân mẫu phổ quát của Mẹ Maria, hoàn toàn nhận biết Mẹ là Mẹ của chúng ta, và tin tưởng phối thác cho tình yêu thương từ mẫu của Mẹ.

Việc tôn sùng Mẹ Maria được căn cứ vào ý muốn Chúa Kitô

Bài 50 - 7/5/1997

1- Sau khi ký thác Thánh Gioan cho Mẹ Maria bằng những lời “Này Bà, đó là con của bà!”, từ trên thập giá, Chúa Giêsu hướng về người môn đệ yêu dấu của mình mà nói cùng ngài rằng: “Đó là Mẹ của con!” (Jn 19:26-27). Với những lời ấy, Người tỏ cho Mẹ Maria thấy cái tột đỉnh của vai trò thân mẫu của Mẹ, ở chỗ, vì Mẹ là Mẹ của Đấng Cứu Thế mà Mẹ cũng là mẹ của thành phần được cứu chuộc, của tất cả mọi phần tử thuộc Nhiệm Thể Con Mẹ.

Trong âm thầm lặng lẽ, Vị Trinh Nữ này chấp nhận việc vinh thăng lên tầm mức tột đỉnh trong vai trò làm mẹ về ân sủng, khi Mẹ đã cố gắng hiến một đáp ứng tin tưởng bằng tiếng “xin vâng” ở biển cố Truyền Tin.

Chúa Giêsu chẳng những thúc giục Thánh Giaon chăm sóc Mẹ Maria bằng một tình yêu đặc biệt, thế nhưng Người cũng trao phó Mẹ cho ngài để ngài nhìn nhận Mẹ như là người mẹ riêng của ngài.

Trong Bữa Tiệc Ly, “người môn đệ được Chúa Giêsu yêu” đã lắng nghe lệnh truyền của Thầy rằng: “Các con hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con” (Gioan 15:12), và ngã đầu của mình dựa vào ngực của Chúa, ngài đã lãnh nhận từ Người một dấu hiệu yêu thương đặc thù. Những cảm nghiệm ấy đã sửa soạn cho ngài trong việc nhận thức hơn nữa nơi các lời của Chúa Giêsu một lời mời gọi chấp nhận Mẹ là vị được trao cho ngài như một người mẹ và yêu mến Mẹ như Chúa Giêsu đã thực hiện bằng lòng cảm mến của con cái.

Chớ gì tất cả mọi người khám phá ra nơi những lời của Chúa Giêsu: “Đây là Mẹ của con!” lời mời gọi chấp nhận Mẹ Maria như một người mẹ, bằng cách đáp ứng tình yêu từ mẫu của Mẹ như là những đứa con đích thực vậy.

2- Theo chiều hướng ký thác này cho người môn đệ yêu dấu, người ta có thể hiểu được ý nghĩa đích thực của việc tôn sùng Thánh Mẫu trong cộng đồng giáo hội. Thật vậy, nó đưa Kitô hữu vào mối liên hệ con cái của Chúa Giêsu đối với Mẹ của Người, khi đặt họ trong điều kiện gia tăng tình thân ái với cả hai Đấng.

Việc Giáo Hội tôn sùng Vị Trinh Nữ này chẳng những là hoa trái của một đáp ứng tự phát đối với giá trị phi thường của bản thân Mẹ cũng như đối với tầm quan trọng nơi vai trò của Mẹ trong việc cứu độ, thế nhưng được căn cứ vào ý muốn của Chúa Giêsu.

Những lời “Này là mẹ của con!” cho thấy ý hướng của Chúa Giêsu trong việc khơi động lên nơi các môn đệ của Người một thái độ yêu mến đối với Mẹ Maria và tin tưởng vào Mẹ, dẫn họ đến chỗ nhìn nhận Mẹ là mẹ của họ, mẹ của hết mọi tín hữu.

Ở học đường của Vị Trinh Nữ này, những người môn đệ ấy học biết Chúa sâu xa, như Thánh Gioan đã làm, và có được một mối liên hệ thân tình và bền vững với Người. Họ cũng khám phá thấy được niềm vui trong việc phó thác mình cho tình yêu từ mẫu của Mẹ, sống như những người con cái cảm mến và dễ dạy.

Lịch sử về lòng đạo đức của Kitô hữu cho thấy rằng Mẹ Maria là đường dẫn đến với Chúa Giêsu và lòng tôn sùng của con cái đối với Mẹ không lấy đi một chút gì khỏi tình thân ái với Chúa Giêsu; thật vậy, nó gia tăng mỗi tình thân ái này và tiến đến những mức độ cao cả nhất là sự trọn lành.

Vô vàn đền thờ Thánh Mẫu trên khắp thế giới chứng thực những sự lạ lùng mang lại bởi ân sủng do lời chuyển cầu của Mẹ Maria, Mẹ của Chúa cũng là Mẹ của chúng ta.

Hướng về Mẹ, khi được sự dịu dàng của Mẹ lôi kéo, những con người nam nữ của thời đại chúng ta cũng gặp gỡ Chúa Giêsu, Đấng Cứu Thế và là Chúa của đời sống chúng ta.

Nhất là thành phần nghèo khổ, bị thử thách trong tâm can, theo lòng cảm mến của mình và nhu cầu từ mẫu của mình, tìm nương náu và bình an nơi Người Mẹ của Thiên Chúa, và khám phá ra rằng đối với tất cả mọi dân tộc thì những kho tàng thực sự là ở ơn hoán cải và theo Chúa Kitô.

3- Theo Bản gốc Hy Lạp thì đoạn Phúc Âm này được tiếp tục như sau: “Từ giờ ấy người môn đệ này đã nhận Mẹ làm sở hữu của mình” (Gioan 19:27), như thế, nhấn mạnh đến việc Thánh Gioan mau mắn và quảng đại gắn bó với các lời của Chúa Giêsu và cho

chúng ta biết về hành vi của ngài đối với toàn thể đời sống của ngài như là người giám hộ trung thành và là người con ngoan thảo của Vị Trinh Nữ.

Giờ chấp nhận này là giờ của việc hoàn tất công cuộc cứu độ. Vai trò mẫn thân thiêng liêng của Mẹ Maria và sự bày tỏ tiên khởi này trong mối liên hệ mới giữa Mẹ và các người môn đệ của Chúa được khởi sự chính ở trong bối cảnh ấy.

Thánh Gioan đã nhận Mẹ “làm sở hữu của mình”. Những chữ tổng quan này dường như nhấn mạnh đến việc ngài tự động, đầy lòng kính trọng và cảm mến, chẳng những trong việc đem Mẹ Maria về nhà của ngài mà còn sống đời sống thiêng liêng của ngài trong mối hiệp thông với Mẹ.

Thật vậy, việc chuyển dịch theo văn tự của lời diễn tả có tính chất Hy Lạp “làm sở hữu của mình” không liên hệ tới những thứ sở hữu về mẫu thân vì Thánh Gioan – như Thánh Âu Quốc Tinh nhận định (In Ioan. Evang. tract. 119, 3) – “không lấy gì làm của riêng mình”, trái lại liên hệ tới những sản vật hay những tặng ân thiêng liêng được Chúa Kitô ban cho, đó là ân sung (Jn 1:16), là Lời (Jn 12:48; 17:8), là thần linh (Jn 7:39; 14:17), là Thánh Thể (Jn 6:32-58).... Trong những tặng ân được ban cho ngài ấy chỉ vì sự kiện ngài được Chúa Giêsu yêu, người môn đệ này chấp nhận Mẹ Maria như là mẹ của mình, thiết lập

mối hiệp thông đời sống sâu xa với Mẹ (cf. *Redemptoris Mater*, n. 45, note 130).

Chớ gì hết mọi Kitô hữu, theo gương người môn đệ dấu yêu này, cũng “mang Mẹ Maria về nhà của mình” và giành chỗ cho Mẹ trong đời sống hằng ngày của mình, nhìn nhận vai trò quan phòng của Mẹ trong cuộc hành trình cứu độ.

Mẹ Maria là chứng nhân về tất cả màu nhiệm vượt qua

Bài 51 – 21/5/1997

1- Sau khi Chúa Giêsu được an táng trong mồ, Mẹ Maria “một mình vẫn còn ngọn lửa đức tin, để sửa soạn lãnh nhận việc loan báo vui mừng và bàng hoàng về cuộc Phục Sinh” (*Address at the General Audience*, 3 April 1996; *L'Osservatore Romano* English edition, 10 April 1996, p. 7). Niềm trông đợi này được cảm nghiệm thấy vào Thứ Bảy Tuần Thánh này là một trong những giây phút cao quý nhất đối với Người Mẹ của Chúa Kitô: trong bóng tối bao trùm thế giới, Mẹ hoàn toàn ký thác bản thân Mẹ

cho Vị Thiên Chúa của sự sống, và nghĩ tưởng về những lời của Con Mẹ, Mẹ hy vọng những lời hứa hẹn thần linh được nên trọn.

Các Phúc Âm đề cập tới những lần xuất hiện khác nhau của Chúa Kitô phục sinh, thế nhưng không có một cuộc gặp gỡ nào giữa Chúa Giêsu và Mẹ của Người. Cái im lặng này không được đi đến kết luận rằng sau khi Phục Sinh, Chúa Kitô không hiện ra với Mẹ Maria; trái lại, nó mời gọi chúng ta tìm kiếm những lý do tại sao các vị Thánh Ký cố ý làm như vậy.

Giả sử về một thứ “quên sót” nào đó đã xảy ra thì sự im lặng này có thể được gán ghép cho sự kiện là những gì cần thiết cho kiến thức cứu độ của chúng ta thì đã được ký thác cho lời lẽ của những ai “được Thiên Chúa tuyển chọn để làm chứng nhân” (Acts 10:41), tức là các vị Tông Đồ, thành phần cốt lõi chứng từ của mình về Cuộc Phục Sinh của Chúa Giêsu “bằng quyền năng cao cả” (x Acts 4:33). Trước khi xuất hiện với các vị, Đấng Phục Sinh đã xuất hiện với vài phụ nữ trung thành vì phần vụ thuộc giáo hội của họ: “Hãy đi nói với anh em của Thầy đến Galilêa và ở đó họ sẽ gặp Thầy” (Mt 28:10).

Nếu các vị tác giả của Tân Ước không nói về cuộc hội ngộ giữa Mẹ Maria và Người Con phục sinh của Mẹ, thì điều này có lẽ được gán ghép cho sự kiện là

một chứng từ như thế được coi như quá thiên kiến bởi những ai chối bỏ vấn đề Phục Sinh của Chúa và vì thế không đáng tin tưởng.

2- Hơn nữa, các Phúc Âm tường trình cho thấy một con số ít ỏi những lần xuất hiện của Chúa Giêsu sống lại và chắc chắn là không phải là một tổng hợp trọn vẹn tất cả những gì đã xảy ra trong vòng 40 ngày sau Phục Sinh. Thánh Phaolô nhắc nhở là Người đã hiện ra “với hơn 500 anh em một lúc” (1Cor 15:6). Làm sao chúng ta có thể giải thích sự kiện một biến cố ngoại thường được rất nhiều người biết đến lại không được các vị Thánh Ký đề cập tới chứ? Đó là một dấu hiệu hiển nhiên cho thấy rằng còn có những lần xuất hiện khác nữa của Đấng Phục Sinh không được ghi lại, cho dù chúng thuộc về những biến cố tỏ tường đã xảy ra.

Làm thế nào mà Đức Trinh Nữ, vị hiện diện nơi cộng đồng môn đệ tiên khởi (x Acts 1:14), lại bị loại trừ khỏi những ai đã gặp gỡ Người Con thần linh của Mẹ sau khi Người sống lại từ trong kẻ chết?

3- Thật vậy, cũng có lý mà nghĩ rằng Người Mẹ này là người đầu tiên được Chúa Giêsu phục sinh hiện ra. Có thể nào lại có chuyện Mẹ Maria không có mặt trong nhóm phụ nữ đi ra mồ vào lúc rạng đông (x Mk 16:1; Mt 28:1) lại không cho thấy rằng Mẹ đã được gặp gỡ Chúa Giêsu rồi hay sao? Điều suy diễn

này cũng có thể được khẳng định bởi sự kiện là những chứng nhân đầu tiên về Cuộc Phục Sinh, theo ý muốn của Chúa Giêsu, là thành phần nữ giới đã trung thành đứng dưới chân Thập Giá và vì thế kiên trung hơn với niềm tin.

Đúng vậy, Đấng Phục Sinh đã ký thác cho một người trong họ là Chị Maria Mai Đệ Liên sứ điệp cần phải truyền đạt cho các Tông Đồ (x Jn 20:17-18). Có lẽ sự kiện này cũng cho chúng ta có thể nghĩ rằng Chúa Giêsu đã tỏ mình ra trước hết với Mẹ của Người, Vị đã trung thành nhất và đã giữ niềm tin tưởng của mình vững vàng vàng khi bị thử thách.

Sau hết, tính chất chuyên nhất và đặc biệt của việc Đức Trinh Nữ hiện diện ở Đồi Canvê cùng với việc Mẹ hoàn toàn hiệp nhất với Con Mẹ trong cuộc chịu khổ nạn của Người trên Thập Giá dường như mặc nhiên cộng nhận một chia sẻ rất đặc biệt về phần của Mẹ nơi mầu nhiệm Phục Sinh.

Một tác giả ở thế kỷ thứ 5 là Sedulius chủ trương rằng trong ánh quang của sự sống phục sinh của mình, Chúa Kitô trước hết đã tỏ mình ra cho Mẹ của Người. Thật vậy, Mẹ, khi được Truyền Tin, đã là con đường để Người tiến vào thế gian, đã được kêu gọi để loan truyền tin mừng kỳ diệu của Cuộc Phục Sinh để trở thành người loan báo cho việc Người đến trong vinh quang. Bởi thế, được tràn đầy vinh

quang của Đấng Phục Sinh, Mẹ tiên báo về ánh quang rạng ngời của Giáo Hội (cf. Sedulius, *Paschale carmen*, 5, 357-364, CSEL 10, 140f).

4- Cũng có lý để nghĩ rằng Mẹ Maria, là hình ảnh và là mô phạm của một Giáo Hội đang đợi chờ Đấng Phục Sinh và gặp gỡ Người nơi nhóm nhân phần môn đệ trong những lần hiện ra Phục Sinh, đã được giao tiếp riêng với Người Con phục sinh của Mẹ, nhờ đó Mẹ có thể hoan lạc bằng một niềm vui vượt qua trọn vẹn.

Hiện diện ở Đồi Canvê vào Thứ Sáu Tuần Thánh (x Jn 19:25) và ở Căn Thượng Lầu vào Ngày Lễ Ngũ Tuần (x Acts 1:14), Đức Trinh Nữ có thể cũng là một chứng nhân đặc biệt cho Cuộc Phục Sinh của Chúa Kitô, nhờ đó mới hoàn trọn việc Mẹ tham dự vào tất cả các giây phút thiết yếu của mầu nhiệm vượt qua. Bằng việc đón nhận Chúa Giêsu phục sinh, Mẹ Maria cũng là một dấu hiệu và là một ngưỡng vọng của nhân loại đang hy vọng chiếm được tâm vóc trọn vẹn của mình bằng việc phục sinh từ trong cõi chết.

Trong Mùa Phục Sinh, cộng đồng Kitô hữu ngỏ cùng Người Mẹ của Chúa và mời Mẹ hãy vui lên: Regina Caeli, laetare. Alleluia!. - Lạy Nữ Vương Thiên Đàng, hãy vui mừng. Alleluia!. Như thế, cộng đồng này nhớ đến niềm vui của Mẹ Maria nơi Cuộc

Phục Sinh của Chúa Giêsu, kéo dài trong thời gian “niềm hân hoan” được vị Thiên Thần ngỏ cùng Mẹ vào lúc truyền Tin, nhờ đó Mẹ trở thành căn nguyên “hân hoan trọng đại” cho tất cả mọi người.

Mẹ Maria cầu xin cho việc tuôn đổ Thần Linh

Bài 52 – 28/5/1997

1- Khi phác lại cuộc đời sống của Trinh Nữ Maria, Công Đồng Chung Vaticanô II nhắc lại việc Mẹ hiện diện nơi cộng đồng đang đợi chờ Hiện Xuống. “Thế nhưng, vì Thiên Chúa không muốn long trọng tỏ hiện mầu nhiệm cứu độ của nhân loại trước khi Ngài tuôn đổ Thần Linh được Chúa Kitô hứa, mà chúng ta thấy các Tông Đồ trước Ngày Lễ Ngũ Tuần ‘tâm đồng kiên trì cầu nguyện với các phụ nữ và Mẹ Maria Mẹ của Chúa Giêsu cũng như với anh em của Người’ (Acts 1:14), đồng thời chúng ta cũng thấy rằng, nhờ lời cầu nguyện của mình, Mẹ Maria van xin tặng ân Thần Linh, Đấng đã bao phủ Mẹ ở biến cố Truyền Tin” (*Lumen gentium*, n.59).

Cộng đồng tiên khởi này là đạo khúc cho cuộc hạ sinh của Giáo Hội; việc hiện diện của Đức Trinh Nữ ấy giúp vào việc chấm phá những tính chất quyết liệt của Mẹ, một thứ hoa trái của tặng ân Thánh Linh.

2- Trong bầu không khí mong đợi chi phối Căn Thượng Lầu sau biến cố Thăng Thiên, vai trò của Mẹ Maria như thế nào đối với việc hiện xuống của Thánh Linh?

Công Đồng này đã tỏ tường nhấn mạnh đến việc hiện diện nguyện cầu của Mẹ trong thời gian đợi chờ việc tuôn đổ Đấng An Ủi xuống, ở chỗ, Mẹ nguyện cầu, 'van xin tặng ân Thần Linh'. Nhận định này đặc biệt quan trọng vì ở lúc Truyền Tin Thánh Thần đã xuống trên Mẹ, 'bao phủ' Mẹ và hiện thực viện Nhập Thể của Ngôi Lời.

Vì đã có được cảm nghiệm đặc biệt về hiệu năng của một tặng ân như thế, Đức Trinh Nữ đã ở trong một thân phận cảm nhận tặng ân này hơn ai hết; thật vậy, Mẹ đã có được vai trò làm mẹ là do việc can thiệp huyền diệu của Thần Linh, Đấng đã làm cho Mẹ thành đường lối giúp Đấng Cứu Thế đến trong thế gian.

Không giống như những ai ở Căn Thượng Lầu bấy giờ đang trông đợi một cách sợ hãi, Mẹ, hoàn toàn ý

thức được tầm quan trọng về lời hứa của Con Mẹ nói với các môn đệ (cf Jn 14:16), đã giúp cho cộng đồng này trở nên xứng đáng cho việc hiện xuống của 'Đấng An Ủi'.

Bởi thế, trong khi cảm nghiệm đặc biệt của Mẹ làm cho Mẹ thiết tha trông đợi Thần Linh đến, nó cũng giúp cho Mẹ sửa soạn tâm trí của những ai ở chung quanh Mẹ nữa.

3- Trong thời gian cầu nguyện ở Căn Thượng Lầu này, bằng một thái độ hiệp thông sâu xa với các vị Tông Đồ, với một số người nữ và với 'những người anh em' của Chúa Giêsu, Người Mẹ của Chúa đây cầu xin tặng ân Thần Linh cho chính bản thân mình cũng như cho cộng đồng ấy.

Thật là thích đáng khi việc tuôn đổ Thần Linh đầu tiên xuống trên Mẹ, một tuôn đổ đã xảy ra liên quan đến vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ, cần phải được tái diễn và củng cố. Thật thế, ở dưới chân Thập Giá, Mẹ Maria đã được ký thác một vai trò làm mẹ mới, một vai trò liên quan đến thành phần môn đệ của Người. Chính vì sứ vụ này cần đến một tặng ân Thần Linh mới. Bởi thế, Trinh Nữ Maria đã mong muốn tặng ân này cho việc sinh hoa kết trái nơi vai trò làm mẹ thiêng liêng của Mẹ.

Nếu ở vào lúc Nhập Thể, Thánh Linh đã xuống trên Mẹ như là một con người được kêu gọi để xứng đáng tham dự vào mầu nhiệm trọng đại cao cả ấy, thì lúc ấy hết mọi sự được hoàn tất cho Giáo Hội, một Giáo Hội có Mẹ Maria được kêu gọi trở thành hình ảnh, mô phạm và là mẹ.

Trong Giáo Hội và cho Giáo Hội, nhớ đến lời hứa hẹn của Chúa Giêsu, Mẹ đợi chờ Hiện Xuống và van xin cho việc phong phú các tặng ân ban cho hết mọi người, hợp với con người và sứ vụ của từng người.

4- Việc cầu nguyện của Mẹ Maria đóng vai trò đặc biệt quan trọng nơi cộng đồng Kitô hữu này: nó duy trì việc Thần Linh đến, van xin Ngài tác động nơi tâm hồn của thành phần môn đệ cũng như trên thế giới. Như trong biến cố Nhập Thể, Thần Linh đã hình thành thân xác thể lý của Chúa Kitô trong cung dạ trinh nguyên của Mẹ thế nào thì lúc ở Căn Thượng Lầu này cũng vị Thần Linh ấy xuống ban sự sống cho Nhiệm Thể này.

Thế nên Hiện Xuống cũng là thành quả của việc liên lý nguyện cầu của Đức Trinh Nữ, một việc cầu nguyện được Đấng An Ủi chấp nhận một cách đặc biệt nó là những gì chứng tỏ cho thấy tình yêu từ mẫu của Mẹ đối với thành phần môn đệ của Chúa Kitô.

Trong việc chiêm ngưỡng vấn đề chuyển cầu mãnh lực của Mẹ Maria khi Mẹ đợi trông Thánh Linh, Kitô hữu thuộc mọi thời đại thường chạy đến với việc chuyển cầu của Mẹ dọc suốt cuộc hành trình lâu dài và mệt mỏi đến với ơn cứu độ, để lãnh nhận các tặng ân của Đấng An Ủi một cách dồi dào hơn.

5- Đáp lại việc cầu nguyện của Đức Trinh Nữ và của cộng đồng qui tụ lại ở Căn Thượng Lầu vào Ngày Lễ Ngũ Tuần, Thánh Thần đã ban tràn đầy các tặng ân của Ngài trên Đức Trinh Nữ và những ai hiện diện bấy giờ, thực hiện một cuộc biến đổi sâu xa nơi họ cho việc truyền bá Tin Mừng. Người Mẹ của Chúa Kitô và các môn đệ của Người được ban cho sức mạnh mới và nghị lực Người Mẹ của Chúa Kitô và các môn đệ của Người được ban cho sức mạnh mới và nghị lực tông đồ mới cho việc tăng trưởng của Giáo Hội. Việc tuân đở Thần Linh đặc biệt dẫn Mẹ Maria đến chỗ thực thi vai trò làm mẹ thiêng liêng của Mẹ một cách phi thường, nhờ việc hiện diện của Mẹ tràn đầy đức ái và chứng từ đức tin của Mẹ.

Nơi Giáo Hội sơ khai, Mẹ truyền sang cho các môn đệ ký ức của Mẹ về việc Nhập Thể, thời thơ ấu, đời sống ẩn dật và sứ vụ của Người Con thần linh Mẹ như một kho tàng vô giá, nhờ đó giúp vào việc làm cho Người được nhận biết và củng cố niềm tin của thành phần tin tưởng.

Chúng ta không có những chi tiết về hoạt động của Mẹ Maria trong Giáo Hội sơ khai, nhưng chúng ta có thể nghĩ rằng sau biến cố Hiện Xuống, đời sống của Mẹ tiếp tục âm thầm và kín đáo, tỉnh thức và tác hiệu. Vì Mẹ được Thần Linh soi sáng và hướng dẫn, Mẹ đã có được một ảnh hưởng sâu xa trên cộng đồng các môn đệ của Chúa Kitô.

Mẹ Maria và cái chết của loài người

Bài 53 - 25/6/1997

1- Liên quan đến việc kết thúc đời sống trần gian của Mẹ Maria, Công Đồng Chung Vaticanô II sử dụng những từ ngữ của Sắc Chỉ định tín về biến cố Mông Triệu mà nói rằng: “Vị Trinh Nữ Vô Nhiễm, được gìn giữ khỏi mọi vết nguyên tội, được đưa cả xác lẫn hồn vào vinh quang thiên quốc, khi đời sống trần gian của Mẹ kết thúc” (Lumen gentium, n. 59). Với công thức này, Hiến Chế Tín Lý Ánh Sáng Muôn Dân, theo vị Tiền Nhiệm Đáng Kính Piô XII của tôi, không tuyên bố gì về vấn đề cái chết của Mẹ Maria. Tuy nhiên, Đức Piô XII không có ý chối bỏ sự

kiến về cái chết của Mẹ, nhưng ngài không chỉ nghĩ rằng đó là lúc thuận lợi để long trọng khẳng định cái chết của Mẹ Thiên Chúa như là một chân lý buộc tất cả mọi tín hữu chấp nhận.

Một số thần học gia thực sự chủ trương rằng Đức Trinh Nữ không chết và nâng lên ngay từ cuộc sống trần gian đến vinh quang thiên quốc. Tuy nhiên, ý kiến này âm thầm cho đến thế kỷ thứ 17, trong khi đó lại có một truyền thống chung thực sự hiện hữu cho rằng cái chết của Mẹ Maria như là cửa ngõ của Mẹ tiến vào vinh quang thiên quốc.

2- Mẹ Maria Nazarét đã trải qua thảm kịch chết chóc trong xác thịt của mình? Khi suy niệm về định mệnh của Mẹ Maria và mối liên hệ của Mẹ với người con thần linh của Mẹ thì dường như có lý để trả lời rằng một cách khẳng định rằng vì Chúa Kitô đã chết nên khó có thể chủ trương phản ngược lại đối với trường hợp của Mẹ Maria.

Các Giáo Phụ, những vị không ngờ vực gì về vấn đề này, đã lập luận theo những chiều hướng ấy. Người ta chỉ cần trích lại lời của Thánh Giacóp of Sarug (+521), vị đã viết rằng khi thời gian đến cho Mẹ Maria “bước đi trên con đường của tất cả mọi thế hệ”, đó là con đường chết chóc, “thì nhóm 12 Tông Đồ” đã qui tụ lại an táng “thân xác trinh nguyên của Đấng Diễm Phúc” (Discourse on the burial of the

Holy Mother of God, 87-99 in C. Vona, Lateranum 19 [1953], 188). Thánh Modestus of Jerusalem (†634), sau cuộc bàn luận dài về “giấc ngủ phúc đức nhất của Mẹ Thiên Chúa tuyệt vinh”, kết thúc bài tán tụng của mình bằng việc tuyên tụng việc can thiệp lạ lùng của Chúa Kitô là Đấng “đã làm cho Mẹ sống lại từ mồ mả”, để đưa Mẹ vào vinh quang với Người (Enc. in dormitionem Deiparae semperque Virginis Mariae, nn. 7 and 14: PG 86 bis, 3293; 3311). Thánh Gioan Damascene (†704) về phần mình đã hỏi rằng: “Tại sai vị mà trong việc hạ sinh đã vượt trên tất cả những giới hạn tự nhiên giờ đây lại cỡi mình trước luật lệ của nó chứ và thân xác vô nhiễm của Mẹ lại phải chịu chết chứ?” Và ngài trả lời rằng: “Để được mặc lấy sự bất tử thì dĩ nhiên phần hữu tử cần phải được bỏ rơi, vì ngay cả chủ tể của bản tính tự nhiên cũng không chối bỏ trải nghiệm chết chóc. Thật vậy, Người đã chết theo xác thịt và nhờ chết chóc mà hủy diệt cái chết; nhờ bị hư hoại mà Người đã ban tặng sự bất hoại và làm cái chết trở thành nguồn phục sinh” (Panegyric on the Dormition of the Mother of God, n. 10: SC 80, 107).

3- Thật vậy, theo Mạc Khải cái chết được trình bày như là một hình phạt tội lỗi. Tuy nhiên, sự kiện Giáo Hội công bố Mẹ Maria khỏi nguyên tội bởi một đặc ân thần linh chuyên biệt không dẫn đến kết luận rằng Mẹ cũng đã được hưởng cái bất tử về thể lý. Người Mẹ này không hơn Người Con là Đấng đã

trải qua chết chóc, mang lại cho chết chóc một ý nghĩa mới và biến nó thành phương tiện cứu độ.

Được tham gia vào công cuộc cứu chuộc của Chúa Kitô và được liên kết vào hy tế cứu độ của Người, Mẹ Maria có thể thông phần vào cuộc khổ nạn và cái chết của Người vì Ôn Cứu Chuộc của nhân loại. Những gì Severus of Antioch nói về Chúa Kitô cũng áp dụng cho Mẹ: “Không có một cái chết mở đầu thì làm sao xảy ra được cuộc Phục Sinh chứ?” (*Antijulianistica*, Beirut 1931, 194f.). Đề thông phần vào cuộc Phục sinh của Chúa Kitô thì Mẹ Maria trước hết phải thông phần vào cái chết của Người.

4- Tân Ước không cung cấp chi tiết nào về trường hợp chết chóc của Mẹ Maria. Sự im lặng này dẫn người ta đến chỗ cho rằng nó đã xảy ra một cách tự nhiên, không cần phải đáng nhắc đến một cách đặc biệt. Nếu không phải như thế thì làm thế nào tín liệu về nó lại giữ kín khỏi người đồng thời của Mẹ mà không truyền xuống cho chúng ta cách nào đó chứ?

Về nguyên nhân cái chết của Mẹ Maria, những ý kiến muốn loại trừ Mẹ khỏi cái chết gây ra bởi những căn do tự nhiên dường như không có chỗ đứng. Vấn đề quan trọng hơn là nhìn vào thái độ của Đức Trinh Nữ ở vào lúc Mẹ lìa khỏi trần gian này. Về vấn đề này, Thánh Francis de Sales chủ trương rằng cái chết của Mẹ Maria gây ra bởi một

một sự chuyển vận của tình yêu. Ngài nói về một cái chết “trong yêu thương, bởi yêu thương và nhờ yêu thương”, thậm chí nói rằng Mẹ Thiên Chúa đã chết vì yêu Người Con Giêsu của Mẹ (Treatise on the Love of God, bk. 7, ch. XIII-XIV).

Bất cứ quan điểm nào chẳng nữa liên quan đến căn nguyên về cơ cấu sinh học nơi việc chấm dứt sự sống thể lý của Mẹ, có thể nói rằng đối với Mẹ Maria cuộc vượt qua từ đời này sang đời sau là một phát triển trọn vẹn của ân sủng trong vinh quang, vì thế mà không có cái chết nào xứng đáng được diễn tả là “ngủ” như cái chết của Mẹ.

5- Trong một số bản văn của Các Vị Giáo Phụ, chúng ta thấy Chúa Giêsu diễn tả mình như là đang đến đưa Mẹ của mình vào lúc Mẹ chết để mang Mẹ vào vinh quang thiên đàng. Nhờ đó các vị trình bày cái chết của Mẹ Maria như là một biến cố yêu thương đưa Mẹ về với Người Con thần linh của Mẹ để thông phần sự sống bất tử của Người. Vào lúc kết thúc cuộc đời trần thế của mình, Mẹ cần phải trải qua, như Thánh Phaolô và còn mãnh liệt hơn nữa, ước vọng được thoát khỏi thân xác của Mẹ để được vĩnh viễn ở với Chúa Kitô (cf. Phil 1:23).

Cái nghiệm trải sự chết này đã làm phong phú bản thân Đức Trinh Nữ, ở chỗ, bằng việc chịu đựng số phận chung của loài người, Mẹ có thể thực thi hiệu

nghiệm hơn vai trò làm mẹ đối với những ai đang tiến đến giờ phút cuối cùng của cuộc sống họ.

Giáo Hội tin Mẹ Maria Mộng Triệu

Bài 54 - 2/7/1997

1- Theo Sắc Chỉ Munificentissimus Deus của Vị Tiền Nhiệm khả kính Piô XII của tôi, Công Đồng Chung Vaticanô II xác nhận rằng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm “được đưa cả xác lẫn hồn vào vinh quang thiên quốc khi cuộc sống trần gian của Mẹ hoàn tất” (Lumen gentium, n. 59).

Các Nghị Phụ Công Đồng muốn nhấn mạnh rằng Mẹ Maria, không như các Kitô hữu chết trong ân sủng Chúa, được đưa vào hưởng vinh quang thiên đình với cả thân xác của Mẹ nữa. Niềm tin rất cố kính này được thể hiện trong một truyền thống dài về ảnh tượng cho thấy Mẹ Maria “đang tiến vào” thiên đàng với cả thân xác của Mẹ.

Tín điều Mông Triệu xác định rằng thân thể của Mẹ Maria được hiển vinh sau khi chết. Thật vậy, đối với các con người khác thì việc phục sinh của thân xác sẽ xảy ra vào ngày tận thế, thì đối với Mẹ Maria sự vinh hiển của thân xác Mẹ lại được hưởng trước bởi một ân huệ đặc biệt.

2- Vào ngày 1/11/1950, khi tuyên bố tín điều Mông Triệu này, Đức Piô XII đã tránh sử dụng tiếng “phục sinh” và không đặt vấn đề về cái chết của Đức Trinh Nữ như là một sự thật của đức tin. Sắc Chỉ Munificentissimus Deus chỉ khẳng định việc thân xác của Mẹ Maria được đưa lên hưởng vinh quang thiên đàng, khi tuyên bố sự thật này là “một tín điều theo mạc khải thần linh”.

Chúng ta làm sao lại không thể thấy rằng việc Mông Triệu của Đức Trinh Nữ bao giờ cũng thuộc về đức tin của dân Kitô giáo, thành phần, bằng việc khẳng định việc Mẹ Maria tiến vào vinh quang thiên đàng, có ý công bố sự hiển vinh của thân xác Mẹ chứ?

Dấu vết đầu tiên của niềm tin tưởng vào việc Mông Triệu của Đức Trinh Nữ có thể được thấy trong những trình thuật ngụ kinh với nhan đề Transitus Mariae, một tác phẩm từ thời thế kỷ thứ hai và thứ ba. Những trình thuật này là những miêu tả phổ thông đôi khi được tiểu thuyết hóa, những phác tả

dù sao cũng cho thấy một thứ trực giác của đức tin nơi dân Thiên Chúa.

Sau đó là một thời gian dài gia tăng việc suy niệm về định mệnh của Mẹ Maria ở đời sau. Việc này từ từ dần tín hữu đến chỗ tin tưởng vào sự thăng thiên vinh hiển của Mẹ Chúa Giêsu, nơi cả xác lẫn hồn, cũng như đến chỗ thiết lập ở Đông phương những lễ phụng vụ liên quan đến biến cố Mẹ Maria “Thiếp Ngủ – Dormition” và “Mông Triệu – Assumption”.

Niềm tin tưởng vào định mệnh hiển vinh của thân xác và linh hồn Mẹ Chúa sau khi chết lan tràn rất nhanh từ Đông sang Tây, và đã trở thành rộng rãi từ thế kỷ thứ 14. Trong thế kỷ của chúng ta, vào thời điểm gần tuyên bố tín điều này thì nó là một sự thật hầu như được toàn cầu chấp nhận và tuyên xưng bởi cộng đồng Kitô hữu ở khắp mọi nơi trên thế giới.

3- Bởi thế, vào ngày 3/5/1946, bằng Thông Điệp *Deiparae Virginis Mariae*, Đức Piô XII đã kêu gọi một cuộc tham vấn rộng rãi, dò hỏi nơi các vị Giám Mục, và qua các vị, nơi thành phần giáo sĩ và Dân Chúa xem có thể và thuận lợi để định tín vấn đề mông triệu về thể lý của Mẹ Maria như là một tín điều về đức tin hay chẳng. Thành quả cực kỳ tích cực: chỉ có 6 trong số 1.181 trả lời tỏ ra những sự hạn chế nào đó về tính chất mạc khải của sự thật này.

Trích lại sự kiện ấy, Sắc Chỉ *Munificentissimus Deus* nói rằng: “Từ sự đồng ý toàn cầu về Huấn Quyền bình thường của Giáo Hội chúng tôi có một chứng cứ chắc chắn và vững mạnh chứng tỏ cho thấy rằng việc Mông Triệu về trời theo thể lý của Đức Trinh Nữ Maria... là một sự thật được Thiên Chúa mạc khải và vì thế buộc tất cả mọi con cái của Giáo Hội phải tin tưởng mạnh mẽ và trung thành” (*Apostolic Constitution Munificentissimus Deus: AAS 42 [1950], 757*).

Việc tuyên bố tín điều này, hợp với đức tin phổ quát của Dân Chúa, cuối cùng đã loại trừ đi hết mọi ngờ vực và đòi hỏi sự đồng ý hiển nhiên của tất cả mọi Kitô hữu.

Sau khi nhấn mạnh đến niềm tin tưởng vào việc Mông Triệu này thì Sắc Chỉ nhắc lại nền tảng thánh kinh về sự thật ấy.

Mặc dù không rõ ràng khẳng định việc Mông Triệu của Mẹ Maria, Tân Ước cũng cố gắng hiến một cứ điểm cho nó, vì Tân Ước nhấn mạnh đến mối hiệp nhất toàn hảo của Đức Trinh Nữ với định mệnh của Chúa Giêsu. Mối hiệp nhất này, mối hiệp nhất được tỏ hiện, từ lúc Đấng Cứu Thế được thụ thai cách lạ, với sự tham phần của Người Mẹ này vào sứ vụ của Người Con và nhất là trong việc Mẹ liên kết với hy tế cứu chuộc của Người, không thể nào lại không

tiếp tục sau khi chết. Được hiệp nhất vẹn toàn với đời sống và công cuộc cứu độ của Chúa Giêsu, Mẹ Maria thông phần vào định mệnh vinh hiển cả xác lẫn hồn của Người trên trời.

4- Sắc Chỉ Munificentissimus Deus trên đây nhắc đến việc tham dự của người nữ của cuốn Tiền phúc âm trong cuộc đối chọi với con rắn, nhìn nhận Mẹ Maria như Evà Mới, và trình bày việc Mông Triệu như là thành quả của mối hiệp nhất của Mẹ Maria với công cuộc cứu độ của Chúa Kitô. Về vấn đề này Sắc Chỉ viết: “Bởi thế, như cuộc Phục Sinh vinh hiển của Chúa Kitô là một phần thiết yếu và là dấu hiệu cuối cùng của cuộc vinh thắng này thế nào thì cũng thế cuộc đối chọi chung cho cả Đức Trinh Nữ và Người Con thần linh của Mẹ cũng phải kết thúc bằng sự hiển vinh của thân xác trinh nguyên của Mẹ” (Apostolic Constitution Munificentissimus Deus: AAS 42 [1950], 768).

Bởi vậy, việc Mông Triệu này là tột đỉnh của cuộc đối chọi bao gồm tình yêu quảng đại của Mẹ Maria trong công cuộc cứu chuộc nhân loại và là hoa trái của việc Mẹ đặc biệt thông phần vào cuộc vinh thắng của Thập Giá.

Mẹ Maria là tạo vật đầu tiên được hoan hưởng sự sống đời đời

Bài 55- 9/7/1997

1- Truyền Thống liên tục và nhất trí của Giáo Hội cho thấy mầu nhiệm Mông Triệu của Mẹ Maria thuộc về dự án thần linh ra sao và xuất phát từ việc Mẹ thông phần đặc biệt vào sứ vụ của Con Mẹ thế nào. Trong ngàn năm đầu tiên của Kitô giáo, các tác giả thánh thiện đã nói như thế.

Các chứng từ, chưa hoàn toàn được khai triển, có thể được tìm thấy nơi Thánh Ambrose, Thánh Epiphanius và Timothy thành Gierusalem. Thánh Germanus I thành Constantinople (+730) đã đặt vào miệng của Chúa Giêsu khi Người sửa soạn mang Mẹ của Người về trời: "Mẹ phải ở nơi Con ở, Người Mẹ bất khả phân ly với Con mình..." (*Hom. 3 in Dormitionem*, PG 98, 360).

Ngoài ra, cũng Truyền Thống của Giáo Hội này còn cho biết lý do của mầu nhiệm Mông Triệu nơi vai trò thân mẫu thần linh nữa.

Chúng ta thấy được một dấu vết của niềm xác tín này ở một trình thuật ngụ kinh vào thế kỷ thứ 5 được cho là của Pseudo-Melito. Vị tác giả này tưởng tượng là Chúa Kitô đang đặt vấn đề với Thánh Phêrô và các Tông Đồ về định mệnh Mẹ Maria đáng hưởng, và đây là câu trả lời Người nghe thấy: "Lạy Chúa, Chúa đã chọn người nữ tỳ này của Chúa để làm nơi cư ngụ nguyên tuyền vô nhiễm cho Chúa... Bởi vậy chúng con là tôi tớ của Chúa đây thấy rằng thật là chính đáng như Chúa hiển trị trong vinh quang sau khi chiến thắng sự chết thì Chúa cũng phải làm cho thân thể của Mẹ Chúa sống lại và đưa Mẹ về trời hoan hưởng cùng Chúa" (*Transitus Mariae*, 16, PG 5, 1238). Thế nên, có thể nói rằng vai trò thân mẫu thần linh này, một vai trò làm cho thân thể của Mẹ Maria trở thành nơi cư ngụ tinh tuyền của Chúa, chính là nền tảng cho số phận hiển vinh của Mẹ.

2- Thánh Germanus đã bày tỏ chủ trương của mình trong một bài viết đầy thi ca rằng chính vì lòng cảm mến của Chúa Giêsu đối với Mẹ của Người là những gì cần Mẹ Maria phải nên một với Người Con thần linh của Mẹ trên trời: "Như một đứa con tìm kiếm và ước mong có được sự hiện diện mẹ của mình và là một người mẹ hân hoan vui sướng được ở với con cái của bà, thì Mẹ, bởi tình từ mẫu của Mẹ thực sự đối với Con Mẹ cũng như đối với Thiên Chúa, thật đáng trở về cùng Người. Không phải hay

sao, dù thế nào chăng nữa, vị Thiên Chúa thực sự có tình yêu con cái đối với Mẹ ấy phải đưa Mẹ về với Người? (*Hom. 1 in Dormitionem*, PG 98, 347). Ở trong một bản văn khác, vị tác giả khả kính này bao gồm khía cạnh riêng tư nơi mối liên hệ giữa Chúa Kitô và Mẹ Maria với chiều kích cứu độ nơi vai trò thân mẫu của Mẹ, khi chủ trương rằng "người mẹ của Sự Sống phải chia sẻ nơi cư ngụ của Sự Sống" (*ibid.*, PG 98, 348).

3- Theo một số Giáo Phụ thì một lý lẽ khác đối với đặc ân Mừng Triệu được căn cứ vào việc Mẹ Maria thông phần vào công cuộc cứu chuộc. Thánh Gioan Damascene đã nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa việc Mẹ tham phần vào Cuộc Khổ Nạn và số phận hiển vinh của Mẹ: "Mẹ thực sự là đáng đã chứng kiến thấy Con Mẹ trên Thập Giá và đã chịu lưỡi gươm đau thương đâm vào thẳm cung tâm hồn Mẹ... Mẹ cần phải được ở với Người Con ngụ bên hữu Cha này" (*Hom. 2*, PG 96, 741). Theo chiều hướng của mầu nhiệm vượt qua, hiển nhiên cho thấy rằng Người Mẹ này cũng cần phải được hiển vinh cùng với Con Mẹ sau khi qua đi.

Công Đồng Chung Vaticanô II, khi nhắc lại mầu nhiệm Mừng Triệu trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, chú trọng tới đặc ân Đầu Thai Vô Nhiễm Nguyên Tội: chính vì Mẹ "đã được gìn giữ cho khỏi tất cả mọi tì vết của nguyên tội" ([*Lumen gentium*](#), n.

59), mà Mẹ Maria không thể nào giống như các con người khác trong tình trạng chết chóc cho đến tận thế. Sự thiếu vắng của nguyên tội và sự thánh đức trọn lành của Mẹ từ ngay giây phút đầu tiên cuộc sống của Mẹ là những gì đòi phải có được trọn vẹn vinh quang về thân xác lẫn linh hồn của Người Mẹ Thiên Chúa.

4- Nhìn vào màu nhiệm Mông Triệu của Đức Trinh Nữ, chúng ta có thể hiểu dự án Quan Phòng thần linh đối với nhân loại, ở chỗ, sau Chúa Kitô, Lời nhập thể, Mẹ Maria là con người đầu tiên đạt tới lý tưởng cánh chung, hưởng trước trọn vẹn hạnh phúc được hứa cho thành phần được tuyển chọn nơi việc phục sinh của thân xác.

Nơi Mẫu Nhiệm Mông Triệu của Đức Trinh Nữ chúng ta còn thấy được ý muốn thần linh trong việc thăng hóa nữ giới.

Tương tự như những gì đã xảy ra từ ban đầu của nhân loại và của lịch sử cứu độ, theo dự án của Thiên Chúa, thì lý tưởng cánh chung không được mạc khải nơi một cá nhân mà là ở một cặp đôi. Thế nên nơi vinh quang thiên đình, bên Chúa Kitô phục sinh cũng có một người nữ đã được làm cho sống lại đó là Mẹ Maria: tân Adong và tân Evà, những hoa trái đầu mùa của cuộc phục sinh chung về thân xác của toàn thể nhân loại.

Dĩ nhiên, thân phận cánh chung của Chúa Kitô và Mẹ Maria không được đặt ở cùng một tầm cấp. Mẹ Maria, tân Evà, đã lãnh nhận từ Chúa Kitô, tân Adong, tình trạng viên mãn về ân sủng và vinh quang thiên đình, khi được phục sinh bởi Thánh Linh bằng quyền năng tối cao của Người Con.

5- Cho dù là vắn tắt, những ghi nhận này khiến cho chúng ta có thể thấy rõ ràng rằng việc Mẹ Maria Mông Triệu làm tỏ hiện tính chất cao quý và phẩm vị của thân xác con người.

Trước sự coi thường và hạ giá mà xã hội tân tiến thường tỏ ra đối với thân xác của nữ giới thì mầu nhiệm Mông Triệu loan báo thân phận và phẩm giá siêu nhiên của hết mọi thân thể con người là những gì được Chúa kêu gọi trở nên dụng cụ thánh đức và được thông phần vào hiển vinh của Người.

Mẹ Maria đã tiến vào vinh quang vì Mẹ đã đón nhận Con Thiên Chúa nơi cung dạ trinh nguyên của Mẹ và trong tấm lòng của Mẹ. Bằng việc nhìn vào Mẹ, Kitô hữu biết khám phá ra giá trị thân thể của mình và canh giữ nó như là đền thờ của Thiên Chúa với lòng trông đợi cuộc phục sinh sau này.

Mông Triệu, một đặc ân được ban cho Mẹ Thiên Chúa, như thế đã có một giá trị bao la đối với sự sống và số phận của nhân loại vậy.

Kitô Hữu nhìn lên Nữ Vương Maria

Bài 56 - 23/7/1997

1.- Lòng tôn sùng thịnh hành vốn kêu cầu Mẹ Maria như là một Vị Nữ Vương. Công Đồng Chung Vaticanô II, sau khi nhắc lại Việc Đức Trinh Nữ Mông Triệu “cả xác lẫn hồn vào vinh quang thiên quốc”, đã giải thích rằng Mẹ “được Chúa tôn làm Nữ Vương trên tất cả mọi sự, để Mẹ có thể hoàn toàn nên giống hơn Con Mẹ là Chúa các chúa (x Rev 19:16) và là Đấng chiến thắng tội lỗi cùng sự chết” (Lumen Gentium, 59).

Thật vậy, bắt đầu từ thế kỷ thứ năm, hầu như trong cùng một giai đoạn Công Đồng Chung Êphêso công bố Mẹ là “Mẹ Thiên Chúa”, thì tước hiệu Nữ Vương cũng đã được bắt đầu được gán cho Mẹ. Nhận biết hơn về vai trò cao cả của Mẹ như thế, dân Kitô giáo muốn đặt Mẹ lên trên tất cả mọi thụ tạo, vinh thăng vai trò và tầm quan trọng của Mẹ nơi đời sống của hết mọi người cũng như của cả thế giới.

Thế nhưng, trong một khúc bài giảng được cho rằng

của giáo phụ Origen, cũng đã chất chứa lời dẫn giải này về những lời bà Elizabét thốt lên trong biến cố Thăm Viếng: “Đáng lẽ chị phải đến thăm em, vì em có phúc hơn mọi người nữ, em là Người Mẹ của Chúa chị, em là Vị Tôn Nữ của chị” (Fragment, PG 13, 1902 D).

Bản văn chuyển một cách tự nhiên từ lời diễn tả “Người Mẹ của Chúa chị” sang tước hiệu “Vị Tôn Nữ”, trước cả những gì Thánh Gioan Đamascênô sau này nói khi thánh nhân gán cho Mẹ tước hiệu “Vương Chủ”: “Khi Mẹ trở nên Mẹ của Đấng Hóa Công, Mẹ thực sự trở nên nữ vương của tất cả mọi tạo vật” (De fide orthodoxa, 4, 14, PG 94, 1157).

2.- Vị Tiên Nhiệm đáng kính Piô XII của Tôi, trong bức Thông Điệp Ad coeli Reginam, một văn kiện được bản văn của Hiến Chế Lumen Gentium qui chiếu, xác định việc Mẹ cộng tác vào công cuộc Cứu Chuộc đã là nền tảng cho vai trò nữ vương của Mẹ Maria, thêm vào vai trò mẫu thân của Mẹ. Bức Thông Điệp đã lập lại bản văn phụng vụ: “Có Thánh Maria, Nữ Vương thiên đàng và là Vị Vương Chủ thế giới, đau thương đứng kề bên cây Thập Giá của Chúa Giêsu Kitô” (AAS 46 [1954] 634). Như thế, bức Thông Điệp này đã nêu lên tính cách tương tự giữa Mẹ Maria và Chúa Kitô, một tính cách tương tự giúp chúng ta hiểu được tầm quan trọng nơi trạng thái trung thành của Đức Trinh Nữ. Chúa Kitô là Vua

không phải chỉ vì Người là Con Thiên Chúa, mà còn vì Người là Đấng Cứu Chuộc; Mẹ Maria là Nữ Vương không phải chỉ vì Mẹ là Mẹ Thiên Chúa, mà còn vì Mẹ đã cộng tác vào công cuộc cứu chuộc loài người, với tư cách là tân Evà cùng với tân Adong.

Trong Phúc Âm Thánh Marcô, chúng ta đọc thấy rằng, vào ngày Thăng Thiên, Chúa Giêsu “được đưa lên trời ngự bên hữu Thiên Chúa” (16:19). Theo ngôn ngữ Thánh Kinh, “ngồi bên hữu Thiên Chúa” nghĩa là chia sẻ quyền bính tối cao. Ngồi “bên hữu Cha”, Người thiết lập vương quốc của Người, vương quốc của Thiên Chúa. Được đưa lên trời, Mẹ Maria được liên kết với quyền năng của Con Mẹ, và được giành vào việc phát triển Vương Quốc này, ở chỗ thông phần vào việc ban phát ân sủng thần linh trên thế giới.

Nhìn vào tính cách tương tự giữa việc Chúa Giêsu Thăng Thiên và việc Mẹ Maria Mông Triệu, chúng ta có thể kết luận rằng, Mẹ Maria, dựa vào Chúa Kitô, là một Vị Nữ Vương nắm thượng quyền và thực hiện thượng quyền do Con Mẹ ban Mẹ trên vũ trụ.

3.- Tước hiệu Nữ Vương dĩ nhiên không thay thế cho tước hiệu Làm Mẹ, ở chỗ, vai trò làm nữ vương của Mẹ vốn là hệ quả của sứ vụ đặc biệt làm mẹ, và chỉ để thể hiện quyền năng được ban cho Mẹ để Mẹ thi hành sứ vụ ấy mà thôi.

Trích lại Trọng Sắc *Ineffabilis Deus* của Đức Piô IX, Đức Piô XII nhấn mạnh đến chiều kích làm mẹ nơi vai trò nữ vương của Đức Trinh Nữ: “Cảm thương chúng ta với lòng từ mẫu và quan tâm đến phần rỗi của chúng ta, Mẹ vươn vòng tay săn sóc của Mẹ ra ôm ấp tất cả loài người. Được Chúa cất đặt làm Nữ Vương trời đất, được nâng lên trên tất cả mọi ca đoàn thiên thần cũng như tất cả mọi hàng ngũ các thánh trên trời, ngự bên hữu Người Con duy nhất của mình là Chúa Giê-su Kitô, Mẹ chắc chắn chiếm được những gì Mẹ muốn dùng lời nguyện cầu từ mẫu của Mẹ mà kêu xin; Mẹ chiếm được những gì Mẹ tìm kiếm và không bị khước từ” (xem AAS 46 [1954] 636-637).

4.- Bời thế, Kitô hữu hãy tin tưởng nhìn lên Nữ Vương Maria, và điều này chẳng những không làm suy giảm mà thực sự làm tăng thêm việc trao phó bản thân mình với tình con thảo của họ cho Mẹ, Đáng làm mẹ theo cấp trật ân sủng.

Thật vậy, nỗi quan tâm của Nữ Vương Maria đối với loài người có thể hoàn toàn tác hiệu chính là vì trạng thái vinh hiển của Người xuất phát từ việc Mẹ Mừng Triệu. Thánh Germanus I ở Constantinôpôli đã cho thấy sự kiện này rất hay. Thánh nhân chủ trương rằng trạng thái này bảo toàn mối liên hệ thân mật giữa Mẹ Maria với Con của Mẹ, và cho phép Mẹ thực hiện việc Mẹ can thiệp hộ giúp chúng ta. Ngó

lời cùng Mẹ Maria, thánh nhân viết, Chúa Kitô muốn “có một kết nối giữa môi miệng của Mẹ với lòng trí của Mẹ; bởi thế Người đồng ý với tất cả mọi ước muốn Mẹ bày tỏ cùng Người, khi Mẹ chịu đựng vì con cái của Mẹ, Người làm tất cả mọi sự Mẹ kêu xin Người bằng quyền năng thần linh của Người” (Hom. 1 PG 98, 348).

5.- Người ta có thể kết luận rằng Việc Mông Triệu làm cho Mẹ Maria chẳng những hoàn toàn hiệp thông với Chúa Kitô, mà còn với mỗi một người trong chúng ta nữa, ở chỗ, Mẹ ở bên chúng ta, vì tình trạng vinh hiển của Mẹ khiến cho Mẹ có thể theo chúng ta trong cuộc hành trình trần thế hằng ngày của chúng ta. Như chúng ta cũng đọc thấy ở Thánh Germanus: “Mẹ ở với chúng con một cách thiêng liêng, và việc Mẹ hết lòng coi sóc chúng con cho thấy Mẹ hiệp thông đời sống với chúng con” (Hom. 1, PG 98, 344).

Bởi vậy, thay vì tạo nên khoảng cách giữa Mẹ và chúng ta, tình trạng vinh hiển của Mẹ Maria lại tạo nên một tình trạng liên tục gần gũi và chăm sóc. Mẹ biết hết mọi sự xảy ra trong đời sống của chúng ta, và nâng đỡ chúng ta bằng tình yêu từ mẫu của Mẹ trong những cơn thử thách cuộc đời của chúng ta.

Được đưa về trời vinh hiển, Mẹ Maria hoàn toàn hiến mình cho công cuộc cứu độ, để thông truyền

cho hết mọi con người sống động thứ hạnh phúc Mẹ lãnh nhận. Mẹ là một Vị Nữ Vương ban phát tất cả những gì Mẹ chiếm hưởng, trước hết, ở chỗ Mẹ tham dự vào cuộc sống và tình yêu của Chúa Kitô.

Mối Liên Hệ giữa Mẹ Maria và Giáo Hội

Bài 57 - 30/7/1997

1- Vai trò trời vượt của Mẹ Maria trong công cuộc cứu độ mời gọi chúng ta đào sâu về mối liên hệ giữa Mẹ và Giáo Hội.

Theo một số người thì Mẹ Maria không thể được coi là một phần thể của Giáo Hội, vì các đặc ân được ban cho Mẹ, như đặc ân Hoài Thai Vô Nhiễm Tội, vai trò làm Mẹ thần linh và việc hợp tác đặc thù của Mẹ vào công cuộc cứu độ, đã nâng Mẹ lên một thân phận siêu việt đối với cộng đồng tín hữu.

Tuy nhiên, Công Đồng Chung Vaticanô II lại không ngần ngại cho thấy Mẹ Maria như là một phần thể của Giáo Hội, tuy nhiên biệt chú rằng Mẹ "trời vượt và... hoàn toàn đặc thù - pre-eminent and ... wholly

unique" (Lumen gentium, 53): Mẹ Maria là kiểu mẫu (type) của Giáo Hội, là mô phạm (model) và là Mẹ của Giáo Hội. Khác với tất cả mọi tín hữu, vì các tặng ân phi thường Mẹ nhận được từ Chúa, tuy nhiên Đức Trinh Nữ này vẫn thuộc về Giáo Hội và hoàn toàn được gọi là một phần thể.

2- Giáo huấn của Công Đồng này dựa trên một căn bản quan trọng trong Thánh Kinh. Sách Tông Vụ cho thấy Mẹ Maria hiện diện từ ban đầu giữa cộng đồng tiên khởi (1:14), trong khi Mẹ chia sẻ với các môn đệ và một số tín hữu nữ giới niềm mong đợi nguyện cầu Thánh Linh, Đấng sẽ xuống trên các vị.

Sau Hiện Xuống, Đức Trinh Nữ tiếp tục sống trong mối hiệp thông huynh đệ với cộng đồng này và tham gia vào việc cầu nguyện, vào việc lắng nghe giáo huấn của các Tông Đồ, cũng như vào việc "bẻ bánh", tức là vào việc cử hành Thánh Thể (2:42).

Là vị đã sống hiệp nhất chặt chẽ với Chúa Giêsu ở ngôi nhà Nazaret thế nào thì bấy giờ Mẹ sống trong Giáo Hội trong mối hiệp thông mật thiết với Con của Mẹ hiện diện trong Thánh Thể như vậy.

3- Là Mẹ của Người Con duy nhất của Thiên Chúa, Mẹ Maria cũng là Mẹ của cộng đồng làm nên Nhiệm Thể của Chúa Kitô và hướng dẫn những bước đi đầu tiên của cộng đồng này.

Trong việc chấp nhận sứ vụ này, Mẹ dẫn thân phần khích đòi sống giáo hội bằng sự hiện diện từ mẫu và gương mẫu của Mẹ. Tình đoàn kết này xuất phát từ việc Mẹ thuộc về cộng đồng của thành phần được cứu chuộc. Thật vậy, không giống như Con của mình, Mẹ cần được cứu chuộc vì "thuộc về giòng dõi Adong, Mẹ cũng liên kết với tất cả những ai được cứu độ" (Lumen gentium - 53). Đặc ân Hoài Thai Vô Nhiễm Tội đã gìn giữ Mẹ khỏi vết tội lỗi, nhờ ảnh hưởng cứu độ đặc biệt của Đấng Cứu Chuộc.

Là "một phần thể trời vượt và hoàn toàn đặc thù của Giáo Hội", Mẹ Maria sử dụng các tặng ân Thiên Chúa ban để chiếm đạt trọn vẹn hơn nữa mối liên kết với thành phần anh chị em của Con Mẹ bấy giờ cũng đã trở thành con cái của Mẹ nữa.

4- Là phần thể của Giáo Hội, Mẹ Maria sử dụng thánh đức bản thân của Mẹ, hoa trái của ơn Chúa và việc Mẹ trung thành hợp tác với ơn Chúa, để phục vụ anh chị em của mẹ. Vị Trinh Nữ Vô Nhiễm này là một sự chống đỡ không ngừng cho tất cả mọi Kitô hữu trong cuộc chiến đấu của họ với tội lỗi và là một phần khích liên tục để sống như thành phần được Chúa Kitô cứu chuộc, được Thần Linh thánh hóa và là con cái của Chúa Cha.

Là một phần tử của cộng đồng tiên khởi, "Maria, Mẹ của Chúa Giêsu" (Tông Vụ 1:14) được tất cả mọi

người kính trọng và tôn kính. Mỗi người đều hiểu được cái trời vượt của Mẹ là vị đã hạ sinh Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Thế duy nhất của nhân loại. Hơn thế nữa, đặc tính trinh nguyên nơi vai trò mẫu thân của Mẹ giúp Mẹ có thể chứng tỏ việc đóng góp phi thường cho sự thiện của Giáo Hội là những gì được cống hiến bởi một con người, bằng việc từ bỏ tính chất sinh sản trần gian của mình nhờ sống dễ dàng với Thánh Linh, đã hoàn toàn hiến thân phục vụ vương quốc của Thiên Chúa.

Được kêu gọi chặt chẽ hợp tác vào hy tế Con của mình và vào tặng ân sự sống thần linh cho nhân loại, Mẹ Maria tiếp tục công cuộc từ mẫu của Mẹ sau biến cố Hiện Xuống. Mẫu nhiệm yêu thương này được chất chứa nơi Thánh Giá đã tác động nhiệt tình tông đồ của Mẹ và thúc đẩy Mẹ, với tư cách là một phần tử của Giáo Hội, loan truyền Tin Mừng.

Những lời của Chúa Kitô tử giá trên Golgotha: "Này Bà, đó là Con của Bà" (Gioan 19:26), nhờ đó vai trò của Mẹ như người mẹ chung của các tín hữu được công nhận, đã khai mở những chân trời mới mẻ và vô hạn cho vai trò mẫu thân của Mẹ. Tặng ân của Thánh Linh này, được lãnh nhận vào lễ Ngũ Tuần nhờ việc thực hiện sứ vụ ấy, khiến Mẹ cống hiến việc trợ giúp từ tấm lòng từ mẫu của Mẹ đối với tất cả những ai đang hành trình tiến về đích điểm hoàn toàn viên trọn của vương quốc Thiên Chúa.

5- Là một phần thể trời vượt của Giáo Hội, Mẹ Maria sống một liên hệ đặc thù với các ngôi vị thần linh của Ba Ngôi Chí Thánh: Với Ngôi Cha, Ngôi Con và Thánh Thần. Công Đồng này, khi gọi Mẹ là "Mẹ Con Thiên Chúa", và vì thế là "nữ tử yêu dấu của Chúa Cha và là đền thờ của Thánh Linh" (*Lumen gentium* - 53), cũng nhắc lại cái tác dụng chình yếu của tình yêu Chúa Cha đó là vai trò mẫu thân thần linh này.

Biết được tặng ân được lãnh nhận ấy, Mẹ Maria mang chia sẻ với các tín hữu những thái độ tuân phục của thân phận con cái cùng với lòng chân thành tri ân, phấn khích mỗi người hãy nhận biết các dấu hiệu của lòng nhân ái thần linh nơi đời sống của mình.

Công Đồng này sử dụng lời diễn tả "đền thờ" (*sacrarium*) của Thánh Linh, là cố ý nhấn mạnh đến mối liên hệ của sự hiện diện, yêu thương và hợp tác giữa Đức Trinh Nữ và Thánh Linh. Đức Trinh Nữ, vị đã được Thánh Phanxicô Assisi kêu cầu như là "Cô Dâu của Thánh Linh" (*Antiphon "Santa Maria Vergine"* in: *Fonti Francescane*, 281), qua gương sáng của mình phấn khích các phần tử khác trong Giáo Hội hãy quảng đại phó mình cho tác động diệu huyền của Đấng An Ủi, và sống với Ngài trong mối hiệp thông yêu thương liên li.

Mẹ Maria "là kiểu mẫu và là mô phạm" của Giáo Hội

Bài 58 - 6/8/1997

1- Hiến Chế Tín Lý *Lumen Gentium* của Công Đồng Chung Vaticanô II, sau khi trình bày Mẹ Maria như là "một phần thể ưu việt và hoàn toàn đặc thù của Giáo Hội", đã tuyên bố Mẹ là "kiểu mẫu (type) và là mô phạm (model) tuyệt hạng về đức tin và đức ái" của Giáo Hội (số 53).

Các Nghị Phụ của Công Đồng qui cho Mẹ Maria chức năng "kiểu mẫu", tức là hình ảnh "của Giáo Hội", khi vay mượn từ ngữ của Thánh Ambrôsiô là vị đã diễn tả như thế trong bài chú giải về Biến Cố Truyền Tin: "Phải, Mẹ đã được đính hôn, nhưng Mẹ vẫn là một trinh nữ, vì Mẹ là một thứ kiểu mẫu của Giáo Hội vừa tinh tuyền vừa là một cô dâu: là một trinh nữ, Mẹ đã thụ thai chúng ta bởi Thần Linh; là một trinh nữ, Mẹ đã hạ sinh chúng ta không đau gì" (*In Ev. sec. Luc., II, 7, CCL, 14, 33, 102-106*). Như thế Mẹ Maria là một thứ kiểu mẫu của

Giáo Hội vì thánh đức tinh tuyền của Mẹ, vì đức đồng trinh của Mẹ, về tình trạng đính hôn của Mẹ và vì vai trò thân mẫu của Mẹ.

Thánh Phaolô sử dụng chữ "kiểu mẫu" để cố gắng hiến cho một thực tại thiêng liêng một hình thức khả giác. Thật vậy, ngài thấy nơi cuộc vượt qua Biển Đỏ của Dân Do Thái là một "kiểu mẫu" hay hình ảnh về Phép Rửa Kitô giáo, và thấy nơi manna cũng như nơi nước vọt ra từ tảng đá một "kiểu mẫu" hay hình ảnh về của ăn và của uống Thánh Thể (*cf. 1 Cor 10:1-11*).

Qua việc định nghĩa Mẹ Maria là một thứ kiểu mẫu của Giáo Hội, Giáo Hội muốn mời gọi chúng ta hãy nhìn ở nơi Mẹ hình ảnh hữu hình về thực tại thiêng liêng của Giáo Hội, cũng như nơi vai trò mẫu thân tinh tuyền của Mẹ lời loan báo về vai trò mẫu thân trinh trắng của Giáo Hội.

2- Cũng cần phải giải thích thêm là không như các hình ảnh hay kiểu mẫu Cựu Ước chỉ là những gì tiền thân cho các thực tại mai hậu, thì nơi Mẹ Maria thực tại thiêng liêng đã hiện diện một cách ưu việt rồi vậy.

Cuộc vượt qua Biển Đỏ được Sách Xuất Hành diễn tả là một biến cố giải phóng cứu độ, thế nhưng chắc chắn nó không phải là một phép rửa có thể tha tội và

ban sự sống mới. Cũng thế, manna, một tặng ân quý báu từ Giavê cho dân của Ngài đang lang thang trong sa mạc, đã chẳng chất chứa gì về tương lai mai hậu của Thánh Thể, của Thân Mình Chúa, hay nước vọt ra từ tảng đá cũng không chứa đựng Máu của Chúa Kitô đã đổ ra cho nhiều người.

Cuộc Xuất Hành là một công cuộc cả thể được Giavê hoàn thành cho dân của Ngài, thế nhưng nó không tạo nên việc cứu chuộc tối hậu thiêng liêng là những gì Chúa Kitô chiếm đật nơi màu nhiệm vượt qua.

Hơn nữa, khi đề cập đến các việc thực hành của dân do Thái, Thánh Phaolô nhắc nhở rằng: "Đó chỉ là một thứ bóng mờ về những gì sẽ tới; còn bản chất là những gì thuộc về Chúa Kitô" (Col 2;17). Điều này được âm vang trong Thư gửi Tín Hữu Do Thái, một bức thư, khai triển một cách hệ thống lời dẫn giải này, trình bày việc thờ phượng của Cựu Ước là "một thứ bản sao chép và bóng mờ của cung thánh thiên cung" (Do Thái 8:5).

3- Tuy nhiên, trong việc khẳng định Mẹ Maria là một thứ kiểu mẫu của Giáo Hội, Công Đồng không có ý coi mình như là các hình ảnh hay kiểu mẫu của Cựu Ước, mà khẳng định rằng nơi Giáo Hội thực tại thiêng liêng được loan báo và biểu hiện hoàn toàn được nên trọn mà thôi.

Thật thế, Đức Trinh Nữ là một thứ kiểu mẫu của Giáo Hội, chứ không phải là một tiền thân bất toàn, mà là những gì trọn vẹn thiêng liêng sẽ được thấy qua những cách thức khác nhau nơi đời sống của Giáo Hội. Ở đây mỗi liên hệ đặc biệt này hiện diện giữa hình ảnh và thực tại được tiêu biểu là những gì dựa vào dự án thần linh, một dự án thiết định một mối liên hệ chặt chẽ giữa Mẹ Maria và Giáo Hội. Dự án cứu độ ấn định những tiền thân trong Cựu Ước được nên trọn trong Tân Ước cũng ấn định rằng Mẹ Maria sống một cách trọn hảo những gì sau này được nên trọn nơi Giáo Hội.

Sự trọn hảo Thiên Chúa ban cho Mẹ Maria bởi thế chiếm được cái ý nghĩa đích thực nhất của mình nếu nó được giải thích như là một đạo khúc cho sự sống thần linh trong Giáo Hội.

4- Sau khi nói rằng Mẹ Maria là "một kiểu mẫu của Giáo Hội", Công Đồng liền thêm rằng Mẹ là "mô phạm tuyệt hạng" của Giáo Hội, một mẫu gương về sự toàn hảo cần phải được noi theo và bắt chước. Thật vậy, Mẹ Maria là "một mô phạm tuyệt hạng" vì sự trọn hảo của Mẹ vượt trên sự trọn hảo của tất cả mọi phần tử khác trong Giáo Hội.

Công Đồng còn thêm cho rõ ràng đó là Mẹ thi hành vai trò này "về đức tin và đức ái". Lưu ý rằng Chúa Kitô là đệ nhất mô phạm, Công Đồng theo đó gợi ý

rằng có những chuẩn bị nội tâm thích hợp với mô phạm được hiện thực nơi Mẹ Maria, những chuẩn bị giúp cho Kitô hữu tạo nên một mối liên hệ chân thực với Chúa Kitô. Thật thế, bằng việc nhìn vào Mẹ Maria, tín hữu học biết sống mối hiệp thông sâu xa hơn với Chúa Kitô, gắn bó với Người bằng một đức tin sống động và đặt niềm tin tưởng của mình cùng hy vọng của mình nơi Người, yêu mến Người bằng cả con người của mình.

Những chức năng làm "kiểu mẫu và mô phạm của Giáo Hội này liên hệ đặc biệt đến vai trò mẫu thân trình nguyên của Mẹ Maria và làm sáng tỏ về vị thế đặc biệt của Mẹ trong công cuộc cứu độ. Cấu trúc căn bản này về con người của Mẹ Maria được phản ảnh nơi vai trò làm mẹ và tính chất trình nguyên của Giáo Hội.

Maria là Mô Phạm cho vai trò làm mẹ của Giáo Hội

Bài 59 - 13/8/1997

1- Chính ở nơi vai trò thân mẫu thần linh này mà Công Đồng đã thấy được cái nền tảng của mối liên

hệ đặc biệt giữa Mẹ Maria và Giáo Hội. Chúng ta đọc thấy trong Hiến Chế Tín Lý Ánh Sáng Muôn Dân: "Vì tặng ân và vai trò làm mẹ thần linh của mình là những gì Mẹ được hiệp nhất nên một với Con Mẹ là Đấng Cứu chuộc, và với các ân sủng đặc thù cùng những phần vụ của mình mà Đức Trinh Nữ cũng hiệp nhất thân mật với Giáo Hội" (khoản 63). Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội này liên li đề cập đến cùng giả định này để làm sáng tỏ về "kiểu mẫu" và "mô phạm" Đức Trinh Nữ có được nơi mối liên hệ với Nhiệm Thể của Chúa Kitô: "Nơi mẫu nhiệm Giáo Hội, một mẫu nhiệm chính Giáo Hội đáng được gọi là mẹ và là trinh nữ, Đức Trinh Nữ nổi nang một cách ưu việt và chuyên biệt như là một gương mẫu về cả trinh nữ và mẫu thân" (ibid.).

Vai trò làm mẹ của Mẹ Maria được xác định như là những gì "ưu việt và chuyên biệt", vì nó tiêu biểu cho sự kiện đặc thù bất khả tái diễn đó là Mẹ Maria, trước khi thi hành vai trò mẫu thân đối với nhân loại, đã là Mẹ của Người Con duy nhất của Thiên Chúa làm người. Đàng khác, Giáo Hội là mẹ vì Giáo Hội hạ sinh Chúa Kitô cách thiêng liêng nơi tín hữu, bởi đó Mẹ thi hành vai trò mẫu thân của Mẹ đối với các phần thể thuộc Nhiệm Thể Chúa Kitô.

Như thế Đức Trinh Nữ là một mô phạm cao cấp cho Giáo Hội, chính vì tính cách có một không hai nơi đặc quyền làm Mẹ Thiên Chúa.

2- Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân, khi suy nghĩ về vai trò làm mẹ của Mẹ maria, đã nhắc lại rằng nó cũng được thể hiện nơi những chuẩn bị ưu việt của linh hồn Mẹ: "Bằng đức tin và sự tuân phục của mình, Mẹ đã hạ sinh trên thế gian này chính Người Con của Chúa Cha, không phải do nhận thức của nam nhân mà là bởi sự bao chiếm của Thánh Linh, theo cách thức của một tân Evà, vị đã đặt niềm tin tưởng của mình không phải nơi con cưu xà mà là nơi thần sứ của thiên Chúa không hề tỏ ra ngờ vực" (khoản 63).

Từ những lời này chúng ta có thể thấy rõ là đức tin và sự tuân phục của Mẹ Maria trong Biến Cố Truyền Tin là những nhân đức Giáo Hội cần phải bắt chước, và ở một nghĩa nào đó, chúng bắt đầu cuộc hành trình làm mẹ của Giáo Hội để phục vụ cho những con người được kêu gọi cứu độ.

Vai trò làm mẹ thần linh không thể nào tách khỏi chiều kích phổ quát được cống hiến cho nọ nơi dự án cứu độ của Thiên Chúa, một dự án được Công Đồng không ngần ngại nhìn nhận rằng: "Người Con mà Mẹ hạ sinh là Đấng Thiên Chúa đã đặt làm trưởng tử trong nhiều anh em (Rome 8:29), tức là tín hữu, thành phần mà Mẹ bằng tình yêu thương của một người mẹ hợp tác sinh sản và huấn luyện" (ibid).

3- Giáo Hội trở thành một người mẹ, lấy Mẹ Maria làm mô phạm. Về vấn đề này Công Đồng viết: "Giáo Hội thật vậy, khi chiêm ngưỡng sự thánh thiện kín đáo của Mẹ, khi noi gương bắt chước đức ái của Mẹ và trung thành hoàn trọn ý muốn của Cha, cũng trở nên một người mẹ khi lãnh nhận Lời Chúa bằng đức tin. Bằng việc rao giảng và Phép Rửa, Giáo Hội sinh ra những người con, thành phần được thụ thai bởi Thánh Linh và sinh bởi Thiên Chúa, vào sự sống mới và bất tử" (ibid. - 64).

Khi phân tích việc diễn tả này về công cuộc làm mẹ của Giáo Hội, chúng ta có thể nhận thấy cách thức việc hạ sinh của Kitô hữu ở đây có liên hệ một cách nào đó với việc hạ sinh của Chúa Giêsu, như là một phản ánh từ việc hạ sinh của Chúa Giêsu: Thành phần Kitô hữu "được thụ thai bởi Thánh Linh" và vì thế cuộc sinh ra của họ, hoa trái của việc giảng dạy và Phép Rửa, giống với của Đấng Cứu Thế.

Hơn nữa, khi chiêm ngưỡng Mẹ Maria, Giáo Hội còn noi gương bắt chước đức ái của Mẹ, việc Mẹ trung thành chấp nhận Lời Chúa và tấm lòng đơn sơ dễ dãi của Mẹ trong việc làm trọn ý muốn của Chúa Cha. Bằng việc theo gương Đức Trinh Nữ, Giáo Hội đạt tới vai trò làm mẹ thiêng liêng phong phú.

4- Thế nhưng vai trò làm mẹ của Giáo Hội không làm cho vai trò làm mẹ của Mẹ Maria trở thành dư

thừa vô dụng: tiếp tục thực hiện ảnh hưởng của mình nơi đời sống của Kitô hữu, Mẹ Maria giúp củng cố hiến cho Giáo Hội một dung nhan từ mẫu. Theo chiều hướng Mẹ Maria, vai trò làm mẹ của cộng đồng giáo hội, là những gì có vẻ chung chung, được kêu gọi thể hiện một cách cụ thể và riêng tư hơn đối với từng người được Chúa Kitô cứu chuộc.

Bằng việc tỏ mình ra là Mẹ của tất cả mọi tín hữu, Mẹ Maria nuôi dưỡng nơi họ những mối liên hệ về tình huynh đệ thiêng liêng chân thực cũng như về việc liên li đối thoại.

Cảm nghiệm hằng ngày về đức tin, ở mọi thể hệ và mọi nơi, đều cho thấy nhu cầu nhiều người cảm thấy cần phải ký thác những nhu cầu hằng ngày của mình cho Mẹ Maria và họ tin tưởng cởi mở lòng họ để van nài lời chuyển cầu từ mẫu của mẹ và được Mẹ chở che bảo vệ an toàn.

Những lời nguyện cầu được dân chúng ở hết mọi thời đại ngỏ cùng Mẹ, nhiều hình thức và diễn đạt của lòng tôn sùng Thánh Mẫu, những cuộc hành hương đến các đền thánh và những địa điểm tưởng nhớ các phép lạ được Thiên Chúa Cha thực hiện qua Người Mẹ của Con Ngài, cho thấy ảnh hưởng phi thường của Mẹ Maria nơi đời sống của Giáo Hội. Lòng kính mến của Dân Chúa đối với Đức Trinh Nữ cho thấy nhu cầu cần phải có những mối

liên hệ riêng tư gần gũi với Người Mẹ thiên đình của họ. Đồng thời vai trò làm mẹ thiêng liêng của Mẹ Maria là những gì nâng đỡ và gia tăng việc Giáo Hội cụ thể thực thi vai trò mẫu thân của Giáo Hội.

5- Hai người mẹ này, Giáo Hội và Mẹ Maria, đều thiết yếu cho đời sống của Kitô hữu. Có thể nói rằng vai trò làm mẹ này thì khách quan hơn và vai trò làm mẹ kia thì thâm sâu hơn.

Giáo Hội trở thành một người mẹ trong việc giảng dạy Lời Chúa và ban các bí tích, đặc biệt là Phép Rửa, trong việc cử hành Thánh Thể và trong việc thứ tha tội lỗi.

Vai trò làm mẹ của Mẹ Maria được thể hiện nơi tất cả mọi lãnh vực ân sủng được phân phát, đặc biệt là trong phạm vi của các mối liên hệ riêng tư.

Chúng là hai hình thức bất khả phân ly về vai trò làm mẹ: thật vậy, cả hai đều giúp cho chúng ta có thể nhận ra cùng một tình yêu thần linh đang tìm cách chia sẻ chính mình cho nhân loại vậy.

Mẹ Maria là Mô Phạm cho thân phận trinh nữ của Giáo Hội

Bài 60 - 20/8/1997

1- Giáo Hội là mẹ và là trinh nữ. Sau khi khẳng định Giáo Hội là mẹ theo mô phạm của Mẹ Maria, Công Đồng gán tước hiệu trinh nữ cho Giáo Hội, khi cắt nghĩa về ý nghĩa của tước hiệu này: "Chính Giáo Hội là một trinh nữ, ở chỗ Giáo Hội giữ một cách trọn vẹn và tinh tuyền đức tin Giáo Hội thề nguyện cùng vị phu quân của mình. Noi gương bắt chước Mẹ Chúa, và bởi quyền năng của Thánh Linh, Giáo Hội bảo trì một cách tinh tuyền trinh trong đức tin nguyên vẹn, đức cậy vững vàng và đức mến chân thành" (Lumen gentium - 64).

Vậy Mẹ Maria cũng là một mô phạm của đức đồng trinh của Giáo Hội nữa. Về vấn đề này cần phải hiểu rằng đức đồng trinh không phải là những gì thuộc về Giáo Hội theo nghĩa hẹp, vì nó không tiêu biểu cho bậc sống của đại đa số tín hữu. Thật vậy, vì dự án quan phòng của Thiên Chúa, thì hôn nhân, chúng ta có thể nói, là bậc sống thông dụng và thịnh hành nhất đối với những ai được kêu gọi sống đức tin.

Tặng ân đồng trinh được dành cho một số giới hạn thành phần tín hữu, thành phần được kêu gọi cho một sứ vụ đặc biệt trong cộng đồng giáo hội.

Tuy nhiên, khi đề cập tới giáo huấn của Thánh Âu Quốc Tinh, Công Đồng chủ trương rằng Giáo Hội đồng trinh theo nghĩa thiêng liêng của sự vẹn tuyền nơi đức tin, đức cậy và đức mến. Vì thế, Giáo Hội không phải là một trinh nữ về thể xác của tất cả mọi phần tử của Giáo Hội, mà là sở hữu một thứ trinh trắng về tinh thần (*virginitas mentis*), tức là "đức tin vẹn tuyền, đức cậy vững vàng và đức mến chân thành" (In Io. Tr., 13, 12; PL 35, 1499).

2- Bởi thế Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân muốn nhấn mạnh đến việc nhắc nhở rằng đức đồng trinh của Mẹ Maria, một mô phạm cho đức đồng trinh của Giáo Hội, cũng bao gồm cả chiều kích thể lý nữa, nhờ đó mà Mẹ mới thụ thai Chúa Giêsu một cách trinh nguyên bởi quyền phép Thánh Linh không hề có sự can thiệp của nam nhân.

Mẹ Maria là một trinh nữ nơi thân xác và là một trinh nữ trong tâm hồn, như ý hướng của Mẹ được tỏ ra cho thấy Mẹ muốn sống sâu xa thân mật với Chúa một cách dứt khoát vào lúc Truyền Tin. Bởi thế mà Mẹ, vị được kêu cầu là "Trinh nữ của mọi trinh nữ", đối với mọi người, thật sự là một mẫu gương rất cao quý về sự tinh tuyền và về việc hiến

mình cho Chúa. Thế nhưng, Mẹ cũng là nguồn hứng đặc biệt cho các trinh nữ Kitô hữu cũng như cho những ai hiến dâng trọn vẹn cho một mình Chúa qua những hình thức khác nhau của đời tận hiến.

Bởi vậy mà sau vai trò quan trọng của mình nơi công cuộc cứu độ, đức đồng trinh của Mẹ Maria còn tiếp tục mang lại một ảnh hưởng phúc lợi cho đời sống của Giáo Hội nữa.

3- Chúng ta đừng quên rằng Chúa Kitô thật sự là mẫu gương đệ nhất và tuyệt nhất cho đời sống trong sạch. Tuy nhiên, Mẹ Maria là một mô phạm đặc biệt của đức trong sạch được sông vì tình yêu mến Chúa Giêsu.

Mẹ phấn khích tất cả mọi Kitô hữu hãy đặc biệt dẫn thân sống trong sạch theo bậc sống của mình, và hãy phó thác bản thân mình cho Chúa trong các hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống. Mẹ là cung thánh trên hết của Thánh Linh giúp cho các tín hữu tái nhận thức về thân xác của mình là đền thờ của Thiên Chúa (*cf. 1 Cor 6:19*) và tôn trọng tính chất cao quý và thánh hảo của nó.

Giới trẻ đang tìm kiếm tình yêu chân thực hãy nhìn lên Đức Trinh Nữ và hãy kêu cầu sự trợ giúp từ mẫu của Mẹ để kiên trì sống tinh tuyền.

Mẹ Maria là vị nhắc nhở các cặp phối ngẫu về các thứ giá trị nòng cốt của hôn nhân bằng việc giúp họ thắng vượt khuynh hướng thất cảm và chiều theo các đam mê đang làm lung lạc tâm can của họ. Việc Mẹ hoàn toàn hiến mình cho Thiên Chúa là một phần khích mạnh mẽ cho họ để sống trung thành với nhau, nhờ đó họ sẽ không bao giờ chào thua trước những khó khăn bừa vầy mỗi hiệp thông vợ chồng của họ.

4- Công Đồng thúc đẩy tín hữu hãy nhìn lên Mẹ Maria để họ có thể noi gương bắt chước đức tin, đức cậy và đức mến "nguyên tuyền trinh trong" của Mẹ.

Việc bảo trì tính chất nguyên tuyền của đức tin là một công việc đòi hỏi đối với Giáo Hội, một việc được kêu gọi liên li tình tảo cho dù có phải trả giá hy sinh và đổi chọi. Thật vậy, đức tin của Giáo Hội chẳng những bị đe dọa bởi những ai loại bỏ sứ điệp của Phúc Âm, mà đặc biệt bởi những ai, khi chỉ chấp nhận chỉ một phần của sự thật được mạc khải, chối từ việc chia sẻ một cách trọn vẹn gia sản đức tin của Hôn Thê Chúa Kitô.

Tiếp thay, khuynh hướng này, một khuynh hướng chúng ta thấy được ngay từ thuở ban đầu của Giáo Hội, tiếp tục xảy ra trong đời sống của Giáo Hội, thôi thúc Giáo Hội chấp nhận Mạc Khải một phần nào thôi, hay cố gắng hiến cho Lời Chúa một thứ dẫn

giải hạn hẹp, riêng tư hợp với ý hệ đang thịnh hành và các ước muốn của cá nhân. Hoàn toàn gắn bó với Lời Chúa, Mẹ Maria hiện lên trước mắt Giáo Hội một mô phạm trời vượt về một đức tin "nguyên tuyền trinh trong" (virginally integral), vì Mẹ đã ngoan ngoãn và kiên trì chấp nhận trọn vẹn và tất cả Chân Lý mạc khải. Và bằng việc liên li chuyển cầu của mình, Mẹ chiếm được cho Giáo Hội ánh sáng của niềm hy vọng và ngọn lửa của đức mến, những nhân đức mà khi còn sống trên trần gian Mẹ đã là một mẫu gương khôn sánh cho hết mọi người vậy.

Mẹ Maria là Mô Phạm đức tin, đức cậy và đức mến

Bài 61 - 3/9/1997

1- Trong Thư gửi cho Tín Hữu Êphêsô, Thánh Phaolô đã giải thích mối liên hệ phối ngẫu giữa Chúa Kitô và Giáo Hội bằng những lời sau đây: "Chúa Kitô đã yêu thương Giáo Hội và đã hiến mình cho Giáo Hội để Người có thể thánh hóa Giáo Hội, làm cho Giáo Hội nên thanh sạch bằng cách nước rửa của lời, nhờ đó Người có được cho mình một

Giáo Hội rạn nứt, không tì vết hay nhăn nheo hoặc bất cứ một sự gì như thế, hầu Giáo Hội trở nên thánh hảo và không do nhóp" (5:25-27).

Công Đồng Chung Vaticanô II tiếp nối những khẳng định của Thánh Phaolô và nhắc nhở rằng "Nơi Trinh Nữ Phúc Đức nhất Giáo Hội đã đạt đến sự trọn lành", trong khi "tín hữu vẫn còn phải chiến đấu để chế ngự tội lỗi và tăng trưởng trong thánh đức" (*Lumen gentium* - 65).

Như thế là cái khác nhau giữa Mẹ Maria và thành phần tín hữu đã được nhấn mạnh, mặc dù cả hai đều thuộc về Giáo Hội thánh thiện được Chúa Kitô làm cho "không còn tì vết hay nhăn nheo". Thật vậy, trong khi tín hữu lãnh nhận thánh đức nhờ Phép Rửa thì Mẹ Maria được gìn giữ khỏi tất cả mọi tì vết của nguyên tội và được cứu chuộc trước bởi Chúa Kitô. Hơn nữa, mặc dù tín hữu đã được giải thoát "khỏi lệ luật của tội lỗi" (cf. Rm 8:2), họ vẫn còn có thể sa theo chước cám dỗ, và tính chất yếu mềm loài người vẫn tiếp tục chi phối đời sống của họ. "Tất cả chúng ta đều vấp phạm nhiều lầm lỗi", Thư Thánh Giacôbê đã nói thế (3:2). Vì lý do ấy mà Công Đồng Chung Tridentinô đã dạy rằng: "Không ai có thể tránh được tất cả mọi tội lỗi, cho dù là tội nhẹ, suốt cả cuộc đời của họ" (DS 1573). Tuy nhiên, nhờ đặc ân thần linh, vị Trinh Nữ Vô Nhiễm là một luật trừ, như chính Công Đồng Tridentinô nhắc nhở (*ibid*).

2- Bất kể tội lỗi nơi các phần tử của mình, Giáo Hội trước hết và trên hết là cộng đồng của những ai được kêu gọi sống thánh thiện và nỗ lực mọi ngày để đạt được nó.

Trên con người khổ nhọc nên trọn lành này, họ cảm thấy được phấn khích bởi Mẹ là "mô phạm của các nhân đức". Công Đồng Chung Vaticanô II nhận định rằng: "Sốt sắng suy gẫm về Mẹ và chiêm ngưỡng Mẹ trong ánh sáng của Lời làm người, Giáo Hội trân trọng thấm nhập sâu xa hơn vào mầu nhiệm Nhập Thể cao cả và càng ngày càng trở nên giống như Vị Hôn Phu của mình hơn" (Lumen gentium - 65).

Bởi vậy mà Giáo Hội nhìn lên Mẹ Maria. Giáo Hội chẳng những chiêm ngưỡng tặng ân kỳ diệu của tình trạng đầy ơn phúc Mẹ được, mà còn nỗ lực noi gương bắt chước sự trọn lành ở nơi Mẹ là hoa trái của việc Mẹ hoàn toàn sống hợp với lệnh truyền của Chúa Kitô: "Thế nên các con phải nên trọn lành như Cha trên trời của các con là Đấng trọn lành" (Mathêu 5:48). Mẹ Maria là vị toàn thánh. Đối với cộng đồng tín hữu Mẹ hiện lên như mẫu thức của sự thánh thiện đích thực đạt được nơi mối hiệp nhất với Chúa Kitô. Đời sống trần gian của Mẹ Thiên Chúa được đánh dấu bằng mối hòa hợp trọn hảo với bản thân Con Mẹ cũng như bởi việc mẹ toàn hiến cho công cuộc cứu chuộc được Người hoàn thành.

Giáo Hội hướng mắt về mỗi thân tình từ mẫu đã âm thầm gia tăng nơi cuộc sống ở Nazarét và đã tiến đến chỗ toàn hảo ở vào giây phút hy tế, và Giáo Hội nỗ lực noi gương bắt chước mỗi thân tình từ mẫu này trong cuộc hành trình hằng ngày của mình. Nhờ đó Giáo Hội càng ngày càng trở nên giống như Vị Hôn Phu của mình. Hiệp nhất như Mẹ Maria với Thánh Giá của Đấng Cứu Chuộc, Giáo Hội, giữa các khó khăn, phấn khắc và bách hại là những gì tái diễn nơi đời sống của Giáo Hội mầu nhiệm Khổ Nạn của Chúa mình, vẫn liên li tìm cách trọn vẹn trở nên giống Người.

3- Giáo Hội sống bởi đức tin, khi nghiệm thấy ở nơi mình là "kẻ đã tin rằng những gì Chúa nói về mình sẽ nên trọn" (Lk 1:45), bởi việc thể hiện đầu tiên và trọn hảo đức tin của Giáo Hội. Trong cuộc hành trình tin tưởng phó mình cho Chúa này, Vị Trinh Nữ đã đi trước các môn đệ, khi gắn bó với Lời thần linh bằng một cường độ gia tăng bao gồm tất cả mọi đoạn đời sống của Mẹ và tràn sang cho cả chính sứ vụ truyền giáo của Giáo Hội nữa.

Gương mẫu của Mẹ phấn khích Dân Chúa thực hành đức tin của họ và học hỏi và phát triển nội dung của đức tin, bằng việc giữ trong lòng mình mà suy niệm về các biến cố của ơn cứu độ.

Mẹ cũng trở thành mô phạm của đức cậy cho Giáo Hội nữa. Khi lắng nghe sứ điệp của sứ thần thì vị Trinh Nữ này trước hết hướng niềm hy vọng của mình về vương quốc không cùng mà Chúa Giêsu đã được sai đến để thiết lập.

Mẹ đứng vững gần thập giá của Con Mẹ, đợi chờ lời hứa thần linh được nên trọn. Sau Hiện Xuống, Mẹ của Chúa Giêsu bảo trì niềm hy vọng của Giáo Hội bất chấp mối đe dọa bị bách hại. Bởi thế Mẹ là Mẹ của niềm cậy trông cho cộng đồng tín hữu cũng như cho cá nhân Kitô hữu, và Mẹ phấn khích cùng hướng dẫn con cái của Mẹ khi họ đợi chờ vương quốc của Thiên Chúa, nâng đỡ họ nơi các thử thách hằng ngày và qua các biến cố của lịch sử cho dù thâm thương đến đâu chăng nữa.

Sau hết, Giáo Hội thấy được nơi Mẹ Maria mô phạm về đức mến của Mẹ. Khi nhìn đến trường hợp của cộng đồng Kitô hữu tiên khởi, chúng ta khám phá ra rằng tình trạng đồng tâm nhất trí của họ, những gì được họ tỏ hiện khi đợi chờ biến cố Hiện Xuống, được liên kết với sự hiện diện của Đức Thánh Trinh Nữ (cf Acts 1:14). Và chính vì đức mến rạng ngời của Mẹ Maria mới có thể giữ được tình trạng hòa hợp và tình yêu huynh đệ liên li trong Giáo Hội.

4- Công Đồng tỏ tường đề cao vai trò mẫu gương của mẹ Maria đối với sứ vụ tông đồ của Giáo Hội,

bằng nhận định sau đây: "Bởi thế, Giáo Hội, cả trong hoạt động tông đồ của mình, có lý để nhìn lên Mẹ là vị đã hạ sinh Chúa Kitô, Đáng bởi thế được thụ thai bởi Thánh Linh và hạ sinh bởi vị Trinh Nữ, để nhờ Giáo Hội Người có thể được sinh ra và lớn lên trong tâm hồn của tín hữu. Trong đời sống của mình, Vị Trinh Nữ đã trở thành một mô phạm của tình yêu mẫu thân, một mô phạm cần tác động nơi tất cả những ai tham gia sứ vụ tông đồ của Giáo Hội để tái sinh nhân loại" (Lumen gentium - 65).

Sau khi cộng tác vào công cuộc cứu độ bằng vai trò mẫu thân của mình, việc Mẹ liên hệ với hy tế của Chúa Kitô cùng với việc trợ giúp từ mẫu của Mẹ cho một Giáo Hội mới sinh, Mẹ Maria tiếp tục nâng đỡ cộng đồng Kitô hữu và tất cả mọi tín hữu trong việc quảng đại dẫn thân của họ để loan báo Phúc Âm!

**Mẹ Maria là mô phạm
cho một Giáo Hội
tôn thờ và nguyện cầu**

Bài 62 - 10/9/1997

1- Trong Tông Huấn *Marialis cultus* Người Tôi Tớ Chúa Phaolô VI đáng kính nhớ trình bày Đức Trinh Nữ như là một mô phạm của Giáo Hội tôn thờ. Chủ trương này là một thứ hệ luận thực sự về một sự thật cho thấy Mẹ Maria như là một mẫu mực đối với Dân Chúa trên con đường thánh đức: "Đức Trinh Nữ là một mẫu gương về phương diện này là những gì xuất phát từ sự kiện Mẹ được công nhận như là một mẫu gương tuyệt hảo nhất của Giáo Hội về lãnh vực đức tin, đức mến cũng như về mối hiệp nhất trọn hảo với Chúa Kitô, tức là, về tâm trạng nội tại nhờ đó Giáo Hội, người hôn thê yêu dấu, được liên hệ chặt chẽ với Chúa của mình, có thể kêu cầu Chúa Kitô và nhờ Người mà tôn thờ Cha hằng hữu" (hoản 16).

2- Ở biến cố Truyền Tin, Mẹ là vị đã tỏ ra cho thấy rằng thái độ hoàn toàn sẵn sàng của Mẹ cho dự án thần linh gọi lên cho tất cả mọi tín hữu một mô phạm cao quý về sự chuyên chú tới Lời Chúa và để dạy với Lời Chúa.

Khi trả lời cho vị thiên thần rằng: "Xin hãy thực hiện nơi tôi lời của ngài" (Lk 1:38) và khi nói lên việc Mẹ sẵn sàng hoàn tất trọn hảo ý muốn của Chúa, Mẹ Maria xứng đáng thông phần vào phúc đức được Chúa Giêsu công bố: "Phúc cho những ai nghe Lời Chúa mà tuân giữ" (Lk 11:28).

Với thái độ này, một thái độ trải suốt cuộc đời của mình, Đức Trinh Nữ cho thấy một con đường chắc chắn nhất về việc lắng nghe Lời Chúa, một yếu tố thiết yếu của việc tôn thờ, yếu tố đã trở thành kiểu mẫu cho phụng vụ Kitô giáo. Gương mẫu của mẹ cho chúng ta thấy rằng việc tôn thờ không phải chỉ ở chỗ bày tỏ những ý nghĩ và cảm tính của con người, mà là ở chỗ lắng nghe Lời thần linh để hiểu biết lời này, đồng hóa với lời ấy và áp dụng thực hành hằng ngày.

3- Hết mọi cuộc cử hành phụng vụ đều là một thứ tưởng nhớ đến mầu nhiệm của Chúa Kitô nơi việc cứu độ của Người vì toàn thể nhân loại và có mục đích cổ võ việc tham dự riêng tư của tín hữu vào mầu nhiệm vượt qua được tái thể hiện và trở nên hiện thực nơi các cử chỉ và ngôn từ của nghi lễ.

Mẹ Maria là chứng nhân về việc tỏ hiện lịch sử của các biến cố cứu độ, những biến cố đạt tới tột đỉnh của nó nơi cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Chúa Kitô, và Mẹ đã lưu giữ "tất cả những sự ấy mà găm nghĩ trong lòng" (Lk 2:19). Mẹ không phải chỉ hiện diện ở từng biến cố một, mà là đã tìm cách nắm bắt được cái ý nghĩa sâu xa của những biến cố ấy, gắn bó tất cả tâm hồn của mình với những gì đang được hoàn thành một cách mầu nhiệm nơi chúng.

Bởi thế Mẹ Maria hiện lên như một mô phạm siêu việt của việc tham dự tư riêng vào các mầu nhiệm thần linh. Mẹ hướng dẫn Giáo Hội trong việc suy niệm về mầu nhiệm được cử hành cũng như trong việc tham phần vào biến cố cứu độ ấy, bằng cách phấn khích tín hữu mong ước một mối liên hệ thân mật tư riêng với Chúa Kitô để hợp tác vào việc cứu độ của tất cả mọi người bằng việc ban tặng sự sống của mình.

4- Mẹ Maria cũng trở thành mô phạm của Giáo Hội về cầu nguyện. Hoàn toàn có thể xảy ra là Mẹ Maria bấy giờ đang ngậy ngát nguyện cầu thì thiên thần Gabiêl đến nhà của Mẹ ở Nazarét và chào Mẹ. Cảnh trí nguyện cầu này thực sự đã giúp cho Đức Trinh Nữ trong việc Mẹ trả lời cũng như trong việc Mẹ quảng đại thuận ưng chấp nhận mầu nhiệm Nhập Thể.

Ở cảnh tượng Truyền Tin, các họa sĩ hầu như bao giờ cũng vẽ Mẹ Maria đang ở trong tư thế nguyện cầu. Trong số những nhà họa sĩ này chúng ta nhớ đến Fra Angelico. Cảnh tượng này cho Giáo Hội và hết mọi tín hữu thấy được bầu khí cần phải có trong việc tôn thờ.

Chúng ta có thể nói thêm nữa là đối với Dân Chúa thì Mẹ Maria trở thành mô phạm của hết mọi thứ thể hiện nơi đời sống nguyện cầu của họ. Mẹ đặc

biệt dạy cho các Kitô hữu cách thức hướng về Thiên Chúa để xin Ngài giúp đỡ và nâng đỡ trong các hoàn cảnh khác nhau trong đời sống.

Việc chuyển cầu từ mẫu của Mẹ ở tiệc cưới Cana và việc Mẹ hiện diện ở Căn Thượng Lầu bên cạnh các Tông Đồ khi các vị cầu nguyện trong niềm trông đợi Hiện Xuống cho thấy rằng việc nguyện cầu thỉnh xin là một hình thức thiết yếu của vấn đề hợp tác hơn nữa vào công cuộc cứu độ trên thế giới này. Bằng việc theo mô phạm của mẹ, Giáo Hội biết trở thành vững vàng trong việc kêu xin của mình, biết kiên trì trong các lời chuyển cầu của mình, nhất là trong việc van nài tặng ân Thánh Linh (*cf. Lk 11:13*).

5- Đức Trinh Nữ cũng trở thành mô phạm của Giáo Hội về việc quảng đại tham dự vào hy sinh.

Trong việc hiến dâng Chúa Giêsu trong đền thờ và đặc biệt là ở dưới chân Thập Giá, Mẹ Maria hoàn trọn việc hy hiến bản thân mình là việc liên kết Mẹ với nỗi đớn đau và các thử thách của Con Mẹ. Bởi thế, trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong việc cử hành Thánh Thể, "Vị Trinh Nữ hiến dâng lễ vật" (*Marialis cultus*, n. 20) phấn khích Kitô hữu "hãy hiến dâng các hy sinh thiêng liêng đáng Thiên Chúa chấp nhận nhờ Chúa Giêsu Kitô" (1Pt 2:5).

Đức Trinh Nữ là Mẹ của Giáo Hội

Bài 63 - 17/9/1997

1- Sau khi tuyên bố Mẹ Maria là "một phần thể ưu việt", là "kiểu mẫu" của Giáo Hội, Công Đồng Chung Vaticanô II viết: "Giáo Hội Công giáo, được Thánh Linh chỉ dạy, tỏ lòng tôn kính Mẹ với lòng cảm mến và sùng kính của con cái như là một người mẹ yêu dấu nhất của mình" (Lumen gentium - 53).

Thật ra bản văn của công đồng ấy không minh nhiên qui về cho Đức Trinh Nữ tước hiệu "Mẹ của Giáo Hội", thế nhưng văn kiện này cũng bày tỏ một cách không sai lầm nội dung của nó khi lập lại một câu nói năm 1748, hơn 2 thế kỷ trước, của Đức Giáo Hoàng Biển Đức XV (*Bullarium Romanum, series 2, t. 2, n. 61, p. 428*).

Trong văn kiện này vị Tiền Nhiệm khả kính của tôi, khi diễn tả những cảm tình con cái của một Giáo Hội công nhận Mẹ Maria là người mẹ yêu dấu nhất của mình, đã gián tiếp công bố Mẹ là Mẹ của Giáo Hội.

2- Tước hiệu này hiếm được sử dụng trong quá khứ, thế nhưng gần đây đã trở thành thông dụng hơn trong các văn thư chính thức của Huấn Quyền Giáo Hội cũng như nơi việc tôn sùng của dân Kitô giáo. Thành phần tín hữu trước hết đã kêu cầu Mẹ Maria với tước hiệu "Mẹ Thiên Chúa", "Mẹ của tín hữu" hay "Mẹ của chúng ta", để nhấn mạnh đến mối liên hệ riêng tư của Mẹ với từng người con của Mẹ.

Sau này, vì việc chú trọng hơn nữa đối với màu nhiệm của Giáo Hội cũng như với mối liên hệ của Mẹ Maria với Giáo Hội mà Đức Trinh Nữ đã bắt đầu được kêu cầu thường xuyên hơn như là "Mẹ của Giáo Hội".

Trước Công Đồng Chung Vaticanô II, lời diễn tả này được thấy trong Huấn Quyền của Đức Giáo Hoàng Lêô XIII, trong đó đã khẳng định rằng Mẹ Maria "thật sự hoàn toàn là Mẹ của Giáo Hội" (*Acta Leonis XIII, 15, 302*). Tước hiệu này về sau đã được sử dụng nhiều lần trong giáo huấn của Đức Gioan XXIII và Phaolô VI.

3- Mặc dù tước hiệu "Mẹ của Giáo Hội" chỉ mới được qui cho Mẹ Maria gần đây, nó cũng bày tỏ mối liên hệ mẫu thân của Đức Trinh Nữ với Giáo Hội như được chứng tỏ ở một số bản văn Tân Ước.

Từ lúc Truyền Tin, Mẹ Maria đã được mời gọi cống hiến sự ưng thuận của Mẹ cho việc trị đến của vương quốc thiên sai, một vương quốc sẽ xây ra nơi việc hình thành của Giáo Hội.

Ở tiệc cưới Cana, khi Mẹ Maria xin Con thi hành quyền năng thiên sai của Người thì Mẹ đã thực hiện một đóng góp cốt yếu vào việc gieo trồng đức tin nơi cộng đồng môn đệ đầu tiên, và Mẹ đã hợp tác trong việc khai mở vương quốc của Thiên Chúa, một vương quốc có "hạt giống" và "khởi điểm" nơi Giáo Hội (Lumen gentium - 5).

Trên Canvê, Mẹ Maria đã liên kết bản thân Mẹ với hy tế của Con Mẹ và thực hiện việc Mẹ góp phần mẫu thân của mình vào công cuộc cứu độ, một đóng góp mặc hình thức quần quai lâm bồn, vào việc hạ sinh một tân nhân loại.

Khi ngỏ lời "Này Bà, đó là con của bà" với mẹ Maria, Đấng Tử Giá đã công bố vai trò mẫu thân của Mẹ không phải chỉ liên quan đến vị Tông Đồ Gioan mà còn cho hết mọi môn đệ. Chính vị Thánh Ký, khi nói rằng Chúa Giêsu cần phải chết "để qui tụ làm một con cái của thiên Chúa bị tản mác" (Jn 11:52), cho thấy việc sinh ra của Giáo Hội như là hoa trái của hy tế cứu chuộc là hy tế được Mẹ Maria liên kết theo tình mẫu tử.

Thánh Ký Luca đề cập đến việc hiện diện của Mẹ Chúa Giêsu nơi cộng đồng tiên khởi ở Gia Liêm (Acts 1:14). Như thế là ngài nhấn mạnh đến vai trò mẫu thân của Mẹ Maria nơi Giáo Hội mới sinh, khi so sánh nó với vai trò của Mẹ nơi cuộc hạ sinh của Đấng Cứu Chuộc. Chiều kích mẫu thân như thế trở thành một yếu tố nòng cốt nơi mối liên hệ của Mẹ Maria với thành phần Dân được cứu chuộc mới.

4- Theo Thánh Kinh, giáo huấn của các vị giáo phụ nhìn nhận vai trò làm mẹ của Mẹ Maria nơi công cuộc của Chúa Kitô và vì thế nơi cả công cuộc của Giáo Hội nữa, mặc dù theo liên hệ không phải bao giờ cũng hiển nhiên.

Theo Thánh Irenaeus thì Mẹ Maria "đã trở nên căn nguyên cứu độ cho toàn thể nhân loại - a cause of salvation for the whole human race" (*Haer.* 3, 22, 4; *PG* 7, 959), và cùng lòng tinh tuyền của vị Trinh Nữ "tái sinh con người trong Thiên Chúa" (*Haer.* 4, 33, 11; *PG* 7, 1080). Điều này được Thánh Ambrôsiô âm vang lại khi ngài nói: "Một Trinh Nữ đã sinh hạ ơn cứu độ thế gian, một Trinh Nữ đã cống hiến sự sống cho tất cả mọi sự" (*Ep.* 63, 33; *PL* 16, 1198), cũng được âm vang bởi các vị Giáo Phụ khác khi các vị gọi Mẹ Maria là "Mẹ của ơn cứu độ" (*Severian of Gabala, Or. 6 in mundi creationem*, 10, *PG* 54, 4; *Faustus of Riez, Max. Bibl. Patrum*, VI, 620-621).

Vào thời Trung Cổ, Thánh Anselm đã thừa cùng Mẹ Marai như thế này: "Mẹ là mẹ của sự công chính và của người được công chính, Mẹ của sự hòa giải và của thành phần được hòa giải, mẹ của ơn cứu độ và của thành phần được cứu độ" (*Or. 52, 8; PL 158, 957*), trong khi có các vị tác giả khác qui cho Mẹ tước hiệu "Mẹ của ân sủng" và "Mẹ của sự sống".

5- Tước hiệu "Mẹ của Giáo Hội" như thế phản ánh niềm xác tín sâu xa của tín hữu Kitô giáo, thành phần thấy nơi Mẹ Maria chẳng những là Mẹ của con người Chúa Kitô mà còn của tín hữu. Mẹ là vị được nhìn nhận như là mẹ của ơn cứu độ, của sự sống và của ân sủng, mẹ của thành phần được cứu độ và là mẹ của kẻ sống, đáng được công bố là Mẹ của Giáo Hội.

Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã muốn chính Công Đồng Chung Vaticanô II tuyên bố Maria là Mẹ của Giáo Hội, tức là Mẹ của toàn thể Dân Chúa, của thành phần tín hữu và các Mục Tử của họ". Ngài đã tự làm điều này trong bài diễn từ của ngài vào lúc kết thúc khóa ba của Công Đồng (21/11/1964), đồng thời ngài cũng yêu cầu là "từ nay trở đi toàn thể dân Kitô giáo phải tôn kính và kêu cầu Đức Trinh Nữ bằng tước hiệu này" (*AAS 1964, 37*).

Như thế, vị Tiền Nhiệm khả kính của tôi đã minh nhiên nói lên vấn đề tín lý được chất chứa ở chương

VIII của Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân, hy vọng rằng tước hiệu này của Mẹ Maria, tước hiệu Mẹ của Giáo Hội, sẽ có được một chỗ đứng quan trọng hơn bao giờ hết nơi phụng vụ cũng như nơi lòng đạo đức của dân Kitô giáo.

Mẹ Maria là Mẹ của nhân loại

Bài 64 - 24/9/1997

1- Mẹ Maria là mẹ của nhân loại trong lãnh vực về ân sủng. Công Đồng Chung Vaticanô II đã đề cao vai trò này của Mẹ Maria, khi liên kết nó với việc hợp tác của Mẹ trong cuộc Cứu Chuộc của Chúa Kitô. "Theo dự án Quan Phòng thần linh, Mẹ là người mẹ từ ái của Đấng Cứu Chuộc thần linh trên trái đất này, và hơn tất cả mọi người, một cách đặc thù, là cộng sự viên quang đại và là nữ tỳ khiêm hạ của Chúa" Lumen gentium - 61).

Bằng những phát biểu này, Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân muốn nhấn mạnh một cách thích đáng đến sự kiện là Đức Trinh Nữ mật thiết liên kết với

cộng cuộc cứu chuộc của Chúa Kitô, trở nên "hợp tác viên quảng đại", "một cách chuyên biệt".

Như các tác động của bất cứ người mẹ nào, từ tác động tầm thường nhất đến tác động đòi hỏi nhất, Mẹ Maria tự nguyện hợp tác vào công cuộc cứu chuộc nhân loại một cách sâu xa và liên tục hòa hợp với Người Con thần linh của Mẹ.

2- Công Đồng cũng vạch ra rằng việc hợp tác của Mẹ Maria được tác động bởi các nhân đức tuân phục, tin, cậy và mến của Phúc Âm, và được hoàn thành bởi ảnh hưởng của Thánh Linh. Công Đồng cũng nhắc lại rằng tặng ân về vai trò làm mẹ thiêng liêng phổ quát của Mẹ xuất phát chính từ việc hợp tác này, đó là việc hợp tác với Chúa Giêsu trong công cuộc Cứu Chuộc, một công cuộc Cứu Chuộc bao gồm việc tái sinh nhân loại cách thiêng liêng, Mẹ trở nên mẹ của những ai được tái sinh vào sự sống mới.

Khi nói rằng Mẹ Maria là "một người mẹ ở cấp độ ân sủng" (cf. *ibid.*), Công Đồng muốn nhấn mạnh rằng vai trò mẫu thân thiêng liêng của Mẹ không chỉ áp dụng cho thành phần môn đệ mà thôi, như thể những lời Chúa Giêsu phán trên Đồi Canvê: "Này Bà, đó là con của bà" (Jn 19:26) cần phải hiểu theo nghĩa hẹp. Thật vậy, qua những lời ấy, Đấng Tử Giá đã thiết lập một mối liên hệ thân mật giữa Mẹ Maria

và người môn đệ yêu dấu của Người, một hình ảnh tiêu biểu có tầm mức phổ quát, có ý hiến ban Mẹ của Người cho toàn thể nhân loại.

Đàng khác, cái công hiệu phổ quát của hy tế cứu chuộc và việc Mẹ Maria ý thức hợp tác với việc hiến dâng hy tế của Chúa Kitô cũng không giới hạn phạm vi tình yêu từ mẫu của Mẹ.

Sứ vụ phổ quát của Mẹ Maria được thực thi trong môi trường của mối liên hệ đặc thù của mẹ với Giáo Hội. Bằng việc Mẹ quan tâm đối với hết mọi Kitô hữu, thật sự là với hết mọi con người tạo vật, Mẹ hướng dẫn đức tin của Giáo Hội hướng về việc chấp nhận sâu xa hơn bao giờ hết Lời Chúa, bảo trì niềm hy vọng của Giáo Hội, làm bùng lên đức ái và mối hiệp thông huynh đệ của Giáo Hội, cùng phấn kích tính chất năng động tông đồ của Giáo Hội.

3- Trong cuộc sống trần gian của mình, Mẹ Maria đã chứng tỏ vai trò làm mẹ thiêng liêng của mình cho Giáo Hội một thời gian rất ngắn. Tuy nhiên, giá trị trọn vẹn về vai trò của Mẹ đã được tỏ ra sau khi Mông Triệu và được nhắm đến chỗ kéo dài qua các thế kỷ cho tới tận thế. Công Đồng đã minh nhiên nói rằng: "Vai trò làm mẹ này của Mẹ Maria trong trật tự ân sủng tiếp tục không ngừng từ khi Mẹ tỏ ra ưng thuận trong biến cố Truyền Tin và là việc ưng thuận được Mẹ kiên quyết bảo trì dưới chân Thập Giá, cho

đến lúc viên trọn muôn đời tất cả thành phần được tuyển chọn" (Lumen gentium - 62).

Vì tiến vào vương quốc vĩnh hằng của Chúa Cha, gần hơn với Người Con thần linh của mình và vì thế cũng gần hơn với chúng ta, Mẹ có thể thi hành một cách hiệu nghiệm hơn trong Thần linh vai trò chuyển cầu từ mẫu được Đấng Quan Phòng thần linh ký thác cho Mẹ.

4- Cha trên trời muốn đặt Mẹ Maria gần với Chúa Kitô và hiệp thông với Người là Đấng có thể "cứu độ những ai đến gần với Thiên Chúa qua Người, vì Người bao giờ cũng sống là để chuyển cầu cho họ" (Heb 7:25): Người muốn liên kết việc chuyển cầu của Đấng Cứu Chuộc với tư cách là vị tư tế với việc chuyển cầu của Đức Trinh Nữ với tư cách là một người mẹ. Nó là một vai trò Mẹ thi hành vì những ai đang gặp nguy biến và những ai cần ân huệ trong đời và nhất là phần rỗi đời đời. "Với đức ái mẫu thân của mình, Mẹ chăm sóc cho những người anh em của Con Mẹ, thành phần vẫn còn hành trình trên trần gian bị bủa vây bởi những gian nguy và khốn khó, cho đến khi họ được dẫn vào nhà vinh phúc của họ. Bởi thế, Đức Trinh Nữ mới được kêu cầu trong Giáo Hội dưới tước hiệu là Đấng Bầu Cử, Đấng Cứu Giúp, Đấng Bảo Trợ và là Đấng Trung Gian" (Lumen gentium - 62).

Những tước hiệu này, được đặt ra bởi đức tin của dân Kitô giáo, là những gì giúp chúng ta hiểu biết hơn bản chất của việc chuyển cầu được Người Mẹ của Chúa thực hiện trong đời sống của Giáo Hội cũng như của từng tín hữu.

5- Tước hiệu "Đấng Bầu Cử" là tước hiệu trở về với Thánh Irenaeus. Về vấn đề nữ nguyên tổ Evà bất tuân phục và Mẹ Maria tuân phục, ngài nói rằng ở vào lúc Truyền Tin "Trinh Nữ Maria đã trở nên Đấng Bảo Trợ" của Evà (*Haer. 5, 19, 1; PG 7, 1175-1176*). Thật vậy, bằng tiếng "xin vâng" của mình, Mẹ đã bênh vực người mẹ đầu tiên của chúng ta và giải thoát bà khỏi các hậu quả do bởi việc bất tuân phục của bà, trở nên căn nguyên cứu độ cho bà cũng như cho toàn thể nhân loại.

Mẹ Maria thực hiện vai trò là "Đấng Bầu Cử" của Mẹ bằng việc hợp tác cả với Thần Linh Đấng An Ủi cũng như với Đấng trên Thập Giá chuyển cầu cho thành phần sát hại mình (cf Lk 23:34), Đấng được Thánh Ký Gioan gọi là "Vị bầu chữa cùng Cha" (1Jn 2:1). Với tư cách là một người mẹ, Mẹ bênh vực con cái của Mẹ và bảo vệ chúng khỏi tai hại gây ra bởi tội lỗi của họ.

Kitô hữu kêu cầu Mẹ Maria là "Đấng Cứu Giúp", khi nhận biết tình yêu thương từ mẫu của Mẹ là những gì quan tâm tới nhu cầu của con cái mình và sẵn

sàng đến cứu trợ họ, nhất là khi phần rỗi đòi đòi của họ gặp nguy nan.

Niềm xác tín rằng Mẹ Maria gần gũi với những ai khổ đau hay ở trong tình trạng nguy hiểm trầm trọng đã tác động tìn hữu kêu cầu Mẹ là "Đấng Bảo Trợ". Niềm tin tưởng này thật sự cũng được bày tỏ nơi kinh nguyện Thánh Mẫu cổ nhất ở những lời: "Chúng con chạy đến cùng sự bảo trợ của Mẹ, Ôi Thiên Chúa Thánh Mẫu; xin đừng chê chối lời chúng con kêu xin cho những nhu cầu của chúng con nhưng xin hãy luôn giải cứu chúng con cho khỏi hết mọi gian nguy, Ôi Trinh Nữ hiển vinh phúc đức" (*from the Roman Breviary*).

Là một Đấng Trung Gian từ mẫu, Mẹ Maria dâng các ước nguyện của chúng ta cùng với các thỉnh nguyện của chúng ta cho Chúa Kitô, và truyền đạt các tặng ân thần linh cho chúng ta, bằng cách liên tục chuyển cầu cho chúng ta.

Mẹ Maria với Tước Hiệu Trung Gian

Bài 65 - 1/10/1997

1- Trong số các tước hiệu được qui cho Mẹ Maria theo lòng sùng kính của Giáo Hội, Chương Tám của Hiến Chế *Lumen gentium* đã nhắc lại tước hiệu "Trung Gian - Mediatrix". Mặc dù có một số Nghị Phụ của Công Đồng không hoàn toàn đồng ý với việc chọn lựa tước hiệu này (*cf. Acta Synodalia III, 8, 163-164*), dầu sao nó vẫn được đưa vào Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội như để khẳng định về giá trị của sự thật được nó diễn tả. Vì thế cần phải cẩn thận đừng liên kết nó với bất cứ thần học đặc biệt nào về vấn đề môi giới mà chỉ liệt kê nó trong số các tước hiệu được nhìn nhận khác thôi.

Hơn nữa, bản văn này của Công Đồng đã giải thích ý nghĩa về tước hiệu "Trung Gian" khi viết rằng Mẹ Maria "bằng việc chuyên cầu đa dạng của mình tiếp tục mang đến cho chúng ta các tặng ân cho phần rỗi đời đời" (*Lumen gentium - 62*).

Như tôi đã nhắc nhở trong Thông Điệp Mẹ Đáng Cứu Chuộc của mình: "Vai trò môi giới của Mẹ Maria được liên hệ mật thiết với vai trò mẫu thân của mẹ. Nó có một tính chất từ mẫu đặc biệt, một đặc tính phân biệt nó khỏi vai trò môi giới của các tạo vật khác" (khoản 38).

Căn cứ vào quan điểm này thì nó là một vai trò có tính cách đặc thù theo thể loại của mình và có một tác dụng chuyên biệt.

2- Về các thứ bất đồng từ một số vị Nghị Phụ liên quan đến chữ "Trung Gian", chính Công Đồng đã cố gắng hiến một câu trả lời khi nói rằng Mẹ Maria là "một người mẹ đối với chúng ta theo cấp độ ân sủng" (Lumen gentium - 61). Chúng ta hãy nhớ rằng vai trò môi giới của Mẹ Maria chính yếu được khẳng định bởi vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ. Hơn nữa, việc nhìn nhận vai trò làm trung gian của Mẹ được bao hàm nơi lời diễn tả "Mẹ của chúng ta", một lời diễn tả cho thấy tín lý về vai trò môi giới Thánh Mẫu được nhấn mạnh bởi vai trò làm mẹ của Mẹ. Sau hết, tước hiệu "Mẹ theo cấp độ ân sủng" cho thấy rằng Đức Trinh Nữ hợp tác với Chúa Kitô trong việc tái sinh nhân loại cách thiêng liêng.

3- Vai trò môi giới từ mẫu của Mẹ Maria không làm lu mờ đi vai trò môi giới đặc thù và hoàn hảo của Chúa Kitô. Thật vậy, sau khi gọi Mẹ là là "Đấng Trung Gian", Công Đồng đã cẩn thận giải thích rằng vai trò này của Mẹ Maria "không lấy đi bất cứ một sự gì hay thêm vào bất cứ một điều gì phẩm vị và tác dụng của Chúa Kitô là Đấng Trung Gian duy nhất" (Lumen gentium - 62). Về đề tài này, Công Đồng còn trích câu nói lừng danh trong Thư Thứ Nhất gửi Timothêu: "Vì chỉ có một Thiên Chúa duy nhất và chỉ có một vị trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, đó là con người Giêsu Kitô, Đấng đã hiến mình làm giá chuộc cho tất cả mọi người" (2:5-6).

Ngoài ra, Công Đồng còn nói rằng "phận vụ của Mẹ Maria là mẹ của loài người không cách chi có thể làm lu mờ hay suy giảm vai trò trung gian đặc thù của Chúa Kitô, mà còn tỏ ra quyền năng của nó nữa" (Lumen gentium - 60).

Bởi thế, chẳng những không trở thành một chương ngại cho việc thực thi vai trò trung gian đặc thù của Chúa Kitô Mẹ Maria còn đề cao tính chất phong phú và hiệu năng của nó nữa. "Ảnh hưởng tốt đẹp của Đức Trinh Nữ trên con người bắt nguồn không phải ở bất cứ nhu cầu nội tâm mà là nơi việc sắp xếp của Thiên Chúa. Nó xuất phát từ sự dồi dào phong phú của công nghiệp Chúa Kitô, dựa vào vai trò trung gian của Người, hoàn toàn lệ thuộc vào vai trò trung gian này và rút lấy tất cả quyền năng của mình từ vai trò trung gian ấy" (Lumen gentium - 60).

4- Giá trị nơi vai trò trung gian của Mẹ Maria xuất phát từ Chúa Kitô và vì thế cái ảnh hưởng tốt đẹp của Đức Trinh Nữ "không ngăn trở bất cứ cách nào đến mối hiệp nhất trực tiếp của tín hữu với Chúa Kitô mà trái lại còn nuôi dưỡng nó nữa" (ibid.)

Chiều hướng nội tại qui về Chúa Kitô của công việc "Trung gian" này đã thúc đẩy Công Đồng huấn dụ rằng tín hữu hãy hướng về Mẹ Maria "nhờ đó, được phấn khích bởi sự trợ giúp từ mẫu họ có thể

gắn bó chặt chẽ hơn nữa với Đấng Trung Gian và là Đấng Cứu Chuộc" (Lumen gentium - 62).

Trong việc công bố Chúa Kitô là vị trung gian duy nhất (cf 1Tim 2:5-6), bản văn của Thư Thánh Phaolô gửi Timôthêu loại trừ bất cứ một thứ môi giới tương đương nào, nhưng không loại trừ thứ môi giới phụ thuộc. Thật vậy, trước khi nhấn mạnh đến vai trò môi giới duy nhất chuyên biệt của Chúa Kitô, vị tác giả này đã thôi thúc rằng "những lời nguyện khẩn cầu, những lời chuyển cầu và những lời tạ ơn cần phải thực hiện cho tất cả mọi người" (2:1). Những lời cầu nguyện chẳng phải là một hình thức môi giới hay sao? Thật thế, theo Thánh Phaolô, vai trò môi giới đặc thù của Chúa Kitô là để nhắm đến việc khuyến khích những hình thức môi giới tác vụ phụ thuộc khác. Bằng việc công bố tính chất đặc thù nơi vai trò môi giới của Chúa Kitô, vị Tông Đồ này chỉ có ý loại trừ bất cứ sự môi giới nào có tính cách tự lập hay tranh giành, cùng với các hình thức khác tương hợp với giá trị vô cùng nơi công cuộc của Đấng Cứu Thế.

5- Có thể tham dự vào vai trò môi giới của Chúa Kitô ở các phạm vi khác nhau của công việc cứu độ. Sau khi nhấn mạnh rằng "không có một tạo vật nào đã từng được coi ngang hàng với Lời Nhập Thể và là Đấng Cứu Chuộc" (khoản 62), Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân đã diễn tả về cách thức các tạo vật khả dĩ

thực thi một số hình thức môi giới lệ thuộc vào Chúa Kitô nào đó. Thật vậy, "như vai trò linh mục của Chúa Kitô được chia sẻ qua một số cách thức khác nhau cả bởi các thừa tác viên của Người lẫn tín hữu, và như sự thiện hảo duy nhất của Thiên Chúa tỏa rạng qua những cách thức khác nhau nơi tạo vật của Ngài, cũng thế, vai trò môi giới đặc thù của Đấng Cứu Chuộc không loại trừ mà còn làm phát sinh ra việc hợp tác đa diện chỉ là một thứ chia sẻ từ cùng một nguồn mà thôi" (khoản 62).

Ước muốn mang đến những việc tham phần khác nhau vào vai trò môi giới duy nhất của Chúa Kitô cho thấy tình yêu thương rộng lượng của Thiên Chúa là Đấng muốn chia sẻ những gì Ngài có.

6- Thật thế, vai trò môi giới từ mẫu của Mẹ Maria lại chẳng phải là tặng ân của Chúa Cha ban cho loài người hay sao? Đó là lý do tại sao Công Đồng đã kết luận rằng: "Giáo Hội không ngần ngại tuyên xưng vai trò phụ thuộc này của Mẹ Maria, một vai trò Giáo Hội liên li cảm nghiệm và khuyến giục tín hữu hãy thành tâm chú trọng đến" (ibid.)

Mẹ Maria thi hành vai trò từ mẫu của Mẹ một cách liên li lệ thuộc vào vai trò môi giới của Chúa Kitô và từ Người lãnh nhận tất cả những gì Trái Tim Người muốn ban cho nhân loại.

Trong cuộc hành trình trần thế của mình, Giáo Hội "liên tục" cảm nghiệm thấy tác động hiệu năng của "Người Mẹ về lãnh vực ân sủng" của mình.

Mẹ Maria là Đấng luôn được biệt tôn

Bài 66 - 15/10/1997

1- "Đến thời gian viên trọn, Thiên Chúa đã sai Con của Ngài đến, sinh hạ bởi người nữ" (Gal 4:4). Lòng tôn sùng Thánh Mẫu được căn cứ vào quyết định thần linh kỳ diệu này, như Thánh Tông Đồ Phaolô gọi nhắc, khi vĩnh viễn liên kết căn tính loài người của Con Thiên Chúa với một người nữ là Mẹ Maria thành Nazarét.

Mâu nhiệm của vai trò làm mẹ thần linh này và của việc mẹ Maria hợp tác vào công cuộc Cứu Chuộc đã làm cho các tín hữu ở mọi thời đại tràn đầy thái độ chúc tụng ngợi khen, cả đối với Đấng Cứu Thế lẫn với Mẹ là vị đã hạ sinh Người trong thời gian, rồi hợp tác vào Ôn Cứu Chuộc.

Một lý do nữa đối với lòng yêu mến tri ân dành cho Đức Trinh Nữ xuất phát từ vai trò làm mẹ phổ quát của Mẹ. Bằng việc chọn mẹ làm Mẹ của toàn thể nhân loại, Cha trên trời, có thể nói, muốn tỏ cho thấy chiều kích mẫu thân của tính chất dịu dàng thần linh của Ngài và mối quan tâm của Ngài đối với tất cả mọi người ở hết mọi lãnh vực.

Trên Đồi Canvê, bằng những lời: "Này là con của Bà!", "Này là Mẹ của con!" (Jn 19:26-27), Chúa Giêsu đã ban Mẹ Maria trước cho tất cả những ai lãnh nhận Tin Mừng cứu độ, và do đó đã đặt nền tảng cho lòng cảm mến con cái của họ đối với Mẹ. Theo gương Tông Đồ Gioan, tín hữu sẽ kéo dài tình yêu của Chúa Kitô đối với Mẹ của Người bằng lòng tôn sùng của họ, bằng việc chấp nhận Mẹ vào đời sống của họ.

2- Các bản văn Phúc Âm chứng thực việc hiện diện của lòng tôn sùng Thánh Mẫu ngay từ ban đầu của Giáo Hội.

Hai đoạn đầu của Phúc Âm Thánh Luca dường như thuật lại sự chú trọng đặc biệt đến Người Mẹ của Chúa Giêsu nơi các Kitô hữu Do Thái, thành phần đã bày tỏ việc cảm mến của họ đối với Mẹ và thiết tha gìn giữ ký ức của họ về Mẹ.

Hơn nữa, trong các trình thuật về thời thơ ấu chúng ta có thể nhận thấy được những bày tỏ khởi đầu của và những lý do cho lòng sùng kính Thánh Mẫu, được tóm gọn trong những lời than lên của bà Isave: "Em có phúc hơn mọi người nữ... Phúc cho em là người đã tin rằng những gì Chúa nói cùng em sẽ được thực hiện" (Lk 1:42,45).

Những dấu vết của một thứ tôn kính đã được lan truyền trong cộng đồng Kitô giáo tiên khởi được hiện diện nơi ca vịnh Ngợi Khen: "hết mọi thế hệ sẽ khen tôi diễm phúc" (Lk 1:48). Bằng việc đặt những lời này trên môi miệng của Mẹ Maria, các Kitô hữu nhìn nhận sự cao cả đặc thù của Mẹ, một thứ cao cả được lan truyền cho đến tận thế.

Và lại, các trình thuật Phúc Âm (cf. Lk 1:24-35; Mt 1:23 and Jn 1:13), những công thức đầu tiên về đức tin và một đoạn của Thánh Ignatio thành Antiokia (cf. *Smyrn.* 1, 2: SC 10, 155) đã chứng thực về việc đặc biệt ca ngợi của những cộng đồng đầu tiên về đức đồng trinh của Mẹ Maria, những gì liên hệ chặt chẽ với mầu nhiệm Nhập Thể.

Phúc Âm của Thánh Gioan, khi ghi nhận việc hiện diện của mẹ Maria ở đầu và cuối đời sống công khai của Con Mẹ, cho thấy rằng các Kitô hữu tiên khởi đã nhận thức sắc bén về vai trò của Mẹ Maria trong

công cuộc Cứu Chuộc, hoàn toàn lệ thuộc một cách yêu thương vào Chúa Kitô.

3- Công Đồng Chung Vaticanô II, khi nhấn mạnh đến tính chất đặc biệt của lòng tôn sùng Thánh Mẫu, đã nói rằng: "Mẹ Maria nhờ ân sủng đã được nâng lên trên tất cả mọi thiên thần và loài người ở một vị thế chỉ sau Con của Mẹ, như là Người Mẹ Thiên Chúa rất thánh, vị đã tham phần vào các mầu nhiệm của Chúa Kitô: Mẹ xứng được tôn kính bằng một lòng tôn sùng đặc biệt trong Giáo Hội" (*Lumen gentium* - 66).

Thế rồi, khi ám chỉ đến kinh nguyện Thánh Mẫu thế kỷ thứ ba, "Sub tuum praesidium - Chúng con chạy đến cùng sự chở che của Mẹ" - Công Đồng nói thêm rằng đặc tính này xuất hiện ngay từ ban đầu: "Từ những thời xa xưa nhất Đức Trinh Nữ đã được tôn kính với tước hiệu Mẹ Thiên Chúa là vị chở che bảo vệ mà tín hữu cùng nhau nương náu nơi kinh nguyện trong tất cả mọi thứ hiểm nghèo và nhu cầu của họ" (*ibid.*)

4- Chủ trương này đã được xác nhận nơi hình tượng cũng như nơi giáo huấn của các vị Giáo Phụ của Giáo Hội từ thế kỷ thứ hai.

Ở Rôma, trong các hầm mộ của Priscilla, có thể thấy được bức họa đầu tiên về Đức Bà và Con Trẻ, trong

khi cùng thời gian đó Thánh Justino và Thánh Irênê đã nói về Mẹ Maria như tân Evà, vị sử dụng đức tin và việc tuân phục của mình để bù lại cho thái độ bất tín và bất tuân của người nữ đầu tiên. Theo vị Giám Mục thành Lyon thì nguyên Adong được cứu chuộc trong Chúa Kitô vẫn chưa đủ, mà "Eva thực sự cũng cần phải được phục hồi nơi Maria nữa" (*Demonstratio apostolica*, 33). Như thế là ngài nhấn mạnh đến tầm quan trọng của nữ giới trong công cuộc cứu độ và đặt nền tảng cho tính chất bất khả phân ly của lòng tôn sùng Thánh Mẫu với lòng tôn sùng đối với Chúa Giêsu, những gì sẽ kéo dài qua các thế kỷ Kitô giáo.

5- Lòng tôn sùng Thánh Mẫu trước hết được bày tỏ nơi việc kêu cầu Mẹ Maria là "Theotókos", một tước hiệu đã được thẩm quyền xác nhận bởi Công Đồng Chung Êphêsô năm 431, sau cuộc khủng hoảng của lạc thuyết Nestorio.

Việc phản ứng của quần chúng này đối với chủ trương mập mờ và nao núng của Nestoriô, nhân vật đã đi quá xa đến độ chối bỏ vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ Maria, và việc hân hoan chấp nhận sau quyết định của Công Đồng Êphêsô là những gì khẳng định về lòng tôn sùng Đức Trinh Nữ đã được cảm rõ sâu xa biết bao nơi Kitô hữu. Tuy nhiên, "theo Công Đồng Chung Êphêsô, có một mức tăng trưởng đáng kể nơi lòng sùng kính này của Dân

Chúa đối với Mẹ Maria, về việc tôn kính và mến yêu, về việc khẩn cầu và noi gương bắt chước" (Lumen gentium - 66). Nó được thể hiện đặc biệt nơi các ngày lễ về phụng vụ, trong đó ngay từ đầu thế kỷ thứ 5, "*ngày của Mẹ Maria Theotókos*" chiếm vị trí quan trọng đặc biệt. Nó được cử hành vào ngày 15/8 ở Giêrusalem và sau này trở thành lễ Mẹ Sinh Thì (Dormition) hay lễ Mẹ Mông Triệu (Assumption).

Chịu ảnh hưởng của cuốn "*Tiên Phúc Âm của Thánh Giacôbê*", các ngày lễ Sinh Nhật Mẹ, Mẹ Hoài Thai và Mẹ Dâng Mình cũng đã được đưa vào, và đã đóng góp đáng kể cho vấn đề nhấn mạnh đến một số khía cạnh quan trọng của mầu nhiệm Mẹ Maria.

6- Chúng ta có thể nói một cách chắc chắn rằng lòng tôn sùng Thánh Mẫu đã được triển nở một cách liên tục kỳ diệu cho tới thời đại của chúng ta đây, luân chuyển giữa các giai đoạn nở hoa cùng với các giai đoạn khó khăn là những giai đoạn dù sao cũng thường góp phần nuôi dưỡng tính chất canh tân của nó hơn nữa.

Từ Công Đồng Chung Vaticanô II, lòng tôn sùng Thánh Mẫu dường như theo định hướng phát triển một cách hòa hợp với một kiến thức sâu xa hơn về mầu nhiệm của Giáo Hội cũng như trong cuộc đối

thoại với các nền văn hóa hiện đại, để càng cắm rễ sâu xa hơn vào đức tin và đời sống của thành phần dân hành hương của Thiên Chúa trên trần gian này.

Tín hữu tỏ lòng sùng kính của con cái đối với Mẹ Maria

Bài 67 - 22/10/1997

1- Công Đồng Chung Vaticanô II nói rằng lòng tôn sùng Đức Trinh Nữ, "như đã luôn hiện hữu trong Giáo Hội, vì tất cả tính chất đặc thù của mình, khác biệt một cách chính yếu với việc sùng bái tôn thờ, một thứ sùng bái tôn thờ tương đương dâng lên Lời Nhập Thể, dâng lên Chúa Cha và dâng lên Thánh Linh, nhưng nó lại là những gì thuận lợi nhất cho việc sùng bái tôn thờ này" (Lumen gentium - 66).

Bằng những lời ấy, Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân nhấn mạnh đến những đặc tính của lòng tôn sùng Thánh Mẫu. Mặc dù việc tôn kính của tín hữu dành cho Mẹ Maria có nổi vượt hơn lòng tôn sùng của họ đối với các vị thánh khác, thì bao giờ nó cũng thua kém việc sùng bái tôn thờ dành cho Thiên Chúa là những gì nó thật sự là khác biệt. Chữ "tôn thờ" có

nghĩa là một hình thức thờ phượng con người dâng lên Thiên Chúa, nhận biết Ngài là Đấng Hóa Công và là Chúa của vũ trụ. Được soi sáng bởi Mạc Khải thần linh, Kitô hữu tôn thờ Chúa Cha "trong tinh thần và chân lý" (Jn 4:23). Họ tôn thờ Chúa Kitô, Lời Nhập Thể cùng với Chúa Cha, khi kêu lên cùng với Tông Đồ Tôma rằng: "Lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa của tôi" (Jn 20:28). Sau hết, trong cùng một tác động tôn thờ này, họ bao gồm cả Thánh Linh, Đấng "được tôn thờ và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con" (DS 150), như Kinh Tin Kính Nicene-Constantinopoly nhắc nhở.

Khi tín hữu kêu cầu Mẹ Maria là "Mẹ Thiên Chúa" và chiêm ngưỡng nơi Mẹ phẩm vị cao cả nhất được ban cho một tạo vật, thì họ vẫn không dâng cho Mẹ một thứ tôn kính ngang với sự tôn kính các Ngôi Vị thần linh. Có một khoảng cách vô cùng giữa lòng tôn kính Thánh Mẫu và việc tôn thờ Ba Ngôi và Lời Nhập Thể.

Bởi thế, cho dù cộng đồng Kitô giáo ngỏ cùng Đức Trinh Nữ bằng ngôn ngữ mà đôi khi gọi nhắc đến những từ ngữ được dùng vào việc thờ phượng Thiên Chúa, nó cũng hoàn toàn có một ý nghĩa và giá trị hoàn toàn khác hẳn. Bởi thế tình yêu của tín hữu dành cho Mẹ Maria khác với những gì họ dành cho Thiên Chúa, ở chỗ, trong khi Chúa cần phải được kính mến trên hết mọi sự bằng tất cả tấm lòng

của mình, bằng tất cả linh hồn của mình và bằng tất cả trí khôn của mình (cf Mt 22:37), thì cái cảm thức liên kết Kitô hữu với Đức Trinh Nữ, ở một cấp độ thiêng liêng, chỉ là lòng cảm mến của con cái đối với người mẹ của họ.

2- Tuy nhiên, có một sự liên tục giữa lòng tôn sùng Thánh Mẫu với việc tôn thờ được dành cho Thiên Chúa, ở chỗ, thật vậy, việc tôn kính dành cho Mẹ Maria là những gì được hướng về và dẫn tới việc tôn thờ Ba Ngôi Thánh.

Công Đồng nhắc nhở rằng việc tôn kính của Kitô hữu đối với Đức Trinh Nữ là những gì "thuận lợi nhất" cho việc tôn thờ Lời Nhập Thể, Chúa Cha và Thánh Linh. Thế rồi Công Đồng theo quan điểm Kitô học viết thêm rằng "các hình thức khác nhau của lòng đạo đức đối với Mẹ Thiên Chúa được Giáo Hội chuẩn nhận trong giới hạn lành mạnh và chính thống về tín lý, theo những điều kiện và kiến thức của tín hữu, cần phải làm sao để bảo đảm được rằng trong khi Người Mẹ này được tôn kính thì Người Con là Đấng nhờ Người mà tất cả mọi sự hiện hữu (cf Col 1:15-16) và trong Người chất chứa tất cả sự viên trọn theo ý Chúa Cha (cf Col 1:19), được thực sự nhận biết, yêu mến và tôn vinh cùng với việc tuân giữ các giới lệnh của Người" (Lumen gentium - 66).

Từ những ngày đầu tiên của Giáo Hội, lòng tôn sùng Thánh Mẫu đã được nhắm đến chỗ nuôi dưỡng việc trung thành gắn bó với Chúa Kitô. Việc tôn kính Mẹ Thiên Chúa là việc khẳng định thần tính của Chúa Kitô. Thật vậy, các Nghị Phụ của Công Đồng Êphêso, trong việc công bố Maria Theotókos, "Mẹ Thiên Chúa", đã có ý khẳng định niềm tin tưởng vào Chúa Kitô là Thiên Chúa thực.

Phần kết của trình thuật về phép lạ đầu tiên của Chúa Giêsu thực hiện ở cana bởi lời chuyển cầu của mẹ Maria, là những gì cho thấy làm sao mà tác động của Mẹ Maria đã được hướng đến chỗ tôn vinh Con của Mẹ. Thật vậy, vì Thánh Ký đã viết rằng: "Đây là dấu lạ đầu tiên này được Chúa Giêsu thực hiện ở Cana xứ Galilêa, và đã tỏ ra vinh hiển của Người; và các môn đệ đã tin vào người" (Jn 2:11).

3- Lòng tôn sùng Thánh Mẫu cũng phần khích việc tôn thờ Chúa Cha và Thánh linh nơi những ai thực thi nó theo tinh thần của Giáo Hội. Thật vậy, bằng việc nhìn nhận giá trị nơi vai trò làm mẹ của Mẹ Maria, các tín hữu khám phá thấy nơi nó một tỏ hiện đặc biệt tính dịu dàng của Thiên Chúa là Cha.

Mâu nhiệm về vị Trinh Mẫu này đề cao tác động của Thánh Linh, Đấng đã thực hiện việc thụ thai con trẻ trong lòng của mẹ và tiếp tục hướng dẫn đời sống của Mẹ.

Những tước hiệu Vị An Ủi, Vị Chữa Bào, Vị Cứu Giúp được qui cho Mẹ Maria bởi lòng đạo hạnh của dân Kitô giáo không làm lu mờ mà còn đề cao tác động của vị Thần Linh, của Đấng An Ủi, và dọn lòng cho tín hữu hưởng lợi ích từ các tặng ân của Ngài.

4- Sau hết, Công Đồng nhắc đến "tính cách đặc thù" của lòng sùng kính Thánh Mẫu và nhấn mạnh đến sự khác biệt giữa việc tôn thờ Thiên Chúa và việc tôn kính các thánh nhân.

Việc tôn sùng này là những gì bất khả tái diễn vì nó được qui hướng về một con người đặc thù về bản thân trọn lành và sứ vụ của mình.

Thật thế, các tặng ân được ban xuống cho Mẹ Maria bởi tình yêu thần linh, như tình trạng thánh thiện vô nhiễm của Mẹ, vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ, việc Mẹ hợp tác với công cuộc Cứu Chuộc và nhất là với hy tế Thập Giá, hoàn toàn là những gì ngoại thường. Việc tôn sùng Mẹ Maria thể hiện việc chúc tụng và nhìn nhận của Giáo Hội đối với những tặng ân phi thường ấy. Dân Kitô giáo hướng về Mẹ, Đấng là Mẹ của Giáo Hội và là Mẹ của nhân loại, một dân được tác động bởi lòng tin tưởng con cái, kêu xin việc chuyển cầu từ mẫu của Mẹ để đạt được những sự thiện cần thiết cho đời sống trần gian hướng về hạnh phúc vĩnh hằng.

Giáo Hội khuyến khích tín hữu tôn kính Mẹ Maria

Bài 68 - 29/10/1997

1- Sau khi công hiến việc chính đáng về tín lý đối với lòng tôn kính Đức Trinh Nữ, Công Đồng Chung Vaticanô II khuyến dụ tất cả mọi tín hữu hãy cố vững lòng tôn kính ấy như sau: "Thánh Công Đồng thận trọng giảng dạy tín lý Công giáo này và đồng thời cảnh giác tất cả mọi con cái của Giáo Hội rằng việc tôn sùng ấy, nhất là việc tôn sùng về phụng vụ, đối với Đức Trinh Nữ, cần phải được nhiệt tâm nuôi dưỡng, và những việc thực hành cũng như thi hành lòng tôn sùng đối với Mẹ, đã được khuyến khích bởi thẩm quyền giảng dạy của Giáo Hội qua các thế kỷ, cần phải được hết sức trân trọng" (Lumen gentium - 67).

Với câu cuối cùng này, các vị Nghị Phụ của Công Đồng, không đi vào những chi tiết đặc biệt, đã có ý tái khẳng định tính chất hiệu lực của một số kinh nguyện như Kinh Mân Côi và Kinh Truyền Tin, những gì thân thương với truyền thống của dân Kitô giáo và thường được khuyến khích bởi các vị Giáo

Hoàng như là một phương tiện hữu hiệu trong việc nuôi dưỡng đời sống đức tin và lòng sùng kính đối với Đức Trinh Nữ.

2- Bản văn của Công Đồng tiếp tục xin các tín hữu rằng "những sắc chỉ ấy, những sắc chỉ được ban bố trong những ngày xa xưa liên quan đến việc tôn kính các hình ảnh của Chúa Kitô, của Đức Trinh Nữ và của các thánh, cần phải được sốt sắng tuân giữ" (Lumen gentium - 67).

Như thế bản văn này lập lại các quyết định của Công Đồng Chung Nicaea II năm 787, một công đồng đã xác nhận tính chất hợp lý của việc tôn kính các ảnh tượng thánh, chống lại với những người muốn phá hủy chúng đi, vì họ coi chúng không thích đáng để làm tiêu biểu cho thần tính (cf Redemptoris Mater - 33). Các Nghị Phụ của Công Đồng này đã nói rằng: "Chúng tôi xác định một cách hoàn toàn chính xác và cần trọng rằng, như biểu hiệu của Thập Giá ban sự sống quý báu thế nào thì các hình ảnh thánh được tôn kính, dù được vẽ hay bằng vi thạch hoặc bởi bất cứ chất liệu xứng hợp nào khác, cần phải được trưng bày ở các thánh đường của Thiên Chúa, trên các vật dụng thánh và áo thánh, trên tường và cửa ở nhà và đường phố, vì chúng là hình ảnh về Chúa là Thiên Chúa và Đức Giêsu Kitô Cứu Thế của chúng ta, hay về Đức Mẹ vô nhiễm của chúng ta, Thiên Chúa Thánh Mẫu, về các

thánh thiên thần, hay về tất cả mọi thánh nhân và người công chính" (DS 600).

Bằng việc nhắc lại định nghĩa này, Hiến Chế *Lumen gentium* có ý nhấn mạnh đến tính chất hợp lý và hiệu năng của các hình ảnh thánh, phản lại với một số khuynh hướng muốn dẹp chúng khỏi các nhà thờ và đền thánh để chỉ hoàn toàn tập trung vào Chúa Kitô mà thôi.

3- Công Đồng Nicaea chẳng những xác nhận tính chất hợp lý của các hình ảnh mà còn tìm cách để diễn tả tính cách hữu dụng của chúng đối với lòng đạo đức Kitô giáo nữa: "Thật vậy, những hình ảnh này càng thường được chiêm ngắm thì những ai chiêm ngắm chúng càng được gọi nhớ và mong được những mô phạm nguyên thủy, và trong việc hôn kính chúng, họ tỏ ra kính trọng và sùng kính chúng" (DS 601).

Những điều hướng dẫn này áp dụng một cách đặc biệt đến việc sùng kính Đức Trinh Nữ. Các hình ảnh, các hình tượng và các bức tượng về Đức Mẹ, ở trong nhà, ngoài công cộng và vô số các nhà thờ và nguyện đường, giúp tín hữu kêu cầu sự hiện diện liên li của Mẹ và việc chở che bảo hộ từ ái của Mẹ ở những hoàn cảnh khác nhau trong đời. Bằng việc làm cho nổi dịu dàng từ mẫu của Đức Trinh Nữ trở thành cụ thể và hầu như hữu hình, những lời hướng

dẫn này mời gọi chúng ta hãy hướng về Mẹ, hãy tin tưởng nguyện cầu cùng Mẹ và hãy noi gương bắt chước Mẹ trong việc quảng đại chấp nhận ý muốn thần linh.

Không một hình ảnh được biết đến nào là sản phẩm đích thực về dung nhan của Mẹ Maria, như Thánh Âu Quốc Tinh đã nhận thấy (*De Trinitate*, 8, 7); tuy nhiên, chúng cũng giúp cho chúng ta thiết lập một mối liên hệ sống động hơn với Mẹ. Bởi thế, việc trưng bày hình ảnh về Mẹ Maria ở các nơi thờ phượng cũng như ở các dinh thự khác là những gì cần phải được khuyến khích, để nhận thức thấy việc trợ giúp của mẹ trong những lúc khó khăn cũng như để nhắc nhở hãy sống một cuộc đời càng ngày càng thánh đức hơn và trung thành với Thiên Chúa hơn.

4- Để phần khích việc sử dụng thích đáng các hình ảnh thánh, Công Đồng Nicaea đã nhắc nhở rằng: "việc tôn kính đối với hình ảnh thực sự là dành cho vị nó biểu hiệu, và những ai tôn kính hình ảnh ấy là tôn kính thực tại về vị được nó biểu hiệu" (DS 601). Bởi thế, trong việc tôn thờ Ngôi Vị Lời Nhập Thể nơi hình ảnh về Chúa Kitô, tín hữu đang thực hiện một tác động thực sự thờ phượng là tác động chẳng dính dáng gì với ngẫu tượng.

Tương tự như vậy, khi tôn kính những hình ảnh về Mẹ Maria, tác động của tín hữu tựu kỳ trung là có ý

tỏ lòng tôn kính bản thân của Người Mẹ Chúa Giêsu.

5- Bởi thế, Công Đồng Chung Vaticanô II thôi thúc các thần học gia và các giảng thuyết viên hãy kiềm chế khỏi hai thái cực quá đáng về cả tăng lẫn giảm phẩm vị đặc biệt của Mẹ Thiên Chúa. Công Đồng nói thêm rằng: "Theo đuổi việc nghiên cứu Thánh Kinh, các vị Giáo Phụ, các vị tiến sĩ và phụng vụ của Giáo Hội, theo sự hướng dẫn của Huấn Quyền của Giáo Hội, họ hãy thích đáng làm sáng tỏ các phần vụ và đặc ân của Đức Trinh Nữ là những gì bao giờ cũng qui về Chúa Kitô, nguồn mạch của tất cả sự thật, thánh thiện và lòng tôn sùng" (Lumen gentium - 67).

Tín lý Thánh Mẫu chân thực được đảm bảo bằng việc trung thành với Thánh Kinh và Thánh truyền, cũng như với các bản văn phụng vụ và Huấn Quyền. Đặc tính bất khả chiêm chước của nó đó là qui về Chúa Kitô, ở chỗ hết mọi sự nơi Mẹ Maria đều xuất từ Chúa Kitô và đều hướng về Người.

6- Sau hết, Công Đồng Chung Vaticanô II cố gắng hiến cho các tín hữu một vài tiêu chuẩn để sống một cách chân thực mối liên hệ con cái với Mẹ Maria: "Hơn nữa tín hữu hãy nhớ rằng lòng sùng kính đích thực không phải ở thứ cảm tình cần cỗi tạm bợ, hay ở một vài điều gì đó nhẹ dạ phù phiếm, mà nó cần phải

được xuất phát từ đức tin chân thực, nhờ đó chúng ta mới tiến đến chỗ nhận biết những gì là tuyệt vời nơi Người Mẹ của Thiên Chúa, và chúng ta mới có được một tình yêu con cái đối với Mẹ của chúng ta cũng như noi gương bắt chước các nhân đức của Mẹ" (Lumen gentium - 67).

Bằng những lời ấy, các Nghị Phụ Công Đồng đã cảnh giác dân chúng ngược lại với những gì có "tính cách nhẹ dạ phù phiếm" cũng như tính chất nặng về tình cảm. Các vị trên hết nhắm đến việc tái khẳng định lòng tôn sùng Thánh Mẫu chân thực, một lòng tôn sùng xuất phát từ đức tin và từ việc nhìn nhận phẩm vị của Mẹ Maria, một lòng tôn sùng nuôi dưỡng tình cảm con cái đối với Mẹ và tác động quyết tâm mãnh liệt coi gương bắt chước các nhân đức của Mẹ.

Các kinh nguyện bày tỏ lòng tôn sùng Thánh Mẫu

Bài 69 - 5/11/1997

1- Qua các thế kỷ, lòng tôn sùng Thánh Mẫu đã hoan hưởng một cuộc phát triển không bị lũng đoạn. Ngoài các lễ theo truyền thống phụng vụ được dâng kính Mẹ Chúa, còn diễn ra một mùa nở hoa với muôn vàn những bày tỏ đạo đức, thường được Huấn Quyền của Giáo Hội chuẩn nhận và khuyến khích.

Nhiều việc tôn sùng Thánh Mẫu và những lời cầu nguyện đã vươn tới cả chính phụng vụ và đôi khi đã góp phần vào việc làm phong phú toàn diện phụng vụ nữa, như trường hợp Giờ Kinh Phụng Vụ tôn kính Đức Trinh Nữ và các sáng tác khác đã trở thành một phần của Kinh Thần Vụ.

Lời thỉnh nguyện Thánh Mẫu được cho là đầu tiên từ thế kỷ thứ 3 bắt đầu bằng những lời: "Chúng con chạy đến cùng sự chở che bảo hộ của Mẹ (Sub tuum praesidium), Ôi Thiên Chúa Thánh Mẫu..." Tuy nhiên, từ thế kỷ 14, kinh nguyện thông dụng nhất nơi Kitô hữu vẫn là "Kinh Kính Mừng".

Bằng việc lập lại những lời đầu tiên thiên thần ngỏ cùng Mẹ Maria, tín hữu được dẫn đến chỗ chiêm ngưỡng màu nhiệm Nhập Thể. Tiếng Latinh "Ave" được chuyển dịch từ tiếng Hy Lạp "Chaire": nó là một lời mời gọi hãy vui mừng và có thể được chuyển dịch thành "hãy hân hoan - Rejoice". Bài thánh ca Đông Phương "Akathistos" nhấn mạnh

nhều lần đến chữ "vui lên" này. Trong lời "Kính mừng Maria", Đức Trinh Nữ được gọi là "đây ơn phúc" và vì thế Mẹ được nhìn nhận về sự trọn hảo và vẻ đẹp trong linh hồn của Mẹ.

Cụm từ "Chúa ở cùng bà" cho thấy mối liên hệ đặc biệt của Thiên Chúa với Mẹ Maria, một mối liên hệ xứng hợp với dự án cao cả về giao ước của Ngài đối với toàn thể nhân loại. Tiếp đến là câu "Bà có phúc hơn mọi người nữ và Giêsu Con lòng bà gồm phúc lạ" cho thấy việc nên trọn của dự án thần linh nơi thân thể đồng trinh của người Nữ Tử Sion.

Khi kêu lên "Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời" là Kitô hữu kêu xin vị là Người Mẹ vô nhiễm của Chúa nhờ đặc ân chuyên biệt rằng: "Cầu cho chúng con là kẻ có tội", và phó thác bản thân mình cho Mẹ khi nay và trong giờ lâm tử.

2- Kinh "Truyền Tin" truyền thống cũng kêu mời Kitô hữu hãy suy niệm về mầu nhiệm Nhập Thể, thôi thúc họ hãy lấy Mẹ Maria như điểm nương tựa của mình vào những lúc khó khăn trong ngày sống của họ để bắt chước sự sẵn sàng của Mẹ trong việc hoàn trọn dự án cứu độ thần linh. Kinh nguyện này làm cho chúng ta sống lại một cách nào đó đại biến cố ấy trong lịch sử loài người, biến cố Nhập Thể mà hết mọi lời kinh "Kính Mừng Maria" qui về. Ở đây chúng ta thấy được giá trị và sức thu hút của Kinh

"Truyền Tin", được diễn đạt rất nhiều lần chẳng những bởi các thần học gia và các vị mục tử mà còn bởi các thi sĩ và họa sĩ nữa.

Nơi lòng tôn sùng Thánh Mẫu, Kinh Mân Côi đã chiếm một vai trò quan trọng. Bằng cách lập lại kinh "Kính Mừng", nó dẫn chúng ta đến chỗ chiêm ngưỡng các mầu nhiệm đức tin. Trong việc nuôi dưỡng lòng yêu mến của dân Kitô giáo đối với Người Mẹ của Thiên Chúa, kinh nguyện đơn sơ giản dị này cũng hướng kính nguyện Thánh Mẫu đến đích điểm của nó một cách rõ ràng hơn đó là tôn vinh Chúa Kitô.

Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, như các vị Tiền Nhiệm của ngài, đặc biệt là Đức Iêhô XIII, Đức Piô XII và Đức Gioan XXIII, đã rất trân trọng việc lần chuỗi Mân Côi và muốn nó được lan truyền rộng rãi nơi các gia đình. Hơn nữa, trong Tông Huấn Marialis Cultus, ngài đã giải thích tín lý của nó bằng cách nhắc lại rằng nó là một "kinh nguyện Phúc Âm, tập trung vào mầu nhiệm Nhập Thể cứu chuộc", và nhấn mạnh đến "chiều hướng Kitô học rõ ràng" của nó (khoản 46).

Lòng đạo đức phổ thông thường thêm một kinh cầu vào Kinh Mân Côi nữa. Kinh cầu được biết đến nhất là kinh cầu được sử dụng ở Đền Thánh Loreto và vì thế nó được gọi là "kKinh Cầu Loreto".

Bằng những lời kêu cầu rất đơn sơ giản dị nó giúp chúng ta tập trung vào con người của Mẹ Maria để nắm bắt được những kho tàng thiêng liêng được tình yêu thương của Chúa Cha tuôn đổ xuống trên Mẹ.

3- Như phụng vụ và lòng đạo đức Kitô hữu cho thấy, Giáo Hội bao giờ cũng coi trọng việc tôn sùng đối với Mẹ Maria, coi nó có liên hệ bất khả phân lý với niềm tin tưởng vào Chúa Kitô. Thật vậy, nó được căn cứ vào dự án của Chúa Cha, ý muốn của Chúa Cứu Thế và thần hứng của Đấng Cầu Bầu.

Lãnh nhận ơn cứu độ và ân sủng từ Chúa Kitô, Đức Trinh Nữ được kêu gọi đóng một vai trò quan trọng trong việc cứu chuộc loài người. Qua lòng tôn sùng Thánh Mẫu, Kitô hữu nhìn nhận giá trị của việc Mẹ Maria hiện diện trong cuộc hành trình của họ tiến đến ơn cứu độ, khi chạy đến cùng Mẹ để được hết mọi loại ân sủng. Nhất là họ biết rằng họ có thể tin tưởng cậy trông vào việc chuyển cầu từ mẫu của Mẹ để nhận được từ Chúa hết mọi sự cần thiết cho việc tăng trưởng trong đời sống thần linh cũng như cho việc chiếm đạt ơn cứu độ đời đời.

Như nhiều tước hiệu được qui cho Đức Trinh Nữ và các cuộc hành hương liên tục đến các đền Thánh mẫu chứng thực, niềm tin tưởng của tín hữu nơi

Người Mẹ của Chúa Giêsu đang thôi thúc họ kêu cầu mẹ cho các nhu cầu hằng ngày của họ.

Họ tin tưởng rằng trái tim từ mẫu của Mẹ không thể đứng đưng lạnh lùng trước tình trạng buồn thương về thể lý và tinh thần của con cái Mẹ.

Bằng việc phấn khích niềm cậy trông và tính tự phát của tín hữu, lòng tôn sùng Người Mẹ của Thiên Chúa nhờ vậy giúp làm rạng ngời đời sống thiêng liêng của họ và giúp họ có thể tiến bộ trên con đường gay go của các mối Phúc Đức.

4- Sau hết, chúng ta muốn nhắc nhở rằng lòng sùng kính Mẹ Maria, bởi đề cao chiều kích nhân loại của mầu nhiệm Nhập Thể, giúp chúng ta nhận thức hơn nữa dung nhan của một vị Thiên Chúa chia sẻ các niềm vui và nỗi khổ của nhân loại, vị "Thiên Chúa ở cùng chúng ta", Đấng Mẹ đã thụ thai như một con người trong cung lòng tinh tuyền nhất của Mẹ, đã hạ sinh, chăm sóc và theo dõi bằng một tình yêu khôn tả từ những ngày của Người ở Nazaret và Belem đến những ngày của Thập Giá và Phúc Sinh.

Vấn đề tôn kính Thánh Mẫu nơi anh chị em ly khai

Bài 70 - 12/11/1997

1- Sau khi giải thích về mối liên hệ giữa Mẹ Maria và Giáo Hội, Công Đồng Chung Vaticanô II hân hoan nhận định rằng Đức Trinh Nữ cũng được tôn kính bởi anh chị em Kitô hữu không thuộc về cộng đồng Công giáo: "Thật là vui mừng và an ủi cho Thánh Công Đồng này là nơi anh chị em ly khai cũng có những người tỏ lòng tôn kính xứng hợp với Người Mẹ của Chúa chúng ta và là Đấng Cứu Thế của chúng ta..." (Lumen gentium - 69; cf. Redemptor Mater - 29-34). Về sự kiện này, chúng ta có thể nói rằng vai trò làm mẹ phổ quát của Mẹ Maria, cho dù nó gây chia rẽ giữa Kitô hữu thật hết sức đáng buồn, cũng cho thấy một dấu hiệu lớn lao hy vọng cho cuộc hành trình đại kết.

Nhiều cộng đồng Thệ Phán, vì một quan niệm riêng biệt về ân sủng và về giáo hội học, đã tỏ ra chống đối tín lý và việc sùng kính Thánh Mẫu, chủ trương rằng việc hợp tác của Mẹ Maria vào công cuộc cứu

độ là những gì gây tổn hại cho vai trò môi giới đặc thù của Chúa Kitô. Bởi thế vấn đề tôn sùng Maria sẽ đối chọi một cách nào đó với việc tôn kính dành cho Người Con.

2- Tuy nhiên, trong những năm gần đây, việc nghiên cứu sâu rộng hơn nữa về ý nghĩa của các Nhà Cải Cách tiên khởi đã làm sáng tỏ những chủ trương cởi mở hơn với tín lý Công giáo. Các bản văn của Lutherô chẳng hạn cho thấy lòng yêu mến và sự tôn kính đối với Mẹ Maria, vị được xưng tụng là mô phạm của mọi nhân đức: ông đề cao thánh đức cao cả của Người Mẹ Thiên Chúa và có những lúc xác nhận đặc ân Hoài Thai Vô Nhiễm Tội, cùng niềm tin với các Nhà Cải Cách khác về trạng thái trọn đời đồng trinh của Mẹ Maria.

Việc nghiên cứu về tư tưởng của Luther và Calvin, cũng như việc phân tích một số bản văn của các Kitô hữu Tin Lành, đã góp phần vào sự chú ý mới của một số anh chị em Thệ Phản và Anh Giáo về các đề tài khác nhau trong tín lý Thánh Mẫu học.

Một số thậm chí đã tiến đến chỗ có những chủ trương rất gần với những chủ trương của anh chị em Công giáo liên quan tới các điểm nòng cốt về tín lý Thánh Mẫu, chẳng hạn như vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ, đức đồng trinh của Mẹ, sự thánh thiện của Mẹ và vai trò làm mẹ thiêng liêng của Mẹ.

Mối quan tâm về việc nhấn mạnh đến sự hiện diện của nữ giới trong Giáo Hội đang phần khích nỗ lực nhìn nhận vai trò của Mẹ Maria trong lịch sử cứu độ.

Tất cả những sự kiện này là những lý do rất nhiều để hy vọng về cuộc hành trình đại kết. Những anh chị em Công giáo có một ước muốn sâu xa làm sao để có thể chia sẻ với tất cả mọi anh chị em của mình trong Chúa Kitô niềm vui xuất phát từ sự hiện diện của Mẹ Maria trong đời sống theo Thần Linh.

3- Trong số những người anh em "dâng lòng tôn kính xứng đáng lên Người Mẹ của Chúa và là Đấng Cứu Thế của chúng ta", Công Đồng đã đề cập đến anh chị em Kitô hữu Đông phương, "những người tỏ lòng tôn kính Người Mẹ của Thiên Chúa Trinh Nguyên bằng một tâm trí thiết tha và tác động nhiệt tình" (Lumen gentium - 69).

Như chúng ta có thể thấy nơi nhiều điều bày tỏ lòng tôn sùng của họ, việc tôn kính Mẹ Maria cho thấy một yếu tố quan trọng về mối hiệp thông giữa anh chị em Công giáo và Chính Thống giáo.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bất đồng liên quan tới hai tín điều Hoài Thai Vô Nhiễm và Mông Triệu, cho dù những chân lý này trước hết đã được dẫn giải bởi một số thần học gia Đông phương - chỉ cần

nhắc lại các đại tác giả như Grogory Palamas († 1359), Nicholas Cabasilas († sau 1369) và George Scholarios († sau 1472).

Tuy nhiên, những bất đồng này có lẽ là vấn đề về công thức hơn là về nội dung và không bao giờ được làm cho chúng ta quên niềm tin chung của chúng ta nơi vai trò làm mẹ thần linh của Mẹ Maria, tình trạng trọn đời đồng trinh của Mẹ, sự thánh thiện trọn hảo của Mẹ và việc chuyển cầu từ mẫu của Mẹ với Con của Mẹ. Như Công Đồng Chung Vaticanô II đã nhắc nhở, "cái động lực nhiệt tình" và "tâm trí thiết tha" này là những gì nối kết anh chị em Công giáo và Chính Thống giáo nơi lòng tôn sùng đối với Người Mẹ của Thiên Chúa.

4- Ở cuối Hiến Chế Ánh sáng Muôn Dân, Công Đồng mời gọi chúng ta hãy ký thác mỗi hiệp nhất Kitô hữu cho Mẹ Maria: "Toàn thể cộng đồng tín hữu tuôn tràn những lời thỉnh nguyện khẩn trương dâng lên Mẹ Thiên Chúa và Mẹ của loài người để Mẹ, vị đã trợ giúp thuở ban đầu của Giáo Hội bằng lời nguyện cầu của Mẹ, giờ đây, được nâng lên trên tất cả thiên thần và các thánh, Mẹ chuyển cầu cùng Con Mẹ cùng hiệp thông với tất cả các thánh" (ibid.)

Như sự hiện diện của Mẹ Maria trong cộng đồng ban sơ đã nuôi dưỡng cái duy nhất của lòng trí, cái duy nhất mà việc nguyện cầu đã củng cố và trở nên

hữu hình (cf Acts 1:14) thế nào thì cũng vậy mối hiệp thông mãnh liệt nhất với Mẹ là vị được Thánh Âu Quốc Tinh gọi là "Mẹ của sự hiệp nhất" (*Sermo 192, 2; PL 38, 1013*) mới có thể đưa Kitô hữu đến chỗ hoan hưởng tặng ân hiệp nhất đại kết hằng mong đợi đã lâu.

Chúng ta không ngừng cầu chùng Đức Trinh Nữ để, như thuở ban đầu Mẹ đã nâng đỡ cuộc hành trình của mối hiệp nhất nên một của cộng đồng Kitô hữu bằng lời nguyện cầu và việc loan báo Phúc Âm thế nào thì ngày nay cũng thế Mẹ chuyển cầu cho sự hòa giải và hiệp thông trọn vẹn nơi tất cả mọi tín hữu tin vào Chúa Kitô.

Là Mẹ của nhân loại, Mẹ Maria biết rõ các nhu cầu và khát vọng của nhân loại. Công Đồng đặc biệt xin Mẹ chuyển cầu để "tất cả mọi gia đình của dân chúng, cho dù họ được vinh hạnh với danh xưng Kitô hữu hay họ vẫn chưa nhận biết Chúa Kitô, có thể hân hoan cùng nhau được qui tụ lại trong an bình và hòa hợp thành một Dân Chúa duy nhất, cho vinh quang của Ba Ngôi Chí Thánh Bất Phân" (*Lumen gentium - 69*).

Bình an, hòa hợp và hiệp nhất là những gì Giáo Hội và nhân loại hy vọng dường như vẫn còn xa vời lắm. Tuy nhiên, chúng là một tặng ân của Thần Linh cần phải được liên li tìm kiếm, như chúng ta biết

được từ Mẹ Maria và tin tưởng vào việc chuyển cầu của Mẹ.

5- Với lời thỉnh cầu này, Kitô hữu chia sẻ niềm mong đợi của Mẹ, vị, được tràn đầy nhân đức cậy, bảo trì Giáo Hội trong cuộc hành trình hướng tiến về tương lai với Thiên Chúa.

Chiếm được hạnh phúc cho mình vì Mẹ "đã tin rằng những gì Chúa phán cùng mình sẽ được nên trọn" (Lk 1:45), Đức Trinh Nữ đồng hành với tín hữu - và với toàn thể Giáo Hội - nhờ đó ở trên thế gian này, giữa niềm vui và nỗi khổ trong đời sống này, họ có thể trở thành các ngôn sứ đích thực của niềm hy vọng không bao giờ thất vọng.

Mẹ Maria Là Mô Phạm của Chúng Ta và Là Vị Dẫn Dắt Chúng Ta trong Đức Tin

Bài 71 – 6/5/1998

Mỗi phúc thứ nhất được Phúc Âm kể đến là mỗi phúc về đức tin và mỗi phúc này được qui về trường hợp Mẹ Maria: “Phúc cho Người là vị đã tin” (Lk.1:45). Bà Isave đã nói những lời này để nhấn mạnh đến sự tương phản giữa việc không tin tưởng của ông Zacaria và lòng tin của Mẹ Maria. Khi được tin về việc con mình sẽ hạ sinh, ông Zacaria đã cảm thấy khó tin, cho rằng không thể nào xảy ra được, vì cả ông lẫn vợ ông đều đã luống tuổi rồi.

Khi được Truyền Tin, Mẹ Maria đã phải đối diện với một sứ điệp còn lạ lùng hơn nữa, đó là một dự định muốn Mẹ làm mẹ của Đấng Thiên Sai. Tuy không tỏ ra hồ nghi gì về điều này, Mẹ vẫn cảm thấy cần phải hỏi xem làm thế nào đức đồng trinh mà Mẹ cảm thấy được kêu gọi để sống có thể dung hợp được với ơn gọi làm mẹ. Để trả lời cho thiên thần, vị cho

Mẹ thấy rằng thần năng sẽ thực hiện qua Thần Linh, Mẹ Maria đã khiêm tốn và quảng đại nhận lời.

Ở vào giây phút độc nhất vô nhị này của lịch sử loài người, đức tin đã đóng một vai trò quyết liệt. Thánh Augustinô đã có lý nói rằng: “Đức Kitô được tin nhận và thụ thai bởi đức tin. Trước hết là đức tin phải thể hiện nơi cõi lòng Đức Trinh Nữ, rồi sau đó mới tới việc sinh hoa trái nơi cung dạ của người mẹ này” (*Sermo 293, PL 38, 1327*).

2- Nếu chúng ta muốn chiêm ngưỡng chiều sâu nơi đức tin của Mẹ Maria thì đoạn Phúc Âm về tiệc cưới Cana rất thích hợp. Thấy việc thiếu rượu xảy ra, Mẹ Maria đã có thể tìm một cách giải quyết vấn đề theo kiểu loài người nào đó trong tầm tay của mình, thế nhưng, Mẹ đã không ngần ngại quay ngay sang Chúa Giêsu: “Họ hết rượu rồi” (Jn.2:3). Mẹ biết rằng Chúa Giêsu không có sẵn rượu; do đó, có thể nói rằng Mẹ đang xin một phép lạ. Và lời yêu cầu của Mẹ lại càng táo bạo hơn nữa vì cho tới bấy giờ Chúa Giêsu vẫn chưa làm một phép lạ nào. Tác hành như thế, chắc chắn Mẹ đã tuân theo một thúc động bên trong, vì, theo dự án thần linh, đức tin của Mẹ phải đến trước việc Chúa Giêsu bắt đầu tỏ hiện quyền năng thiên sai của mình, như nó đã tới trước việc Người đến trần gian vậy. Mẹ đã là hiện thân cho thái độ được Chúa Giêsu khen ngợi đối với các

tín hữu đích thực trong mọi thời là “Phúc cho những ai không thấy mà tin” (Jn.20:29).

3- Đức tin mà Mẹ Maria được kêu gọi sống không phải là một đức tin dễ dàng. Ngay cả trước bữa tiệc cưới Cana, khi suy niệm về những lời và hành động của Con, Mẹ đã phải vận dụng đến một đức tin sâu xa. Đoạn kể về việc Chúa Giêsu bị thất lạc ở trong đền thờ là một điển hình, khi Mẹ và thánh Giuse đang sầu muộn thì nghe thấy câu trả lời: “Các người tìm kiếm Tôi làm gì? Các người không biết rằng Tôi phải ở trong nhà của Cha Tôi hay sao?” (Lk.2:49). Thế nhưng, ở đây, tại tiệc cưới Cana, câu Chúa Giêsu trả lời cho điều Mẹ yêu cầu có vẻ rõ hơn và nản hơn: “Bà ơi, điều ấy có liên quan chi đến Tôi và bà? Giờ Tôi chưa đến?” (Jn.2:4). Theo ý hướng của Phúc Âm Thứ Bốn, lúc ấy chưa phải là giờ Chúa Giêsu công khai tỏ mình ra, càng không phải là giờ cho rằng đã đến lúc hệ trọng nơi thời giờ tối hậu của Chúa Giêsu (x.7:30,12:23,13:1,17:1), thời giờ mà hoa trái thiên sai của ơn cứu chuộc và của Thần Linh được tiêu biểu thực sự nơi rượu như là một biểu hiệu cho sự phong phú và niềm vui. Thế nhưng, vấn đề ở đây là thời giờ đó, theo ý muốn tối thượng của Chúa Cha, chưa đến được theo thứ tự thời gian, đã gây nên một trở ngại hình như không thể nào thắng vượt.

Tuy nhiên, Mẹ Maria vẫn không rút lại lời yêu cầu của mình, đến nỗi Mẹ đã kéo theo cả một nhóm hầu tặc vào việc làm hoàn tất phép lạ cầu mong: “Hãy làm những gì Người bảo làm” (Jn.2:5). Bằng tấm lòng đơn thành và mức độ đức tin sâu xa của Mẹ, Mẹ đã phóng tầm mắt ra ngoài ý nghĩa hẹp hòi của những lời của Chúa Giêsu. Mẹ đã trực giác được vực thăm khôn cùng và mạch nguồn vô tận của tình thương thần linh và không nghi ngờ việc đáp ứng ưu ái của Con Mẹ. Phép lạ đã thực sự đáp lại đức tin kiên trì của Mẹ.

Thế nên Mẹ Maria đã tỏ ra như một mẫu gương tin tưởng vào Chúa Giêsu, một đức tin vượt trên tất cả mọi trở ngại.

4- Cuộc sống công khai của Chúa Giêsu cũng là một thử thách đối với đức tin của Mẹ Maria. Một mặt, cuộc sống của Người hiến cho Mẹ niềm vui trong việc nhận biết rằng việc Chúa Giêsu rao giảng và làm phép lạ đã khiến cho rất nhiều người ca ngợi và tin nhận. Mặt khác, Mẹ cũng buồn phiền nhận thấy rằng việc chống đối càng dữ dội hơn nơi người Pharisiêu, nơi những vị tiến sĩ luật cũng như nơi hàng giáo sĩ.

Người ta có thể mừng tượng thấy được Mẹ Maria đã khổ sở biết bao bởi việc không tin tưởng này, một việc tin tưởng mà Mẹ cũng thấy nơi cả các thân

thuộc của Mẹ: thành phần được gọi là “anh em của Chúa Giêsu”, tức là thành phần thân thuộc của Người, thành phần không tin vào Người và cắt nghĩa hành vi cử chỉ của Người như bởi tham vọng mà ra (x.Jn.7:2-5).

Mặc dầu Mẹ Maria buồn khi nghe thấy những bất hòa nơi thân thuộc của mình, Mẹ cũng không dứt tình nghĩa với họ, thành phần chúng ta thấy ở với Mẹ nơi cộng đồng tiên khởi đợi chờ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống (x.Acts 1:14). Mẹ Maria đã lấy lòng nhân hậu và yêu thương để làm cho kẻ khác thông phần với đức tin của Mẹ.

5- Trong thảm kịch Canvê, đức tin của Mẹ Maria cũng không hề xao xuyến. Đối với đức tin của các môn đệ thì thảm cảnh này thật là quá sức. Chỉ nhờ có tác dụng của lời Chúa Giêsu cầu nguyện mà Phêrô, cùng với các tông đồ khác cũng bị thử thách, đã có thể tiếp tục theo con đường đức tin để trở nên các chứng nhân cho việc Chúa Phục Sinh.

Khi viết rằng Mẹ Maria đứng dưới chân Thập Giá, Thánh ký Gioan (x.19:25) cho chúng ta thấy rằng Mẹ Maria vẫn đầy can đảm trong giây phút khẩn trương nhất. Giây phút khẩn trương này thực là giai đoạn khó vượt nhất trong “cuộc hành trình đức tin” của Mẹ (x.*Hiển Chế Lumen Gentium*, đoạn 58). Thế nhưng, vì Mẹ vẫn vững mạnh đức tin nên Mẹ đã có

thể đứng đó. Bị thử thách, Mẹ Maria vẫn tiếp tục tin rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa và tin rằng, bằng hy hiến của Người, Người sẽ biến đổi định mệnh con người.

Việc Chúa Phục Sinh là một xác nhận tối hậu cho đức tin của Mẹ Maria. Đức tin vào Chúa Kitô phục sinh nơi tấm lòng của Mẹ, hơn hết mọi tấm lòng khác, đã chiếm được một niềm vui mừng trọn vẹn và đích thực nhất.

Vai trò làm mẹ của Đức Maria gắn liền với Thần Linh

Bài 72 – 9/12/1998

Để đức kết loạt bài suy niệm của chúng ta về Chúa Thánh Thần vào năm dành để kính Ngài trong cuộc chúng ta hành trình tiến đến Đại Năm Thánh này, chúng ta hãy ngược nhìn lên Mẹ Maria. Lời Mẹ ưng thuận lúc Truyền Tin 2000 năm trước đây đã mở màn cho một tân sử của nhân loại. Thật vậy, Con Thiên Chúa đã hóa thành nhục thể và ở giữa chúng ta lúc Mẹ Maria thưa với thiên thần: “Này tôi là nữ tỳ Chúa; xin hãy thực hiện nơi tôi như lời ngài” (Lk.1:38).

Việc Mẹ Maria cộng tác với Chúa Thánh Thần trong ngày Truyền Tin và Thăm Viếng đã cho thấy thái độ Mẹ liên tục tuân theo các tác động của Đấng An Ủi. Ý thức được mầu nhiệm về Người Con thần linh của mình, Mẹ Maria đã phó mình cho Thần Linh dẫn dắt để Mẹ tác hành cách xứng hợp với sứ vụ làm mẹ của Mẹ. Là một người nữ cầu nguyện đích thực, Đức Trinh Nữ đã xin Chúa Thánh Thần hoàn tất công việc đã được bắt đầu từ cuộc thụ thai, để Con của Mẹ được lớn lên “trong khôn ngoan và tầm vóc, đẹp lòng Thiên Chúa và loài người” (Lk.2:52). Như thế, Mẹ Maria đã tỏ mình ra như là một mô phạm cho các người làm cha làm mẹ, khi Mẹ cho họ thấy nhu cầu cần phải kêu xin cùng Chúa Thánh Thần để tìm ra đường lối đúng đắn trong việc giáo dục khó khăn.

2- Câu chuyện hiến dâng Chúa Giêsu trong đền thờ cũng trùng hợp với việc can thiệp quan trọng của Chúa Thánh Thần. Mẹ Maria và Thánh Giuse lên đền thờ để “trình” (x.Lk.2:22), tức là để dâng Chúa Giêsu theo luật Moisen, khoản luật ấn định việc chuộc lấy con trai đầu lòng cũng như việc thanh tẩy người mẹ. Bởi cảm nghiệm được ý nghĩa sâu xa của nghi thức nói lên việc hiến dâng chân thành này, các ngài đã được những lời của ông già Simêon theo ơn thúc đẩy đặc biệt của Thánh Linh nói lên soi sáng.

Trình thuật của Thánh Luca rõ ràng nhấn mạnh đến ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần nơi đời sống của người đàn ông già cả này. Ông đã được Thần Linh hứa là ông sẽ không chết trước khi được nhìn thấy Đấng Thiên Sai. Vì thế mà, “theo Thần Linh đánh động, ông đã vào đền thờ” (Lk.2:27), cũng vừa lúc Mẹ Maria và Thánh Giuse mang con trẻ tới đó. Bởi thế, chính Chúa Thánh Thần đã là Đấng sắp xếp cuộc gặp gỡ này xảy ra. Chính Ngài là Đấng khởi hứng nơi ông già Simêon một khúc ca để cử hành cho tương lai của một em nhỏ xuất hiện như “ánh sáng chiếu soi Dân Ngoại” và “vinh quang của dân Người” (Lk.2:23). Mẹ Maria và Thánh Giuse lạ lùng về những lời quảng diễn ấy về sứ vụ của Chúa Giêsu bao gồm tất cả mọi dân nước.

Rồi cũng chính Thần Linh là Đấng khiến cho ông Simêon nói lên lời tiên tri sâu thương: đó là Chúa Giêsu sẽ trở nên “một dấu hiệu phản khắc” và sẽ thành “một lưỡi gươm đâm thấu tâm hồn (Mẹ Maria)” (Lk.2:34, 35). Qua những lời này, Chúa Thánh Thần đã giúp cho Mẹ Maria dọn mình chịu đựng một thử thách cả thể đang đợi chờ Mẹ, và làm cho lễ nghi Mẹ hiến dâng Con Mẹ có một giá trị yêu thương hy hiến. Khi Mẹ Maria nhận lại Con mình từ tay ông già Simêon, Mẹ đã hiểu được rằng, Mẹ lãnh lấy Người là để hy hiến Người. Vai trò mẫu thân của Mẹ dính dáng đến định mệnh của Chúa Giêsu, và

những gì phản chống Người đều chạm đến cả trái tim Mẹ nữa.

3- Việc Mẹ Maria hiện diện dưới chân Thập Giá là dấu hiệu nói lên rằng Mẹ đã đi cho đến cùng con đường sầu thương do Chúa Thánh Thần phác tả qua miệng của ông già Simêon.

Qua những lời Chúa Giêsu phán trên đồi Canvê với Mẹ Người cũng như với môn đệ yêu dấu của Người, chúng ta thấy một đặc điểm khác của tác động Chúa Thánh Thần: đó là việc Chúa Thánh Thần muốn bảo đảm cho hy tế của Chúa Giêsu sinh hoa kết trái. Chính những lời của Chúa Giêsu cho thấy phương diện “Thánh Mẫu” nơi việc sinh hoa kết trái này: “Này bà, đó là người con của bà!” (Jn.19:26). Chúa Thánh Thần không rõ ràng tỏ hiện nơi những lời này. Thế nhưng, vì biến cố Thập Giá cũng như toàn thể cuộc đời của Chúa Kitô đều diễn tiến trong Chúa Thánh Thần (xem Thông điệp *Dominum et Vivificantem*, đoạn 40-41), nên cũng trong cùng một vị Thần Linh ấy mà Chúa Cứu Thế đã xin Mẹ Người hợp với hy tế của Con Mẹ để mẹ trở nên mẹ của đoàn con đông đúc. Vị Thần Linh này muốn bảo đảm là hy sinh cao cả ấy của Mẹ Chúa Giêsu phải trở sinh muôn vàn hoa trái: Mẹ đóng một vai trò làm mẹ mới bao gồm tất cả mọi người nam nữ.

Từ Thập Giá, Đấng Cứu Thế muốn đổ xuống trên nhân loại những giòng sông chảy nước sự sống (x.Jn.7:38), tức là đổ xuống dồi dào Thánh Linh. Thế nhưng, Người muốn việc trào đổ ân sủng này phải được gắn liền với dung nhan của một người mẹ, Mẹ của *Người*. Vậy Mẹ Maria đã hiện lên như một tân Evà, một người mẹ sinh linh, hay Nữ Tử Sion, người mẹ của tất cả mọi dân nước. Tặng ân mẫu thân phổ quát này được bao gồm trong sứ vụ cứu chuộc của Đấng Thiên Sai: “Sau đó, biết rằng tất cả đã hoàn tất, Chúa Giêsu...”, Thánh Ký viết lời này ngay sau hai câu: “Này bà, người con của bá đó!” và “Đó là người mẹ của con!” (Jn.19:26-28).

Nơi khung cảnh này, chúng ta có thể hiểu được sự hòa điệu của ý định Thiên Chúa liên quan đến vai trò của Mẹ Maria trong tác động cứu độ của Chúa Thánh Thần. Nơi mầu nhiệm Nhập Thể, Mẹ đã đóng một vai trò trọng yếu trong việc Mẹ cộng tác với Thần Linh; nơi mầu nhiệm hạ sinh và tăng trưởng con cái Thiên Chúa, việc trợ giúp từ mầu của Mẹ Maria cũng gắn liền với tác động của Chúa Thánh Thần.

4- Theo ý nghĩa của lời Chúa Giêsu nói trên đồi Canvê, việc Mẹ Maria hiện diện nơi cộng đoàn môn đệ để chờ ngày Lễ Ngũ Tuần đạt được ý nghĩa trọn vẹn của mình. Thánh Luca, vị thánh ký đã chú trọng đến vai trò của Mẹ Maria trong cuộc hạ sinh của

Chúa Giêsu, cũng muốn nhấn mạnh đến việc hiện diện quan trọng của Mẹ trong cuộc Giáo Hội được hạ sinh. Cộng đoàn này qui tụ chẳng những các vị Tông Đồ và các vị môn đệ, còn cả những người phụ nữ nữa, mà người nữ duy nhất được Thánh Luca kể đến tên là “Đức Maria, Mẹ của Chúa Giêsu” (Acts 1:14).

Thánh Kinh đã cho chúng ta thấy một chi tiết khác về Mẹ Maria sau thảm kịch Canvê. Thế nhưng, cần phải biết rằng, Mẹ cũng đã thông dự vào đời sống cộng đồng Giáo Hội sơ khai và vào việc đồng tâm nhất trí sốt sắng nguyện cầu. Mẹ chắc chắn đã có mặt nơi cuộc tuôn tràn Thần Linh vào ngày Lễ Ngũ Tuần. Vị Thần Linh đã ngự trị nơi Mẹ Maria, làm nên những kỳ công ân sủng nơi Mẹ, bấy giờ lại xuống với lòng Mẹ, thông ban những tặng ân và đoàn sủng cần thiết cho việc Mẹ thực hiện vai trò làm mẹ thiêng liêng của mình.

5- Mẹ Maria tiếp tục thực thi trong Giáo Hội vai trò mẫu thân đã được Chúa Kitô ủy thác cho Mẹ. Trong sứ vụ từ mẫu này, người nữ tỳ khiêm hạ của Chúa không tranh giành vai trò của Chúa Thánh Thần; trái lại, Mẹ được vị Thần Linh này kêu gọi cộng tác với Ngài trong vai trò làm mẹ. Ngài tiếp tục làm cho Giáo Hội nhớ lại lời Chúa Giêsu nói với người môn đệ đầu yêu: “Đó là người mẹ của con!”, và mời gọi các tín hữu yêu mến Mẹ Maria như Chúa

Kitô đã mến yêu Mẹ. Một khi mối liên hệ với Mẹ Maria càng trở nên sâu đậm thì tác động của Thần Linh trong đời sống Giáo Hội lại càng sinh hoa kết trái hơn.

Mẹ Maria

Nữ Tử Dấu Ái của Chúa Cha

Bài 73 – 5/1/2000

1- Sau mấy ngày mở màn cho Cuộc Đại Mừng Kỷ Niệm, hôm nay, Tôi muốn bắt đầu Buổi Triều Kiến Chung lần đầu tiên trong Năm 2000 đây bằng việc gửi đến hết mọi người lời chúc mừng thân ái nhất của Tôi cho Năm Mừng Kỷ Niệm: chớ gì Năm Mừng Kỷ Niệm này thực sự là một thời gian ân sủng, hòa giải và canh tân nội tâm.

Năm ngoái đây, năm cuối cùng để sửa soạn gần cho Cuộc Mừng Kỷ Niệm, chúng ta đã cùng nhau suy niệm về mầu nhiệm Chúa Cha. Hôm nay đây, để chấm dứt loạt bài suy niệm ấy, cũng là để đặc biệt mở đầu cho loạt bài giáo lý về Năm Thánh, một lần

nữa, chúng ta hãy ưu ái hướng đến con người của Đức Maria.

Nơi Mẹ, “Nữ Tử đầu ái của Chúa Cha” (Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân, đoạn 53), dự án thần linh yêu thương nhân loại được tỏ hiện. Vì nhắm tuyển lựa Mẹ làm mẹ cho Con của mình, Chúa Cha đã chọn Mẹ giữa tất cả mọi tạo vật và đã nâng Mẹ lên tới một phẩm vị cao cả nhất cũng như lên tới một sứ vụ trọng đại nhất trong việc phục vụ dân của Ngài.

Dự án của Chúa Cha bắt đầu được mạc khải qua “Protoevangelium” (phúc âm tiên khởi), khi mà, sau lúc Adong và Evà sa ngã phạm tội, Thiên Chúa loan báo cho biết rằng Ngài sẽ gây mối thù giữa con rắn và người nữ: chính người con trai của người nữ sẽ đạp nát đầu con rắn (x.Gen 3:15).

Lời hứa này đã được nên trọn trước hết ở biến cố Truyền Tin, khi Mẹ Maria được mời gọi trở nên một Người Mẹ của Đấng Cứu Thế.

2- “Hãy vui lên hỡi đầy ân phúc” (Lk 1:28). Lời đầu tiên Chúa Cha nói với Mẹ Maria, qua thiên thần của Ngài, là một thể thức chào mừng có thể được coi như một lời kêu mời hãy hân hoan vui mừng, một lời kêu mời âm vang lời tiên tri Zacaria nói với toàn thể dân Yến Duyên: “Hãy vui mừng hơn hở, hỡi nữ

tử Sion! Kia đức vua của các cô đang đến với các cô” (Zec 9:9; xem Zep 3:14-18). Qua lời nói đầu tiên với Mẹ Maria ấy, Chúa Cha đã tỏ cho thấy chủ ý Ngài muốn thông đạt niềm vui chân thực và hoàn toàn cho nhân loại. Niềm vui của Chúa Cha, ở chỗ có Con của Ngài ở với Ngài, được hiến ban cho hết mọi người, nhưng trước hết được ký thác cho Mẹ Maria, để niềm vui ấy được từ Mẹ lan ra khắp cộng đồng nhân loại.

3- Đối với Mẹ Maria, lời kêu mời hãy vui lên ấy có liên quan đến một tặng ân đặc biệt Mẹ được Chúa Cha ban cho, đó là tặng ân “Đầy ơn phúc”. Kiểu diễn tả “kecharitoméne” theo Hy ngữ thường được chuyển dịch, không phải là không có lý do, thành nghĩa “đầy ơn phúc”: thật vậy, đó là một tình trạng dồi dào đã đạt đến mức độ cao nhất.

Chúng ta có thể thấy rằng lời diễn đạt ấy như thể nói lên chính dang xưng của Mẹ Maria, một “tên gọi” Chúa Cha đặt cho Mẹ từ khi Mẹ bắt đầu hiện hữu. Thật vậy, từ giây phút đầu thai trong lòng thai mẫu, linh hồn của Mẹ đã được đầy mọi phúc lành, khiến Mẹ sống thánh thiện trời vượt trọn cả cuộc sống trần gian của Mẹ. Dung nhan của Mẹ phản ánh dung nhan huyền diệu của Chúa Cha. Nét êm ái dịu dàng vô cùng của Thiên Chúa Tình Yêu được tỏ hiện nơi những đặc tính từ mẫu của Mẹ Chúa Giêsu.

4- Mẹ Maria là người mẹ duy nhất, khi nói về Chúa Giêsu, Mẹ có thể nói “con của Mẹ”, cũng như Chúa Cha nói: “Con là Con của Cha” (Mk 1:11). Về phần mình, Chúa Giêsu gọi Chúa Cha là “Abba, lạy Cha”, “Ba” (x. Mk 14:36), trong khi đó Người gọi Mẹ Maria là “Má”, bằng tất cả lòng cảm mến của mình khi xưng hô như vậy.

Gặp lại mẹ, sau khi đã bỏ mẹ mình ở lại Nazarét mà lên đường, Người đã gọi Mẹ là “bà” để nhấn mạnh rằng giờ đây Người chỉ làm theo lệnh truyền của một mình Cha của Người thôi, đồng thời Người cũng tuyên bố cho biết Mẹ chẳng những là một người mẹ theo xác thể, mà Mẹ còn có một sứ mệnh cần phải làm hoàn tất với tư cách là một “nữ tử Sion” cũng như với tư cách là người mẹ của dân Tân Ước nữa. Mục tiêu Mẹ Maria nhắm tới là luôn luôn hoàn toàn theo ý muốn của Chúa Cha.

Trường hợp của Mẹ không phải là trường hợp của tất cả mọi người trong gia đình của Chúa Giêsu. Phúc Âm thứ bốn đã cho chúng ta thấy rằng các người thân thuộc “không tin vào Người” (Jn 7:5), và Thánh Marcô nói “họ đến bắt Người vì họ nói ‘Hắn ngớ ngẩn rồi!’” (Mk 3:21). Chúng ta có thể đoán chắc một điều là những tâm tưởng của Mẹ Maria hoàn toàn khác hẳn. Chúng ta tin như vậy, khi căn cứ vào Phúc Âm Thánh Luca, một Phúc Âm thuật lại việc Mẹ Maria tỏ mình ra như là một “người tội tó (thấp

hèn) của Chúa” (Lk 1:38). Có như thế chúng ta mới hiểu được câu trả lời của Chúa Giêsu, lúc mà Người “được cho biết ‘Mẹ Ngài và anh em Ngài đang đứng ở ngoài muốn được gặp Ngài’ (Lk 8:20; x. Mt 12:46-47; Mk 3:32); Chúa Giêsu đáp rằng: ‘Mẹ của Tôi và anh em của Tôi là những ai nghe lời Thiên Chúa và đem ra thực hành’ (Lk 8:21). Thật vậy, Mẹ Maria là gương mẫu của việc nghe Lời Thiên Chúa (x. Lk 2:19,51), và cũng là gương mẫu cho tính chất đơn sơ để dạy dỗ với Lời của Thiên Chúa.

5- Đức Nữ Trinh vẫn kiên trì lập lại việc Mẹ hoàn toàn sẵn lòng đã tỏ ra trong Ngày Truyền Tin. Đặc ân bao la và sứ mệnh cao cả trong việc làm Mẹ Con Thiên Chúa không làm đổi thay việc Mẹ khiêm hạ phục tòng dự án của Chúa Cha. Trong số những khía cạnh thuộc dự án thần linh này, Mẹ đã đảm trách việc giáo dục theo vai trò làm mẹ của mình. Một người mẹ chẳng những sinh con mà còn phải chủ động trong việc huấn luyện và phát triển nhân cách của đứa con mình nữa. Tác hành của Mẹ Maria chắc chắn đã ảnh hưởng tới việc làm của Chúa Giêsu. Chẳng hạn, người ta có thể nghĩ rằng hành động rửa chân (x. Jn 13:4-5), lưu lại cho các môn đệ một mẫu gương để noi theo, đã phản ánh những gì chính Chúa Giêsu thấy được từ nhỏ nơi hành động của Mẹ Maria, khi Mẹ rửa chân cho khách trong tinh thần phục vụ khiêm tốn. Theo chứng từ Phúc Âm, trong thời gian ở Nazarét, Chúa Giêsu đã “vâng lời”

Mẹ Maria và Thánh Giuse (x. Lk 2:51). Như thế là Người đã thực sự được Mẹ Maria giáo dục cho nên thân nên người. Trái lại, Mẹ Maria cũng tìm hiểu và học hỏi nơi Con Mẹ. Trong việc tỏ mình ta từ từ của Chúa Giêsu, Mẹ đã càng ngày càng nhận ra Chúa Cha sâu xa hơn và dâng lên Ngài tất cả tấm lòng của mình trong việc tôn kính mến yêu Ngài. Giờ đây việc của Mẹ là giúp cho Giáo Hội bước theo chân Chúa Kitô như Mẹ đã thực hiện.

Mẹ Maria cộng tác vào dự án cứu độ của Thiên Chúa

Bài 74 – 12/1/2000

1- Sau khi hoàn tất việc chúng ta suy niệm về Mẹ Maria ở cuối loạt bài giáo lý kính Chúa Cha, hôm nay chúng ta muốn nhấn mạnh đến vai trò của Mẹ trong cuộc chúng ta hành trình về với Chúa Cha.

Chính Ngài muốn có sự hiện diện của Mẹ Maria trong lịch sử cứu độ. Khi quyết định sai Con mình vào trần gian, Ngài đã muốn Người đến với chúng ta bằng việc được hạ sinh bởi một người nữ (x Gal

4:4). Như thế là Ngài đã muốn người nữ này, con người đầu tiên lãnh nhận Con của Ngài, phải thông truyền Người ra cho toàn thể nhân loại.

Bởi vậy, trên con đường từ Chúa Cha đến loài người, Mẹ Maria đã có mặt như là một người mẹ tặng ban Người Con Cứu Thế cho tất cả mọi người. Đồng thời Mẹ còn có mặt trên cả con đường nhân loại phải đi qua để đến với Chúa Cha qua Chúa Kitô trong Thần Linh nữa (x Eph 2:18).

2- Để hiểu được việc Mẹ Maria hiện diện trong cuộc chúng ta hành trình về cùng Chúa Cha, chúng ta phải cùng với toàn thể Giáo Hội công nhận rằng Chúa Kitô là “đường, là sự thật và là sự sống” (Jn 14:6) và là Vị Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người (x 1Tim 2:5). Mẹ Maria được gồm tóm trong vai trò trung gian độc nhất vô nhị của Chúa Kitô và hoàn toàn phụ giúp vào vai trò này mà thôi. Bởi thế Công Đồng Chung Vaticanô II mới nhấn mạnh trong Hiến Chế *Ánh Sáng Muôn Dân Lumen Gentium* rằng: “Phận sự của Mẹ Maria là mẹ của nhân loại không thể nào che khuất hay làm suy giảm vai trò trung gian độc nhất vô nhị của Chúa Kitô, trái lại làm sáng tỏ quyền năng của vai trò ấy” (đoạn 60). Chúng ta không thể nào nói rằng Mẹ Maria nắm một vai trò trong đời sống Giáo Hội ở ngoài hay đồng hành với vai trò trung gian của

Chúa Kitô, như thế đó là một vai trò tương đương hay tương tranh.

Như Tôi đã nói rõ trong Thông Điệp *Mẹ Đấng Cứu Thế Redemptoris Mater*, vai trò trung gian từ mẫu của Mẹ Maria “là vai trò trung gian trong Chúa Kitô” (đoạn 38). Công Đồng Chung Vaticanô II đã giải thích rằng: “Ảnh hưởng cứu độ của Đức Nữ Trinh nơi con người không phát xuất từ một quan thiết nội tại nào, mà là từ việc Thiên Chúa ấn định. Ảnh hưởng ấy bắt nguồn từ công nghiệp dồi dào của Chúa Kitô, dựa vào vai trò trung gian của Người, hoàn toàn lệ thuộc vào vai trò trung gian của Người, và lấy được tất cả quyền lực của mình từ vai trò trung gian của Người. Ảnh hưởng ấy không hề ngăn cản mối hiệp nhất trực tiếp giữa tín hữu với Chúa Kitô, trái lại, còn bồi dưỡng cho mối hiệp nhất này nữa” (Hiến Chế *Ánh Sáng Muôn Dân*, đoạn 60).

Cả Mẹ Maria nữa cũng được Chúa Kitô cứu chuộc và thực sự là người đầu tiên được cứu chuộc, vì ân sủng do Thiên Chúa là Cha ban cho Mẹ ngay từ giây phút hiện hữu đầu tiên của Mẹ là bởi “các công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế của loài người”, như Đức Piô IX xác nhận trong Sắc Chỉ *Ineffabilis Deus* (DS 2803). Tất cả mọi sự cộng tác của Mẹ Maria vào việc cứu độ đều được căn cứ vào vai trò trung gian của Chúa Kitô, một vai trò mà, như Công Đồng Chung Vaticanô II minh nhiên nói là

"không loại trừ song làm phát sinh một sự cộng tác đa diện, đó chính là việc thông phần vào cùng một nguồn mạch duy nhất" (Hiến Chế *Ánh Sáng Muôn Dân*, đoạn 62).

Theo quan điểm này thì vai trò trung gian của Mẹ Maria phát xuất như là một hoa trái cao quý nhất từ vai trò trung gian của Chúa Kitô và chính yếu nhằm đến việc mang chúng ta tới cuộc hội ngộ với Chúa Kitô một cách mật thiết và sâu xa hơn: "Giáo Hội không ngần ngại tuyên xưng vai trò phụ thuộc này của Mẹ Maria, vai trò mà Giáo Hội luôn luôn cảm thấy và khích lệ tín hữu hết sức chú tâm đến, để nhờ ơn phù giúp của Mẹ nâng đỡ, họ được gắn bó chặt chẽ hơn với Vị Trung Gian và Cứu Chuộc" (*cùng nguồn vừa dẫn*).

3- Thật vậy, Mẹ Maria không muốn kéo con người chú ý đến Mẹ. Mẹ đã sống trên thế gian bằng ánh mắt gắn chặt lấy Chúa Giêsu và Cha trên trời. Ước muốn lớn nhất của Mẹ là hướng chú tâm của mọi người về cùng một mục tiêu đó. Mẹ muốn khơi lên cái nhìn tin tưởng và cậy trông vào Chúa Cứu Thế là Đấng Chúa Cha đã sai đến với chúng ta. Ánh mắt tin tưởng và cậy trông của Mẹ nêu gương đặc biệt trong cuộc tai biến khổ nạn của Con Mẹ mà Mẹ vẫn một lòng tin tưởng nơi Người cũng như nơi Chúa Cha. Trong khi các vị môn đệ bị bắn loạn bởi các diễn biến và đức tin của các vị bị rung chuyển

tận gốc, thì Mẹ Maria, mặc dầu bị sầu thương, vẫn hoàn toàn tin tưởng vào lời tiên báo của Chúa Giêsu sẽ được nên trọn, đó là “Con Người... sẽ sống lại vào ngày thứ ba” (Mt 17:22-23). Mẹ không bao giờ mất niềm tin, cho dù Mẹ có ôm vào lòng một xác thể vô hồn của người con tử giá của mình.

4- Với cái nhìn tin tưởng và cậy trông này, Mẹ Maria phấn khích Giáo Hội và các tín hữu luôn luôn làm trọn ý muốn của Chúa Cha được Chúa Kitô tỏ ra cho chúng ta.

Những gì Mẹ đã nói với các người phục dịch để phép lạ xảy ra ở Cana vang vọng tới mọi thế hệ Kitô hữu, đó là “Hãy làm những gì Người bảo” (Jn 2:5).

Lời khuyên của Mẹ đã được tuân theo khi các người phục dịch đổ nước đầy vào chum. Mẹ Maria ngỏ với chúng ta cùng một lời mời gọi ấy. Mẹ thúc giục chúng ta hãy tiến vào giai đoạn mới của lịch sử này bằng một ý hướng thi hành những gì Chúa Kitô nói trong Phúc Âm thay Cha Người và nay tỏ ra cho chúng ta biết qua Chúa Thánh Thần là Đấng ở trong chúng ta.

5- Những lời “Hãy làm những gì Người bảo” hướng chúng ta về Chúa Kitô, nhưng chúng cũng nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta đang ở trên con đường về cùng Cha. Chúng trùng hợp với tiếng

Chúa Cha phán ở trên núi Biển Hình: “Này là Con Ta yêu dấu... hãy lắng nghe lời Người” (Mt 17:5). Vị Cha này, qua lời của Chúa Kitô cũng như dưới ánh sáng của Chúa Thánh Thần, kêu gọi chúng ta, hướng dẫn chúng ta và chờ đợi chúng ta.

Cuộc sống thánh thiện của chúng ta là ở chỗ thi hành mọi sự Chúa Cha bảo chúng ta làm. Đó là giá trị nơi cuộc sống của Mẹ Maria, ở chỗ làm trọn ý muốn của Thiên Chúa. Được Mẹ Maria hỗ trợ và nâng đỡ, chúng ta hãy tri ân nhận lấy ngàn năm mới này từ bàn tay của Chúa Cha, và hãy quyết tâm đáp ứng ân huệ của ngàn năm mới ấy bằng một lòng khiêm cung và tha thiết mộ mến.

Magnificat

Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL

Lễ Mẹ Lộ Đức 11/2/2014

Xin Thánh Gioan Phaolô II luôn chuyển cầu cho chúng con luôn sống “totus tuus” cho Lòng Thương Xót Chúa trong Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria! Amen.